UBND TỈNH SƠN LA **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 460 /BQL-QLĐT.XD&MT V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I).	*Sơn La, ngày 19 tháng 8 năm 2025*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

1. Chúng tôi là: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La, Chủ cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"* thuộc mục số 5, Phần II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"* thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

2. Địa chỉ trụ sở chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La: Số 02, đường Mai Đắc Bân, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

3. Địa điểm cơ sở: Khu công nghiệp Mai Sơn, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn.

Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

4. Người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

Ông: Trà Quyết Thắng Chức vụ: Phó Trưởng ban

Điện thoại: 0941.875.678

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

Ông: Nguyễn Văn Mạnh Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0912.555.514

Chúng tôi xin gửi đến UBND tỉnh Sơn La hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"*.

- 01 Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xem xét cấp giấy phép môi trường của cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"*./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QLĐT,XD&MT (02b).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

Trà Quyết Thắng

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

--------o0o--------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở: "Khu công nghiệp Mai Sơn – tỉnh Sơn La (giai đoạn I)

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA	**TRUNG TÂM NƯỚC VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**
	GIÁM ĐỐC
Trà Quyết Thắng	**Nguyễn Văn Hùng**

Sơn La, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
DANH MỤC HÌNH ẢNH 4
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 4
CHƯƠNG I 5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 5
1. Tên Chủ cơ sở 5
2. Tên cơ sở 5
3.1. Công suất của cơ sở 7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 8
3.3. Sản phẩm của cơ sở 11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 13
CHƯƠNG II 17
SỰ PHÙ HỢP GIỮA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, ... 17
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 18
CHƯƠNG III 19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, ... 19
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa 19
1.2. Thu gom, thoát nước thải 21
1.3. Xử lý nước thải 24
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 53
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 54
3.1. Rác thải sinh hoạt 54
3.2. Rác thải công nghiệp: 54
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 54
4.1. Dự báo khối lượng phát sinh 55

4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại 55
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 56
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường..... 57
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác..... 63
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường..... 63
CHƯƠNG IV 65
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 65
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 65
1.1 Nguồn phát sinh nước thải 65
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:..... 65
1.3. Dòng nước thải:..... 65
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:..... 66
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: 67
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải 67
2.1. Nguồn phát sinh khí thải 67
2.2. Lưu lượng khí phát sinh tối đa 67
2.3. Dòng khí thải..... 67
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): 68
CHƯƠNG V..... 69
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SƠ SỞ 69
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 69
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:..... 69
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải:..... 69
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải..... 69
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở 70
Trong 02 năm gần nhất (năm 2023 và năm 2024) trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Mai Sơn không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường. 70
CHƯƠNG VI 71

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.... 71
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cở sở 71
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 71
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 71
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ). 72
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 72
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 73
2.3. Quan trắc giám sát môi trường khác: 73
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 73
CHƯƠNG VII 74
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 74

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ khép góc khu công nghiệp Mai Sơn như sau: 5
Bảng 1.2. Hiện trạng các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tại KCN..... 9
Bảng 1.3. Danh mục các cơ sở, dự án được chấp thuận nhà đầu tư tại KCN..... 11
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất trong giai đoạn hoạt động 15
Bảng 3.1. Tổng hợp khối lượng hạng mục thoát nước mưa 21
Bảng 3.2. Tổng hợp khối lượng hạng mục thu gom nước thải phát sinh 23
Bảng 3.3. Danh mục thiết bị trạm quan trắc 34
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật các bể xử lý tại Trạm XLNT 40
Bảng 3.5. Danh mục thiết bị dành cho hê thống xử lý..... 41
Bảng 3.6. Bảng Tổng hợp thiết bị và các thông số kỹ thuật 44
Bảng 3.9. Các kịch bản sự cố và phương án phòng ngừa, khắc phục..... 57
Bảng 3.10. Các nội dung thay đổi so với ĐTM 63
Bảng 4.1. Quy chuẩn chất lượng nước nước thải sau xử lý..... 66
Bảng 4.2. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng 67
Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn..... 68
Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung..... 68
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm 71
Bảng 5.2: K inh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm..... 73

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí khu vực cơ sở 6
Hình 1.2. Bản đồ 39. Vùng nghiêm ngặt 17
Hình 3.1. Mương thoát nước mưa từ khu vực cơ sở suối Nậm Pàn 20
Hình 3.2. Rãnh và hố ga thu nước mưa trong khuôn viên KCN 23
Hình 3.3. Đường ống dẫn nước thải sau HTXLNT ra nguồn tiến tiếp nhận 24
Hình 3.4. Sơ đồ vận hành hệ thống xử lý nước thải 27
Hình 3.5. Bể thu gom 28
Hình 3.6. Bể điều hoà 29
Hình 3.7. Bể tạo bông 30
Hình 3.8. Bể Lắng – Lamen (bể lắng hoá lý) 31
Hình 3.9. Bể Hiếu khí 32
Hình 3.10. Bể lắng 2 (Bể sinh học) 32
Hình 3.11. Bể Khử trùng 33
Hình 3.12. Trạm Quan trắc tự động và Mương quan trắc 34
Hình 3.13. Bể Chứa bùn 35
Hình 3.14. Kho chất thải nguy hại 56

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường	QĐ	: Quyết định
BVMT	: Bảo vệ môi trường	TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
CTNH	: Chất thải nguy hại	TCCP	: Tiêu chuẩn cho phép
ĐTM	:Đánh giá tác động môi trường	TNXP	: Thanh niên xung phong
GĐXD	: Giai đoạn xây dựng	TT	: Thông tư
HĐND	: Hội đồng nhân dân	UBMTTQ	: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
NĐ-CP	: Nghị định Chính phủ	UBND	: Ủy ban nhân dân
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy	WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam		

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên Chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở: Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La - Ông Nguyễn Văn Mạnh - Giám đốc.

- Địa chỉ văn phòng: Số 02, đường Mai Đắc Bân, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Đức Dũng - Phó Trưởng ban (Ban Quản lý các Khu công nghiệp).

- Điện thoại: 02123.851.774 Fax: 02123.851.774

- Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Sơn La Quyết định thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)

- Địa điểm cơ sở: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La).

Bảng 1.1. Tọa độ khép góc khu công nghiệp Mai Sơn như sau:

Vị trí	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	2351925.03	506776.15
2	2351555.97	506091.92
3	2352751.59	505446.66
4	2352813.42	505561.20
5	2353027.16	505446.46
6	2353226.65	505816.27
7	2352929.43	505976.50
8	2352927.65	505982.46
9	2353250.74	506581.42

10	2352545.99	506961.36
11	2352330.78	506562.28
12	2352324.87	506560.51



Hình 1.1. Vị trí khu vực cơ sở

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng: Văn bản số 17/SXD-KQTĐ ngày 23/02/2017 và Văn bản số 200/KQTĐ-SXD ngày 29/2020 của Sở Xây dựng.

- - Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn.

Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La (giai đoạn I). Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2882/GP-UBND ngày

24/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2883/GP-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

- Quy mô của cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La với tổng mức đầu tư là 296.925 triệu đồng (trong đó: Giai đoạn I là 153.883 triệu đồng) và phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009, với tổng mức đầu tư Giai đoạn I là: 285.504 triệu đồng. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 9 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 cơ sở thuộc nhóm A lĩnh vực cơ sở hạ tầng khu công nghiệp thuộc trường hợp không phân biệt tổng mức đầu tư.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 thì cơ sở có xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, vì vậy cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

- Phân nhóm đầu tư: Cơ sở thuộc Khoản 2 Điều 39 Luật BVMT và dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt ĐTM nên thuộc thẩm quyền UBND tỉnh cấp GPMT.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Quy mô diện tích KCN Mai Sơn là 150 ha trong đó giai đoạn I là 63,7 ha, giai đoạn 2 là 86,3 ha.

TT	Chức năng sử dụng đất	Các chỉ tiêu sử dụng đất			
		Giai đoạn I (ha)	Giai đoạn II (ha)	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	**63,70**	**86,30**	**150,0**	**100,0**
1	Đất xây dựng nhà máy kho tàng	37,90	56,27	94,17	62,8
2	Đất XD trung tâm hành chính	4,11	0	4,11	2,7
3	Đất cây xanh	9,50	14,30	23,8	15,9
4	Đất công trình đấu nối	2,26	4,85	7,11	4,7

5	Đất giao thông	9,93	10,88	20,81	13,9

(Quyết định 2732/QĐ-UBND ngày 8/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La)

Theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La giao đất khu công nghiệp cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý theo quy hoạch và đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng là: 435.585,5 m^2 = 43,55855 ha. Trong đó 336.973,6 m^2 đất KCN giao Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý theo quy hoạch vị trí ranh giới giao quản lý được xác định theo cá thửa đất (thửa số 1,3,6,7,8,9,10,11,13,14,15,16,17,18,19,20,21,23,24,25,27) thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La đo vẽ ngày 12/12/2024 . Diện tích 98.611,9 m^2 đất giao cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để thực hiện đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (giai đoạn I) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số vào sổ cấp GCN: CT13. Theo quy hoạch vị trí ranh giới giao đất được xác định theo các thửa đất số 2, 4, 5,1 2, 22, 26, 28, 29 thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La đo vẽ ngày 12/12/2024. Cụ thể diện tích xây dựng trụ sở là: 8.298,3 m^2; diện tích nhà máy nước là: 8.303,9 m^2; diện tích nhà máy nước, trạm xử lý nước thải: 8.264,7 m^2; diện tích giao thông là: 68.940,5 m^2; diện tích trồng cây xanh là: 4.804,5 m^2 *(có quyết định giao và trích đo bản đồ địa chính đất kèm theo).*

- Theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 khu công nghiệp Mai Sơn là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành. Định hướng thu hút đầu tư thuộc các lĩnh vực chính như: chế biến nông - lâm sản; thực phẩm; dược liệu; thức ăn chăn nuôi; phân bón; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp phụ trợ, bao bì; năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics...

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quản lý hoạt động đấu nối hạ tầng kỹ thuật

- Đấu nối hệ thống thu gom và thoát nước nước thải: Hoạt động đấu nối hệ thống thu gom nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp vào KCN tuân thủ theo quy chế quản lý chung và quản lý của chủ đầu tư về đấu nối hạ tầng. Yêu cầu về quản lý chất lượng nước thải từ các nhà máy xí nghiệp khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý tập trung của KCN, bao gồm:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các nhà máy trong KCN được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Đối với nước thải sản xuất công nghiệp: các cơ sở sản xuất trong KCN đảm bảo thu gom và xử lý nước thải công nghiệp đáp ứng các quy chuẩn đối với loại hình sản xuất trước khi đấu nối với nước thải của KCN.

- Thu gom rác thải vệ sinh môi trường: Các nhà máy trong KCN có trách nhiệm tự thu gom, quản lý rác thải sinh hoạt và chuyển giao cho Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La thông qua hợp đồng với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Hợp đồng số 09/HĐVCCCTR/2024 *(có hợp đồng kèm theo)*.

- Phòng cháy chữa cháy: Trên các tuyến cấp nước cho KCN chạy theo hệ thống giao thông, bố trí lắp đặt họng cứ hoá có D = 100 -150, bán kính phục vụ của các họng cứu hoá trong phạm vi 150 m sử dụng các phương tiện PCCC chuyên dụng, lực lượng chuyên nghiệp kết hợp với đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành tại KCN kịp thời xử lý sự cố theo Quyết định số 1026/QĐ-BQL ngày 12/12/2022 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La *(có quyết định kèm theo)*.

b. Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật

- Trong giai đoạn vận hành Chủ cơ sở bảo dưỡng hệ thống giao thông, kết cấu hạ tầng và duy trì vận hành hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Đảm bảo khả năng vận hành tối đa công suất thiết các hạng mục. Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên trong quá trình vận hành.

- Đảm bảo các vấn đề liên quan đến sự cố, rủi ro trong vận hành hệ thống và hạ tầng kỹ thuật.

Bảng 1.2. Hiện trạng các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tại KCN

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng (Cái)	Diện tích (m^2)	Ghi chú
1	*Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La*		1	*98.611,9*	
2	*Các hạng mục đầu tư sản xuất*				
2.1	*Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La*	*m^2*	*1*	*330*	
2.2	*Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La*	*m^2*	*1*	*14.950*	
2.3	*Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung*	*m^2*	*1*	*2.100*	
2.4	*Xưởng chế biến lâm sản*	*m^2*	*1*	*10.000*	

	Đoàn Phát Hưng				
2.5	*Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La*	m^2	*1*	16.400	
2.6	*Nhà máy sản xuất ngũ cốc ăn liền và hoa quả sấy*	m^2	*1*	*4.793*	
2.7	*Tổ hợp nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến nông sản Mavin Mai Sơn*	m^2	*1*	*111.455*	
2.8	*Nhà máy chế biến đường lòng glucose BHL Sơn La*	m^2		16.400	Chưa được cấp đất
2	Các hạng mục đã thực hiện xong và thực hiện thanh quyết toán hoàn thành				
2.1	Hạng mục rà phá bom mìn vật liệu nổ				*(hạng mục này do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh làm chủ đầu tư)*
2.2	*- Đường giao thông Q Lộ 6 – KCN*	*km*	*5,7*		*(đã bàn giao cho SXD quản lý)*
2.3	Hạng mục san nền tiêu thuỷ:				*(khối lượng thực hiện đến giai đoạn dừng, giãn tiến độ năm 2013)*
3	Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật				
3.1	*Giao thông*				
	- Đường giao thông trong KCN	*Km*	*3,6*		
3.2	*Cấp nước*				
	Hệ thống trạm thuỷ luân và kênh dẫn nước về nhà máy cấp nước	*m*	857		
	Nhà máy cấp nước 5000 m^3/ ng.đ		*1*	*8.362*	
3.3	*Thoát nước*				
	Trạm xử lý nước thải 2.500 m^3/ng.đ		*1*	*8.898*	
	Đường ống thoát nước thải (D300, 600)	*m*		*3.000*	
	Đường ống thoát nước thải HDPE D300từ nhà máy XLNT ra suối Nậm Pffàn	*m*	*1507*		
3.4	*Cấp điện:*		*2500*		

	Đường dây 35KV	*km*	*6,5*		
	Trạm biến thế 2500KVA-35/0,4kv	*Trạm*	*1*		

(Chủ cơ sở *cung cấp)*

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN và các doanh nghiệp được thu hút đầu tư vào KCN.

Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp: Quy mô 5.000m^3/ngày đêm, hiện tại đã thi công xong cơ bản các hạng mục chính gồm sửa chữa khu đầu mối, trạm thuỷ luân; trạm bơm đầu mối; tuyến kênh từ trạm thuỷ luân về khu xử lý; khu xử lý nước; công trình phụ trợ; đường ống cấp nước 3,3 Km.

Hạng mục Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Quy mô 2.500 m^3/ngày đêm. Đã thi công xong khối bể xử lý, bể tiếp nhận, bể gom sơ nắng, nhà điều hành, nhà pha trộn hóa chất, phòng máy thổi khí, nhà để máy phát điện, xưởng cơ khí, cống thu gom nước thải, hồ sự cố, trạm quan trắc online... đảm bảo nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT.

Hạng mục Đường giao thông nội bộ trong khu công nghiệp: Quy mô 05 tuyến đã thi công hoàn thành 3,6 Km.

Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

Theo Báo cáo ĐTM được phê duyệt tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La trong (giai đoạn I) có khoảng 25 dự án đi vào hoạt động sản xuất. Đến nay Khu công nghiệp có 8 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng đăng ký chứng nhận đầu tư/ chấp thuận chủ trương đầu tư. Hiện tại có 08 cơ sở có giấy chứng nhận đầu tư và Trung tâm DVTV và Hạ tầng kỹ thuật KCN tỉnh Sơn La, cụ thể: 02 cơ sở đang hoạt động, 02 cơ sở dừng hoạt động và 02 dự án đang xây dựng như sau.

Bảng 1.3. Danh mục các cơ sở, dự án được chấp thuận nhà đầu tư tại KCN

TT	Tên cơ sở	Giấy chứng nhận	Các cơ sở tại KCN
1	Trung tâm DVTV và Hạ tầng kỹ thuật KCN *(Đơn vị quản lý KCN)*		Đang hoạt động
2	Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7040645123 cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày	Đang hoạt động

		03/3/2025	
3	Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 6171312504 cấp chứng nhận lần đầu ngày 01/7/2016	Đang hoạt động
4	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La	Quyết định số 368/QĐ-BQL của Ban Quản lý các KCN quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, cấp lần đầu ngày 09/5/2024	Đang xây dựng
5	Công ty cổ phần sản xuất thương mại đầu tư VFI - Nhà máy sản xuất ngũ cốc ăn liền và hoa quả sấy	Quyết định số 289/QĐ- BQL ngày 08/4/2024 chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Đang xây dựng
6	Xưởng chế biến lâm sản Đoàn Phát Hưng	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 6748685522 cấp chứng nhận lần đầu ngày 28/8/2017	Dừng hoạt động
7	Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 6125830750 cấp chứng nhận lần đầu ngày 19/6/2017	Dừng hoạt động
8	Nhà máy chế biến đường lỏng Glucose- BHL Sơn La	Quyết định số 450/QĐ-BQL của Ban Quản lý các KCN quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/5/2025	
9	Tổ hợp nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến nông sản Mavin Mai Sơn	Quyết định số 918/QĐ- BQL chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp	

		thuận nhà đầu tư, cấp lần đầu ngày 06/11/2024	

(Nguồn Chủ cơ sở cung cấp)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

** Nguồn cung cấp điện, nước:*

- Nguồn cung cấp điện:

Sử dụng nguồn điện Quốc gia đi qua Khu công nghiệp

- Lưới điện trung thế của KCN được thiết kế đi ngầm.

- Các trạm biến áp lưới có công suất từ 2.500 KVA với hoạt động phân phối điện cấp điện áp 35kV, hoạt động bán lẻ điện cấp điện áp 35 kV *(đã có Trạm biến áp nằm trong khuôn viên KCN)* theo Giấy phép hoạt động điện lực số 196/GP-ĐTĐL ngày 23/12/2024 của Cục Điều tiết Điện lực. Lưới điện hạ thế trong các nhà máy sẽ do các khách hàng tự đầu tư xây dựng.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Đường trục chính được chiếu sáng ở dải phân cách giữa, các tuyến đường khác và hàng rào được chiếu sáng 1 phía bằng bóng thuỷ ngân cao áp.

Nhu cầu sử dụng điện theo quy hoạch

TT	Các khu vực sử dụng	Quy mô (ha)	Tiêu chuẩn sử dụng (Kw/ha)	Hệ số kỹ thuật	Công suất yêu cầu (Kw)
1	Đất công nghiệp điện tử	8,22	200	1	1644
2	Đất công nghiệp VLXD	25,24	300	1	7572
3	Đất công nghiệp chế biến	56,60	250	1	14150
4	Đất xây dựng hành chính dịch vụ	4,11	40	0,7	115
5	Đất kho tàng	4,11	60	1	247
6	Đất cây xanh các loại	23,80	50	0,7	833
7	Đất công trình đầu mối kỹ thuật	5,11	100	1	511

8	Đất giao thông	22,81	10	0,7	160

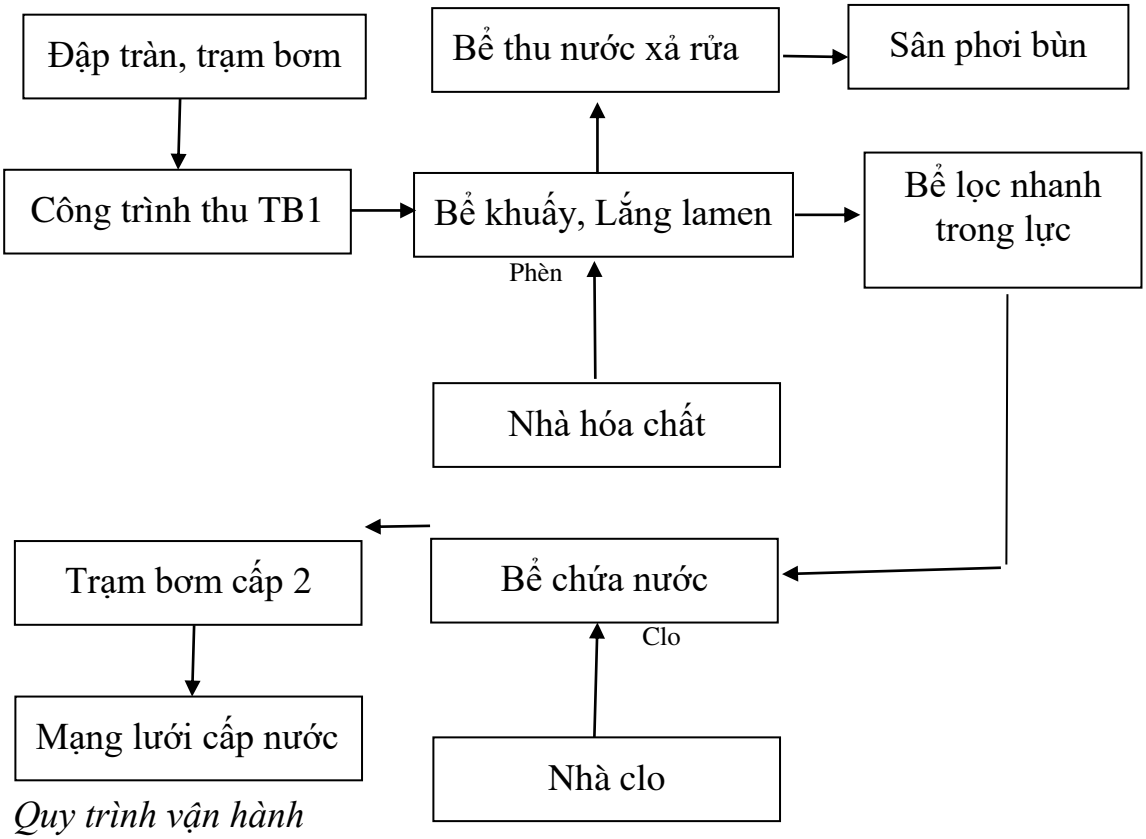
Nhu cầu sử dụng điện thực tại KCN

TT	Tên cơ sở	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng điện 2024
1	Trung tâm DVTV và Hạ tầng kỹ thuật KCN *(Đơn vị quản lý KCN)*	kW/năm	5.971
2	Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La	kW/năm	15.730.680
3	Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung		Dừng hoạt động
4	Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La	kW/năm	74.700
5	Xưởng chế biến lâm sản Đoàn Phát Hưng		Dừng hoạt động
6	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La		Đang xây dựng
7	Nhà máy sản xuất ngũ cốc ăn liền và hoa quả sấy		Đang xây dựng
8	Nhà máy chế biến đường lòng glucose BHL Sơn La		Chưa được giao đất
Tổng		kW/năm	**15.811.135**

- Nhu cầu sử dụng nước: Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 2883/GP-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La Cấp cho KCN Mai Sơn là 5.000 m^3/ngày.đêm. Cấp cho hoạt động sản xuất 3.812 m^3/ngày.đêm; cấp cho sinh hoạt: 345 m^3/ngày.đêm *(bao gồm: cấp cho sinh hoạt trong khu công nghiệp 125 m^3/ngày.đêm và cấp cho các hộ dân lân cận vùng cơ sở 220 m^3/ngày.đêm)*.

Nhà máy cấp nước KCN Mai Sơn Quy mô 5.000m^3/ngày đêm đã hoàn thành nguồn nước lấy từ suối Nậm Pàn gần khu vực cơ sở.

Quy trình xử lý nước cấp như sau:



Quy trình vận hành

Nước suối từ đập tràn đi vào công trình thu nước kiểu ven qua lưới chắn rác, từ ngăn bơm chìm nước thô bơm về trạm xử lý nước cấp. Tại bể trộn bổ sung keo tụ tăng khả năng lắng cặn lơ lửng, sau khi keo tụ nước được dẫn sang bể lắng kiểu Lắng Lamen có hiệu quả lắng cao. Sau lắng nước được dẫn về bể lọc nhanh trọng lực để loại bỏ những chất rắn ở dạng lơ lửng và huyền phù. Nước sau khi lọc được dẫn vào bể chứa nước sạch, trước khi vào bể chứa nước bổ sung dung dịch Clo khử trùng. Nước sạch từ bể chứa được bơm cấp II đưa vào mạng lưới cấp nước, chế độ bơm cấp II được điều khiển bằng hệ thống rơ le áp lực, biến tần. Bùn xả từ bể lắng và nước rửa lọc được đưa vào bể chứa lắng bùn, bùn lắng được bơm trực tiếp lên sân phơi bùn để làm khô. Tổng lượng bùn và nước được chuyển lên sân phơi bùn là 118,8 m^3/ngày. Tổng lượng bùn, nước được chuyển lên sân phơi bùn 3.564. Lượng bùn được tính theo tỷ lệ 0,1 (1,0 kg/m^3). Vậy lượng bùn được làm đông là 3.564 kg/tháng.

** Hóa chất sử dung:*

Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành HTXL nước thải và nước cấp như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất trong giai đoạn hoạt động

TT	Tên nguyên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	***Hóa chất HTXL nước cấp***			

TT	Tên nguyên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$ (mùa lũ)	mg/l/ngày	45	Theo Thuyết minh thiết kế
2	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$ (mùa kiệt)	mg/l/ngày	35	
3	Clo	g/h/ngày	300	
II	***Hóa chất HTXL nước thải***			
1	Javen	Kg/m^3/ngày	0,002	Theo QĐ 557/QĐ-UBND ngày 13/03/2025
2	NaOH	Kg/m^3/ngày	0,001	
3	H_2SO_4	Kg/m^3/ngày	0,003	
4	PAC	Kg/m^3/ngày	0,045	
5	Polymer	Kg/m^3/ngày	0,0011	
6	Mật gỉ đường	Kg/m^3/ngày	0,034	

(Nguồn : Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và thuyết minh hệ thống nước cấp)

5. Các thông tin khác có liên quan tới dự án: *không có*

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP GIỮA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 với quy mô 150 ha.

Theo Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 khu công nghiệp Mai Sơn là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



Hình 1.2. Bản đồ 39. Vùng nghiêm ngặt

Theo rà soát, cơ sở nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng trong quy hoạch tỉnh.

Trong quá trình hoạt động của cơ sở công tác bảo vệ môi trường luôn phải tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật,... Đảm bảo quá trình phát triển kinh tế-xã hội phải gắn liền với quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn các giá trị văn hóa, xã hội nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Đối

mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển xanh, nhanh và bền vững; kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đồng thời hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững.

Đồng thời thực hiện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật,... Nước thải của cơ sở được thu gom xử lý đảm bảo QCVN 40: 2011/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong quá trình thực hiện triển khai dự án, nội dung về sự phù hợp cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong báo cáo xả thải đã được phê duyệt tại Giấy phép số 2882/GP-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La đến nay không thay đổi vị trí, lưu lượng xả thải. Do vậy Chủ cơ sở không thực hiện đánh giá nội dung này.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

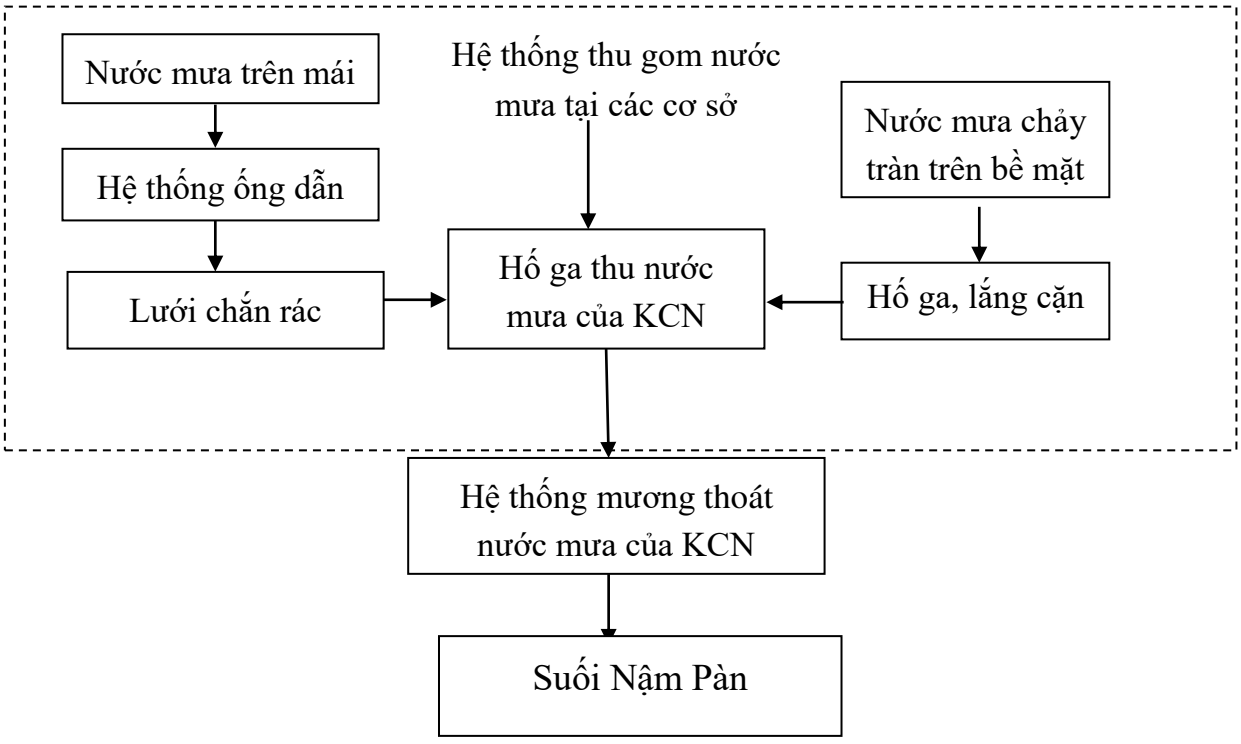
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng hoàn toàn tách biệt với hệ thống
thoát nước thải.

Hướng thoát nước từ Đông sang Tây nước được thu gom bằng hệ thống cống rãnh sau đó thoát theo cống và mương hở ra suối Nậm Pàn.



Sơ đồ hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa của KCN

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt các hạng mục công trình của các nhà đầu tư thứ cấp, Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La và nhà máy cấp nước…được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa xây dựng dọc các tuyến đường nội bộ trong khu công. Hệ thống rãnh thoát nước mưa và các hố ga lắng cặn trong Trạm, sau đó theo rãnh thoát mưa nước đổ ra suối Nậm Pàn. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế kiểu tự chảy theo độ dốc từ 0,2 % - 1,5 % với tổng chiều dài 5.772 m theo đường tuyến CN2 rãnh xây 50x60 = 2.201 m, CN3

(rãnh xây 50x60 = 561,5 m, (D800), l= 146 m, (D1500), l= 185 m, (D1.800), l= 568 m, (D2000), l= 241 m), CN4 (D800), l= 120 m, (D1500), l= 370 m), CN5 rãnh xây 50x60 = 276 m, CN7 (rãnh xây 50x60 = 552 m, (D800), l= 276 m) thoát ra khỏi khu vực cơ sở theo kênh thoát nước mưa tổng chiều dài 1.507 m kết cấu: loại 1: Kênh hộp bằng BTCT mác 200, kích thước BXH = (2,0 x1,8) m, dày 25 cm, chiều dài L1= 50 m; Loại 2: Mặt cắt hình thang bằng BTCT mác 200 kích thước BxH = (2-6x1,8)m, l= 168,48 m; loại 3: kênh đất mặt cắt hình thang BxH(2-6x1,5)m, l= 1.288,8 m ra suối Nậm Pàn X = 2352338; Y: 504475, theo phương thức tự chảy.



Hình 3.1. Mương thoát nước mưa từ khu vực cơ sở suối Nậm Pàn

Hướng thoát nước từ phía Đông theo độ dốc san nền chảy về phía Tây, sau đó đổ vào vị trí cống thoát ra suối Nậm Pàn. Các tuyến thoát nước mưa được xây dựng dọc theo vỉa hè với hệ thống ống bê tông ly tâm đúc sẵn có cấu tạo mạng thu kiểu rãnh ngầm khi đấu nối hai cống vào nhau. Bố trí các giếng thăm và hố ga thu nước liên kết giữa ống thoát nước bằng kiểu nối xảm khe ngầm. Bố trí các hố ga thu nước dọc hai bên tuyến đường với khoảng cách từ 30 ÷ 40 m/hố. Rãnh thoát nước đều được thiết kế có nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép. Miệng thu nước mưa có lắp song chắn rác thô để loại bỏ các loại rác có kích thước lớn tránh gây tắc đường ống. Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành nạo vét hệ thống mương rãnh, hố ga.

Để hạn chế lắng cặn nước mưa chảy tràn được xử lý sơ bộ tại các hố ga lắng cặn, có bố trí song chắn rác. Lượng rác và cặn được định kỳ 6 lần/lần nạo vét lên đem đi bón cây xanh hai bên đường hoặc ngay sau khi có hiện tượng ứ đọng.

Thông số kỹ thuật của hệ thống mương, cống thoát nước mưa tổng hợp dưới bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp khối lượng hạng mục thoát nước mưa

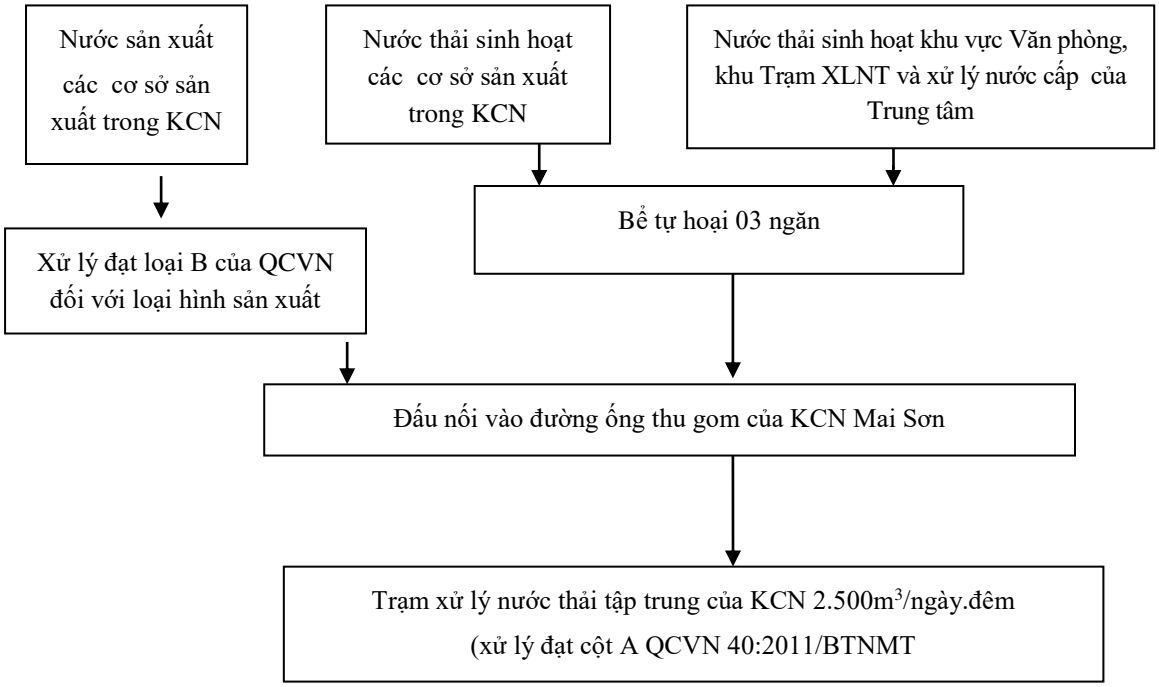
TT	Hạng mục	Đơn vị	Kích thước
Hệ thống thu gom và thoát nước mưa			
1	D800	m	542
2	D1500	m	555
3	D1800	m	844
4	D2000	m	241
5	Rãnh xây KT 50x60	m	3.590,5
6	Rãnh hình thang	m	2.005
7	Cửa thu nước 1	Hố	45
8	Hố ga + cửa thu nước 2	Hố	6
9	Hố ga + cửa thu nước 3	Hố	11
10	Hố ga + cửa thu nước 4	Hố	14
11	Hố ga + cửa thu nước 5	Hố	15
12	Giếng thắm loại 1	Hố	1
13	Giếng thăm loại 2		1
14	Giếng thăm loại 3		9
15	Giếng thăm loại 4		2

Đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa

KCN Mai Sơn đã được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa đồng bộ từ trong khuôn viên cơ sở thoát theo đường thoát nước mưa của cơ sở ra suối Nậm Pàn. Hệ thống thu gom tiêu thoát nước mưa của KCN đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa phát sinh tại KCN thoát ra nguồn tiếp nhận không gây hiện tượng chảy tràn, ứ đọng, ngập úng mặt bằng.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải phát sinh:



Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Thuyết minh

Nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất trong KCN và Văn phòng đại diện BQL KCN theo độ dốc từ 0,22 % - 1,92 % qua các hố ga lắng cặn dẫn thu gom theo hệ thống ống tự dẫn qua 104 hố ga với tổng chiều dài là 3,6 km theo các tuyến CN2(400), l= 351 m, CN2(500), l= 232 m CN3(D500), l= 956 m, CN4(D400), l=257 m CN4(D500), l=490m, CN6(D400), l= 120m CN6(D500), l= 347 m, CN7(D400), l= 320 m, CN7(D500), l= 80m đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT xả thải ra suối Nậm Pàn theo đường ống HDPE D= 300m chiều dài 1.507 m chảy ra suối Nậm Pàn tại tọa độ X = 2352336; Y: 504468, theo phương thức tự chảy.

b. Khối lượng đường ống thu gom đã xây dựng

Đã xây dựng hoàn thiện đường ống thu gom nước thải thuộc KCN Mai Sơn về Trạm xử lý nước đối với khu vực đã được giải phóng mặt bằng.



Hình 3.2. Rãnh và hố ga thu nước mưa trong khuôn viên KCN

Bảng 3.2. Tổng hợp khối lượng hạng mục thu gom nước thải phát sinh

TT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Cống tròn BTCT D500	2.764	m
2	Cống tròn BTCT D400	1.246	m
3	Hố ga thu nước thải có bố trí song chắn rác (HG1, HG2, HG3) 1mx1mx1,8m (72 hố); Hố ga (HG4) 1mx1mx1,55m (32 hố)	104	Cái

(Chủ cơ sở cung cấp)

c. Công trình thoát nước thải

Đã lắp đặt đường ống HDPE D300 dài 1.507 m để thoát nước thải từ Hố ga sau Mương quan trắc ra suối Nậm Pàn.



Hình 3.3. Đường ống dẫn nước thải sau HTXLNT ra nguồn tiến tiếp nhận

d. Điểm xả nước thải sau xử lý

Cửa xả nước thải tại Bể kiểm chứng có đáy đổ BTCT, tường xây gạch trát xi măng, kích thước 1600mm x 1800m mx 2000mm.

- Vị trí: Suối Nậm Pàn xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

- Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN 2000 KTT $104^0$00’ múi chiếu 3^0 như sau: X: 2352867, Y: 505733.

- Phương thức xả thải: Nước thải từ Bể kiểm chứng sau Mương quan trắc sẽ tự chảy ra suối Nậm Pàn theo đường ống HDPE D300.

- Chế độ xả nước thải: 24h/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: suối Nậm Pàn theo hệ tọa độ VN 2000 KTT $104^0$00’ múi chiếu 3^0 như sau: X: 2352336, Y: 504468.

1.3. Xử lý nước thải

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Trạm XLNT tập trung KCN có công suất 2.500 m^3/ngày đêm đạt QCVN cột B, tuy nhiên hiện nay không còn đảm bảo theo các quy định hiện hành hệ thống đã được nâng cấp đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT. Chủ đầu tư hiện đã xây dựng hoàn thiện Trạm XLNT tập trung có công suất 2.500 m^3/ngày đêm. Nước thải sản xuất từ các cơ sở sản xuất trong KCN cùng với nước thải sinh hoạt từ Khu nhà điều hành của KCN sẽ được thu gom về Trạm XLNT tập trung.

+ Đối với nước thải sản xuất: Các Cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN phải xử lý sơ bộ nước thải đạt quy chuẩn đối với loại hình sản xuất trước khi đấu nối nước thải của Trạm XLNT tập trung KCN.

+ Đối với Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại có thể tích 4,85 m^3 (dài x rộng x cao = 1,5x1,9x1,7) và. Nước thải sau đó sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom chung của KCN, tại toạ độ: X: 235226, Y: 505795.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh của khu XLNT tập trung được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại có thể tích 4,85 m^3 (dài x rộng x cao = 1,5x1,9x1,7). Nước thải sau đó sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom chung của KCN, tại toạ độ: X: 2352892, Y: 505800.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh tại khu vực xử lý nước cấp được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại có thể tích 4,85 m^3 (dài x rộng x cao = 1,5x1,9x1,7). Nước thải sau đó sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom chung của KCN, tại toạ độ: X: 2352077, Y: 505849.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp của Trung tâm dịch vụ, TV&HT kỹ thuật Khu công nghiệp lưu chứa vào bể lắng V= 54 m^3 trước khi đưa vào hệ thống xử lý KCN, tại toạ độ: X: 2352079, Y: 505826.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành KCN, từ khu vực vệ sinh của khu XLNT tập trung, khu vực xử lý nước cấp → Bể tự hoại 3 ngăn → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN. Nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A xả ra suối Nậm Pàn

- Tên đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường ENTECHVIVINA.

- Tên đơn vị thi công: Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La

- Tên đơn vị giám sát: Trung tâm giám định chất lượng xây dựng

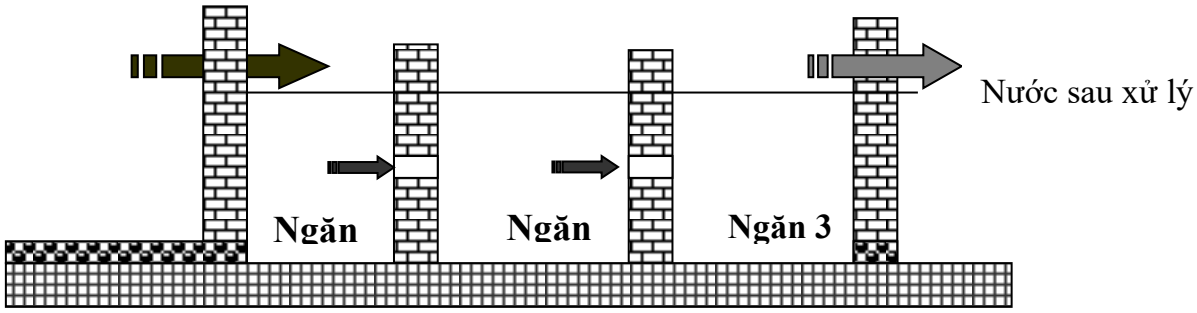
1.3.1. Đối với nước thải các cơ sở trong KCN

Nước thải sinh hoạt

Nước thải các khu nhà vệ sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước dẫn vào hệ thống bể tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ trước khi xử lý tiếp.

Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 02 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Nước trong bể được bố trí chảy qua lớp bùn kỵ khí (trong điều kiện động) để các chất hữu cơ được tiếp xúc nhiều hơn với các vi sinh vật trong lớp bùn.

Nước thải trước khi xả ra môi trường được đưa qua lớp vật liệu lọc bằng cát, sỏi. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới tác động của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần tạo thành khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.



Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

Bể xây chìm hình chữ nhật được chia làm 03 ngăn: ngăn 1 điều hòa, lắng, tách cặn; ngăn 2 lắng; ngăn 3 lắng, chảy tràn. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 - 12 tháng, sau đó được nạo vét định kỳ.

Tùy vào quy mô và số lượng công nhân, từng doanh nghiệp thiết kế hệ thống bể tự hoại hoặc trạm xử lý nước thải sinh hoạt nội bộ cho phù hợp về kích thước của bể nhưng thiết kế đều là dạng bể tự hoại 03 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

Nước thải sản xuất

Các cơ sở sản xuất trong KCN phải có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đạt loại B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

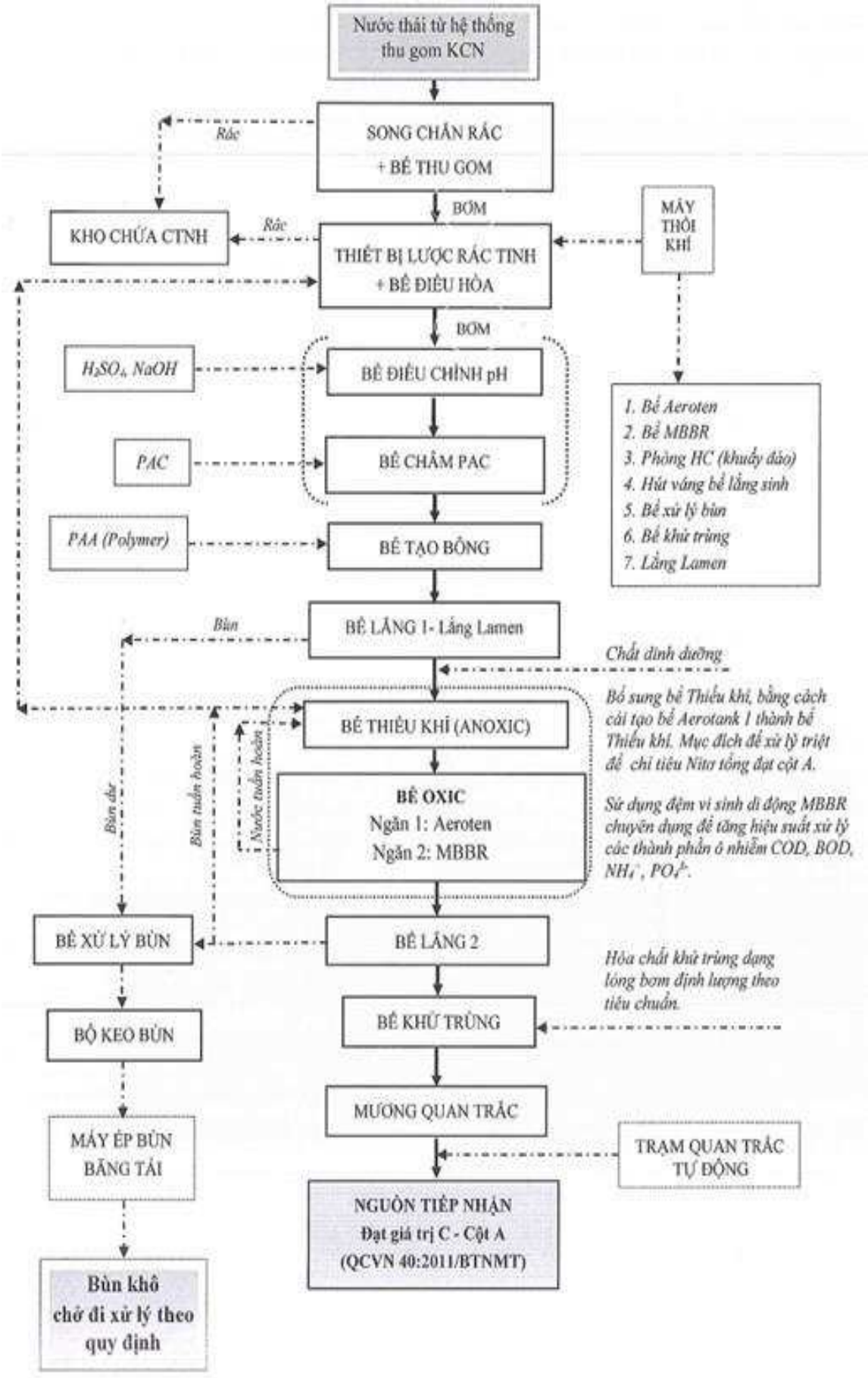
1.3.2. Xử lý nước thải

1. Thuyết minh về việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

Công nghệ xử lý nước thải KCN Mai Sơn là công nghệ đã được ứng dụng thực tế và đã áp dụng thành công cho xử lý nước thải KCN Yên Bình tỉnh Thái Nguyên. Hệ thống xử lý là xử lý kết hợp sinh học, hóa lý và vật lý. Nước thải sau khi qua hệ thống XLNT đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Trình bày sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ vận hành hệ thống xử lý nước thải

a. Thuyết minh quy trình

Xử lý sơ bộ

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất được xử lý cục bộ tại chỗ để đảm bảo các Quy chuẩn hiện hành đối với loại hình sản xuất trước khi dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Mai Sơn.

- Nước thải dẫn về được gom vào bể thu gom, trong bể thu gom có đặt song chắn rác thô để chặn các rác thải rắn có kích thước lớn (lá cây, túi lynon...).



Hình 3.5. Bể thu gom

- Nước thải từ bể thu gom được bơm (03 bơm (01 bơm dự phòng, 02 bơm hoạt động, Q=115 m^3/h, công suất 7,5 kW/380V/50Hz) lên bể điều hòa qua máy lược rác tinh để tách hết các chất rắn có kích thước ≥ 2mm. lượng dầu mỡ còn lại một phần sót lại từ các cơ sở sản xuất được tiếp tục hút lên bằng bơm *(lưu lượng 11 m^3/h, công suất 0,4 kW)* từ bể gom bằng máy bơm hút dầu và tích vào phi chứa dầu đặt tại kho chất thải nguy hại.

- Tại bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí thô dạng đĩa để đảo trộn nước thải với mục đích đồng nhất nồng độ ô nhiễm, nhiệt độ, độ màu và điều hòa về lưu lượng. Quá trình sục khí thô cũng góp phần giải phóng khí H_2S (Hydro Sunfua) ra khỏi nước thải, tiêu giảm một phần nhỏ các chất ô nhiễm. Bố trí 01 bơm chìm lưu lượng Q = 115 m^3/h bơm nước thải sang các bể xử lý hoá lý.



Hình 3.6. Bể điều hoà

Xử lý hóa lý

- Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên cụm bể phản ứng hóa học với 3 ngăn nối tiếp nhau theo phương thức tự chảy do chênh lệch cos: ngăn thứ nhất giữ chức năng điều chỉnh pH của nước thải; ngăn thứ hai để châm PAC và PAA (Polymer); ngăn thứ ba để tạo bông.

- Bể điều chỉnh pH. Hóa chất dùng để trung hòa pH là NaOH và H_2SO_4 *(Acid Sunfuaric).* Tuỳ theo độ pH của nước thải đầu vào do thiết bị đo pH báo ở mức nào mà phần mềm điều khiển sẽ ra lệnh cho máy bơm định lượng hoá chất bơm loại hoá chất cần thiết với lưu lượng phù hợp vào bể. Sau đó chuyển sang Bể châm PAC và Bể tạo bông bằng PAA *(Polymer)*.

- Bể tạo bông: Nước thải tự chảy về Bể xử lý (Bể keo tụ và Bể tạo bông). Tại bể phản ứng nước thải được xử lý bằng phương pháp kết tủa nhờ hỗn hợp hoá chất đã được pha sẵn (PAC-Polymer) cho vào bể phản ứng có máy khuấy. Nước thải sau khi phản ứng tạo kết tủa tự chảy tràn qua Bể lắng 1.

Trong ba ngăn bể phản ứng để quá trình phản ứng diễn ra nhanh chóng và hiệu quả thì được lắp đặt động cơ khuấy trộn. Động cơ khuấy trộn tại bể phản ứng trung hoá pH có công suất 1,5 kW/3 phase/380v-50Hz; động cơ khuấy bể phản ứng keo tụ tạo bông công suất 1,5 kW/3 phase/380v-50Hz. Đồng thời thiết bị đo pH có dải đo 0,0- 14,0; bơm định lượng: mỗi hoá chất NaOH và H_2SO_4 PAC và Bể PAA được pha vào một bồn có thể tích 2.000 lít và lắp đặt 02 bơm định lượng/bồn (chế độ chạy luân phiên) các bơm được điều khiển bởi tín hiệu

từ phao báo mắc lắp trong từng bồn. Bơm có công suất 0,25 kW/80v/50Hz. Tại bồn hoá chất có lắp hệ thống khuấy và phao báo mức tại bồn hoá chất để cảnh báo ngắt bơm định lượng khi hết dung dịch hoá chất trong bồn.



Hình 3.7. Bể tạo bông

- Nước thải sau khi được trộn hóa chất tại cụm bể phản ứng sẽ được dẫn tự chảy sang cụm bể lắng I *(lắng ngang có hỗ trợ bởi tấm lắng Lamen).*

- Bùn hóa lý từ bể lắng Lamen được bơm (bơm li tâm trục ngang cánh hở, đặt cạn (lắp ngoài bể) dồn về bể chứa bùn, chờ nén bùn và ép khô. Phần nước thải trên bề mặt bể lắng Lamen được dẫn tự chảy sang cụm bể xử lý sinh học Aeroten (3 ngăn nối tiếp) để tiếp tục quá trình xử lý sinh học.



Hình 3.8. Bể Lắng – Lamen (bể lắng hoá lý)

Xử lý sinh học

- Nước thải sau khi trải qua công đoạn xử lý hóa lý đã giảm thiểu rất đáng kể các thành phần ô nhiễm kim loại, COD, TSS. Công đoạn xử lý sinh học sẽ xử lý các thành phần ô nhiễm hữu cơ như BOD, COD, Nitơ, Phốt pho… và một phần ô nhiễm vô cơ (kim loại, TSS).

- Trong bể Aerotank được cải tạo thành Bể Thiếu khí để xử lý chỉ tiêu N tổng. Trong bể có lắp đặt 02 bơm chìm (công suất 2,8 kW) để khuấy trộn nước thải. Ngoài ra lắp đặt hệ thống cung cấp hoá chất dinh dưỡng (bơm dinh dưỡng, công suất 0,25 kW/80v/50Hz). Bể Hiếu khí được phân chia thành 02 chức năng rõ ràng là bể T-07A có lắp giàn phân phối khí tinh dạng đĩa ở đáy bể và thiết bị cảm biến nồng độ 0xy hoà tan. Bể T-07B có lắp giàn phân phối khí tinh dạng đĩa ở đáy bể và thiết bị cảm biến nồng độ 0xy hoà tan cộng thêm đệm vi sinh di động MBBR chuyển dụng, xuất xứ Nhật Bản để tăng hiệu suất xử lý các thành phần ô nhiễm COD, BOD, NH_4^+, PO_4^{3-}

- Cơ chế sinh trưởng tự nhiên của quần thể vi sinh hiếu khí và tùy tiện này sẽ giúp xử lý các thành phần ô nhiễm hữu cơ.

- Nước thải sau khi trải qua công đoạn xử lý sinh học sẽ được dẫn tự chảy sang bể lắng II (bể lắng sinh học).



Hình 3.9. Bể Hiếu khí

- Tại bể lắng II, dưới tác động của trọng lực, các bông bùn hoạt tính có trọng lượng riêng lớn hơn trọng lượng riêng của nước sẽ được kéo lắng xuống đáy bể. Cơ cấu cánh gạt bùn sẽ kéo bùn tụ về rốn thu bùn để máy bơm hút bùn hút đi. Phần nước trong trên mặt bể sẽ theo các khe trên máng thu nước để chảy dồn sang bể khử trùng.



Hình 3.10. Bể lắng 2 (Bể sinh học)

- Theo cài đặt trên tủ điện PLC, định kỳ máy bơm bùn sẽ bơm phần bùn sinh học (hay còn gọi là bùn hoạt tính) về bể Aerotank thứ nhất để duy trì hàm lượng bùn hoạt tính trong bể Aerotank. Chỉ một phần bùn sinh học dư sẽ được bơm về bể chứa bùn để chờ nén ép và xử lý theo quy định.

Xử lý hoàn thiện

Nước thải từ bể lắng II (lắng sinh học) sẽ chảy tràn qua bể khử trùng.

- Trên đường chảy qua bể khử trùng, dòng nước thải sẽ chảy qua hộp chứa viên khử trùng (Clorine dạng viên nén) để hòa lẫn chất khử trùng với nước thải. Nước qua bể khử trùng sẽ chảy theo hình Zíczắc để tăng thời gian khử trùng. Mục tiêu là để quá trình khử diệt các vi khuẩn có hại được triệt để (gồm chủ yếu là Ecoli và Coliforms). Dùng hóa chất khử trùng dạng lỏng pha trong bồn chứa với nồng độ cố định. Sau đó sử dụng bơm định lượng châm tự động hóa chất này vào dòng nước thải sau bể lắng 2 theo định mức phù hợp và công suất xử lý thực tế của Trạm tại từng thời điểm.



Hình 3.11. Bể Khử trùng

Trạm quan trắc tự động:

Nước thải sau khi đã được khử trùng qua mương quan trắc tự động và xả thải ra môi trường.

Trạm Quan trắc online gồm có mạng truyền tải, camera giám sát và phương thức truyền dữ liệu. Các thông số quan trắc gồm COD, pH, nhiệt độ,

TSS, Amoni và lưu lượng. Với công nghệ xử lý trên, thì nước thải sau xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT Cột A.





Hình 3.12. Trạm Quan trắc tự động và Mương quan trắc

Bảng 3.3. Danh mục thiết bị trạm quan trắc

TT	Thiết bị	Thông số, kỹ thuật
1	Bộ đa chỉ tiêu smart pH	Bao gồm bộ transmitter Các điện cực đo COD, pH, TSS, NH_4, lưu lượng
2	Tủ đựng hệ thống quan trắc	Tủ có kích thước 800 x 600 x 1750; buồng đo mẫu có kích thước đo 400 x 200 x 300
3	Thiết bị lấy mẫu tự động	Thời gian lấy mẫu liên tục và có thể hiệu chỉnh được
4	Thiết bị nhận và truyền dữ liệu về Trung tâm/ STNMT	Thiết bị đáp ứng đầy đủ thông tư 24/2017/TT-BTNMT
5	Camera giám sát hệ thống mương	

6	Thiết bị phòng thí nghiệm	Thiết bị đo DO, pH, TDS; bộ dụng cụ đo mẫu nước
7	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở (đo lưu lượng đầu ra)	Bộ Transmitter đo lưu lượng kênh hở
8	Hệ thống báo cháy/báo khói trạm Quan trắc	Đầu báo khói độc lập NITTA KRG-1D

Xử lý bùn

- Bùn dư được chứa trong bể chứa bùn được tiếp tục cung cấp khí để xử lý tiếp bao gồm chủ yếu là bùn hóa lý từ bể lắng I và một phần bùn sinh học từ bể lắng II.

- Việc cấp khí vào bể bùn sẽ góp phần làm giảm khối lượng bùn. Khi lượng bùn trong bể chứa đủ lớn thì nhân viên vận hành sẽ tiến hành ép bùn bằng máy ép bùn (dạng băng tải).

- Trước khi ép thì dòng bùn lẫn nước thải sẽ được trộn hóa chất hỗ trợ đông tụ (C-Polymer) để hỗ trợ quá trình ép được hiệu quả hơn, vì vậy mà bùn được ép dễ dàng hơn, khô hơn để giảm khối lượng. Nước thải được ép ra từ máy ép bùn và nước rửa máy ép bùn sẽ được dẫn về bể thu gom để xử lý lại.



Hình 3.13. Bể Chứa bùn

Nước thải sau xử lý phải đảm bảo các thông số nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT Cột A như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A) (kq = 1, Kf = 1)
1	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
2	BOD_5	mg/l	30
3	COD	mg/l	75
4	As	mg/l	0,05
5	Pb	mg/l	0,1
6	Ni	mg/l	0,2
7	Zn	mg/l	3,0
8	Fe	mg/l	1,0
9	F^-	mg/l	5,0
10	NH_4^+-N	mg/l	5,0
11	Tổng N	mg/l	20
12	Tổng P	mg/l	4,0
13	Tổng Xyanua	mg/l	5,0
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,0
15	Clorua dư	mg/l	1,0
16	Coliform	MPN/100ml	3.000

Quy trình vận hành hệ thống xử lý:

Nguyên tắc vân hành hệ thống xử lý nước thải

Trước khi tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải, phải kiểm tra toàn bộ hệ thống xem có an toàn để hoạt động không: Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra hệ thống... mới tiến hành các thao tác khởi động hệ thống.

Trong quá trình vận hành, cán bộ vận hành nhất thiết phải tuân thủ đúng quy trình vận hành đã được đào tạo vì khi vận hành sai sẽ gây ra sự cố dẫn đến hỏng thiết bị hay dẫn đến nước sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đề ra.

Mọi sự cố xảy ra phải tìm cách khắc phục kịp thời. Nếu không thể tự khắc phục, phải báo cáo cho lãnh đạo hoặc cho cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm xem xét và đưa phương án xử lý.

Nội quy vận hành

Công việc đầu tiên: Kiểm tra các van trên đường ống hút, ống đẩy của

bơm nước thải, đang ở trạng thái mở.

Sau khi đã kiểm tra toàn bộ hệ thống bắt đầu đóng điện cấp điện cho hệ thống để vận hành: Xem các đồng hồ đo (Vôn kế, ampe kế, đèn báo pha trên tủ điện động lực) đã chỉ ở điện áp an toàn, đủ 3 pha. Tiếp theo tiến hành bật các thiết bị trong Hệ thống xử lý theo đúng Qui trình vận hành.

Trong quá trình vận hành phải theo dõi tình trạng hoạt động của các bơm nước thải, máy thổi khí, các thiết bị đo và van điều khiển, nếu thấy có tiếng động bất thường ở động cơ, còi báo động trên tủ động lực cần dừng hệ thống ngay lập tức bằng nút tắt khẩn cấp **STOPEMER** trên tủ động lực và báo cáo ngay cho cán bộ kỹ thuật xuống xem xét giải quyết.

Khi dừng toàn bộ hệ thống phải tắt nút điều khiển máy thổi khí trước tiên, sau đó là bơm nước thải, máy thổi khí và các thiết bị đo. Ngắt hết thiết bị điện có liên quan. **Tắt Atomat tổng.**

Khi làm việc thao tác vận hành

Bất cứ khi nào cán bộ vận hành làm việc quanh các bể, các thủ tục về an lao động phải tuyệt đối chấp hành:

Khu vực xử lý phải có đủ ánh sáng để làm việc vào buổi tối, đặc biệt là lúc có sự cố xảy ra.

Hướng dẫn vận hành chi tiết

❖ Công tác khởi động hệ thống

- Để có thể tiến hành chạy hệ thống trước hết phải kiểm tra các hệ thống van, phao, đường ống trên các đường cấp khí và đường bơm cấp nước.

<u>Khởi động hệ thống</u>:

Bật Apomat tổng của tủ điện.

Bật Apomat điều khiển mạch điện trong tủ điện.

Bật công tắc bơm trong bể thu gom (Auto).

Bật công tắc bơm hút mỡ (Auto).

Bật công tắc bơm trong bể điều hòa (Auto).

Bật công tắc các động cơ khuấy (Auto).

Bật công tắc các bơm định lượng (Auto).

Bật công tắc bơm trong bể lắng 1 (Auto).

Bật công tắc động cơ gạt bùn bể lắng (Auto).

Bật công tắcmáykhuấy chìm bể thiếu khí (Auto).

Bật công tắcbơmchìm tuần hoàn trong bể hiếu khí (Auto).

Bật công tắcbơmbùn trong bể lắng 2 (Auto).

Bật công tắc khởi động máy thổi khí (Auto).

Nguyên tắc vận hành

Trước khi tiến hành vận hành tủ điện trạm xử lý nước thải phải kiểm tra hoạt động toàn bộ động cơ, thiết bị và hóa chất của hệ thống...

Đọc kỹ hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn động cơ, thiết bị điện, hóa chất thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.

Trong quá trình vận hành phải tuân thủ đúng quy định vận hành đã được đào tạo.

Nguyên tắc hoạt động:

Chế độ bằng tay

Ở chế độ bằng tay người vận hành chỉ cần chuyển công tắc tương ứng trên mặt tủ điện về chế độ MANUAL thì máy tương ứng sẽ chạy. Muốn tắt thì lại chuyển công tắc về chế độ OFF.

Chế độ tự động

Muốn hệ thống chạy ở chế độ tự động người vận hành gạt công tắc tương ứng trên mặt tủ điện về chế độ AUTO. Khi các công tắc chuyển về chế độ tự động thì hệ thống sẽ hoạt động theo cơ chế đã được cài đặt trước.

Chú ý:

Người vận hành không được tự động thay đổi chế độ vận hành do nhà thầu đã cài đặt sẵn. Mọi hư hại, hỏng hóc do lỗi của người vận hành nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm.

Khi sửa chữa hay khắc phục sự cố phải tuân theo các yêu cầu an toàn về điện

• Ngắt nguồn điện khi sửa chữa, khắc phục sự cố

• Người sửa chữa, khắc phục sự cố phải có chuyên môn về lĩnh vực

• Người sửa chữa, khắc phục sự cố phải được trang bị về an toàn điện, an toàn lao động.

Hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải

Bước 1: Kiểm tra hệ thống tủ điện và các thiết bị của hệ thống có hoạt động bình thường không

Bước 2: Kiểm tra các phao mức và các van điều khiển hệ thống thường xuyên, vì phao báo mức và van điều khiển truyền tải tín hiệu để điều khiển truyền tải tín hiệu đề điều khiển toàn bộ các thiết bị trong hệ thống hoạt động.

Bước 3: Kiểm tra mức nước trong bể điều hòa nhằm theo dõi và kiểm tra lưu lượng đầu vào trong quá trình xử lý tránh trường hợp tràn nước.

Bước 4: Kiểm tra các hoạt động các thiết bị bơm nước thải: theo dõi dòng điện, điện áp và lưu lượng nước đối với từng thiết bị .

Bước 5: Kiểm tra hoạt động của máy thổi khí, kiểm tra xem tiếng động cơ có tiếng động bất thường, mức dầu bôi trơn và dây curoa (định kỳ 6 tháng châm thêm dầu và 12 tháng thay dầu mới, dây curoa định kỳ 4 tháng thay 1 lần).

Bước 6: Kiểm tra nồng độ bùn hoạt tính trong bể vi sinh hiếu khí, kiểm tra bằng ống đong hoặc chai nhựa trong để lắng 30 phút. Nồng độ bùn hoạt tính đảm bảo từ 40% - 50% trong trường hợp nồng độ bùn quá thấp bổ sung thêm chất dinh dưỡng cần thiết (bổ sung thêm đường, vi sinh, ...) trong trường hợp nồng độ bùn cao sẽ xả bớt bùn về bể nén.

Bước 7: Kiểm tra hóa chất và bổ sung theo định kỳ.

Bước 8: Kiểm tra lưu lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý.

**** Hóa chất sử dụng:***

TT	Tên nguyên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
I	***Hóa chất HTXL nước cấp***			
1	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$ (mùa lũ)	mg/l/ngày	45	Theo Thuyết minh thiết kế
2	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$ (mùa kiệt)	mg/l/ngày	35	
3	Clo	g/h/ngày	300	
II	***Hóa chất HTXL nước thải***			
1	Javen	Kg/m^3/ngày	0,002	Theo QĐ 557/QĐ-
2	NaOH	Kg/m^3/ngày	0,001	

TT	Tên nguyên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
3	H_2SO_4	Kg/m^3/ngày	0,003	UBND ngày 13/03/2025
4	PAC	Kg/m^3/ngày	0,045	
5	Polymer	Kg/m^3/ngày	0,0011	
6	Mật gỉ đường	Kg/m^3/ngày	0,034	

**** Quy chuẩn nước thải sau xử lý:***

Nước sau khi khử trùng là nước sạch đủ tiêu chuẩn thải ra môi trường theo quy định hiện hành: Nước thải sau xử lý phải đảm bảo các thông số nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật các bể xử lý tại Trạm XLNT

TT	Hạng mục	Dài	Rộng	Cao	Cao chứa nước	Thể tích (m^3)	Thể tích chứa nước	Thời gian lưu
1	Bể gom							
1.1	*Ngăn số 1*	2	4,3	3,4				
1.2	*Ngăn số 2*	9	4			2,5	90,0	50 phút
2	Bể Điều hoà	14,3	9,7	5,5	5,2	762,29	721,29	7 giờ
2.1	*Bể điều chỉnh pH*	1,4	1,4	5,5	5,2	10,78	10,19	6 phút
2.2	*Bể châm PAC, PAA*	1,4	1,4	5,5	5,2	10,78	10,19	6 phút
2.3	*Bể phản ứng tạo bông*	3,0	1,4	5,5	5,2	23,1	21,84	12 phút
3	Bể Lắng 1 (La men)	8,0	6,5	5,5	5,2	286	270,4	2 giờ 35 phút
4	Bể Thiếu khí	16	6,5	5,0	4,5	520	468	4 giờ 30 phút
5	Bể Oxin							
5.1	*Aeroten*	16	6,5	5,0	4,5	520	468	4 giờ 30 phút
5.2	*MBBR*	16	7,5	5,0	4,5	600	540	5 giờ 10

								phút
6	Bể Lắng 2	13,3	13,3	5,0	4,5	884,45	796,01	7,64
	Thể tích vùng lắng	13,3	13,3		2,5	0	442,23	4,25
7	Bể xử lý bùn	6,9	4,0	5,0	4,3	138	118,68	1 giờ 10 phút
8	Bể xử lý bùn	9	7,5	5,0	4,5	337,5	303,75	3 giờ

(Nguồn: thuyết minh công nghệ)

Bảng 3.5. Danh mục thiết bị dành cho hê thống xử lý

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm bể thu nước thải	Cái	03
2	Phao điện báo mức tại bể thu gom nước thải	Cái	01
3	Máy bơm hút váng dầu mỡ bể thu gom nước thải	Cái	01
4	Máy tách rác tinh tại trước bể điều hoà		
5	Bơm chìm nước thải tại bể điều hoà	Cái	02
6	Thiết bị đo mưc tại bể điều hoà	Cái	01
7	Máy thổi khí đặt cạn cho bể điều hoà		
8	Thiết bị đo lưu lượng	Bộ	01
9	Động cơ khuấy trộn tại bể phản ứng trung hoá pH	Bộ	01
10	Động cơ khuấy bể phản ứng keo tụ tạo bông	Bộ	02
11	Thiết bị đo pH	Bộ	01
12	Bơm định lượng	Bộ	08
13	Động cơ khuấy bồn pha hoá chất	Bộ	03
14	Phao báo mức tại bồn hoá chất	Quả	02
15	Hệ thống tấm lắng Lamen và khung đỡ	Hệ	02
16	Bơm bùn bể lắng Lamen	Cái	01
17	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	Cái	02

18	Bơm định lượng dinh dưỡng	Cái	02
19	Phao báo mức tại bồn hóa chất	Cái	01
20	Máy thổi khí của bể hiếu khí (bao gồm ống giảm thánh hút – đẩy; van một chiều; van an toàn; đồng hồ áp lực; pulley; dây curoa + vỏ bảo vệ; khớp nối mềm; khung đế)	Cái	03
21	Hệ thống đĩa phân phối khí tinh	Hệ thống	01
22	Đệm vi sinh	Hệ	01
23	Bơm chìm tuần hoàn nước thải tại bể hiếu khí	Cái	0
24	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan	Bộ	01
25	Ống phân phối trung tâm	Cái	01
26	Bơm bùn hồi lưu và bùn dư	Cái	02
27	Động cơ gạt bùn	Cái	02
28	Động cơ gạt bùn và trục cánh gạt bùn	Bộ	01
29	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	Bộ	02
30	Phao báo mức tại bồn hóa chất	Bộ	01
31	Bơm bùn lên máy ép bùn	Cái	02
32	Phao báo mức cho bùn	Bộ	01
33	Máy ép bùn băng tải	Cái	01
34	Bơm rửa máy ép bùn	Cái	01
35	Máy nén khí	Bộ	01
36	Động cơ khuấy hóa chất C-Polymer	Bộ	01
37	Bơm định lượng hóa chất C-Polymer	Bộ	02
38	Phao báo mức tại bồn hóa chất C-Polymer	Bộ	01

(Nguồn: thuyết minh công nghệ)

Bảng 3.6. Bảng Tổng hợp thiết bị và các thông số kỹ thuật

TT	THIẾT BỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Bể Thu gom	- Song chắn rác thô tại bể gom Dạng: Song dọc, đặt nghiêng 45^o, Khe hở: 10 - 20mm. - Bơm chìm bơm nước thải: lưu lượng Q= 115 m^3/h, cột áp H = 10 mH_2O, công suất 7,5 kW/380v/50Hz – Việt Nam. - Bơm hút dầu, mỡ: lưu lượng: 11 m^3/h, công suất: 0,4 kW (TSURUMI JAPAN)	ENTECHVINA	Cái	1
2	Bể điều hòa				
2.1	Máy tách rác tinh	Lưu lượng: 229 m^3/h, Vật liệu: Inox 304, công suất moter: 0,37 kW	VIET NAM	Cái	1
2.2	Bơm chìm nước thải tại bể điều hòa	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: Q = 115 Công suất: 7,5 kW	TSURUMI-JAPAN	Cái	2
2.3	Máy thổi khí bể điều hòa	Lưu lượng: 5,13 m^3/phút; Công suất motor: 7.5 kW/380V/50Hz	ITO JAPAN	Cái	2
2.4	Đĩa phân phối khí thô bể điều hòa	Lưu lượng 0 - 17m^3/h		Cái	1
2.5.	Thiết bị đo lưu lượng điện từ	- Dạng: Lưu lượng kế điện từ - Đo lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng - Đường kính DN50	FLOMAG CH Czech	Cái	1

3	**Hệ bể phản ứng hóa lý**				
	Thiết bị đo pH	Dải đo: 0.0-14.0; 0.0-100.0 độ C - Cotract đầu ra: R1, R2 - Tín hiệu điều khiển: 4-12mA - Nguồn điện: 90-264VAC, 50/60Hz, 10W Bao gồm: Tranmiter, cảm biến, dung dịch KCl, gá Inox, tủ điện	Hana – Italia sản xuất tại Romania	Cái	1
3.1.	Bể điều chỉnh pH	Dải đo: 0.0-14.0; 0.0-100.0 đô C. Cotract đầu ra: R1, R2	HORIBA JAPAN	Bộ	1
3.2	Bồn pha chế hóa chất	Vật liệu: Composite Thể tích: 1.000L	VIET NAM	Cái	2
	Hệ thống khuấy trộn bồn hóa chất (NaOH, H_2SO_4)	- Động cơ: 0.37kw/380V/50Hz - Trục khuấy: Inox 304 - IpP55, class F	TRANSTECNO / SUMITOMO EU/G7	Cái	1
	Bơm định lượng hóa chất axit, bazo	- Loại: Bơm màng - Lưu lượng: 0-101 lít/h - Cột áp: 10 bar - Công suất: 0,25kw/380V/50Hz	OBL ITALY		2
3.3	***Bể châm PAC, Polymer***	Momen: 157 N.m- Motor: n= 20 - 30 rpm; - P= 1,5 kw/3phase/380V-50Hz. - IP55, Class F	TRANSTECNO /SUMITOMOEU/G7	Cái	1
3.4	Bồn pha chế hóa chất PAC, Polymer	Vật liệu: Composite - Thể tích: 2.000L	VIET NAM		2

	Hệ thống khuấy trộn bồn hóa chất (PAC, Polymer)	Động cơ: 0.37kw/380V/50Hz - n = 20-30rpm - Trục khuấy: Inox 304 - IpP55, class F	TRANSTECNO / SUMITOMO EU/G7		
	Bơm định lượng hóa chất PAC, Polymer	- Loại: Bơm màng - Lưu lượng: 0-101 lít/h - Cột áp: 10 bar - Công suất: 0,25kw/380V/50Hz	OBL ITALY		
4	***Bể tạo bông***		TRANSTECNO / SUMITOMO EU/G7	Cái	1
	Động cơ khuấy trộn	- Momen: 157 N.m - Motor: n = 20-30rpm - P = 1,5kw/3 phase/380V-50Hz - IP55, Class F	TRANSTECNO / SUMITOMO		
	Trục, cánh khuấy Vật liệu: Inox 304	Vật liệu: Inox 304	VIET NAM		

5	***Bể lắng Lamen***	Ngăn cặn bông nổi lên bề mặt: Chiều cao 1m - Vật liệu: PE	VIET NAM	Hệ	1
	Hệ thống tấm lắng lamen	Ngăn cặn bông nổi lên bề mặt: Chiều cao 1m Vật liệu: PE Nhà sản xuất Việt Nam	VIET NAM	Cái	1
	Hệ thống thu váng bọt	- Vật liệu: Inox 304 - Chế tạo theo thiết kế	ENTECHVINA	Cái	2
	Bơm bùn bể lắng	Loại: Bơm li tâm trục ngang cánh hở, đặt cạn - Lưu lượng: 18 m^3/h - Cột áp: 10,5 mH_2O - Công suất: 1,1kw/380V/50Hz	SAER - ITALY	Cái	1
6	**Bể Thiếu khí (Anoxic), tách từ Bể Aeroten 01**	Công suất 2,8 kW Điện áp: 380V, 3 pha 50Hz	NHẬT BẢN	Cái	2
	Bồn chứa dinh dưỡng	Công suất 2,8 kW - Điện áp: 380V, 3 pha 50Hz			
	Hệ thống khuấy trộn bồn dinh dưỡng	Động cơ: 0.37kw/380V/50Hz - n = 60-70rpm - Trục khuấy: Inox 304 - IP55, class F			

	Bơm định lượng dinh dưỡng	- Loại: Bơm màng - Lưu lượng: 0-120 lít/h - Cột áp: 10 bar - Công suất: 0,25kw/380V/50Hz	OBL ITALY		
7	**Bể xử lý sinh học hiếu khí**	Đệm vi sinh hiếu khí bổ sung đệm sinh học đặc chủng cho xử lý sinh hoc Hiếu khí đảm bảo chất lượng nước ra cột A	Nhật Bản	Hệ	1
8	**Bể lắng II**	Vật liệu: Inox304 - DN 1200mm; L = 2500mm	ENTECHVINA	Bộ	1
	Máy thổi khí	- Loại: Roots Lưu lượng: 11,8 m^3/phút Cột áp: 5,0 mH_2O Công suất: 15 kW/380V/50Hz	ITO JAPAN	Cái	3
	Đĩa khuếch tán khí tinh bể xử lý sinh học	Loại: Đĩa - Lưu lượng: 1-15 m^3/h - Vật liệu: + Màng: EPDM + Khung: PP	JARGER ĐỨC	Cái	1
	Thiết bị đo DO	Dải đo: 0.0-20.0; 0.0-200.0mg/l. 0.0-100 ^0C - Cotract đầu ra: R1, R2 - Tín hiệu điều khiển: 4-12mA - Nguồn điện: 90-264VAC, 50/60Hz, 10W Bao gồm: Tranmiter, cảm biến, gá Inox, tủ điện	HORIBA JAPAN	Cái	1

9	**Bể lắng II**				
	Ống phân phối nước trung tâm vào bể lắng	Vật liệu: Inox 304 DN 1200mm; L = 2500mm	ENTECHVINA	Bộ	1
	Ống thu và hệ chắn bọt	Thu nước và chắn bọt từ bể lắng sang bể khử trùng - Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: theo thiết kế	ENTECHVINA	Bộ	1
	Bơm bùn hồi lưu và bùn dư về bể chứa bùn	Loại: Bơm li tâm trục ngang, cánh hở đặt cạn Lưu lượng: 18 m^3/h Cột áp: 8 mH_2O Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz	SAER ITALY	Bộ	2
	Động cơ giảm tốc gạt đáy bùn bể lắng II	- Motor: P = 0,75 kW/3phase/380V-50Hz - Tốc độ vòng quay: n = 0.192rpm - Loại: Cyclo - IP55, Class F	TRANSTECNO / SUMITOMO EU/G7	Bộ	1
	Trục và cánh động cơ gạt bùn	Vật liệu Inox 304			
	Hệ thống ray chạy quanh bể lắng				
10	**Bể khử trùng**				1
10.1	Bộ định lượng javen	Công suất: 104m^3/h	VIET NAM	Bộ	

		Vật liệu: PVC Kích thước: H = 1500, D = 500mm, R = 300mm			
11	**Hệ thống xử lý bùn**				
11.1	Hệ thống phân phối khí bể bùn	Loại: đĩa khí tinh - Lưu lượng: 1 - 15 m^3/h Vật liệu: + Màng: EDPM + Khung: PP	JARGER ĐỨC	Cái	1
11.2	Máy ép bùn băng tải	- Công suất xử lý bùn: 1 - 3 m^3/h - Chiều rộng băng tải: 750 mm - Công suất động cơ kéo: 1/2HP Công suất động cơ ly tâm: 1/4 HP Công suất động cơ khuấy: 1/4 HP Lượng n VIET NAM ước rửa băng tải: 3,8 m^3/h Tốc độ chạy băng tải: 2 - 8m/phút Lượng bùn khô: 37 - 75 kg/giờ	VIET NAM	Cái	1
11.3	Bơm bùn lên máy ép bùn	- Loại: Bơm li tâm trục ngang, đặt cạn - Lưu lượng: 18 m^3/h - Cột áp: 8 mH_2O - Công suất: 0,75 kW/380V/50Hz	SAER ITALY	Cái	1
11.4	Bơm rửa máy ép bùn	- Loại: Bơm li tâm trục ngang, đặt cạn - Lưu lượng: 6 - 20 m^3/h - Cột áp: 27-18,5 mH2O	SAER ITALYA	Cái	1

		- Công suất: 1,5 kW/380V/50Hz			
11.5	Bồn pha chế hóa chất (C-polymer	Vật liệu: Composite / PVC - Thể tích: 2.000L	VIET NAM	Bộ	1
11.6	Hệ thống khuấy trộn bồn hóa chất (C- Polyme)	Động cơ: 0.37kW/380V/50Hz - n = 60-70 vòng/phút - Trục khuấy: Inox 304	TRANSTECNO / SUMITOMO EU/G7	Bộ	1
11.7	Máy nén khí	Công suất: 1,5 kW/380V/50Hz - Lưu lượng: 302 lít/phút - Áp lực: 8 - 10 kg/cm^2	FUSHENG TAIWAN	Bộ	2
12	**Hệ thống quan trắc online**				
12.1	Bộ đa chỉ tiêu smart pH	Bao gồm bộ transmitter Các điện cực đo COD, pH, TSS, NH_4, lưu lượng			
12.2	Tủ đựng hệ thống quan trắc	Tủ có kích thước 800 x 600 x 1750; buồng đo mẫu có kích thước đo 400 x 200 x 300			
12.3	Thiết bị lấy mẫu tự động	Thời gian lấy mẫu liên tục và có thể hiệu chỉnh được			
12.4	Thiết bị nhận và truyền dữ liệu về Trung tâm/ STNMT	Thiết bị đáp ứng đầy đủ thông tư 24/2017/TT-BTNMT			
12.5	Camera giám sát hệ thống mương				

12.6	Thiết bị phòng thí nghiệm	Thiết bị đo DO, pH, TDS; bộ dụng cụ đo mẫu nước			
12.7.	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở (đo lưu lượng đầu ra)	Bộ Transmitter đo lưu lượng kênh hở			
12.8	Hệ thống báo cháy/báo khói trạm Quan trắc	Đầu báo khói độc lập NITTA KRG-1D			

(Nguồn: thuyết minh công nghệ)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Đặc thù của cơ sở đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN sẽ không phát sinh khí thải do hoạt động sản xuất của dự án. Tuy nhiên, vẫn phát sinh bụi do một số tác nhân và KCN áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

Bảng 3.7. Nguồn phát sinh bụi trong giai đoạn hoạt động của cơ sở và biện pháp giảm thiểu

TT	Nguồn gây tác động	Biện pháp giảm thiểu
1	Bụi và khí thải của các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh	Yêu cầu các cơ sở trong khu vực KCN sử dụng nguyên nhiên liệu sạch, tiên tiến ít gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện phân khu chức năng hợp lý dựa vào tính chất đặc trưng của từng loại hình sản xuất và hướng gió thịnh hành hàng năm. Trồng cây xanh cách ly giữa Trung tâm quản lý khu công nghiệp với khu vực xung quanh đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo quy định. Các tuyến đường nội bộ trong các cơ sở sản xuất kinh doanh được bê tông hóa hoặc dải nhựa để tránh phát sinh bụi do hoạt động của các phương tiện vận chuyển.
2	Bụi do hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào KCN	Bê tông hóa tuyến đường nội bộ KCN Thường xuyên vệ sinh và tưới nước trên các tuyến đường trong khu vực dự án. Trồng cây xanh cách ly, đảm bảo diện tích tối thiểu cây xanh trong KCN là 10 %. Quy định, đặt biển báo tốc độ di chuyển của các phương tiện giao thông trong KCN
	Mùi từ hoạt động của hệ thống XLNT	Hố thu được xây ngầm dưới đất và bố trí nắp đậy. Thường xuyên nạo vét bùn lắng trên đường cống thoát nước Thu hom, vận chuyển bùn phát sinh từ hệ thống XLNT tập trung theo đúng quy định để tránh phát sinh mùi hôi từ khu vực chứa bùn

		Trồng cây xanh cách ly với khu vực đặt trạm xử lý nước thải tập trung với khu vực xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Rác thải sinh hoạt

Chất thải của Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp chủ yếu túi nilong, chai nhựa được bố trí 03 thùng rác 100 lít có nắp đậy, khu vực xử lý nước thải bố trí 03 thùng rác 100 lít có nắp đậy và khu vực xử lý nước cấp bố trí 03 thùng rác 100 lít có nắp đậy. Trên nắp đậy có dán nhãn phân loại chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ. Số lượng công nhân tại khu vực điều hành khoảng 3 người khu vực xử lý nước thải 05 người, khu vực nhà máy xử lý nước cấp 05 người. Lượng thải trung bình 0,5 kg/người. Vậy lượng rác thải trung bình khoảng 6,5 kg/ngày.

Các nhà máy trong KCN có trách nhiệm tự thu gom, quản lý rác thải sinh hoạt và chuyển giao cho Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La thông qua hợp đồng với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Hợp đồng số 09/HĐVCCCTR/2024 *(có hợp đồng kèm theo).*

3.2. Rác thải công nghiệp:

Chủ yếu là bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của KCN, khu vực xử lý nước cấp. Khối lượng bùn thải hệ thống nước cấp là: 356,7 kg/tháng = 11,89 kg/ngày.

Bùn thải từ công trình xử lý nước thải

Khối lượng bùn được tính trên cơ sở thông số chất rắn lơ lững (TSS) nước thải đầu vào, hiệu suất xử lý của hệ thống là 70%.

Lượng bùn hóa lý sinh ra từ hệ thống *(quy đổi sang kg)* = (100 x công suất tối đa của hệ thống)/1000.Tương tư tính bùn sinh học sinh ra từ hệ thống.

Lượng bùn sau khi ép khô (độ khô 20-25%) *(quy đổi sang tấn)* = 75% tổng lượng bùn sinh ra từ hệ thống/1000. Lượng bùn khô sau ép (độ khô 20-25%) là 0,19 tấn/ngày.

- Thu gom rác thải vệ sinh môi trường: Các nhà máy trong KCN có trách nhiệm tự thu gom, quản lý rác thải sinh hoạt và chuyển giao cho Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La thông qua hợp đồng với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Hợp đồng số 09/HĐVCCCTR/2024 *(có hợp đồng kèm theo).*

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Dự báo khối lượng phát sinh

**** Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên***

Bảng 3.8. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh trung bình

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	20	17 02 04
3	Bao bì, vỏ thùng có chứa chất thải nguy hại	Rắn	5	18 01 01
	Tổng		**30**	

Khối lượng phát sinh: 2,5 kg/tháng (khoảng 30 kg/năm).

4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

**** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở***

- Bố trí Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải độc hại trong khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải. Diện tích 20 m^2 (Kích thước: L×B = 5x4 m) có mái che kín nắng, mưa. Trong kho có bố trí thiết bị lưu chứa là 05 thùng nhựa thể tích 120 lít thể tích khoảng 150 lít để phân loại các loại chất thải nguy hại riêng biệt.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý CTNH được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về quản lý chất thải nguy hại.



5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Đặc thù của cơ sở xây dựng và kinh doanh hạ tầng của KCN sẽ không phát sinh tiếng ồn, độ rung. Trong quá trình hoạt động của Trạm XLNT, các máy móc như máy thổi khí, máy bơm được lắp đặt chìm hoặc lắp đặt trong nhà chứa riêng, xây kín tránh phát sinh tiếng ồn, gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

Tất cả các xe vận tải và máy móc thiết bị đưa vào khu công nghiệp phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường và tiếng ồn rung, giúp giảm thiểu khí thải động cơ gây ô nhiễm.

Phân bố mật các xe vận tải vào khu vực phù hợp và khoa học, quy định tốc độ xe lưu thông trong dự án, điều tiết các máy móc thiết bị làm việc phù hợp góp phần làm giảm ô nhiễm tiếng ồn.

Vận động các doanh nghiệp có kế hoạch vận chuyển hạn chế tập trung phương tiện vào giờ cao điểm để hạn chế kẹt xe trong khu vực.

Hạn chế vận chuyển vào ban đêm để tránh tiếng ồn ảnh hưởng đến giấc ngủ dân cư hai bên tuyến đường vận chuyển.

Phối hợp với cơ quan chức năng địa phương và cử nhân viên hỗ trợ phân luồng hướng dẫn giao thông nếu xảy ra kẹt xe nhanh chóng kết thúc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện và an toàn lao động

- Xây dựng phương án phòng chống cháy, nổ. Nội quy an toàn cháy, nổ.
- Trang bị hệ thống báo cháy và chữa cháy cho các nhà.
- Trang bị hệ thống báo động khẩn cấp.
- Xây dựng bể chứa nước dự trữ.

b) Biện pháp phòng ngừa và xử lý sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3.9. Các kịch bản sự cố và phương án phòng ngừa, khắc phục

Sự cố có thể xảy ra	**Biện pháp phòng ngừa, khắc phục**
Ứng phó sự cố về chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra và nguồn tiếp nhận	
- Sự cố lưu lượng nước thải về Trạm lớn hơn công suất thiết kế	+ Trạm đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào để kiểm soát lưu lượng nước thải từ các cống dẫn về trạm đảm bảo an toàn cho thiết bị xử lý đúng công suất. Tần suất giám sát 24/24h, ghi chép số liệu 1 lần/ ngày vào nhật ký vận hành và báo cáo số liệu vào cuối ca làm. + Trường hợp khi lưu lượng về Trạm xử lý lớn hơn công suất thiết kế của hệ thống thì thiết bị đo lưu lượng đầu vào bể tiếp nhận sẽ bật tín hiệu cảnh báo trên máy tính. Khi tín hiệu cảnh báo nhân viên vận hành Trạm XLNT sẽ dừng các trạm bơm và chặn van đầu vào của bể chứa tạm thời. + Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự đột biến về lưu lượng để khắc phục.
- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào	- Theo thiết kế hệ thống xử lý chỉ tiếp nhận nước thải đã được xử lý đạt tiêu chuẩn cột B-QCVN40:2011/BTNMT. Vì vậy Trung tâm sẽ có biện pháp kiểm soát quychuẩn này kỹ lưỡng trước khi cho phép đấu nối tiếp nhận đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Dự kiến Trung tâm sẽ lấy mẫu định kỳ tại điểm đầu nối với tần suất tháng/lần (trong đó có 1 lần thông báo 02 lần đột xuất) sau đó lấy trung bình của 03 mẫu để đánh giá chất lượng

	xử lý đầu nguồn của nhà máy có đúng cam kết cột B. Nếu nươc thải tại điểm đấu nối của nhà máy không đạt tiêu chuẩn cột B thì tùy theo tính chất mà Trung tâm sẽ đưa ra chế tài quản lý, cao nhất là yêu cầu đóng cửa đấu nối cho đến khi nước thải được xử lý đảm bảo cột B. - Kiểm soát chất lượng nước thải theo mùa vụ: Yếu tố sản xuất theo thời vụ của ngành chế biến nông sản tại Sơn La sẽ có nguy cơ ảnh hưởng đến vi sinh. Vì vậy cần linh hoạt trong quá trình vận hành sau này như sau: + Không nên thay đổi đột biến lưu lượng nước thải xử lý trong ngày mà phải tăng dần, giúp hệ vi sinh thích nghi và gia tăng mật độ cho phù hợp. + Nếu là chính vụ: Nồng độ thức ăn của vi sinh vật thấp, nồng độ các chất độc không cao, có thể không chạy hóa chất bước hóa lý để tiết kiệm chi phí vận hành. Ngoài ra cần bổ sung thêm dinh dưỡng cho vi sinh vật để đảm bảo chất lượng đầu ra. - Kiểm tra và giám sát hệ thống thu gom: Hệ thống thu gom nước thải được đầu tư bằng đường ống cống bê tông đặt ngầm. Vì vậy Trung tâm sẽ định kỳ kiểm tra, nạo vét và đánh giá chất lượng của hệ thống, đảm bảo không bị thất thoát nước thải chưa xử lý ra môi trường đất và đảm bảo không bị ngầm xâm thực làm tăng lưu lượng và biến tính nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung.
Đối với các sự cố tại Hệ thống xử lý nước thải:	Tiến hành khóa van giữa các bể có sự cố không cho nước thải chảy vào bể kế tiếp đồng thời dừng hoạt động của Hệ thống xử lý. Bố trí máy bơm không cố định công suất 2,2kw đấu nối vào đường ống HDPE D20mm dài 100 m để bơm nước thải từ bể gặp sự cố sang bể chứa nước ngừa sự cố có thể tích V= 1.200 m^3, tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố tại bể đó.  ***Thiết bị dự phòng phòng ngừa, ứng phó sự cố***

<table>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><th>Tên thiết bị</th><th>SL</th><th>Đvị</th><th>Đặc tính kỹ thuật</th></tr>
<tr><td>Bơm nước thải</td><td>01</td><td>Cái</td><td>- Lưu lượng: Q = 22-50 m^3/h
- Cột áp: H = 8m
- Công suất: N = 2,2 kW
- Tình trạng: mới 100%</td></tr>
<tr><td>Ống dẫn nước thải</td><td>01</td><td>ống</td><td>- Đường kính: 20 mm
- Chiều dài: 100 m
- Chất liệu: HDPE</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>Phòng chống sự cố về công nghệ xử lý</td><td>+ Tổ kỹ thuật cần nhanh chóng khắc phục sự cố, tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên. Cần khắc phục nhanh sự cố trên để sớm nhất đó thể đưa trạm XLNT đi vào hoạt động bình
thường trở lại.
+ Trạm XLNT chỉ được vận hành trở lại khi đảm bảo được đầy đủ các quy định về kỹ thuật theo yêu cầu.</td></tr>
<tr><td>- Sự cố đối với hệ thống xử lý hóa lý</td><td>- Hiện tượng: Quá trình keo tụ - tạo bông không tốt.
- Nguyên nhân có thể: Do tính chất nước thải đầu vào hoặc do lượng hóa chất chưa đủ.
- Cách khắc phục: Kiểm tra nước đầu vào, lấy mẫu phân tích để tìm ra liều lượng hóa chất tối ưu.</td></tr>
<tr><td>- Sự cố đối với bể xử lý sinh học:</td><td>Hiện tượng: Vi sinh bị sốc tải: Nguyên nhân: Chất lượng nước đầu vào vượt quá ngưỡng xử lý của vi sinh... Cách khắc phục: Giảm lưu lượng đầu vào và điều chỉnh chạy hệ hóa lý tốt để giảm nồng độ các chất ô nhiễm trước khi vào vi sinh.
Hiện tượng: Bùn sinh học nổi: nguyên nhân: Bùn sinh học dư, tại lắng sinh học xảy ra quá trình khử nitrat sinh ra khí, bùn theo khí nổi lên mặt nước.
Các khắc phục: Tăng cường xả bùn sinh học về bể chứa bùn; Tăng cường bơm nội tuần hoàn và bơm bùn sinh học về ngăn trung gian.</td></tr>
<tr><td>- Sự cố đối với hệ thống xử lý bùn thải (sự cố bùn đen, bùn nhiều)</td><td>+ Vận hành, giám sát hệ thống đúng quy trình được phê duyệt.
+ Vệ sinh, thay vật liệu hấp thụ định kỳ.
- Bùn có màu nẫu sẫm hoặc màu đen:
+ Kiểm tra hỗn hợp lỏng và chất rắn lơ lửng và tăng xả thải bùn.</td></tr>
</table>

	+ Kiểm tra nồng độ oxi hòa tan và nếu thấy thấp thì cần tăng cường sục khí. + Kiểm tra hiệu chỉnh van cấp khí vào bể.
- Sự cố rò rỉ nước thải tại cụm các	- Nguyên nhận do các van bị hở hay ống dẫn nước thải bị nứt vỡ gây ra sự cố rò rỉ nước thải.
Công trình xử lý	- Biện pháp phòng ngừa sự cố: + Thiết bị lắp van, cửa lấy nước hay van xả sử dụng vật liệu có độ bền cao đảm bảo kỹ thuật theo thiết kế. + Hệ thống ống dẫn bằng vật liệu ống thép không rỉ có độ bền cao, chịu được áp lực lớn và chịu mọi điều kiện thời tiết (nắng, mưa). + Kiểm tra định kỳ thiết bị, kiểm tra vận hành trước khi bắt đầu ca làm việc. Trạm XLNT. + Khi có sự cố công nhân vận hành tạm dừng cụm xử lý và tiến hành khắc phục sự cố. Trường hợp sự cố không khắc phục trực tiếp, công nhân tiến hành báo cáo lãnh đạo để xử lý.
Phòng chống sự cố về máy móc thiết bị và quy trình vận hành.	
- Sự cố về đường ống dẫn nước thải: bị vỡ, bị tắc ống dẫn...	+ Trạm đã thiết kế và trang bị hệ thống ống dẫn có kích thước lớn, chất liệu ống bằng gang chịu áp lực tốt, độ bền ổn định tránh vỡ ống và rò rỉ nước thải. + Trường hợp sự cố xảy ra, sẽ ngừng bơm và tiến hành thay thế đoạn ống bị hỏng.
- Sự cố máy bơm, máy thổi khí, thị bị của hệ thống bị hỏng (bơm nước thải, máy khuấy bơm hóa chất, ...)	+ Những thiết bị quan trọng đều có thiết bị dự phòng để vận hành thay thế khi gặp sự cố như: Máy bơm nước thải tại các bể, máy bơm bùn thải, máy bơm bùn tuần hoàn. + Khi xảy ra sự cố, công nhân cho chạy thiết bị dự phòng và tiến hành sửa chữa. Nếu thiết bị hỏng không sửa được sẽ thay thế thiết bị mới ngay lập tức để dự phòng sự cố.
- Sự cố công nhân vận hành không đúng với quy trình	Trạm có 2 cán bộ, công nhân viên làm việc và mỗi ca bố trí ít nhất 01 nhân viên vận hành, giám sát quá trình hoạt động ngoài ra hệ thống vận hành của Trạm hoàn toàn tự động do đó trường hợp xảy ra sự cố về quy trình vận hành là rất khó. Tuy nhiên Chủ đầu tư cũng có những giải pháp phòng ngừa, khắc phục sự cố như sau: + Đào tạo đội ngũ nhân viên vận hành có trình độ, bằng cấp.

	+ Khi làm việc kiểm tra chế độ vận hành đảm báo yêu cầu. + Khi có sự cố, sai sót về quy trình vận hành cần điều chỉnh lại quy trình cho đúng. Trường hợp khi phát hiện muộn thì cần kiểm tra theo dõi kết quả phân tích và các yếu tố bị tác động để khắc phục như: vận hành xử lý lại toàn bộ lượng nước vừa vận hành sai.
Sự cố về tai nạn lao động	Cần tập huấn, đào tạo cho cán bộ vận hành đầy đủ các kiến thức và kỹ năng để giảm thiểu tối đa các sự cố về tai nạn lao động. Trong trường hợp xảy ra sự cố, cần tiến hành các biện pháp sau để khắc phục sự cố: - Kịp thời sơ tán những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn và thực hiện sơ cứu người lao động bị tai nạn. - Sơ tán những người không có trách nhiệm ra khỏi khu vực tai nạn, đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng, môi trường an toàn. - Trường hợp nếu da hoặc người lao động bị nhiễm nhiều hóa chất, cần phải rửa sạch sau khi cởi quần áo ra. - Phải di chuyển nạn nhân một cách cẩn thận từ nơi nguy hiểm tới nơi an toàn và đặt ở tư thế dễ phục hồi nhất. Nếu người lao động bị bất tỉnh, bị thương không thoát ra được, có thể dùng cáng vải hoặc đỡ đầu và túm chặt quần áo để đưa ra khỏi vùng nguy hiểm, đến nơi an toàn. Đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất để kịp thời cứu chữa.
Sự cố đổ tràn hóa chất	Cần lưu trữ hóa chất trong các thùng chứa đúng tiêu chuẩn, đúng quy cách để hạn chế tối đa sự rò rỉ hóa chất ra môi trường xung quanh. Trong trường hợp xảy ra rò rỉ hóa chất cần tiến hành các biện pháp sau để khắc phục sự cố: - Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn theo đường thoát hiểm, thực hiện sơ cứu nếu cần thiết. - Nếu hóa chất đổ tràn có khả năng bốc cháy thì phải giảm nguy cơ cháy nổ bằng cách dập tắt mọi ngọn lửa trần, nguồn nhiệt hoặc cúp cầu dao điện tổng. - Đánh giá tình trạng và khả năng giải quyết. Nếu thấy cần thiết thì kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài. - Hạn chế và cô lập khu vực hóa chất lan truyền bằng cách kiểm soát tại nguồn phát sinh. - Cố gắng xử lý triệt để vết rò rỉ hoặc tràn đổ bằng việc quây lại và thấm hút sạch. Nếu thấy thích hợp sẽ dùng nước, chất tẩy rửa làm sạch khu vực bị tràn và dung dịch rửa được thu gom lại để xử lý. - Vùng bị rò rỉ hoặc tràn đổ phải được khử độc, được kiểm

	tra, đo đạc, đảm bảo an toàn và được chỉ đạo của các đơn vị chức năng theo quy định, khi đó mới được vận hành bình thường trở lại. - Lưu ý: Trong quá trình tham gia ứng phó sự cố, công nhân, cán bộ phải trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cần thiết và phù hợp.
Sự cố về điện và phòng cháy chữa cháy	Trong trường hợp mất điện, tiến hành kiểm tra máy phát điện như sau: - Kiểm tra mức dầu dự trữ cho máy phát điện (đảm bảo lượng dầu trong bồn chạy trong 2 ngày nếu mất điện). - Kiểm tra hoạt động của bơm dầu từ bồn chứa chính vào bồn cấp trực tiếp cho máy phát (nếu có). - Kiểm tra ắc quy máy phát điện. - Kiểm tra miệng/nắp bồn bể chứa dầu, tránh ngập miệng nắp khiến nước vào bể dầu. - Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ chuyên trách, có trình độ chuyên môn phụ trách về điện của Trạm XLNT; thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn các khóa ngắn hạn về phòng cháy chữa cháy; trang bị đầy đủ thiết bị PCCC.
Sự cố cháy nổ	- Đảm bảo các thiết bị trong hệ thống cấp điện và chiếu sáng đúng các tiêu chuẩn quy định. Thiết lập hệ thống chống sét cho các công trình. - Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy đúng thiết kế đảm bảo ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra. Có hệ thống báo cháy tự động, có máy phát điện dự phòng đảm bảo cấp điện cho hệ thống PCCC theo đúng quy định.
Sự cố Trạm biến áp	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do Trạm biến áp Để phòng ngừa và ứng phó với các sự cố trong quá trình vận hành trạm biến áp, có thể áp dụng các giải pháp sau: - Giải pháp phòng ngừa + Kiểm tra định kỳ: Thực hiện kiểm tra thường xuyên các thiết bị như máy biến áp, hệ thống làm mát, rơ le bảo vệ để phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường. + Bảo trì hệ thống cách điện: Đảm bảo dầu cách điện luôn đạt tiêu chuẩn, thay thế khi cần thiết để tránh hiện tượng phóng điện. + Giám sát nhiệt độ: Sử dụng hệ thống giám sát nhiệt độ thông minh để phát hiện sớm tình trạng quá nhiệt. + Kiểm soát tải điện: Đảm bảo máy biến áp không bị quá

	tải bằng cách phân bổ công suất hợp lý. + Bảo vệ an ninh: Lắp đặt hệ thống giám sát an ninh để ngăn chặn các hành vi xâm nhập trái phép. - Giải pháp ứng phó sự cố + Xử lý rò rỉ dầu: Kiểm tra và siết chặt các mối nối, thay thế các bộ phận bị hỏng để ngăn chặn rò rỉ dầu. Dầu rò rỉ được thu gom và bể chứa dầu ngay cạnh trạm biến áp KT: 1,2 m x 2 m x1,5 m. + Khắc phục quá điện áp: Sử dụng thiết bị chống sét và bộ điều chỉnh điện áp để bảo vệ hệ thống khỏi sự cố điện áp cao. + Giải quyết sự cố nhiệt độ cao: Nếu nhiệt độ dầu tăng cao, cần kiểm tra hệ thống làm mát và giảm tải nếu cần. + Ứng phó với hư hỏng ty sứ: Thay thế ty sứ bị hỏng, kiểm tra độ chặt của các bulong để tránh hiện tượng nóng quá mức. + Xử lý điện trở cách điện thấp: Kiểm tra và thay thế dầu cách điện, vệ sinh các bộ phận bị nhiễm bẩn để đảm bảo an toàn. Việc kết hợp các giải pháp phòng ngừa và ứng phó sẽ giúp trạm biến áp hoạt động ổn định, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu suất vận hành. Đánh giá: + Ưu điểm: Dễ dàng thực hiện, chi phí thấp. + Nhược điểm: Phải có sự tự giác của cán bộ, công nhân lao động. + Tính khả thi: Chủ đầu tư có thể chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ để thực hiện.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Không có.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

a) Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Bảng 3.10. Các nội dung thay đổi so với ĐTM

TT	Nội dung	Nội dung trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt *(Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số*	Nội dung đề nghị điều chỉnh, thay đổi

		2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La	
1	Hệ thống cấp nước KCN	Quy mô công suất 2.500 m^3/ngđ	Quy mô công suất 5.000 m^3/ngđ
2	Hệ thống xử lý nước thải	Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn 5945-2005 Cột B	Nước thải sau xử lý đạt đạt QC 40:2011/BTNMT, cột A
2.1	Aeroten	Bể điều chỉnh pH	Thông vách bể điều chỉnh pH và bể châm PAC
2.2		Bể châm PAC	
2.3		Aeroten 1	Bể Thiếu khí
2.4		Aeroten 2	Bể oxic
2.5	Trạm quan trắc tự động	Không có	Bổ sung hệ thống quan trắc tự động onlie (kích thước 3m x 3 m x 3 m) giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, NH_4
2.6	Mương quan trắc	Không có	1mx3,2mx1,3m
3	Hoá chất		
3.1	Bể khử trùng	HCl	H_2SO_4
4	Bể ứng phó sự cố	Không có	Bể sự cố V=1.200 m^3

b) Đánh giá tác động môi trường do việc thay đổi

- Các thay đổi của cơ sở góp phần làm tăng hiệu quả trong xử lý nước thải từ nước thải đạt TCVN 5945:2005 đạt loại B thành QCVN 40: 2011/BTNMT cột A. Bổ sung bể phòng ngừa sự cố đảm bảo theo quy định của pháp luật đồng thời khắc phục được sự cố khi hệ thống xử lý xảy ra hiện tượng nứt, sụt. Việc bổ sung các bể xử lý không làm gia tăng tác động xấu đến môi trường đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các cơ sở sản xuất trong KCN và nước thải sinh hoạt từ các phân khu chức năng khác (khu trung tâm điều hành, khu công trình hạ tầng kỹ thuật), bao gồm:

Nguồn phát sinh từ nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn; nước từ bồn cầu, bồn tiểu) từ khu nhà Văn phòng Trung tâm dịch vụ, TV&HT kỹ thuật KCN, lưu lượng 240 lít/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn; nước từ bồn cầu, bồn tiểu) từ khu vệ sinh của hệ thống xử lý nước thải tập trung, lưu lượng 160 lít/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước từ bồn rửa, vệ sinh sàn; nước từ bồn cầu, bồn tiểu) từ khu vệ sinh của khu xử lý nước cấp, lưu lượng 160 lít/ngày đêm.

Nguồn phát sinh từ nước thải sản xuất

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các nhà máy cơ sở sản xuất thứ cấp, lưu lượng lớn nhất là 2.447,64 m^3/ngày đêm. Nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp để đạt tiêu chuẩn đấu nối nước thải trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp của KCN lưu lượng 51,8 m^3/này đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả 2.500 m^3/ngày đêm, tương đương 183,3 m^3/giờ, chế độ xả liên tục.

1.3. Dòng nước thải:

Dòng nước thải: có 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý là nước thải tại Bể Kiểm chứng cửa xả sát trạm xử lý đặt tại phía Tây của khuôn viên dự án; nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp - Cột

A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống HDPE D= 300 mm. Tổng chiều dài đường dẫn là 1,507 km chảy ra suối Nậm Pàn, Đường ống dẫn nước thải từ vị trí xả thải đến suối Nậm Pàn thuộc diện tích đất của KCN Mai Sơn đã được giao quản lý. Đường ống dẫn xả nước thải được đặt ngầm trong đường ống dẫn xả nước mưa, kích thước đường ống D= 300 mm.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm có trong nước thải đầu vào và chất lượng nước thải sau xử lý của Trạm XLNT tập trung KCN theo QCVN 40:2011/BTNMT và lộ trình áp dụng vài 01/9/2025 của QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.1. Quy chuẩn chất lượng nước nước thải sau xử lý

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)	QCVN 40:2025/ BTNMT (Cột A)
1	TSS		50	30
2	BOD_5	mg/l	30	30
3	COD	mg/l	75	60
4	As	mg/l	0,05	0,05
5	Pb	mg/l	0,1	0,1
6	Ni	mg/l	0,2	0,1
7	Zn	mg/l	3	0,1
8	Fe	mg/l	1,0	2,0
9	F^-	mg/l	5	3,0
10	Tổng N	mg/l	5	20
11	Tổng P	mg/l	20	8,0
12	Tổng Xyanua	mg/l	4	0,2
13	Amoni		5	5,0
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,0	
15	Clorua dư	mg/l	1	1,0
16	Dầu mỡ khoáng			1,0
17	Coliform	MPN/100ml	3.000	
18	Tổng Coliform	MPN/100ml		3.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí: Xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, $104^0$00' múi chiếu 3^0 múi chiếu 3^o): X(m) = 2352867; Y(m) = 505731.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: suối Nậm Pàn.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

(không có)

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng khu vực xử lý nước cấp

Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng khu vực xử lý nước thải

2.2. Lưu lượng khí phát sinh tối đa

Lưu lượng khí thải phát sinh tối đa của nguồn số 01, 02: 2.270 m^3/h.

2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện có giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải không vượt quá GHCP của QCVN 19:2009/BTNMT Cột B – Quy chuẩn Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ giá trị C_{max} có hiệu lực đến ngày 31/12/2031. QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Cụ thể các nguồn phát sinh như sau:

Bảng 4.2. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B – C_{max} K_p=1 và K_v=1,0	QCVN 19:2024/BTNMT Cột A
1	Lưu huỳnh dioxyt, SO_2	mg/Nm^3	500	130

2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.000	200
3	Nitơ Oxyt, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850	150

2.5. Vị trí, phương thức xả thải

Vị trí, phương thức xả thải khí thải (Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000 KTT $104^0$00' múi chiếu 3^0) như sau:

Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng: X:2352907; Y: 505778. Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng: X:235130; Y: 505941.

- Thời gian xả thải:

+ Nguồn số 01, 02: Gián đoạn.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ Trung tâm nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.3. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

Độ rung

Bảng 4.4. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (db)		Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Khu vực thông thương

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 cho dự án *"Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La"*.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024 gửi đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật *(có báo cáo kèm theo)*.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La đã lắp đặt Trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định tại điểm a, khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ hợp nhất quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ hợp nhất quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tháng 10 năm 2024, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La đã lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (gọi tắt là hồ sơ) đối với Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La – giai đoạn 1 và nộp hồ sơ vào bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường; đến ngày 27/10/2024 đã trả Hồ sơ. Đến ngày 05/8/2025 Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La – giai đoạn 1 và nộp hồ sơ vào bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và Môi trường và ngày 09/8/2025 Sở đã trả hồ sơ.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Hiện tại, KCN Mai Sơn chưa có hoạt động xả thải ra ngoài môi trường.

KCN có 02 cơ sở đang hoạt động, trong đó có 01 cơ sở có hệ thống xử lý nước thải riêng và đã có giấy phép xả thải ra suối Nậm Pàn Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La còn 01 cơ sở là Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La chưa được đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải:

Nguồn khí thải từ các máy phát điện dự phòng chưa hoạt động nên chưa phát sinh khí thải.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Theo báo cáo Công tác Bảo vệ môi trường năm 2023, 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp thì tổng lượng chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: *không có*

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm gần nhất (năm 2023 và năm 2024) trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Mai Sơn không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cở sở

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Đối tượng vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Mai Sơn công suất 2.500 m^3/ngày đêm.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Ngay sau khi được cấp giấy phép môi trường sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm. Trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý Chủ cơ sở gửi thông báo đến cơ quan có thẩm quyền đúng quy định.

Căn cứ Điểm a, khoản 6, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Theo đó thời gian vận hành thử nghiệm của cơ sở từ 03 đến 06 tháng (bao gồm cả thời gian quan trắc chất thải, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm), và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

Dự kiến từ ngày 15/10/2025 đến ngày 31/2/2026.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình XLNT

- Loại mẫu: Mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa – chiều, chiều – tối), trộn đều với nhau).

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

TT	Vị trí/ Công đoạn lấy mẫu	Thông số giám sát	Số lượng mẫu	Thời gian lấy mẫu
A	**Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất công trình xử lý chất thải (tần suất lấy mẫu: 15 ngày/lần trong vòng 75 ngày (mẫu tổ hợp))**			
I	***Quan trắc nước thải***			
1	Tại bể thu gom nước thải đầu vào	TSS, BOD_5 COD, Pb, Ni, As, Zn, Fe, F, tổng N, tổng	05	Đợt 1: 25/10/2025

		P, Amoni, Xyanua, Dầu mỡ khoáng, Clorua dư, Coliform.		Đợt 2: 09/11/2025
2	Tại điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải		05	Đợt 3: 24/11/2025
				Đợt 4: 09/12/2025
				Đợt 5: 24/12/2025
B	**Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định (tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong vòng 07 ngày liên tiếp (mẫu đơn))**			
I	***Quan trắc nước thải***			
1	Tại bể gom nước thải đầu vào	TSS, BOD_5 COD, Pb, Ni, As, Zn, Fe, F, tổng N, tổng P, Amoni, Xyanua, Dầu mỡ khoáng, Clorua dư, Coliform.	01	Đợt 1: 25/12/2025
2	Tại điểm xả thải của hệ thống xử lý nước thải		07	Đợt 2: 26/12/2025 Đợt 3: 27/12/2025 Đợt 4: 28/12/2025 Đợt 5: 29/12/2025 Đợt 6: 30/12/2025 Đợt 7: 31/12/2025

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ).

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ khoản 1 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định: cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ.

a. Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải.

- Số lượng mẫu: 02 mẫu

Vị trí: 01 vị trí điểm đầu trước khi vào HTXLNT; 01 điểm sau HTXLNT.

Thông số: BOD_5 Pb, Ni, As, Zn, Fe, F, tổng N, tổng P, Tổng Xyanua, Tổng Dầu mỡ khoáng, Clorua dư, Coliform.

Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

b. Quan trắc định kỳ bụi, khí thải công nghiệp: Không có.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Quan trắc nước thải:

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Ví trí: Tại mương quan trắc được lắp đặt sau bể khử trùng, trước cửa xả nước thải ra nguồn tiếp nhận. Đối với lưu lượng đầu vào được lắp đặt vị trí đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất giám sát: Liên tục.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với (Kq = 1; Kf = 1) và QCVN 40:2025/BTNMT có hiệu lực từ 01/9/2025.

- Tần suất giám sát: liên tục

b. Quan trắc tự động, liên tục bụi, khí thải công nghiệp: Không có.

2.3. Quan trắc giám sát môi trường khác:

Không

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở như sau:

Bảng 5.2: K inh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Môi trường	Thông số	Kinh phí thực hiện	Tần suất quan trắc	Trách nhiệm, tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	01 Vị trí điểm đầu vào HTXLNT	BOD_5 Pb, Ni, As, Zn, Fe, F, tổng N, tổng P, Tổng Xyanua, Tổng Dầu mỡ khoáng, Clorua dư, Coliform	20.000.000 đồng/ năm	03 tháng/lần	Thuê đơn vị đủ chức năng hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Chủ cơ sở
2	01 vị trí tại Bể kiểm chứng		20.000.000 đồng/ năm	03 tháng/lần		Chủ cơ sở

CHƯƠNG VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sơn La cam kết:

1. Tính trung thực và chính xác của các số liệu được đề cập trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

2. Quá trình vận hành TXLNT theo đúng thiết kế, vận hành thường xuyên, không lắp đặt đường ống xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào;

3. Nước thải sau xử lý của Trạm XLNT tập trung KCN đạt tiêu chuẩn cho phép được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với (K_q = 1, K_f = 1) và áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT từ 01/9/2025 có hiệu lực.

4. Thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc, kiểm soát môi trường vào nguồn tiếp nhận trong quá trình hoạt động của KCN.

5. Kết nối trạm quan trắc tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định.

6. Khắc phục sự cố kịp thời, có trách nhiệm báo cáo đến các cơ quan chức năng ở địa phương để giải quyết nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu tới nguồn tiếp nhận nước thải; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc xả nước thải của TXLNT gây ra.

UBND TỈNH SƠN LA **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 260 /BQL-QLĐT.XD&MT V/v đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I).	*Sơn La, ngày 17 tháng 8 năm 2025*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

1. Chúng tôi là: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La, Chủ cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"* thuộc mục số 5, Phần II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"* thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

2. Địa chỉ trụ sở chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La: Số 02, đường Mai Đắc Bân, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

3. Địa điểm cơ sở: Khu công nghiệp Mai Sơn, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn.

Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

4. Người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

Ông: Trà Quyết Thắng Chức vụ: Phó Trưởng ban

Điện thoại: 0941.875.678

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục:

Ông: Nguyễn Văn Mạnh Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0912.555.514

Chúng tôi xin gửi đến UBND tỉnh Sơn La hồ sơ gồm:

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"*.

- 01 Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xem xét cấp giấy phép môi trường của cơ sở *"Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)"./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, QLĐT.XD&MT (02b).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

Trà Quyết Thắng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Số: 1604 /TTg-CN

V/v dự án KCN Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2006

Kính gửi :

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tại các văn bản số 09/TTr-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2006, số 135/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2006 và số 1863/UBND-NC ngày 25 tháng 8 năm 2006, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6696/BKH-TĐ&GSĐT ngày 08 tháng 9 năm 2006 về Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau :

1. Cho phép thành lập khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La với quy mô diện tích giai đoạn I là 63,7 ha.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xem xét quyết định thành lập Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Sơn La là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu để làm chủ đầu tư; chỉ đạo chủ đầu tư nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để hoàn thiện dự án đầu tư; trên cơ sở đó tổ chức thẩm định, quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn I và quyết định thành lập khu công nghiệp theo quy định hiện hành./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng

Nơi nhận :
- Như trên;
- TTg CP, PTTg Nguyễn Sinh Hùng;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Văn Trọng Lý, Ng phát ngôn của TTg, website CP, các Vụ: KTTH, NN, ĐP, TTBC;
- Lưu: VT, CN (5). 24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3909 /CP-CN

V/v Chủ trương xây dựng KCN tại các tỉnh Đồng Nai và Sơn La

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2004

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA
SỐ ĐẾN: 12479
NGÀY ĐẾN: 16/12/2004
CHUYỂN:
LƯU HỒ SƠ:

Kính gửi :
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh: Đồng Nai, Sơn La.

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại văn bản số 6452/TT. UBT ngày 9 tháng 11 năm 2004 và của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La tại văn bản số 3181/TTr-UB ngày 24 tháng 11 năm 2004, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 6476/TTr-BKH ngày 13 tháng 10 năm 2004 về chủ trương xây dựng các khu công nghiệp tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Sơn La, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau :

1. Chấp thuận bổ sung khu công nghiệp Tân Phú với diện tích 60 ha, khu công nghiệp Xuân Lộc với diện tích 100 ha của tỉnh Đồng Nai và khu công nghiệp Mai Sơn với diện tích 150 ha của tỉnh Sơn La vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cả nước đến năm 2010. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh Đồng Nai và Sơn La chỉ đạo lập dự án khả thi, trình duyệt theo quy định hiện hành.

2. Việc bổ sung vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương để xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La được thực hiện theo Quyết định số 183/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh Đồng Nai và Sơn La tổ chức lập quy hoạch xây dựng các khu dân cư và dịch vụ gắn với việc xây dựng các Khu công nghiệp nhằm bảo đảm cho các khu công nghiệp phát triển có hiệu quả và bền vững./.

K/T. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG
Đã ký: Nguyễn Tấn Dũng

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

Số: 242 /SY-UB

SAO Y BẢN CHÍNH

Sơn la, ngày 29 tháng 12 năm 2004

TL. CHỦ TỊCH UBND TỈNH SƠN LA
CHÁNH VĂN PHÒNG

Quàng Hồng Phương

Nơi nhận :
- TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch - ĐT; Tài chính; Công nghiệp; Xây dựng; Giao thông - VT; Tài nguyên - MT;
- Ban QL khu công nghiệp - ĐTM.
- UBND huyện Mai Sơn
- LĐVP - CVCK UBND tỉnh;
- Lưu VP.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2732 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2006*

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1202
Ngày 8 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng khu Công nghiệp Mai Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ công văn số 1909/CP-CN ngày 16/12/2004 và công văn số 1604/TTg-CN ngày 10/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Thông báo số 238-TB/TU ngày 27/8/2006 của Tỉnh uỷ Sơn La về chủ chương bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng KCN Mai Sơn; văn bản số 647/TT HĐND ngày 28/8/2006 của Thường trực HĐND tỉnh v/v bố trí vốn ngân sách địa phương để hỗ trợ đầu tư dự án KCN Mai Sơn;

Xét tờ trình số 21/TTr-BQL ngày 17/10/2006 của Ban quản lý KCN Mai Sơn; Báo cáo kết quả thẩm định dự án số 229/BC-KHĐT ngày 20/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng KCN Mai Sơn với những nội nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn.

2. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban quản lý khu công nghiệp Mai Sơn.
- Giai đoạn thực hiện dự án: Công ty phát triển hạ tầng KCN Sơn La.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Nội số 8.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Mường Bằng huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Hình thành được một khu công nghiệp đa ngành, có công nghệ sạch, không gây ô nhiễm môi trường, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh Sơn La, tạo ra sản phẩm phục vụ thi công xây dựng thuỷ điện Sơn La, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.

- Tạo sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, sắp xếp bố trí lực lượng sản xuất phù hợp với khả năng, điều kiện cụ thể của địa phương. Đặc biệt là tạo việc làm cho người dân tái định cư giải phóng mặt bằng xây dựng thuỷ điện Sơn La.

- Tạo ra mô hình sản xuất kinh doanh công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La, trên cơ sở đó phát triển ra các vùng theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Sơn La.

6. Quy mô và diện tích sử dụng đất

a) Quy mô diện tích KCN: Tổng diện tích lập quy hoạch: 150 ha.

- Giai đoạn I: 63,70 ha.
- Giai đoạn II: 86,30 ha.

b) Cơ cấu sử dụng đất KCN:

TT	Loại đất	Tổng diện tích (ha)	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	**150,0**	**63,70**	**86,30**	**100**
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	94,17	37,90	56,27	62,8
2	Đất XD trung tâm hành chính	4,11	4,11	0	2,7
3	Đất cây xanh	23,8	9,50	14,30	15,9
4	Đất công trình đầu mối	7,11	2,26	4,85	4,7
5	Đất giao thông	20,81	9,93	10,88	13,9

7. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật

7.1. San nền

Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sạt lở và thoát nước mặt thuận lợi, cốt nền các lô đất thiết kế theo cốt nền đường, để hạn chế khối lượng đào đắp.

Tổng khối lượng đào đắp (giai đoạn I): 713.712m3.

7.2. Hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến Quốc lộ 6 – KCN: L = 6,7Km đường cấp IV miền núi; đã cho lập dự án đầu tư xây dựng.

- Tuyến Thị trấn Hát Lót – KCN: L = 8,0Km đường cấp IV miền núi; đang triển khai thi công.

b) Hệ thống giao thông trong KCN:

Tận dụng điều kiện địa hình, thiết kế phù hợp với phân khu chức năng các lô đất. Cơ bản bố trí mạng lưới giao thông theo ô bàn cờ; hệ thống giao thông trong KCN gồm:

+ Đường trục chính (CN1): Chiều dài: 159m, Bnền= 36m; Bmặt=2x8(m); Bhè=2x6 (m); Dải phân cách 8m. (Giai đoạn I chưa thi công).

+ Đường liên khu vực (CN2): L= 527,8m; Bnền= 21 m; Bm= 11 m; Bhè = 2 x 5 (m).

+ Đường khu vực (CN3): Chiều dài: 7.467m Bnền = 21m; Bmặt = 11 m; Bhè = 2 x 5 (m).

- Kết cấu áo đường: Theo quy trình thiết kế 22TCN-211-93. Tải trọng trục tiêu chuẩn là trục đơn 12T; vỉa hè lát gạch bê tông M200, kích thước 30x30x5, rãnh biên rộng 30cm lát gạch bê tông M200; bó vỉa vát 26x23x100cm bằng bê tông M200.

** Khối lượng chủ yếu giai đoạn I:*

- Đào khuôn đường: 10.932m3.

- Diện tích mặt đường: 546.620m2.
- Diện tích hè phố: 48.828m2.
- Diện tích bãi đỗ xe: 2.650m2.

7.3. Hệ thống cấp điện.

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện quốc gia đi qua KCN.
- Lưới điện trung thế của KCN được thiết kế đi ngầm.
- Lưới 22KV sẽ được xây dựng tới hàng rào của các cơ sở công nghiệp.
- Các trạm biến áp lưới có công suất từ 400-2.000 KVA và lưới điện hạ thế trong các nhà máy sẽ do các khách hàng tự đầu tư xây dựng.
- Hệ thống điện chiếu sáng: Đường trục chính được chiếu sáng ở dải phân cách giữa, các tuyến đường khác và hàng rào được chiếu sáng 1 phía bằng bóng thuỷ ngân cao áp.

** Khối lượng chủ yếu giai đoạn I:*

+ Hệ thống cấp điện:

Đường dây nổi 35KV, lộ kép: 18.000m.
Cáp ngầm 22KV-XLPE-3 x 240mm: 4.481m.
Trạm 22/0,4KV-2 x 1.000KVA: 4 trạm;
Trạm BA tổng 35/22/0,4KV-2 x 16MVA: 01trạm.
Cáp ngầm hạ thế 0,4 KV-XLPE-4x120: 3.140m.

+ Thiết bị cấp điện:

Máy biến áp 2 x 1000KVA	04 máy
Tủ trung thế khu vực	04 tủ
Tủ hạ thế 1600A	04 tủ
Máy biến áp 2 x 1600KVA	01 máy
Máy biến áp 1000KVA	01 máy
Tủ trung thế tổng	01 tủ
Tủ hạ thế 4000A	01 tủ

+ Hệ thống điện chiếu sáng:

Cột và đèn chiếu sáng kép	10 cột
Cột và đèn chiếu sáng đơn	150 cột
Cáp điện chiếu sáng XLPE 35	3.748 m
Hệ thống tủ điều khiển chiếu sáng	02 tủ
Trạm biến áp 1x1000KVA	01 trạm

7.4. Hệ thống cấp nước

Giai đoạn I: Sử dụng nước suối Nậm Pàn, theo hướng cải tạo nâng cấp đập đầu mối và trạm thuỷ luân hiện có để bơm cấp nước phục vụ KCN và cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân sở tại, dự kiến công suất: từ 2.000 – 2.500m3/ngày đêm.

Giai đoạn II: Cấp nước từ hệ thống nước Nà Sản khoảng 8 km (sau khi hồ bản Mòng hoàn thành và hoàn chỉnh Nhà máy cấp nước Bản Mòng công suất 20.000 m3/ngày đêm) hoặc khảo sát thăm dò để khai thác hệ thống nước ngầm tại khu vực lân cận để cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất tại KCN.

** Khối lượng chủ yếu giai đoạn I:*

- Đài nước dung tích 200m^3 và hệ thống công nghệ kèm theo.

- Tuyến ống phân phối nước sạch dài: 5.860m.

7.5. Hệ thống thoát nước

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Hướng thoát nước chủ yếu là đông – Tây và Đông Nam – Tây Bắc. Thoát dọc theo khe núi ra suối Nậm Pàn ở phía tây Bắc KCN.

- Kết cấu hệ thống thoát nước mưa bằng cống tròn BTCT đường kính D600 – D1500.

b) Hệ thống thoát và xử lý nước thải:

- Công suất của trạm xử lý nước thải là 5.000m3/ng.

- Nước thải các xí nghiệp trong KCN nếu có hàm lượng dầu mỡ và các kim loại nặng vượt quá các chỉ tiêu quy định sẽ phải được xử lý cục bộ trong các nhà máy trước khi xả ra hệ thống thu gom của KCN.

- Nước thải của các xí nghiệp trong KCN sẽ được thu gom vào hệ thống nước thải của KCN và được dẫn đến trạm xử lý nước thải đặt ở phía tây bắc. Tại đây nước thải sẽ được xử lý theo quy định của TCVN-5945-1995 loại B.

- Mạng lưới đường ống thoát nước thải được bố trí dọc theo các tuyến đường thiết kế; bao gồm các ống PVC có D=300, cống BTCT có D=400-500.

** Khối lượng chủ yếu giai đoạn I:*

- Đường ống thoát nước mưa BTCT D800-D1000: 1.540m.
- Đường ống thoát nước bẩn D400-D500 BTCT: 3.245m.
- Đường ống thoát nước bẩn D300 – HDPE: 3.080m.

7.6. Thu gom, xử lý chất thải rắn và phòng cháy chữa cháy (PCCC)

7.6.1. Thu gom, xử lý chất thải rắn:

- Mỗi xí nghiệp phải thu gom chất thải rắn, phân loại và chứa vào thùng chất thải rắn riêng biệt. Hàng ngày đơn vị quản lý dùng xe thu gom chất thải rắn chở đến khu xử lý chất thải rắn.

- Rác thải không gây độc hại sẽ được thu gom vận chuyển vào bãi rác chung của KCN, dự kiến cách KCN khoảng 10-15Km, đây là bãi rác chung của khu dân cư đô thị dự kiến sẽ phát triển trong tương lai.

- Rác thải gây độc hại của KCN sẽ được đơn vị quản lý môi trường KCN thu gom vận chuyển đến bãi rác tập trung của thành phố Sơn La tại Nậm Tròn - Huổi Hin cách KCN khoảng 15Km.

7.6.2. Phòng cháy chữa cháy:

- Trên các tuyến cấp nước cho KCN chạy theo hệ thống đường giao thông, bố trí lắp đặt các họng cứu hỏa có D=100-150, bán kính phục vụ của các họng cứu hoả trong phạm vi 150m, sử dụng hệ thống cứu hoả áp lực cao.

- Xây dựng 1 trạm cứu hoả, sử dụng các phương tiện PCCC chuyên dùng, lực lượng chuyên nghiệp kết hợp với lực lượng dân quân tự vệ của các nhà máy xí nghiệp kịp thời xử lý khi có sự cố xảy ra.

7.7. Hệ thống thông tin liên lạc

Xây dựng 01 trạm BCVT tổng đài 500 số, hệ thống ống chờ đặt dưới đất theo vỉa hè các tuyến đường để luồn cáp và các ống cáp. Tuyến cáp quang có chiều dài 3.748m.

7.8. Kiến trúc và xây dựng

Trung tâm điều hành và DVCC: Tổng diện tích sàn: 3.750m2.

8. Tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư dự án: *296.925 triệu đồng.*

b) Tổng mức đầu tư giai đoạn I: *153.883 triệu đồng.*

Bao gồm:

- Chi phí xây lắp: 119.837 triệu đồng.
- Chi phí thiết bị: 2.600 triệu đồng.
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 9.398 triệu đồng.
- Chi phí QLDA - Chi KTCB khác: 6.851 triệu đồng.
- Dò phá bom mìn: 1.329 triệu đồng.
- Dự phòng: 13.868 triệu đồng.

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách trung ương: Thực hiện theo quyết định 183/2004/QĐ-TTg ngày 19/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.
- Vốn ngân sách địa phương: Theo văn bản số 647/TT HĐND ngày 28/8/2006 của Thường trực HĐND tỉnh.
- Vốn vay của các tổ chức tín dụng: Đơn vị trực tiếp vay là các doanh nghiệp được giao làm chủ đầu tư KCN.
- Vốn các nhà đầu tư dự kiến sẽ thuê lại đất trong KCN.

10. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn I: 2006 - 2010.
- Giai đoạn II: 2011- 2015.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết trình cơ quan chức năng xem xét phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện dự án theo giai đoạn I đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và môi trường, Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Trưởng Ban quản lý KCN Mai Sơn; Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND-UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm lưu trữ-VPUBND tỉnh;
- Đăng Công báo;
- Lưu VT, Mẫn (01b), 20Bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Chí Thức

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN-LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2247**/QĐ-UBND	*Sơn la, ngày 21 tháng 9 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết
Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-TTg, ngày 09/3/2006, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Sơn La thời kỳ 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 4818/QĐ-UB, ngày 20/12/2004, của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và dự toán quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Tà Sa-Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ công văn số 999/BXD-KTQH ngày 08/6/2005 của Bộ xây dựng về quy hoạch chi tiết KCN Mai Sơn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại kết quả thẩm định số 425/TĐQH-XD ngày 17/9/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu: Thuộc địa bàn xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn là khu vực đất đai do Nông trường Tô Hiệu hiện đang quản lý và khai thác, tổng diện tích 150ha, có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp điểm TĐC Co Trai, xã Mường Bằng.
+ Phía Nam giáp khu dân cư Tiến Xa, xã Mường Bon.
+ Phía Tây giáp đồi núi đá.
+ Phía Đông giáp dân cư và đất nông nghiệp đang canh tác.

(Có bản vẽ kèm theo).

2. Tính chất, chức năng:

Là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Mai Sơn nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung.

góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành có quy mô vừa thuộc các ngành công nghiệp điện tử, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, hàng tiêu dùng, công nghệ kỹ thuật cao.

3 Quy mô quy hoạch:

3.1. Quy mô dân số: Khoảng 10.000 - 11.000 lao động.

3.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích: 150,00 ha.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Hướng phát triển: Khu vực lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Mai Sơn bao gồm một phần đất của xã Mường Bằng. Hướng phát triển được mở rộng về hướng Bắc và hướng Đông.

Giai đoạn 1: 63,70 ha; Giai đoạn 2: 86,30 ha.

4.2. Cơ cấu sử dụng đất đai:

TT	Loại đất	Diện tích (Ha)	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	150,0	63,70	86,3	100
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	94,17	37,91	56,22	62,8
2	Đất XD trung tâm hành chính	4,11	4,11	0	2,7
3	Đất cây xanh	23,79	9,5	14,3	15,9
4	Đất XD công trình đầu mối	7,11	2,26	4,85	4,7
5	Đất giao thông	20,82	9,92	10,88	13,9

4.3. Phân khu chức năng:

Khu công nghiệp Mai Sơn bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu trung tâm điều hành và dịch vụ.
- Khu xây dựng nhà máy.
- Khu cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly.
- Khu các công trình đầu mối kỹ thuật

4.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Phân khu chức năng rõ ràng, phân bố mật độ xây dựng, tầng cao, cây xanh cảnh quan hợp lý hình thành điểm nhấn kiến trúc thông qua trục đường đối trung tâm xuyên suốt KCN, tạo trục không gian chính *(không gian KCN mở)* của KCN.

4.5. Quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền tiêu thuỷ:

* *San nền:* Giải pháp san nền tiêu thuỷ đảm bảo nguyên tắc: Không gây úng ngập; Tôn trọng địa hình tự nhiên, giữ gìn và bảo vệ cảnh quan hiện có; Hạn chế đào đắp lớn, cân bằng đào, đắp tại chỗ. Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi i ≥ 0,05%.

** Thoát nước:* Trên cơ sở tính toán cốt san nền, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, bố trí nằm trong hè các tuyến giao thông. Kết cấu chính hệ thống thoát nước mưa bằng ống BTCT đường kính từ D 600mm - D 1.500mm.

b. Hệ thống giao thông:

** Giao thông đối ngoại.*

- Quốc lộ 6 - KCN: Đường cấp IV.
- Thị trấn Hát lót - KCN: Đường cấp IV.

** HT Giao thông nội bộ.*

- Đường trục chính(CN1) : CGĐĐ = 36m ; CGXD = 56m.
  Bn = 36m; Bm = 8m x 2 = 16m; Hè = 6m x 2 = 12m; Phân cách = 8m
- Đường liên khu vực (CN2) : CGĐĐ = 21m ; CGXD = 41m.
  Bn = 21m; Bm = 11m; Hè = 5m x 2 = 10m;
- Đường khu vực (CN3...CN6) : CGĐĐ = 21m ; CGXD = 41m.
  Bn = 21m; Bm = 11m; Hè = 5m x 2 = 10m;

** Giao thông tĩnh:*

Hệ thống giao thông tĩnh được bố trí ở 2 đầu KCN ở phía Bắc và phía Nam diện tích khoảng 2,26 ha.

c. Hệ thống cấp nước:

** Giai đoạn I:* Sử dụng nước suối Nậm Pàn, theo hướng cải tạo nâng cấp đập đầu mối và trạm thuỷ luân hiện có để bơm cấp nước phục vụ KCN và cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân sở tại, dự kiến công suất: từ 2.000-2.500m3/ ngày đêm.

** Giai đoạn II:* Cấp nước từ hệ thống nước Nà Sản khoảng 8 km (sau khi hồ bản Mòng hoàn thành và hoàn chỉnh Nhà máy cấp nước Bản Mòng có công suất 20.000 m3/ng.đ) hoặc khảo sát thăm dò, khai thác hệ thống nước ngầm tại khu vực lân cận để cung cấp nước cho KCN và dân cư sở tại.

** Hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy:* Trên các tuyến cấp nước cho KCN chạy theo hệ thống đường giao thông, bố trí lắp đặt các họng cứu hỏa theo quy phạm quy định.

d. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, bố trí dọc theo hè của các tuyến giao thông.
- Nước thải CN của các xí nghiệp được xử lý cục bộ trong các nhà máy trước khi xả ra hệ thống thu gom chung và dẫn đến trạm xử lý; nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn loại B (TCVN - 5945- 1995)
- Vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn: Được phân loại tại các xí nghiệp và thu gom vận chuyển đến bãi rác chung theo quy hoạch.

Bãi xử lý chất thải và rác: Bãi rác chung của khu dân cư và KCN cách khu công nghiệp khoảng 10-15 Km (thuộc khu xử lý chất thải của thị xã Sơn La).

e. Hệ thống thông tin liên lạc:

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu phát triển của khu công nghiệp và vùng lân cận.

g. Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện Quốc gia đi qua Khu công nghiệp *(đã có quy hoạch trạm biến áp 220KV cách KCN khoảng 500m).*
- Lưới điện trung thế của cụm CN được thiết kế đi ngầm.
- Lưới 22KV sẽ được xây dựng tới hàng rào của các cơ sở công nghiệp thiết kế đi ngầm theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.
- Các trạm biến áp lưới có công suất từ 400 đến 2.000 KVA và lưới điện hạ thế trong các nhà máy sẽ do các nhà đầu tư tự đầu tư xây dựng.
- Lưới điện chiếu sáng: Đường trục chính được chiếu sáng ở dải phân cách giữa, các tuyến đường khác và hàng rào được chiếu sáng 1 phía.

h. Đánh giá tác động môi trường:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp Mai Sơn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Ban quản lý KCN Mai Sơn có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Mai Sơn, sở Xây dựng:

- Tổ chức công bố công khai hồ sơ quy hoạch được duyệt, cắm mốc giới quy hoạch và ban hành điều lệ quản lý quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.
- Dự thảo điều lệ quản lý quy hoạch trình thẩm định và phê duyệt.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và môi trường, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Nông nghiệp và PTNT; Điện lực Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý KCN Mai Sơn; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các đơn vị, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Quyết định này thay thế Quyết định số 3968/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Sơn La).

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, HĐND (b/c);
- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT- Châu 02. 20b.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Chí Thức

BẢN SAO

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2962 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 17 tháng 12 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005; Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về Quy định bảo vệ môi trường trong khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khu công nghiệp Mai Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 246/STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường **Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn**, tỉnh Sơn La của Ban quản lý Khu Công nghiệp Mai Sơn (Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác trong quá trình thi công xây dựng công trình đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường hiện hành.

- Có các giải pháp và quy định cụ thể nhằm bảo vệ môi trường Khu Công nghiệp Mai Sơn trong giai đoạn thi công và vận hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư theo đúng quy định hiện hành; phổ biến, thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành.

- Bố trí, thiết kế và vận hành các lán trại công nhân, kho tàng chứa nguyên vật liệu, bãi chứa và chôn lấp chất thải ở nơi phù hợp.

- Thực hiện các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ, lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường trong thi công, vận hành công trình và đảm bảo ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương có liên quan thiết lập chế độ vận hành khu Công nghiệp nhằm vận hành an toàn và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến sinh thái, khí hậu của khu vực.

- Thực hiện việc quan trắc và giám sát môi trường như trong báo cáo đã đề cập, có báo cáo môi trường hàng năm theo quy định.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Chủ Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Trưởng ban Ban quản lý Khu Công nghiệp Mai Sơn (Chủ dự án); Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 2483 Quyển: 04
Ngày 23 tháng 7 năm 2018
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TT tỉnh Uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Thuận. 20bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cầm Văn Chính

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ XÂY DỰNG

Số: **200**/KQTĐ-SXD

V/v báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 20/7/2020, Sở Xây dựng nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình số 228/TTr-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

Căn cứ Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ công văn số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Xét Kết quả thẩm tra số 50/2020/TTGĐ-KQTT ngày 10/6/2020 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng về việc báo cáo kết quả thẩm tra; văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)".

Sau khi xem xét và tổ chức thẩm định, Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án nêu trên như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La, giai đoạn I.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B. Công trình giao thông cấp III, HTKT cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: Theo Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh là 296,925 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I là 153,883 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

8. Thời gian thực hiện: 2009-2020.

9. Tiêu chuẩn quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 40-2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9361- 2012: Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574-2018: Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 2622-1995: Phòng chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu

chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan;

10. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA. Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà HACINCO, số 79 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

11. Đơn vị tư vấn thẩm tra: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; địa chỉ: đường Bản Cọ, thành phố Sơn La.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn;

- Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Công văn số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

- Văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)";

- Quyết định số 165/QĐ-BQL ngày 03/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Quyết định số 166/QĐ-BQL ngày 03/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt bổ sung nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định để cùng thực hiện công tác tư vấn lập điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Quyết định số 183/QĐ-BQL ngày 13/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt danh mục thiết bị sử dụng cho công trình: Nhà

máy xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Văn bản số 04/TGYK-PC07 ngày 05/5/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Sơn La về việc tham gia ý kiến với thiết kế cơ sở dự án: Nhà máy xử lý nước thải tập trung, thuộc Dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư số 226/BCGSĐGĐT-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp;

- Báo cáo số 227/BC-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định;

- Tờ trình số 228/TTr-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát thiết kế

- Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập điều chỉnh dự án;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở (điều chỉnh, bổ sung);

- Thuyết minh thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Biên bản khảo sát, đánh giá hiện trạng;

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA. Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà HACINCO, số 79 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; địa chỉ: đường Bản Cọ, thành phố Sơn La.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Nội dung, quy mô đầu tư: Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I).

2. Nội dung điều chỉnh: Theo văn bản số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I), cụ thể là:

Điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 từ đạt tiêu chuẩn cột B theo TCVN 5945:2005 sang đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT. Cải tạo các hạng mục đã có để đảm bảo hoạt động cho dây chuyền công nghệ được điều chỉnh:

a) Bể cấp nước: Trát lại toàn bộ bể bằng vữa xi măng mác 75, d=15mm, quét xi măng 2 nước chống thấm.

b) Bể tiếp nhận: Gia công, lắp dựng lan can thép hộp; cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại toàn bộ vì kèo, cột thép bằng sơn 3 lớp.

c) Bể xử lý: Khoan rút lõi bê tông để đặt đường ống; cắt bê tông mặt bể, đổ bù bê tông vát để phù hợp với công nghệ mới; bổ sung sơn chống thấm Epoxy chuyên dụng.

d) Bể thủy sinh (xây mới): Kích thước (4,5x4,5x3,55)m; đổ BTCT mác 250. Mặt bể lắp dựng lan can công tác bằng thép hộp, sơn chống gỉ 3 nước.

đ) Nhà điều hành: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; sơn lại hoa sắt cửa sổ; lắp đặt mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; ốp lại toàn bộ nền, tường nhà vệ sinh.

e) Xưởng cơ khí: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; láng nền vữa xi măng mác 75 dày 2cm; thay mới một cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; thay mới một số cửa đi bằng cửa khung sắt panô đặc, sơn sửa hoa sắt cửa đi, cửa sổ; lắp đặt mới thiết bị điện.

g) Phòng pha trộn hóa chất: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; sơn sửa hoa sắt cửa sổ, bổ sung khóa cửa; lắp đặt mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; ốp lại toàn bộ nền, tường nhà vệ sinh.

h) Nhà trạm biến áp: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; sơn chống gỉ cửa đi, bổ sung khóa cửa.

i) Phòng thổi khí: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; sơn chống gỉ cửa đi, bổ sung khóa cửa.

k) Nhà để xe (xây mới): Móng cột đổ bê tông mác 200; khung thép hình; mái: xà gồ thép hộp, lợp tôn múi dày D=0,45; nền láng vữa xi măng mác 75, d=2cm.

l) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Bổ sung thiết bị phòng cháy chữa cháy cho các nhà: Nhà điều hành, phòng thổi khí, trạm biến áp, phòng pha trộn hóa chất, xưởng cơ khí.

m) Hệ thống chống sét: Bổ sung hệ thống chống sét tiền đạo R≥71m chống sét cho toàn khu trạm xử lý.

n) Hệ thống điện:

- Nguồn điện: Cung cấp đường dây 0.4KV đi ngầm CU/XLPE/DSTA/PVC 0.6/1KV (DSTA 3x120+1x70mm) cấp cho trạm xử lý.

- Điện chiếu sáng: Bổ sung 2 cột đèn chiếu sáng loại bát giác cho khu xử lý có hệ thống điều khiển chiếu sáng riêng biệt.

- Bổ sung bệ đỡ cho máy phát điện bằng bê tông mác 200.

o) Hệ thống cấp nước: Bổ sung đường ốp cấp nước vào trạm xử lý bằng ống HDPE D50.

p) Cổng, hàng rào: Sơn lại toàn bộ cổng, hàng rào; đắp thêm đất để trồng cây xanh.

q) Các chi tiết khác: Trong hồ sơ thiết kế cơ sở.

3. Lý do điều chỉnh: Việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ để đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn cột A theo QCVN 40-2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở

a) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến: Thiết kế cơ sở chủ yếu cải tạo, sử dụng các hạng mục xử lý nước thải đã được đầu tư của dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I).

b) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực: Vị trí, địa điểm xây dựng không thay đổi so với dự án đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng của dự án.

c) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ: Công trình đã được Sở KH&CN thẩm định công nghệ tại Văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)", trong đó kết luận: *"Nhất trí với phương án công nghệ xử lý nước thải trong Hồ sơ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)"*.

d) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Chủ đầu tư thực hiện theo hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án *(theo văn bản số 197/STNMT-MT ngày 31/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ khu công nghiệp tự quyết định nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình)*; công trình đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Sơn La tham gia ý kiến với thiết kế cơ sở tại Văn bản số 04/TGYK-PC07 ngày 05/5/2020.

đ) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế: Các hạng mục công trình cải tạo, sửa chữa nâng cấp áp dụng các tiêu chuẩn hiện hành.

e) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong và Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA đủ điều kiện năng lực

theo quy định các cá nhân tư vấn lập thiết kế đủ điều kiện năng lực theo quy định.

g) Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở: Hạng mục công trình thực hiện năm 2020 phù hợp với yêu cầu thiết kế cơ sở.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:

a) Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng với đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của dự án: Phương pháp xác định tổng mức đầu tư trên cơ sở khối lượng từ thiết kế cơ sở.

b) Kiểm tra sự đầy đủ của các khối lượng sử dụng để xác định tổng mức đầu tư xây dựng; sự hợp lý, phù hợp với quy định, hướng dẫn của nhà nước đối với các chi phí sử dụng để tính toán, xác định các chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng; trên cơ sở áp dụng các định mức, đơn giá ban hành kèm theo các công bố, quyết định:

- Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

- Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La Công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Công bố số 2808/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố đơn giá vật liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La; Công bố số 600/BGVLXD-SXD ngày 30/3/2020 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá vật liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La;

c) Tổng mức đầu tư (điều chỉnh, bổ sung): **285.504.000.239 đồng**, trong đó:

c.1. Tổng hợp giá trị đề nghị và giá trị thẩm định (đồng):

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị sau khi thẩm định	Tăng (giảm)
1	Chi phí xây dựng	192.702.653.685	192.731.103.516	28.449.831
2	Chi phí thiết bị	20.464.376.529	20.464.871.969	495.440
3	Chi phí QLDA	4.613.756.102	4.582.887.236	-30.868.866
4	Chi phí tư vấn	13.860.275.603	13.535.599.551	-324.676.052
5	Chi phí khác	7.099.442.432	6.995.541.830	-103.900.602
6	Chi phí dự phòng	4.444.214.488	4.874.714.737	430.500.249
7	Chi phí GPMB	41.395.281.400	41.395.281.400	0
8	Chi phí rà phá bom mìn	924.000.000	924.000.000	0
9	**Tổng cộng**	**285.504.000.239**	**285.504.000.239**	**0**

* Nguyên nhân tăng, giảm:

- Cập nhật định mức, đơn giá theo thời điểm;

- tính toán khối lượng dự toán theo hồ sơ thiết kế;

c.2. Tổng hợp giá trị đã phê duyệt và giá trị điều chỉnh (triệu đồng):

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đã phê duyệt tại QĐ 560/QĐ-BQL	Giá trị điều chỉnh	Tăng (giảm)
1	Chi phí xây dựng	198.901.889.232	192.731.103.516	-6.170.785.716
2	Chi phí thiết bị	16.812.688.281	20.464.871.969	3.652.183.688
3	Chi phí QLDA	4.585.661.181	4.582.887.236	-2.773.945
4	Chi phí tư vấn	14.011.681.208	13.535.599.551	-476.081.657
5	Chi phí khác	7.713.849.474	6.995.541.830	-718.307.644
6	Chi phí dự phòng	1.972.162.863	4.874.714.737	2.902.551.874
7	Chi phí GPMB	40.177.068.000	41.395.281.400	1.218.213.400
8	Chi phí rà phá BM	1.329.000.000	924.000.000	-405.000.000
8	**Tổng cộng**	**285.504.000.239**	**285.504.000.239**	**0**

* Nguyên nhân tăng, giảm:

- Cập nhật định mức, đơn giá theo thời điểm; tính toán khối lượng dự toán theo hồ sơ thiết kế;

- Tổng hợp giá trị các hạng mục theo giá trị trình của chủ đầu tư: Đường giao thông trong khu công nghiệp;đường gom vào khu công nghiệp; chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí rà phá bom mìn.

(Khối lượng chính có file mềm dự toán kèm theo).

3. Các nội dung khác:

3.1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng: Việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 từ đạt tiêu chuẩn cột B theo TCVN 5945:2005 sang đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT là cần thiết để đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động của dự án.

3.2. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án: Cải tạo các hạng mục đã có để đảm bảo hoạt động cho dây chuyền công nghệ được điều chỉnh, tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

3.3. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án: Dự án điều chỉnh sẽ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, góp phần thu hút đầu tư vào khu công nghiệp.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I được thẩm định đủ điều kiện trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

2. Một số kiến nghị đối với chủ đầu tư

- Yêu cầu đơn vị tư vấn: Hoàn thiện hồ sơ thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư theo thông báo kết quả thẩm định này;

- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ trình thẩm định; an toàn chất lượng công trình xây dựng và giá trị các công việc đã thực hiện;

- Các hạng mục, chi phí: Đường giao thông trong khu công nghiệp; đường gom vào khu công nghiệp; chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí rà phá bom mìn, kết quả thẩm định tổng hợp trên cơ sở giá trị trình của chủ đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc thẩm định, phê duyệt giá trị của các hạng mục này.

- Chi phí thiết bị được tạm tính, đề nghị chủ đầu tư khảo sát, lựa chọn đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, tổ chức thẩm định giá và quyết định áp dụng, chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Trong quá trình triển khai bước tiếp theo đề nghị Chủ đầu tư tổ chức triển khai theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đồng thời lưu ý một số nội dung sau: Chuẩn xác và quyết định việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; lựa chọn vật liệu, thiết bị phù hợp với thực tế, tiết kiệm, hiệu quả;

- Thực hiện quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I, Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- TT.PVHCC (Đ/c Kiều Anh);
- Lưu: VT, QLXD, Hiếu.05b.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH SƠN LA

Hà Ngọc Chung

UBND TỈNH SƠN LA **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 804/KHCN-QLCN&ChN V/v cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)"	*Sơn La, ngày 20 tháng 7 năm 2020*

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

Căn cứ Công văn số 1213/SXD-QLXD ngày 19/6/2020 của Sở Xây dựng về việc đề nghị phối hợp thẩm định hồ sơ thiết kế công nghệ Dự án *"Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)"*;

Căn cứ kết quả phiên họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định công nghệ Hệ thống xử lý nước thải của Dự án ngày 03/7/2020;

Sau khi xem xét nội dung giải trình tại Báo cáo số 374/BC-BQL ngày 17/7/2020 của Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh và Hồ sơ công nghệ đã chỉnh sửa theo ý kiến tham vấn của các Thành viên Hội đồng;

Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Về phương án công nghệ xử lý nước thải lựa chọn trong Dự án

1.1. Phạm vi cho ý kiến về công nghệ:

Theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, phạm vi thẩm định công nghệ Hệ thống xử lý nước thải sử dụng trong Dự án giai đoạn quyết định đầu tư bao gồm: Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; cơ sở tính toán lựa chọn các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý; thông số của các thiết bị lựa chọn trong hệ thống xử lý để đảm bảo phù hợp với công suất xử lý và tiêu chuẩn nước thải đầu ra; sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị; sự phù hợp của chi phí đầu tư của công nghệ, máy móc, thiết bị; sự phù hợp của chi phí vận hành trạm xử lý; đánh giá phương án vận hành trạm; các nội dung khác liên quan đến công nghệ Hệ thống xử lý.

Vấn đề liên quan hệ thống thu gom nước thải từ các nhà máy trong Khu công nghiệp; quy trình vận hành các hồ chứa (*bao gồm cả vận hành hồ sự cố*); phần thiết kế xây dựng đảm bảo an toàn đập các hồ chứa, các bể phản ứng không nằm trong phạm vi Văn bản thẩm định này.

1.2. Đánh giá về phương án công nghệ lựa chọn:

- Công nghệ xử lý nước thải lựa chọn trong Dự án là Tiền xử lý hóa lý kết hợp xử lý sinh học bằng màng lọc MBR (*có sơ đồ, quy trình công nghệ kèm theo Công văn*). Đây là công nghệ truyền thống, phổ biến, có khả năng xử lý được nước thải công nghiệp thông thường, không vượt quá tải trọng cho phép về lưu lượng và nồng độ các chất độc hại đạt tới tiêu chuẩn cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Tuy nhiên, nếu các nhà đầu tư thứ cấp có hành vi xả nước thải độc hại vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp, thì rủi ro gây ảnh hưởng đến hoạt động của trạm xử lý nước thải và chất lượng nước đầu ra là có thể xảy ra.

- Công nghệ xử lý nước thải sử dụng trong Dự án không thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hoặc công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc công nghệ cấm chuyển giao *(theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ)*. Vì vậy, công nghệ của Dự án đủ cơ sở để triển khai trong thực tế.

1.3. Về thiết bị xử lý của hệ thống:

Các thiết bị, hóa chất và vật liệu dùng trong hệ thống xử lý nước thải của Dự án là phù hợp.

2. Kết luận:

Nhất trí với phương án công nghệ xử lý nước thải trong Hồ sơ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải của dự án "*Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)*".

3. Các vấn đề cần lưu ý:

a. Việc vận hành công nghệ xử lý nước thải của Dự án tương đối phức tạp, qua nhiều giai đoạn; tuy nhiên trong Hồ sơ công nghệ, chủ dự án đã đưa ra phương án tự động hóa một số công đoạn của Trạm xử lý và vận hành hệ thống Trạm quan trắc tự động của Khu công nghiệp. Tuy vậy, để đảm bảo các thông số trong nước thải đạt giới hạn cho phép cột A của QCVN 40:2011/BTNMT, trong quá trình vận hành vẫn đòi hỏi nhân công vận hành phải có hiểu biết về công nghệ; Chủ dự án phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành do đơn vị chuyển giao công nghệ đưa ra; phải chủ động triển khai phương án xử lý sự cố và phòng ngừa rủi ro đã đề ra trong Hồ sơ công nghệ của Dự án; giữa các hồ/bể chứa cần có đường ống trích nước sau xử lý để thực hiện việc giám sát hiệu năng xử lý của từng bể, dễ dàng tìm ra nguyên nhân và khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành.

b. Theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, Trạm xử lý nước thải của Khu công nghiệp Mai Sơn cần thiết kế, thi công xây dựng hồ kiểm soát sự cố đối với nước thải, có dung tích đủ lưu chứa được nước thải trong thời gian ít nhất là 2 ngày cho giai đoạn 1 (theo giải trình của Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh thì hồ sự cố sẽ được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2 của Dự án). Vì vậy, đề nghị chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc các giải pháp đã đề ra để kiểm soát các sự cố đối với Trạm xử lý nước thải; phối hợp với các nhà đầu tư thứ cấp, nơi phát sinh nước thải nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

c. Đề nghị Chủ dự án nghiêm túc tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành, đảm bảo việc bảo dưỡng, thay thế thiết bị đúng định kỳ; tự chịu trách nhiệm về sự an toàn đập các hồ chứa và chất lượng nước thải đầu vào và chất lượng nước thải đầu ra theo quy định của pháp luật.

Với những nội dung trên, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng gửi ý kiến tham gia để Sở Xây dựng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQL các KCN tỉnh (*Chủ dự án*);
- Đ/c GĐ Sở KH&CN;
- Lưu: VT, QLCN&ChN, Hà(04b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Đức

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2687/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 18 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất khu công nghiệp cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La tại dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La tại Tờ trình số: 931/TTr-STNMT ngày 16/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và quản lý theo quy hoạch tại dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

1. Giao đất: Giao 98.611,9 m^2 đất cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (giai đoạn I). Trong đó:

- Diện tích xây dựng trụ sở là: 8.298,3 m^2.
- Diện tích nhà máy nước là: 8.303,9 m^2.
- Diện tích nhà máy nước, trạm xử lý nước thải là: 8.264,7 m^2.
- Diện tích đường giao thông là: 68.940,5 m^2.
- Diện tích trồng cây xanh là: 4.804,5 m^2.

- Địa chỉ khu đất: Bản Tiến Xa, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Khu đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại xã: Mường Bon, Mường Bằng, huyện Mai Sơn chuyển sang đất phi nông nghiệp giao cho Ban quản lý khu công nghiệp Mai Sơn để xây dựng khu công nghiệp tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2008.

- Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp (SKK) *(thực hiện dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I).*

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí, ranh giới giao đất được xác định theo các thửa đất số: 2, 4, 5, 12, 22, 26, 28, 29 thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La đo vẽ ngày 12/12/2024; được UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 12/12/2024; được Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên Môi trường Thành Công kiểm tra ngày 12/12/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La ký duyệt ngày 13/12/2024 *(Có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Giao quản lý: Giao 336.973,6 m^2 đất khu công nghiệp cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý theo quy hoạch.

Vị trí, ranh giới giao quản lý được xác định theo các thửa đất số: *(thửa số: 1, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 27)* thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La xác nhận đo vẽ ngày 12/12/2024; UBND xã Mường Bằng xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 12/12/2024; Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên Môi trường Thành Công xác nhận ngày 12/12/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La ký duyệt ngày 13/12/2024 *(Có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trình UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trao cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La được giao tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bàn giao tại thực địa khu đất giao tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định này cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La. Hoàn thành **trước ngày 20/12/2024.**

c) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Mai Sơn chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. UBND huyện Mai Sơn: Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và tái định cư huyện Mai Sơn *(cơ quan thường*

trực Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư), UBND xã Mường Bằng phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan bàn giao đất tại thực địa cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

3. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La: Quản lý và sử dụng phần diện tích đất được giao theo đúng quy định Luật Đất đai và đúng mục đích ghi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Sơn La./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

XÃ MƯỜNG BẰNG

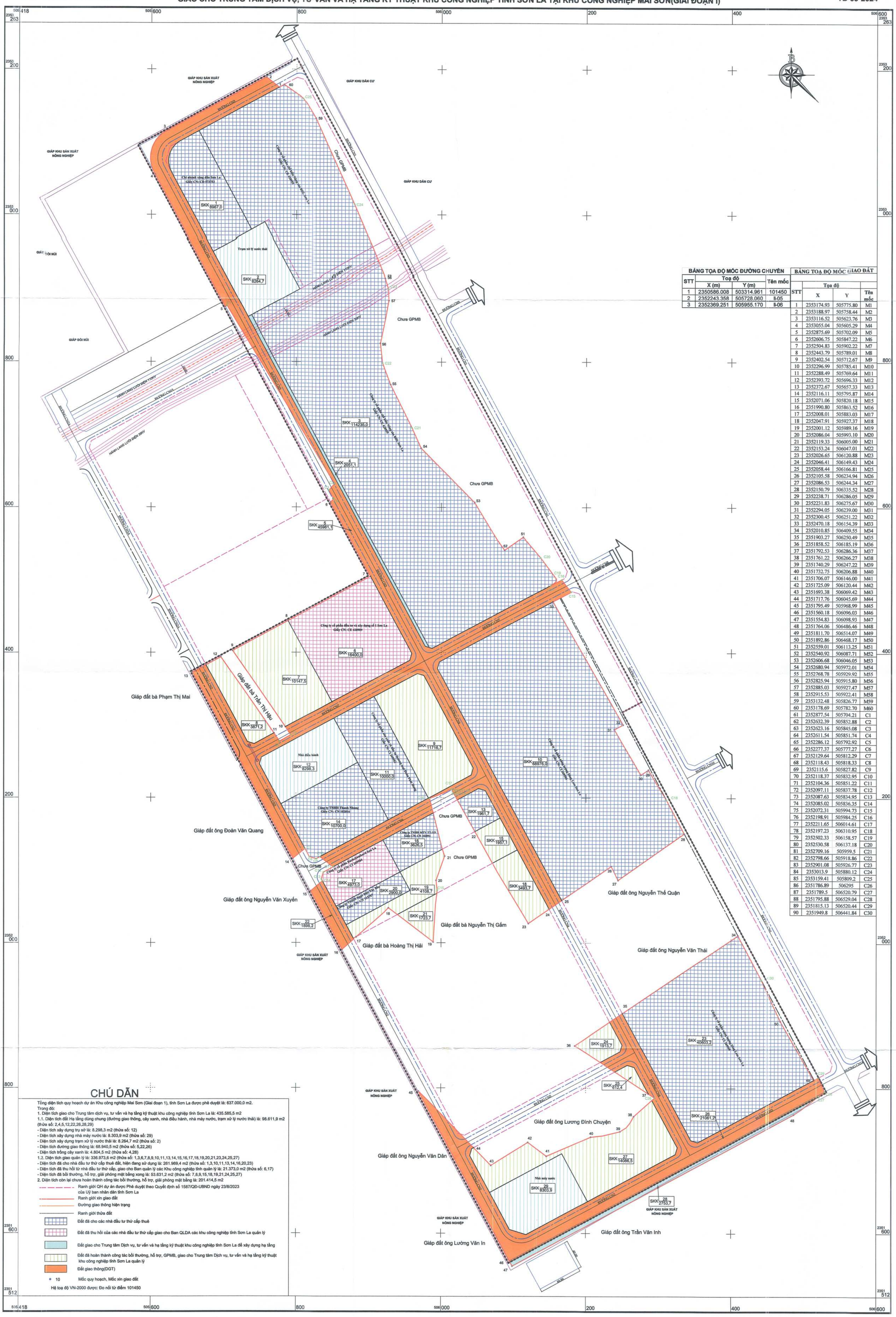
MẢNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ 09-2024

HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000, KHU VỰC BẢN TIẾN XA

TỈNH SƠN LA - HUYỆN MAI SƠN

GIAO CHO TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN(GIAI ĐOẠN I)

TĐ 09-2024



BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC ĐƯỜNG CHUYỀN

STT	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)	Tên mốc
1	2350586.008	503314.961	101450
2	2352243.358	505728.060	II-05
3	2352369.251	505955.170	II-06

BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC GIAO ĐẤT

STT	Tọa độ X	Tọa độ Y	Tên mốc
1	2353174.93	505775.80	M1
2	2353188.97	505758.44	M2
3	2353116.52	505623.76	M3
4	2353055.04	505605.29	M4
5	2352875.69	505702.09	M5
6	2352606.75	505847.22	M6
7	2352504.83	505902.22	M7
8	2352443.79	505789.01	M8
9	2352402.54	505712.67	M9
10	2352296.99	505785.41	M10
11	2352288.49	505769.64	M11
12	2352393.72	505696.33	M12
13	2352372.67	505657.33	M13
14	2352116.11	505795.87	M14
15	2352071.06	505820.18	M15
16	2351990.80	505863.52	M16
17	2352008.01	505883.03	M17
18	2352047.91	505927.37	M18
19	2352001.12	505989.16	M19
20	2352086.04	505993.10	M20
21	2352119.33	506005.00	M21
22	2352153.24	506047.01	M22
23	2352026.65	506120.88	M23
24	2352046.41	506149.43	M24
25	2352058.44	506166.81	M25
26	2352105.58	506234.94	M26
27	2352086.53	506244.34	M27
28	2352150.79	506335.52	M28
29	2352238.71	506286.05	M29
30	2352231.83	506275.67	M30
31	2352294.05	506239.00	M31
32	2352300.45	506251.22	M32
33	2352470.18	506154.39	M33
34	2352010.85	506409.55	M34
35	2351903.27	506250.49	M35
36	2351858.52	506185.19	M36
37	2351792.53	506286.36	M37
38	2351761.22	506266.27	M38
39	2351740.29	506247.22	M39
40	2351732.75	506206.88	M40
41	2351706.07	506146.00	M41
42	2351725.09	506120.44	M42
43	2351693.38	506069.42	M43
44	2351717.76	506045.69	M44
45	2351795.49	505968.99	M45
46	2351560.18	506096.03	M46
47	2351554.83	506098.93	M47
48	2351764.06	506486.46	M48
49	2351811.70	506514.07	M49
50	2351892.86	506468.17	M50
51	2352559.01	506113.25	M51
52	2352540.92	506087.71	M52
53	2352606.68	506046.05	M53
54	2352680.94	505972.01	M54
55	2352768.78	505929.92	M55
56	2352825.94	505915.80	M56
57	2352885.03	505927.47	M57
58	2352915.53	505922.41	M58
59	2353132.48	505826.77	M59
60	2353178.69	505782.70	M60
61	2352877.54	505704.21	C1
62	2352632.39	505852.88	C2
63	2352623.16	505845.08	C3
64	2352611.54	505851.74	C4
65	2352286.12	505792.92	C5
66	2352277.37	505777.27	C6
67	2352129.64	505812.29	C7
68	2352118.43	505818.33	C8
69	2352115.6	505827.82	C9
70	2352118.37	505832.95	C10
71	2352104.36	505851.22	C11
72	2352097.11	505837.78	C12
73	2352087.63	505834.95	C13
74	2352085.02	505836.35	C14
75	2352072.31	505994.73	C15
76	2352198.91	505984.25	C16
77	2352211.65	506014.61	C17
78	2352197.23	506310.95	C18
79	2352502.33	506158.57	C19
80	2352530.58	506137.18	C20
81	2352709.16	505959.5	C21
82	2352798.66	505918.86	C22
83	2352901.08	505926.77	C23
84	2353013.9	505880.12	C24
85	2353159.41	505809.2	C25
86	2351786.89	506295	C26
87	2351789.5	506520.79	C27
88	2351795.88	506529.04	C28
89	2351815.13	506520.44	C29
90	2351949.8	506441.84	C30

CHÚ DẪN

Tổng diện tích quy hoạch dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn 1), tỉnh Sơn La được phê duyệt là: 637.000,0 m2.

Trong đó:

1. Diện tích giao cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La là: 435.585,5 m2

1.1. Diện tích đất Hạ tầng dùng chung (đường giao thông, cây xanh, nhà điều hành, nhà máy nước, trạm xử lý nước thải) là: 98.611,9 m2 (thửa số: 2,4,5,12,22,26,28,29)

- Diện tích xây dựng trụ sở là: 8.298,3 m2 (thửa số: 12)
- Diện tích xây dựng nhà máy nước là: 8.303,9 m2 (thửa số: 29)
- Diện tích xây dựng trạm xử lý nước thải là: 8.264,7 m2 (thửa số: 2)
- Diện tích đường giao thông là: 68.940,5 m2 (thửa số: 5,22,26)
- Diện tích trồng cây xanh là: 4.804,5 m2 (thửa số: 4,28)

1.2. Diện tích giao quản lý là: 336.973,6 m2 (thửa số: 1,3,6,7,8,9,10,11,13,14,15,16,17,18,19,20,21,23,24,25,27)

- Diện tích đã cho nhà đầu tư thứ cấp thuê đất, hiện đang sử dụng là: 261.969,4 m2 (thửa số: 1,3,10,11,13,14,16,20,23)
- Diện tích đã thu hồi từ nhà đầu tư thứ cấp, giao cho Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý là: 21.373,0 m2 (thửa số: 6,17)
- Diện tích đã bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng xong là: 53.631,2 m2 (thửa số: 7,8,9,15,18,19,21,24,25,27)

2. Diện tích còn lại chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là: 201.414,5 m2

- Ranh giới QH dự án được Phê duyệt theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La
- Ranh giới xin giao đất
- Đường giao thông hiện trạng
- Ranh giới thửa đất
- Đất đã cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê
- Đất đã thu hồi của các nhà đầu tư thứ cấp giao cho Ban QLDA các khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý
- Đất giao cho Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để xây dựng hạ tầng
- Đất đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB, giao cho Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý
- Đất giao thông(DGT)
- 10 Mốc quy hoạch, Mốc xin giao đất

Hệ toạ độ VN-2000 được: Đo nối từ điểm 101450

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày 12 tháng 12 năm 2024
Đơn vị đo đạc:
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH ĐOÀN GIA SƠN LA
Đoàn Xuân Thiêm

Ngày 12 tháng 12 năm 2024
Đơn vị kiểm tra:
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG THÀNH CÔNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thanh

Xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
UBND Xã Mường Bằng
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
CHỦ TỊCH
Lường Văn Dừi

Duyệt ngày 13 tháng 12 năm 2024
Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Dương

xg: ue qc lap uy + k.tao Bans : Trưởng, K.trưởng tổ Chức./.

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 987 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 20 tháng 4 năm 2017*

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 121
Ngày 25 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 247/TTr-SNV ngày 14 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

1. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

2. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 9 Luật Viên chức; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

3. Trụ sở: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Nhiệm vụ, quyền hạn

Giao Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp theo quy định.

2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp gồm: Giám đốc; 01 Phó Giám đốc và các viên chức chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch và các Phó UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, phòng KT;
- Lưu: VT, NC, D30b.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Cầm Ngọc Minh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2883/GP-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Khu công nghiệp Mai Sơn)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 01-1-2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 859/TTr-STNMT ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(địa chỉ: Số 9 đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)* khai thác, sử dụng nước mặt với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Hệ thống cấp nước thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Khai thác nước để cấp nước sạch cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Mai Sơn, cấp nước sạch cho các hộ dân lân cận vùng dự án *(gồm các bản: Quỳnh Châu 541 người, bản Giàn Bon 115 người, bản Bằng Thịnh 130 người thuộc xã Mường Bằng; bản Tiến Xa 510 người, bản Tà Xa 904 người thuộc xã Mường Bon)* và tạo nguồn tưới ẩm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp khu vực dự án.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Nậm Pàn là phụ lưu cấp 1 của suối Nậm Bú, phụ lưu cấp 2 của sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác: Đầu mối công trình tại xã Mường Bon, huyện Mai Sơn. Tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trục 104^0, múi chiếu 3^0: X = 2350597; Y = 506130.

5. Lượng nước khai thác, sử dụng: 5.000 m^3/ngày đêm. Trong đó:

- Cấp cho sản xuất: 3.812 m^3/ngày đêm.

- Cấp cho sinh hoạt: 345 m^3/ngày đêm *(bao gồm: cấp cho sinh hoạt trong khu công nghiệp 125 m^3/ngày đêm và cấp cho sinh hoạt cho các hộ dân lân cận vùng dự án 220 m^3/ngày đêm).*

- Tạo nguồn cấp nước tưới ẩm cho diện tích sản xuất nông nghiệp trong vùng dự án: 843 m^3/ngày đêm.

6. Chế độ khai thác: 20 h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Bơm + Tự chảy.

- Các hạng mục chính gồm:

+ Đập đầu mối;

+ Kênh dẫn từ đập về trạm thủy luân;

+ Trạm bơm thủy luân + trạm bơm đầu mối;

+ Trạm xử lý nước sạch gồm: Trạm bơm cấp 1, bể trộn (3 m^3), bể lắng nghiêng lamella, bể lọc nhanh trọng lực.

+ Trạm bơm cấp 2 + bơm rửa lọc

+ Bể chứa nước sạch *(W = 1.000 m^3).*

+ Đường ống dẫn nước.

- Quy trình khai thác, xử lý nước: Nước thô từ đập dâng trên suối Nậm Pàn chảy vào kênh dẫn và bơm qua trạm bơm thủy luân, trạm bơm đầu mối về bể chứa → bể lắng lamella → bể lọc nhanh → bể chứa nước sạch → Bơm vào tuyến đường ống → Cấp nước sạch cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Mai Sơn, các hộ dân lân cận vùng dự án *(lượng nước cho tưới ẩm sẽ được bơm lên và cấp trực tiếp không qua xử lý).*

8. Thời hạn khai thác: 07 năm *(bảy năm)* tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Quan trắc, giám sát định kỳ việc khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác.

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác; tần suất: 02 lần/năm, giới hạn cho phép so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A_2; thông số: pH, COD, BOD_5, DO, TSS, Amoni *(tính theo N)*, NO^-_2 (tính theo N), NO^-_3 *(tính theo N)*, PO_4^{3-} *(tính theo P)*, Cd, Pb, Cr^{6+}, Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, tổng dầu mỡ, Coliform, Ecoli.

+ 01 điểm tại bể chứa nước sạch sau khi xử lý; tần suất, giới hạn cho phép theo QCVN 01-1-2018/BYT; quan trắc các thông số gồm: Màu sắc, mùi vị, độ đục, pH, clo dư tự do, độ cứng *(tính theo $CaCO_3$)*, TDS, Amoni *(NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*, Cd, Pb, chỉ số Pemanganat, nitrats *(NO^-_3 tính theo N)*, nitrit *(NO^-_2 tính theo N)*, sunphat, coliform, E.coli hoặc coliform chịu nhiệt.

Sau khi Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực thi áp dụng theo Quy chuẩn địa phương.

3. Tuân thủ phương án khai thác, xử lý nước tại hồ sơ cấp phép đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn hiện hành cho các mục đích sử dụng.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

5. Hằng năm *(trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo)*, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La *(qua Sở Tài nguyên và Môi trường)* về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chậm nhất chín mươi *(90)* ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2882/GP-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Khu công nghiệp Mai Sơn)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 19/10/2021 của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 858/TTr-STNMT ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(địa chỉ: Số 9, đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)* xả nước thải sau khi xử lý của Khu công nghiệp Mai Sơn vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Pàn là phụ lưu của suối Nậm Bú thuộc lưu vực sông Đà.

2. Vị trí xả nước thải: Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tọa độ *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^0, múi chiếu 3^0)*: X = 2352852; Y = 505736 *(từ hố ga sau bể khử trùng).*

3. Phương thức xả thải: Tự chảy qua đường ống D300.

4. Chế độ xả nước thải: 24 h/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng trung bình: 2.200 m^3/ngày đêm. tương đương 91,67 m^3/h.

- Lưu lượng lớn nhất: 2.500 m^3/ngày đêm. tương đương 104,2 m^3/h.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A *(Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).*

Bảng 1. Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A Giá trị Cmax (Kq=0,9; Kf=1,0)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Asen (As)	mg/l	0,045
6	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	0,0045
7	Chì (Pb)	mg/l	0,09
8	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045
9	Crom (VI)	mg/l	0,045
10	Đồng (Cu)	mg/l	1,8
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,9
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
13	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
14	Tổng nitơ	mg/l	18
15	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6
16	Coliform	MPN/100ml	3000

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm *(năm năm)* tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc tự động, liên tục lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau khi xử lý tại vị trí hố ga với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, CD, TSS, Amoni và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo tần suất 03 tháng/lần tại vị trí hố ga sau xử lý với các thông số như quy định tại Bảng 1 khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải, trừ các thông số đã quan trắc tự động, liên tục quy định tại điểm a Khoản này.

Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào vận hành thiết bị quan trắc tự động theo quy định, có thiết bị lấy mẫu tự động và lắp camera giám sát trong vòng 03 tháng kể từ khi hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động.

c) Nguồn nước tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Nậm Pàn sau vị trí tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp; tần suất 02 lần/năm, kết quả phân tích so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A_2; quan trắc các thông số: pH, BOD_5 (20^0C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+ tính theo N), nitrat (NO_3^- tính theo N), Asen, Cd, Cr(VI), Pb, Cu, Fe, phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), tổng dầu mỡ, Coliform.

d) Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận *(Thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm).*

3. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép. Thu gom, xử lý nước thải của toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong Khu công nghiệp theo đúng thiết kế, quy trình vận hành trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn nằm trong giới hạn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La; chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị và các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sang ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở

Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước và môi trường do hoạt động xả nước thải của mình gây ra.

5. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực.

6. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, thông số, tần suất quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

7. Hằng năm *(trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo)*, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La *(qua Sở Tài nguyên và Môi trường)* về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định.

8. Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi *(90)* ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- BQL các khu công nghiệp tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- TT dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1819 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); công văn số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 221/TTr-SXD ngày tháng 29/7/2020 và Báo cáo kết quả thẩm định số 200/KQTĐ-SXD ngày 29/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La, giai đoạn I.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Hình thành một khu công nghiệp tập trung đa ngành có quy mô vừa và nhỏ thuộc các ngành công nghiệp: công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; năng lượng; chế biến nông, lâm, thủy sản; thực phẩm; dược liệu; hang tiêu dung; công nghệ kỹ thuật cao và công nghiệp khác.

4. Nội dung và quy mô xây dựng:

4.1. Nội dung và quy mô đã phê duyệt: Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I).

4.2. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 từ đạt tiêu chuẩn cột B theo TCVN 5945:2005 sang đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT. Cải tạo, nâng cấp các hạng mục đã có để đảm bảo hoạt động cho dây chuyền công nghệ được điều chỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA. Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà HACINCO, số 79 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

6. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Phạm Ngọc Nhu.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

8. Diện tích sử dụng đất: Trong khu đất của dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La, giai đoạn I có diện tích 63,7ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông cấp III, HTKT cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án thiết kế xây dựng:

a) Bể cấp nước: Trát lại toàn bộ bể bằng vữa xi măng mác 75, d=15mm, quét xi măng 2 nước chống thấm.

b) Bể tiếp nhận: Gia công, lắp dựng lan can thép hộp; cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại toàn bộ vì kèo, cột thép bằng sơn 3 lớp.

c) Bể xử lý: Khoan rút lõi bê tông để đặt đường ống; cắt bê tông mặt

hành.

định số 200/KQTĐ-

ơn La (chủ đầu tư) có
ội dung ghi tại điều 1
ây dựng, quản lý chất

các Sở: KH&ĐT, Xây
ban Ban Quản lý các
ơn vị có liên quan chịu

Ủ TỊCH
Ủ TỊCH

g Minh

16. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện

17. Thời gian thực hiện dự án: 2009-2020.

18. Thời hạn sử dụng công trình: 20-50 năm.

19. Các nội dung khác: Theo báo cáo kết quả thẩ
SXD ngày 29/7/2020 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh S
trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các n
Quyết định này; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư x
lượng công trình xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc
dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng
khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đ
trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh uỷ (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HS, Biên KT, 40b).

KT. CH
PHÓ CH

Lê Hồn

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 651/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I - Hạng mục hệ thống cấp nước

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Báo cáo số 2235/BC-BKHĐT ngày 29/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm B;

Căn cứ Công văn số 2426/HĐND ngày 20/5/2016 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Công văn số 372/TTHĐND ngày 07/02/2017 của Thường trực HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La - Hạng mục hệ thống cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Sơn La V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 218/BC-SKHĐT ngày 15/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Công trình Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án điều chỉnh: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án điều chỉnh:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Dương. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần thương mại và công nghệ cao Hoàng Anh. Địa chỉ: Nhà số 10, dãy N2, tổ dân phố số 1, phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

4. Chủ nhiệm lập dự án điều chỉnh: Phạm Ngọc Nhu.

5. Mục tiêu đầu tư: Hình thành một khu công nghiệp đa ngành, có công nghệ sạch, không ô nhiễm môi trường nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La, tạo sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, sắp xếp bố trí lực lượng sản xuất phù hợp với điều kiện địa phương. Tạo ra các mẫu mô hình sản xuất kinh doanh công nghiệp tập trung để mở rộng và phát triển ra các vùng khác trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Nội dung và qui mô dự án đã duyệt: Các nội dung đã thực hiện theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 và Phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009.

6.2. Nội dung và qui mô điều chỉnh:

Điều chỉnh quy mô hệ thống cấp nước trong Khu công nghiệp Mai Sơn từ 2.500m^3/ngày đêm tăng lên 5.000m^3/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

8. Loại cấp công trình: Nhóm dự án: Dự án nhóm B. Công trình giao thông cấp III, HTKT cấp III.

9. Bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

10. Tổng mức đầu tư :

- Tổng mức đầu tư của dự án thực hiện theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009.

- Phần chi phí tăng thêm khi điều chỉnh được tính toán trong dự phòng của dự án theo đúng chủ trương đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Công văn số 372/TTHDND ngày 07/02/2017.

11. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

13. Phân kỳ đầu tư như sau:

13.1. Giai đoạn năm 2017-2019: Đầu tư Hệ thống cấp nước, Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hoàn thành đầu tư hạng mục Hệ thống cấp nước trong năm 2017 - Tổng mức đầu tư hạng mục hệ thống cấp nước là 47 tỷ đồng.

13.2. Giai đoạn sau: Các hạng mục còn lại sẽ đầu tư sau khi cân đối được nguồn vốn đầu tư gồm:

- San nền, tiêu thủy (quy mô 30ha);

- Hạng mục đường giao thông trong khu công nghiệp;

- Hạng mục Hệ thống cấp điện;

- Hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng trong khu công nghiệp (19ha);

14. Các hạng mục khác của dự án: Theo hồ sơ thiết kế đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 17/SXD-KQTĐ ngày 23/02/2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy quyền cho Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo của Dự án điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và môi trường; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Sơn La; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Đ/c CVP; Đ/c Luận - PCVP;
- Đ/c Vũ Hải - Trưởng phòng TH;
- Lưu: VT, HS, Biên KT. 35 bản.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải

3. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La không được phép cho thuê, cho mượn, tự ý sửa chữa giấy phép hoạt động điện lực.

4. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

5. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 44 Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Giấy phép hoạt động điện lực này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC
BỘ CÔNG THƯƠNG

Trần Việt Hòa

2. Quyết định thành lập số 987/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Trụ sở chính: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Điện thoại: 0212 3751524

Điều 2. Lĩnh vực hoạt động

1. Hoạt động phân phối điện cấp điện áp 35 kV.

2. Hoạt động bán lẻ điện cấp điện áp 35 kV.

Điều 3. Phạm vi và thời hạn hoạt động

1. Phạm vi hoạt động:

a) Lĩnh vực 1: Quản lý, vận hành lưới điện phân phối cấp điện áp 35 kV trên không, mạch đơn trong phạm vi một phần Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

b) Lĩnh vực 2: Bán lẻ điện cấp điện áp 35 kV trong phạm vi một phần Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

(Phạm vi hoạt động nêu trên được mô tả chi tiết tại Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động của Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La tại Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La kèm theo giấy phép này).

2. Thời hạn của giấy phép: đến ngày 22 tháng 12 năm 2034.

Điều 4. Quyền của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La được phép hoạt động theo lĩnh vực và phạm vi của giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La có các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và khoản 1 Điều 44 Luật Điện lực, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép

1. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La có nghĩa vụ triển khai hoạt động chậm nhất 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La có nghĩa vụ đảm bảo các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

SỐ : 196 /GP-ĐTĐL

NGÀY CẤP : 23 - 12 - 24

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 196/GP-ĐTĐL

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 2179/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Quan hệ công chúng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép hoạt động điện lực cho

1. Tên tổ chức: **Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La**

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TRUNG TÂM DV, TV VÀ HTKT KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-TTDVTV

Sơn La, ngày 01 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Theo Giấy phép số 2883/GP-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thông tin chung

- Tên chủ giấy phép: Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Mai Sơn, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Mạnh – Giám đốc.

- Mục đích khai thác, sử dụng: Khai thác nước để cấp nước sạch cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Mai Sơn, cấp nước sạch cho các hộ dân lân cận vùng dự án và tạo nguồn tưới ẩm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp khu vực dự án.

2. Tình hình khai thác sử dụng tài nguyên nước

Chưa khai thác, lý do: Nhà máy cấp nước dự án khu công nghiệp Mai Sơn đã thi công cơ bản hoàn thành nhưng chưa hoạt động khai thác vì một số điểm còn chưa giải phóng mặt bằng do vậy chưa thi công hoàn chỉnh hệ thống ống dẫn nước tới các vị trí cấp nước. Nhà máy dự kiến hoạt động trong quý II năm 2024.

3. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép tài nguyên nước

Trung tâm đã hoàn thành việc cắm mốc ngoài thực địa khu vực vùng bảo hộ vệ sinh khu vực khai thác nước bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn; UBND các xã Mường Bon, Mường Bằng, chính quyền bản Tiến Xa, Tà Xa quản lý và báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 152/BC-TTDVTV ngày 24/10/2023).*

Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQL các KCN (b/c);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Mạnh

UBND TỈNH SƠN LA **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC-BQL	*Sơn La, ngày tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

Triển khai Công văn số 4781/STNMT-QLMT ngày 24/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024. Ban Quản lý các khu công nghiệp *(Ban Quản lý)* báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2024 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La

2. Địa chỉ liên hệ: Số 09, đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La.

3. Số điện thoại: 0212.3.851.774

4. Fax: 0212.3.851.774

5. Email: bqlckcnsonla@gmail.com

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường

a) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy; chất lượng môi trường không khí, đất, nước.

Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* diện tích 63,7ha, hiện đang xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng *(bao gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung...)*. Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của giai đoạn I là 48,99ha, diện tích đất cây xanh: 1,7ha. Diện tích đất công nghiệp đã cấp Chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 29,3ha. Tỷ lệ lấp đầy khoảng 60%.

* Chất lượng môi trường không khí: Các dự án hoạt động trong Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* thuộc các loại hình sản xuất ít ảnh hưởng đến môi trường không khí. Có một số dự án phát sinh bụi từ hoạt động của lò sấy hoặc phát sinh mùi tại hệ thống xử lý nước thải *(Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La)*. Trên cơ sở số liệu quan trắc môi trường không khí của Doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

Bảng 1.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại dự án Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/BTNMT (1 giờ)
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	^oC	24,6	21,4	-
2	Tiếng ồn	dBA	57	66	70(2)
3	SO_2	µg/Nm^3	< 30	< 30	350
4	NO_2	µg/Nm^3	< 45	< 45	200
5	CO	µg/Nm^3	< 14.000	< 14.000	30.000
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	212	231	300

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường -11/2024)

Ghi chú:

- K1: Khu vực sản xuất tinh bột sắn

- K2: Khu vực sản xuất bã sắn

- (2) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6h - 21h)

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

* Chất lượng môi trường đất: Trong năm 2024, không có các dự án khởi công mới hoặc trong giai đoạn xây dựng. Các doanh nghiệp đang hoạt động đều đã hoàn thành các hạng mục xây dựng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật *(như sân, nền đổ bê tông, hệ thống thu gom, thoát nước đồng bộ...)*. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom phân loại và lưu giữ cơ bản đảm bảo yêu cầu. Vì vậy, trong quá quá trình hoạt động đã hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường đất.

Tham khảo kết quả phân tích mẫu đất tại dự án Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La trong khu công nghiệp Mai Sơn do Trung tâm kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất thực hiện tháng 4/2024 cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

Bảng 1.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03:2023/BTNMT
			R2256	R2257	R2258	R2259	Loại 3
1	Asen (As)	mg/kg	23,41	19,95	20,28	17,21	200

2	Cadimi (Cd)	mg/kg	<0,1	1,33	<0,1	0,88	60
3	Chì (Pb)	mg/kg	10,93	177,86	10,8	148,75	700
4	Đồng (Cu)	mg/kg	44,56	101,82	41,07	74,66	2000
5	Crom (Cr)	mg/kg	67,64	126,1	62,35	93,38	250

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất - tháng 4/2024)

Ghi chú:

- R2256: Mẫu đất phía Đông dự án

- R2257: Mẫu đất phía Tây dự án

- R2258: Mẫu đất phí Nam dự án

- R2259: Mẫu đất phía Bắc dự án

- Loại 3: Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

* Chất lượng môi trường nước: Nguồn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp hiện nay là suối Nậm Pàn *(cách Khu công nghiệp Mai Sơn khoảng gần 1km).*

Bảng 1.3. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt suối Nậm Pàn

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT
1	TSS	mg/L	17	≤ 25
2	pH	-	7,4	6,5 - 8,5
3	DO	mg/L	6,9	≥ 6,0
4	BOD_5	mg/L	**6,5**	≤ 4
5	COD	mg/L	**12,8**	≤ 10
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	0,15	0,3
7	Fluoride (F^-)	mg/L	< 0,20	1
8	Cyanide (CN^-)	mg/L	< 0,01	0,01
9	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	< 0,06	0,1
10	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	< 0,10	0,5
11	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	< 0,30	0,5
12	Chromi (6+) (Cr^{6+})	mg/L	< 0,008	0,01
13	Mangan (Mn)	mg/L	< 0,10	0,1
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	700	≤ 1000
15	E.Coli	MPN/100mL	≤ 2	20
16	Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$)	µg/L	KPH	0,1
17	Lindane ($C_6H_6Cl_6$)	µg/L	KPH	0,02

18	Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$)	µg/L	KPH	0,1
19	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($C_{14}H_9Cl_5$)	µg/L	KPH	1,0
20	Heptachlor&Heptachlorepoxide ($C_{10}H_5Cl_7$ & $C_{10}H_5Cl_7O$)	µg/L	KPH	0,2

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường - tháng 12/2024)

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- KPH: Không phát hiện

Trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt tại Suối Nậm Pàn *(sau điểm tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp)* do Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường thực hiện tháng 12/2024 cho thấy, về cơ bản các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Tuy nhiên, hàm lượng BOD_5 và COD trong nước mặt đã vượt quá giới hạn cho phép *(hàm lượng BOD_5 vượt 1,6 lần; hàm lượng COD vượt 1,28 lần)* hàm lượng BOD_5 và COD cao làm giảm nồng độ DO (oxi hòa tan trong nước) có hại cho sinh vật và hệ sinh thái dưới nước, do Suối Nậm Pàn chảy qua nhiều địa phận, khu vực dân cư và tiếp nhận nhiều loại nước thải, chất thải từ các hoạt động khác ngoài nước thải của khu công nghiệp nên đã có dấu hiệu bị ô nhiễm.

b) Quy mô, tính chất của các nguồn ô nhiễm môi trường (số lượng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; số lượng và loại hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Số lượng khu công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 Khu công nghiệp *(Khu công nghiệp Mai Sơn và Khu công nghiệp Vân Hồ)*. Trong đó, Khu công nghiệp Mai Sơn hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng *(Giai đoạn I)*; Khu công nghiệp Vân hồ đã được phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng 1/2.000 và đang kêu gọi, thu hút Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

- Số lượng và loại hình các cơ sở sản xuất kinh doanh trong Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)*:

TT	Tên doanh nghiệp	Dự án	Quy mô	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La	300 tấn/ngày đêm	11,4	Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh
2	Tổng công ty gas petrolimex – CTCP	Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La	90 bình/giờ	0,89	

3	Công ty TNHH Thanh Nhung	Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung	60.000 m^2/năm	1,07	Đang tạm dừng hoạt động
4	Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư thương mại Đoàn Phát Hưng	Xưởng chế biến lâm sản Đoàn Phát Hưng	90.000 m^2/năm	1,0	
5	Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	Nhà máy sản xuất đường glucose BHL Sơn La	9.600 tấn/năm	1,64	Đang hoàn thiện hồ sơ thuê đất
6	Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL Sơn La	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La	90.000 tấn/năm	1,64	
7	Công ty cổ phần sản xuất thương mại đầu tư VFI	Nhà máy sản xuất ngũ cốc ăn liền và hoa quả sấy	- Ngũ cốc Granula: 720 tấn/năm - Ngũ cốc bột: 300 tấn/năm - Hoa quả, rau củ quả sấy: 2.800 tấn/năm - Dịch sệt làm nhân bánh: 300 tấn/năm.	0,49	
8	Công ty TNHH Mavin Mai Sơn	Tổ hợp Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến nông sản Mavin Mai Sơn.	- Sản xuất thức ăn chăn nuôi: 200.000 tấn/năm. - Chế biến nông sản: 300.000 tấn/năm.	11,14	Đang hoàn thiện thủ tục bảo đảm dự án đầu tư

c) Quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).

* Tổng lượng nước thải: Tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trong khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* lượng nước thải sản xuất phát sinh lớn nhất từ Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La *(khoảng 3.738 m^3/ngày đêm)*, tuy nhiên Chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng và được UBND tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1147/GXN-UBND ngày 20/5/2019. Nước thải phát sinh sau khi xử lý đa phần được Nhà máy tuần hoàn tái sử dụng; Lượng nước thải ra môi trường khoảng 800 - 900 m^3/ngày đêm. Nước thải phát

sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trong khu công nghiệp đa phần là nước thải sinh hoạt, khối lượng không đáng kể *(thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là: BOD5, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Amoni...)* toàn bộ nước thải sinh hoạt đều được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả thải ra môi trường.

* Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng: Khối lượng nhỏ (31,41 tấn/năm); các đơn vị đang hoạt động có trách nhiệm thu gom, tập kết đúng quy định. Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La bố trí phương tiện, công nhân vào khu công nghiệp thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định *(tần suất thu gom, vận chuyển: 04 lần/tháng).*

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu công nghiệp khoảng 35.315 tấn/năm. Chủ yếu là chất thải rắn công nghiệp tại Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La (bao gồm: vỏ lụa sắn, bã sắn, bùn thải…), tuy nhiên lượng chất thải này chỉ phát sinh trong thời gian niên vụ sản xuất của nhà máy *(từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau)*, Công ty đã ký hợp đồng cung ứng cho các đơn vị khác làm nguyên liệu sản xuất. Tại các cơ sở khác, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất đa phần được tái sử dụng. Tỷ lệ thu gom đạt 98% và cơ bản được các doanh nghiệp thu gom, phân loại tại nguồn.

* Chất thải nguy hại: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 0,26 tấn/năm (gồm: dầu, nhớt thải, giẻ lau dầu mỡ, ắc quy thải...) các doanh nghiệp tự thu gom, lưu trữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Ban Quản lý thường xuyên hướng dẫn, nhắc nhở, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu trữ theo đúng quy định.

2. Tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường

a) Tổ chức bộ máy và nguồn lực:

- Số cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường làm công tác về bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý: 01 người.

- Số lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý: 01 lượt.

b) Tình hình thực hiện trách nhiệm quản bảo vệ môi trường theo quy định:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Ban Quản lý đã cụ thể hóa các chương trình, nghị quyết, kế hoạch, văn bản, tổ chức quán triệt, phổ biến và lồng ghép công tác bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình hoạt động nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình tham gia thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Tổ chức phát động phong trào và huy động sự tham gia của các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp đồng loạt ra quân thực hiện thu gom chất thải, dọn dẹp vệ sinh môi trường. Treo băng rôn, pano, áp phích, khẩu hiệu nhằm tuyên truyền, nhắc nhở, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia bảo vệ môi trường. Ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng mạng xã hội để truyền thông như: Hệ thống thông tin điều hành VNPT ioffice, Cổng thông tin điện tử, nhóm ZALO...

Hướng dẫn, khuyến khích các Doanh nghiệp trong khu công nghiệp hưởng ứng, tham gia các phong trào, cuộc vận động của các cấp, các ngành phát động như: Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Tháng hành động vì môi trường và Ngày môi trường thế giới 05/6, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn; hưởng ứng phong trào Phòng chống rác thải nhựa; triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn...

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở, dự án hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp thực hiện các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường và quản lý chất thải... đặc biệt là dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có lưu lượng xả chất thải lớn và loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Qua các đợt giám sát, doanh nghiệp cơ bản đều tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; kết quả kiểm nghiệm, phân tích các mẫu nước thải đều đạt quy chuẩn cho phép; đồng thời, qua quá trình giám sát thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở, đôn đốc Doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật, nhằm tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp khi được đề nghị phối hợp; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại khu công nghiệp.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoàn thành các thủ tục về môi trường: 06.

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được kiểm tra về bảo vệ môi trường: 0.

- Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết: 0

c) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu công nghiệp.

- Tình hình thu gom, thoát nước mưa: Đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông chủ yếu sử dụng loại cống tròn BTCT đường kính từ 800mm đến 2000mm, kết hợp với hệ thống rãnh hở BTCT tiết diện hình thang, hình chữ nhật bề rộng đáy B400 - B500mm nhằm tăng khả năng thoát nước cho khu vực sau đó thoát ra suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

- Về tình hình thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 2.500m^3/ngày đêm, sử dụng công nghệ *"Tiền xử lý hóa lý kết hợp với công nghệ xử lý sinh học A-O ứng dụng giá thể vi sinh chuyên dụng MBBR"*, đã thi công cơ bản hoàn thiện các hạng mục xây dựng như: Khối bể xử lý, bể tiếp nhận, bể gom sơ lắng, nhà điều hành, nhà pha trộn hóa chất, phòng máy thổi khí, nhà để máy phát điện, xưởng cơ khí và cống thu gom nước thải; lắp đặt xong máy móc thiết bị và Hệ thống quan trắc tự động, khối lượng thi công hoàn thành và đã nghiệm thu thanh toán đạt khoảng 92% so với hợp đồng *(đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2882/GP-UBND ngày 24/11/2021)*. Tuy nhiên, do vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nên chưa thi công hoàn thiện hệ thống đường ống thu gom nước thải nên chưa đủ điều kiện trình hồ sơ cấp Giấy phép môi trường.

Hiện nay, Ban Quản lý đang phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Mai Sơn và các đơn vị có liên quan tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo quy định để trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung. Phấn đấu hoàn thiện và đi vào vận hành chính thức Hệ thống trong Quý II/2025.

- Về quản lý chất thải rắn: Được các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp thu gom, lưu trữ đúng nơi quy định đồng thời hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Về kiểm soát khí thải: Tại các dự án, căn cứ vào nguyên liệu đầu vào và công nghệ sản xuất trong quá trình hoạt động đã bố trí hệ thống quạt thông gió trong nhà xưởng, điều hòa và làm mát không khí, ống khói có hệ thống lắng bụi và tiến hành quan trắc môi trường định kỳ để theo dõi, đánh giá chất lượng khí thải nhằm đảm bảo hạn chế gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I), nhằm xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố môi trường kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra trên thực tế. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được xây dựng phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc: Không

2. Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị các Sở, ngành liên quan tiếp tục có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong quá trình thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

IV. SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

(Có biểu số liệu kèm theo Báo cáo)

Trân trọng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh *(để b/c);*
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Đơn vị sự nghiệp;
- Lưu: VT, QLĐTXD,MT. 02b

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trà Quyết Thắng

UBND TỈNH SƠN LA **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 637/BQL-QLĐTXD&MT	*Sơn La, ngày 21 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I)

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 12/7/2018;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn;

Căn cứ các Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009; Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017; Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019; Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I (lần 02);

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BQL ngày 14/6/2023 của Ban Quản lý các

khu công nghiệp về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư Dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BQL ngày 19/9/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt đề dương nhiệm vụ và dự toán Lập hồ sơ cấp phép môi trường dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Tờ trình số 139/TTr-TTDVTV ngày 21/9/2023; đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đầu tư, xây dựng và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I), với những nội dung chính sau:

1. Tên nhà thầu: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La.

2. Giá trúng thầu: 363.238.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng)*

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 100 ngày.

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(Đại diện một số nhiệm vụ của Chủ đầu tư)* ký hợp đồng với Nhà thầu có tên tại Điều 1, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ban, Trưởng phòng Quản lý đầu tư, xây dựng và môi trường; Giám đốc Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, các đơn vị có liên quan và Nhà thầu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Đ/c Trưởng Ban (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT,XD&MT (03b).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

Trà Quyết Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 20 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

I. TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình: Hệ thống đường ống thu gom và xả thải thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung.

2. Tên dự án: Dự án đầu tư khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)

II. THỜI GIAN

+ Bắt đầu: 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2024.

+ Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2024.

- Địa điểm: Khu công nghiệp Mai Sơn.

III. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

Ông: Nguyễn Văn Mạnh	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Trần Văn Tính	Chức vụ: Viên chức QLDA
Ông: Nguyễn Thế Ninh	Chức vụ: Viên chức QLDA

2. Đại diện Nhà thầu tư vấn giám sát: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng cầu đường Sơn La.

Ông: Nguyễn Nam Sơn	Chức vụ: Giám đốc

3. Đại diện Nhà thầu thi công xây lắp: Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La.

Ông: Nguyễn Văn Hoàn	Chức vụ: Giám đốc
Ông:	Chức vụ:

IV. NỘI DUNG

1. Căn cứ

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Căn cứ Văn bản số 2426/HĐND ngày 20/5/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Căn cứ Văn bản số 1535/UBND-TH ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc lập dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Sơn La Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I) - Hạng mục hệ thống cấp nước;

- Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Hạng mục: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;

- Nhật ký thi công trong quá trình thi công;

- BBNT các công việc xây dựng đã thực hiện;

- Biên bản nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm, thí nghiệm đối chứng; Văn bản, tài liệu quản lý chất lượng thi công kèm theo Hồ sơ hoàn thành công trình được Tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận theo quy định.

Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng;

Các tài liệu khác có liên quan.

2. Quy mô công trình:

Hệ thống đường ống thu gom và xả thải thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung

3. Đánh giá khối lượng, chất lượng công trình xây dựng:

3.1. Công việc đủ điều kiện và đã nghiệm thu

Công tác xây lắp: Tuyến mương hở tiêu thuỷ; Mạng lưới đường ống thoát nước thải đã thi công cơ bản hoàn thành và đã đưa vào vận hành khai thác; Hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa và hố ga đã thi công xong cơ bản theo hồ sơ thiết kế *(Chi tiết có hồ sơ bản vẽ hoàn công kèm theo).*

3.2 Công việc chưa nghiệm thu

Hiện còn vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng của 02 tuyến CN4 và CN5 là khoảng 0,6 Km do vậy chưa triển khai thi công.

4. Khó khăn, tồn tại:

- Dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I) có quy mô 63,7 ha, diện tích đã giải phóng mặt bằng 45,78/63,7 ha đạt 72%. Diện tích còn lại chưa giải phóng được mặt bằng là: 18,3ha *"Bao gồm 18/63,7ha của (giai đoạn I) chưa được GPMB và 0,3ha thu hồi bổ sung phạm vi ta luy mái đường tuyến CN2; CN3"*, do vậy không thể thi công đồng bộ hạ tầng dự án, hiện tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đã thi công cơ bản hoàn thành và đã nuôi cấy vi sinh vận hành chạy thử từ tháng 10/2023 tuy nhiên các hệ thống thu gom nước thải chưa thi công hoàn thiện được do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng.

5. Các ý kiến khác:

Công tác xây lắp: Khối lượng chưa hoàn thành không làm ảnh hưởng đến chất lượng và công tác sử dụng của công trình, các bên thống nhất nghiệm thu Hệ thống đường ống thu gom và xả thải thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung hoàn thành từ thời điểm 20/4/2024 và yêu cầu nhà thầu xây lắp phải có trách nhiệm hoàn thiện những công việc chưa đủ điều kiện nghiệm thu trước khi trình cấp có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

V. KẾT LUẬN

Đồng ý nghiệm thu Hệ thống đường ống thu gom và xả thải thuộc Nhà máy xử lý nước thải tập trung hoàn thành kể từ ngày 20/04/2024.

Biên bản kết thúc cùng ngày, được các thành viên tham gia nhất trí thông qua./.

TRUNG TÂM DV, TV VÀ HTKT KHU CÔNG NGHIỆP	**Đ. D ĐƠN VỊ GIÁM SÁT**
TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA	CÔNG TY T.N H.H MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG SƠN LA
Nguyễn Văn Mạnh	**Nguyễn Nam Sơn**

Đ.D ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

Nguyễn Văn Hoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 20 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

I. TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên công trình: Nhà máy xử lý nước thải tập trung

2. Tên dự án: Dự án đầu tư khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)

II. THỜI GIAN

+ Bắt đầu: 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2024.

+ Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2024.

- Địa điểm: Khu công nghiệp Mai Sơn.

III. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

Ông: Nguyễn Văn Mạnh	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Trần Văn Tính	Chức vụ: Viên chức QLDA
Ông: Nguyễn Thế Ninh	Chức vụ: Viên chức QLDA

2. Đại diện Nhà thầu tư vấn giám sát: Trung tâm giám định chất lượng xây dựng.

Ông: Lê Huy Hùng	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông: Trương Ngọc Quân	Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng
Ông: Đinh Hoài Nam	Chức vụ: Tư vấn giám sát viên

3. Đại diện Nhà thầu thi công xây lắp: Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La.

Ông: Nguyễn Văn Hoàn	Chức vụ: Giám đốc
Ông:	Chức vụ:

IV. NỘI DUNG

1. Căn cứ

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Căn cứ Văn bản số 2426/HĐND ngày 20/5/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Căn cứ Văn bản số 1535/UBND-TH ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc lập dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Sơn La Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I) - Hạng mục hệ thống cấp nước;

- Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Hạng mục: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;

- Nhật ký thi công trong quá trình thi công;

- BBNT các công việc xây dựng đã thực hiện;

- Biên bản nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm, thí nghiệm đối chứng; Văn bản, tài liệu quản lý chất lượng thi công kèm theo Hồ sơ hoàn thành công trình được Tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận theo quy định.

Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng;

Các tài liệu khác có liên quan.

2. Quy mô công trình:

Hạng mục Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Quy mô 2.500 m3/ngày đêm; Tổng mức đầu tư 28.049 triệu đồng.

3. Đánh giá khối lượng, chất lượng công trình xây dựng:

3.1. Công việc đủ điều kiện và đã nghiệm thu

Công tác xây lắp: Hạng mục đã thi công xong khối bể xử lý, bể tiếp nhận, bể gom sơ năng, nhà điều hành, nhà pha trộn hóa chất, phòng máy thổi khí, nhà để máy phát điện, xưởng cơ khí, cống thu gom nước thải. Lắp đặt máy móc thiết bị theo hồ sơ thiết kế.

Công tác vận hành chạy thử: Hạng mục đã vận hành chạy thử vào tháng 10/2023, trong quá trình chạy thử, nhà thầu xây lắp đã hợp đồng với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra; Chất lượng nước thải đầu ra cơ bản đã đạt theo yêu cầu của hợp đồng.

3.2 Công việc chưa nghiệm thu

Máy phát điện 200 KVA; Hệ thống điều khiển PLC và một số hạng mục sửa chữa nhỏ …

4. Khó khăn, tồn tại:

- Dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I) có quy mô 63,7 ha, diện tích đã giải phóng mặt bằng 45,78/63,7 ha đạt 72%. Diện tích còn lại chưa giải phóng được mặt bằng là 14,9 ha, do vậy không thể thi công đồng bộ hạ tầng dự án, hiện tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đã thi công cơ bản hoàn thành và đã nuôi cấy vi sinh vận hành chạy thử từ tháng 10/2023 tuy nhiên các hệ thống thu gom nước thải chưa thi công hoàn thiện được do vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng.

- Hồ sơ hoàn công Nhà máy xử lý nước thải tập trung đã bàn giao cho Trung tâm quan trắc- Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ công tác lập Giấy phép môi trường, tuy nhiên trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn do dự án khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I) tại thời điểm chưa đáp ứng được các quy định của Luật môi trường về cấp Giấy phép môi trường, do không có Giấy phép môi trường không có phương án vận hành để nghiệm thu Công trình bảo vệ môi trường *(Nhà máy xử lý nước thải tập trung).*

- Hiện tại Khu công nghiệp Mai Sơn chưa có nước thải *(Nhà máy chế biến sắn của Công ty cổ phần BHL đang được cấp phép xả thải trực tiếp không qua hệ thống thu gom của khu công nghiệp)* do vậy Nhà máy xử lý nước thải tập trung đã vận hành chạy thử nhưng vẫn không đủ điều kiện để nghiệm thu đưa và sử dụng *(Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều về Luật bảo vệ Môi trường sau khi có Giấy phép môi trường quá trình chạy thử Nhà máy xử lý nước thải từ 03 đến 06 tháng; và theo Điều 21 Thông tư 22/2022/ TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.tần xuất lấy mẫu là 15 ngày 01 lần).*

5. Các ý kiến khác:

Công tác xây lắp: Khối lượng chưa hoàn thành không làm ảnh hưởng đến chất lượng và công tác sử dụng của công trình, các bên thống nhất nghiệm thu hoàn thành công trình và yêu cầu nhà thầu xây lắp phải có trách nhiệm hoàn

thiện những công việc chưa đủ điều kiện nghiệm thu trước khi trình cấp có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Các bên thống nhất phương án tạm ngừng chạy thử Hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung từ ngày 20/04/2024 theo kiến nghị của nhà thầu xây lắp tại Công văn số 22/CV/HK ngày 17/4/2024 cho đến khi công trình được cấp Giấy phép bảo vệ Môi trường. Nhà thầu xây lắp cam kết tự bỏ kinh phí để phục vụ công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị, tiếp tục vận hành chạy thử sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt Giấy phép môi trường đến khi bàn giao công trình đảm bảo theo đúng quy định. Trong thời gian tạm dừng yêu cầu nhà thầu xây lắp bố trí nhân sự bảo vệ đảm bảo an ninh trật tự cũng như an toàn mọi mặt trong phạm vi công trình.

Các công việc xây dựng hoàn thành từ thời điểm 20/4/2024 sẽ được các bên nghiệm thu theo quy định và sẽ chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước và sẽ được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng xây lắp số 02/2017/HĐ-XL ngày 27/02/2017 mà 02 bên đã ký kết.

V. KẾT LUẬN

Đồng ý nghiệm thu công trình: Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I) hoàn thành kể từ ngày 20/04/2024.

Biên bản kết thúc cùng ngày, được các thành viên tham gia nhất trí thông qua./.

TRUNG TÂM DV, TV VÀ HTKT KHU CÔNG NGHIỆP	**Đ. D ĐƠN VỊ GIÁM SÁT**
TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA	TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG
Nguyễn Văn Mạnh	**Lê Huy Hùng**

Đ.D ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

Nguyễn Văn Hoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 24 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

I. TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Tiểu hạng mục hồ xử lý sự cố môi trường thuộc hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải tập trung, dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I).

II. THỜI GIAN

+ Bắt đầu: 08 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2025.

+ Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 6 năm 2025.

- Địa điểm: Khu công nghiệp Mai Sơn.

III. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Chủ đầu tư: Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

Ông: Nguyễn Văn Mạnh	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Trần Văn Tính	Chức vụ: Viên chức QLDA
Ông: Nguyễn Thế Ninh	Chức vụ: Viên chức QLDA

2. Đại diện Nhà thầu tư vấn giám sát: Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng.

Ông: Lê Huy Hùng	Chức vụ: Phó Giám đốc
Ông: Trương Ngọc Quân	Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng
Ông: Đinh Hoài Nam	Chức vụ: Tư vấn giám sát viên

3. Đại diện Nhà thầu thi công xây lắp: Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La.

Ông: Nguyễn Văn Hoàn	Chức vụ: Giám đốc
Ông:	Chức vụ:

IV. NỘI DUNG

1. Căn cứ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng quy định về hướng dẫn một số nội dung xác định quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng công trình; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, giai đoạn I; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009; Quyết định số 651/QĐ- UBND ngày 24/3/2017; Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BQL ngày 26/12/2008 của Ban Quản lý khu công nghiệp Mai Sơn về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải - Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 31/QĐ-BQL ngày 18/12/2009 của Ban Quản lý khu công nghiệp Mai Sơn về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh lại hạng mục công trình: Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-BQL ngày 06/11/2018; Quyết định số 700/QĐ BQL ngày 16/9/2021; Quyết định số 884/QĐ-BQL ngày 09/11/2021; Quyết định số 2 364/QĐ-BQL ngày 14/6/2023; Quyết định số 456/QĐ-BQL ngày 22/5/2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư Dự án khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-BQL ngày 07/7/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục Nhà máy xử lý nước thải tập trung, thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

Căn cứ Công văn 1689/UBND-KT ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-BQL ngày 13/6/2025 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh hạng mục Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I).

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan;

- Nhật ký thi công trong quá trình thi công;

- BBNT các công việc xây dựng đã thực hiện;

- Biên bản nghiệm thu bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm, thí nghiệm đối chứng; Văn bản, tài liệu quản lý chất lượng thi công kèm theo Hồ sơ hoàn thành công trình được Tư vấn giám sát kiểm tra, xác nhận theo quy định.

Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng;

Các tài liệu khác có liên quan.

2. Quy mô công trình:

- Bổ sung Hồ xử lý sự cố (dung tích hồ chứa là 1.200m3) vào hạng mục Nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I). Với các nội dung chi tiết như sau:

+ Vị trí xây dựng hồ sự cố được đặt trong phạm vi nhà máy xử lý nước thải của giai đoạn I trên phần diện tích đất cây xanh, thảm cỏ đã được duyệt tại Quyết định 2655/QĐ-UBND ngày 02/12/2020.

+ Kích thước hình học:

- Chiều dài mặt hồ là 60m;

- Chiều rộng mặt hồ là 8,78m;

- Chiều sâu là 3,5m;

- Chiều dài đáy hồ là 54,755m;

- Chiều rộng đáy hồ là 3,53m.

+ Dung tích hồ chứa là 1.200m3.

+ Phần kết cấu:

(1) nền đất tự nhiên;

(2) Rải lớp vải địa kỹ thuật;

(3) Màng chống thấm HDPE dày 1mm.

+ Vật liệu chính ống nhựa PVC, các phụ kiện ống; va khoá, mặt bích; cút, chếc; mối nối mềm; cát; đá 1x2cm; Xi măng PCB30; dây dẫn điện; máy bơm, các phụ kiện khác.

3. Đánh giá khối lượng, chất lượng công trình xây dựng:

- Công trình đã được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt;
- Bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn và chất lượng;
- Không phát hiện sai sót ảnh hưởng đến chức năng sử dụng.

4. Các ý kiến khác:

- Không.

V. KẾT LUẬN

Đồng ý nghiệm thu tiểu hạng mục hồ xử lý sự cố môi trường thuộc hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải tập trung, dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I), hoàn thành kể từ ngày 24/6/2025.

Biên bản kết thúc cùng ngày, được các thành viên tham gia nhất trí thông qua./.

TRUNG TÂM DV, TV VÀ HTKT KHU CÔNG NGHIỆP	**Đ. D ĐƠN VỊ GIÁM SÁT**
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA – TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA	PHÓ GIÁM ĐỐC – SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA – TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Nguyễn Văn Mạnh	**Lê Huy Hùng**

Đ. D ĐƠN VỊ THI CÔNG

M.S.D.N: 6500[illegible]672-C.T.N.H.H – CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA – H. MAI SƠN - T. SƠN LA

Nguyễn Văn Hoàn

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1 BỂ XỬ LÝ
2 PHÒNG PHA TRỘN HÓA CHẤT
3 PHÒNG MÁY THỔI KHÍ
4 NGĂN TIẾP NHẬN - MÁY ÉP BÙN
5 NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN
6 XƯỞNG CƠ KHÍ
7 BỂ CẤP NƯỚC
8 NHÀ ĐIỀU HÀNH
9 ~~BỂ GOM SƠ LẮNG~~ (XÂY MỚI)
10 NHÀ TRẠM QUAN TRẮC (XÂY MỚI)
11 NHÀ ĐỂ XE (XÂY MỚI)

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng

Kiểm chứng

NỘI BỘ KHU CÔNG NGHIỆP

SÂN BÊ TÔNG

B

KÝ HIỆU
MỐC CAO ĐỘ
NHÀ 2 TẦNG
NHÀ 1 TẦNG
NHÀ TẠM, NHÀ DÂN
Đá MỒ CÔI
RUỘNG LÚA
RUỘNG MÀU
CÂY ĐỘC LẬP
LÙM CÂY
TRẠM BIẾN ÁP
ĐƯỜNG LIÊN XÃ
ĐƯỜNG MÒN
CỐNG QUA ĐƯỜNG
TƯỜNG RÀO
BỂ NƯỚC
AO
MỘ
ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
CỘT ĐIỆN CAO THẾ
CỘT ĐIỆN HẠ THẾ
RANH GIỚI

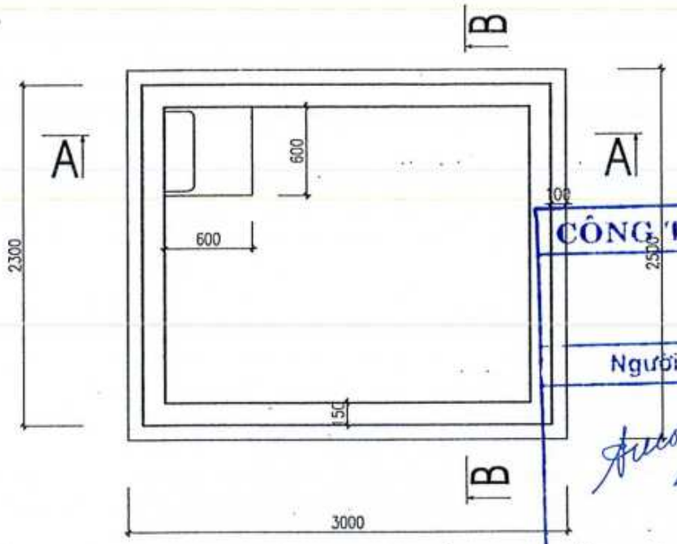
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN THANH TÙNG	
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH	
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	TMB-01



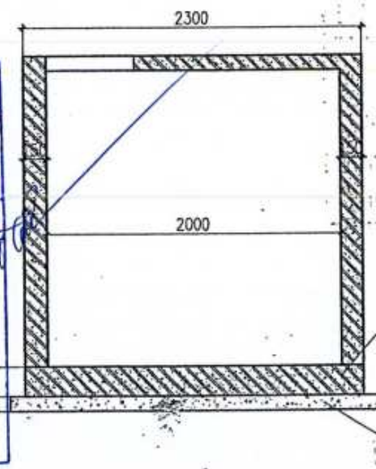
MẶT BẰNG BỂ NƯỚC

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
	Ngô Văn Trang	Trần Ngọc Quân



MẶT CẮT A-A

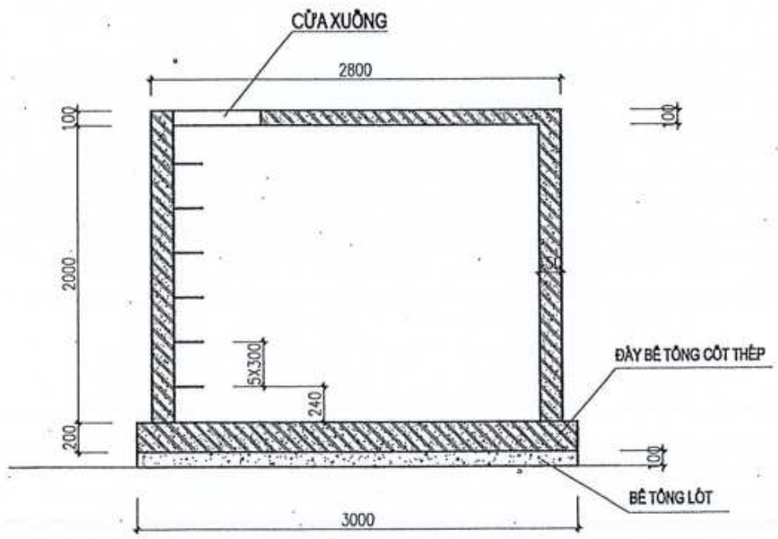
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra

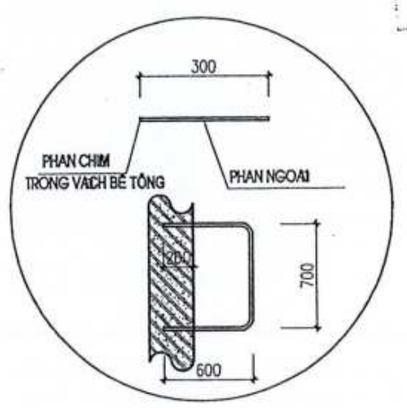
Kèm theo báo cáo thẩm tra số...../GĐCTT

Họ tên:..... Chữ ký

Sơn La, ngày ... tháng ... năm 20...



MẶT CẮT B-B

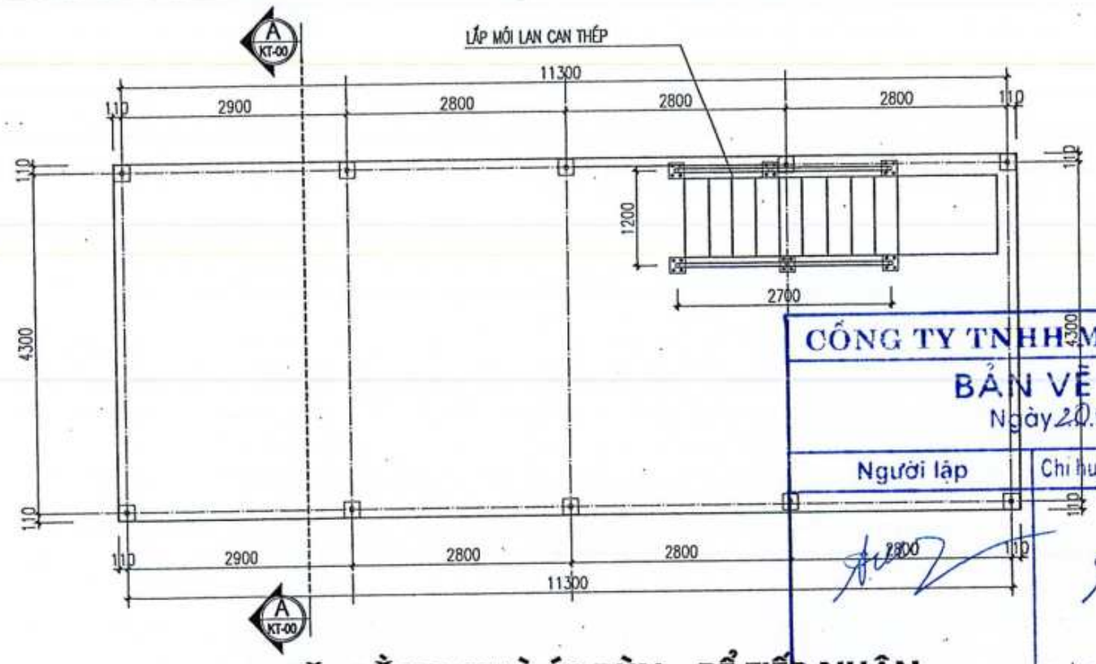


CHI TIẾT THANG THĂM BỂ

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG:

BỂ CẤP NƯỚC BẰNG BTCT ĐƯỢC XÂY DỰNG TỪ LÂU.
THÀNH VÁCH BỂ KHÔNG ĐƯỢC TRÁT, QUA THỜI GIAN DÀI KHÔNG SỬ DỤNG ĐÃ MỌC RÊU MỐC
TRONG BỂ ĐỌNG NƯỚC MƯA GÂY MẤT VỆ SINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH S... DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIA... HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP...
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		HIỆN TRẠNG
PHÊ DUYỆT	KTS. TRẦN THANH TÙNG		
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH		
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH		TỶ LỆ
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN		



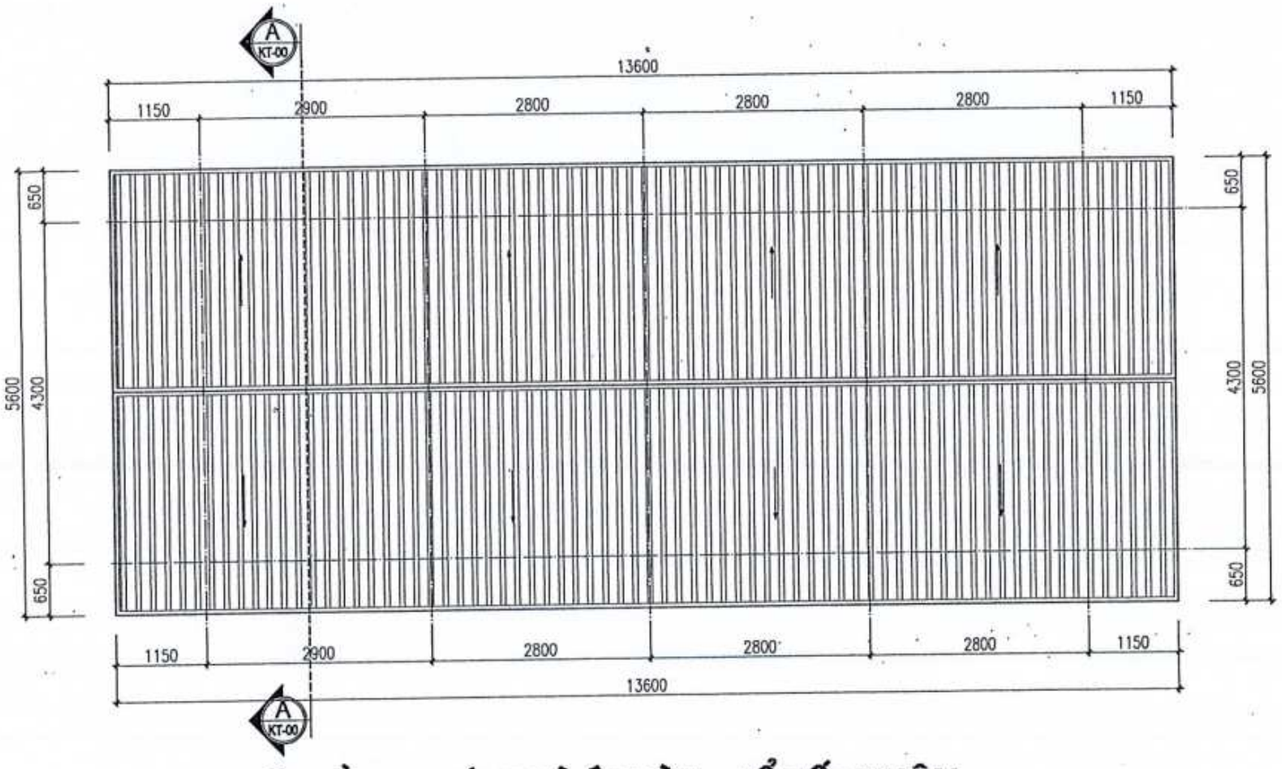
MẶT BẰNG NHÀ ÉP BÙN - BỂ TIẾP NHẬN

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

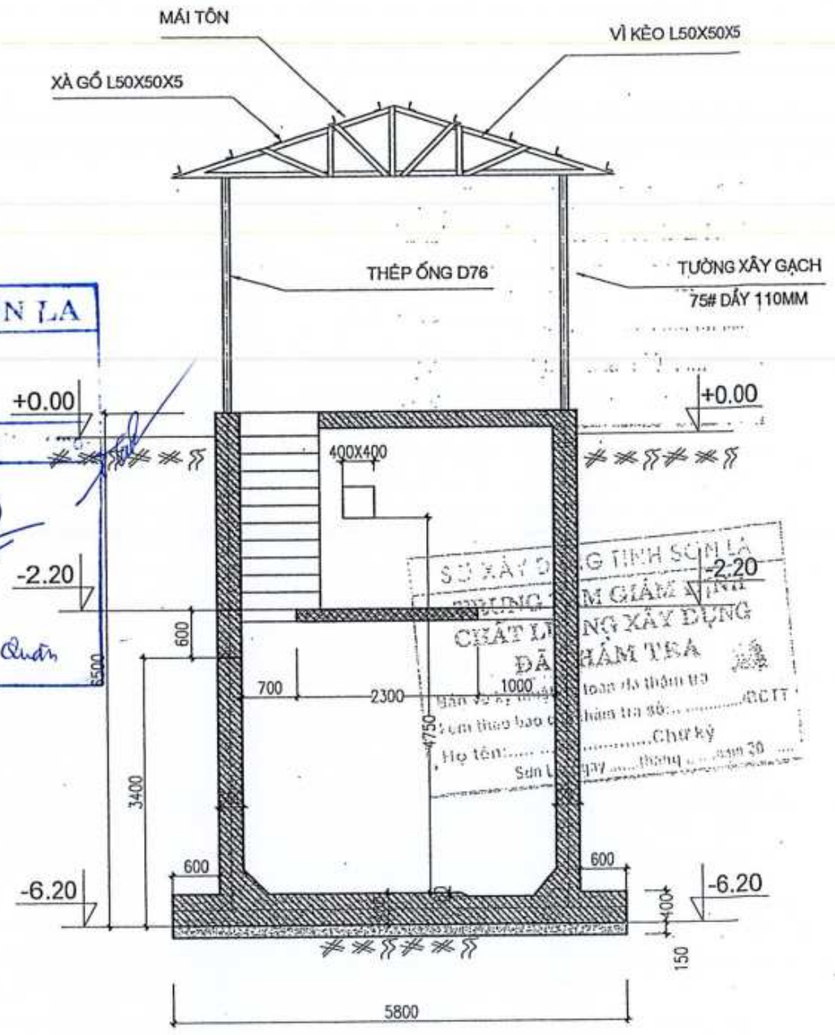
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
	Ngô Văn Tiang	Teddy Ngọc Quân



MẶT BẰNG MÁI NHÀ ÉP BÙN - BỂ TIẾP NHẬN



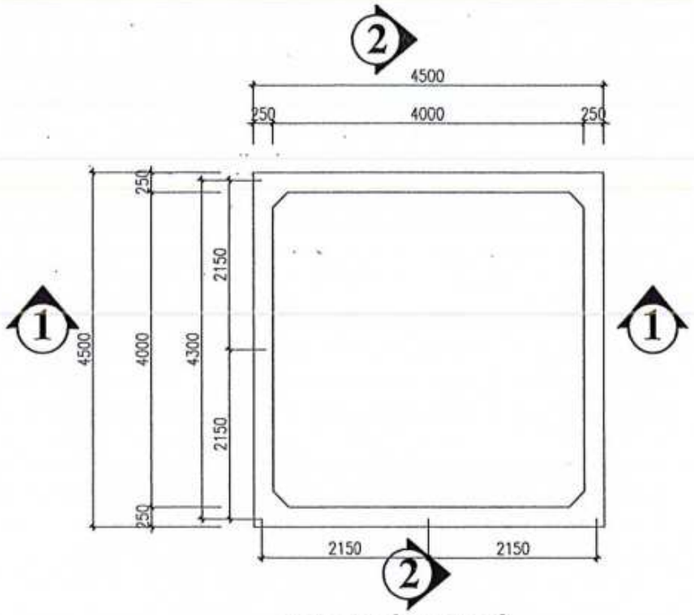
SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
PHÒNG THẨM ĐỊNH GIÁM SÁT
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG
ĐÃ KIỂM TRA
Bản vẽ đã thẩm tra
Ý kiến thẩm tra số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 20..... của .....
Họ tên: ..... Chữ ký
Sơn La, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG:

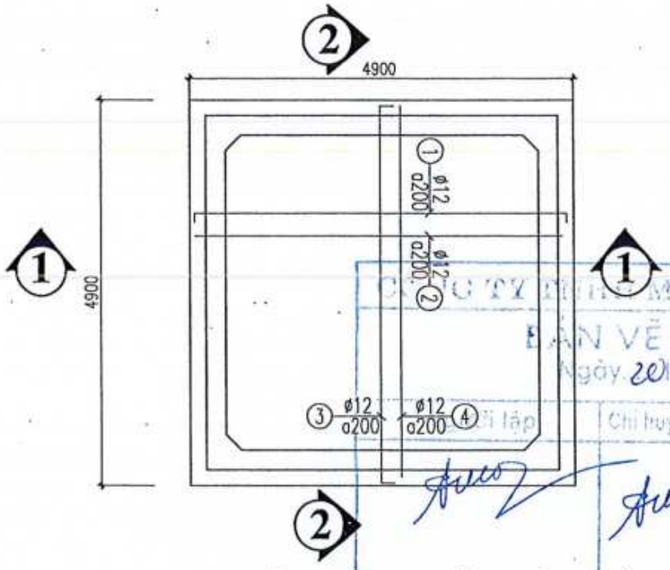
- NHÀ ÉP BÙN ĐƯỢC XÂY DỰNG PHÍA TRÊN BỂ TIẾP NHẬN.
- NHÀ ÉP BÙN MỚI CHỈ CÓ HỆ THỐNG CỘT KÈO THÉP VÀ MÁI CHE. TOÀN BỘ HỆ THỐNG CỘT VÌ KÈO ĐÃ BỊ HOEN RỈ, TRÓC SƠN
- LỐI XUỐNG BỂ TIẾP NHẬN KHÔNG CÓ LAN CAN GÂY BẤT TIỆN KHI DI CHUYỂN
- BỂ TIẾP NHẬN BẰNG BTCT BỊ ĐỌNG NƯỚC, CẤU BẨN

S.Đ.K.K.D: 0103216561 CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

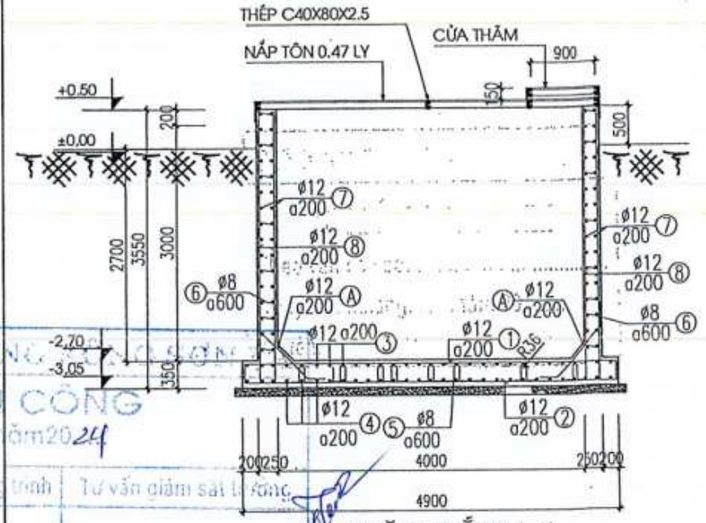
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG		
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		HIỆN TRẠNG NHÀ ÉP BÙN - BỂ TIẾP NHẬN	
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN THANH TÙNG			
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH			
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			2020
				KÍ HIỆU BV HT-02



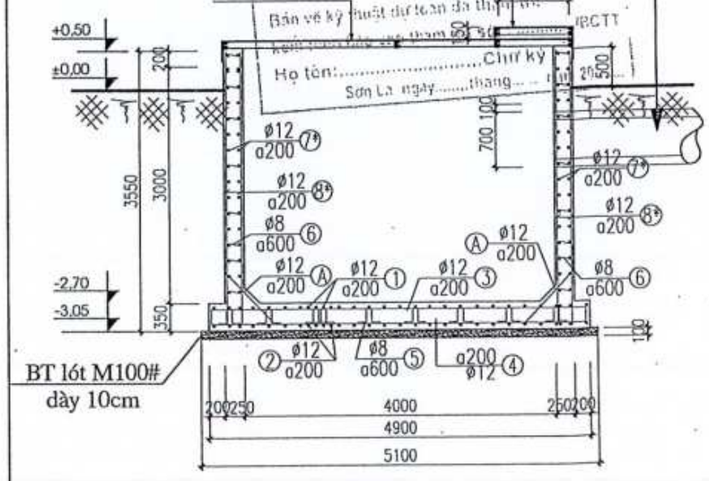
MẶT BẰNG BỂ



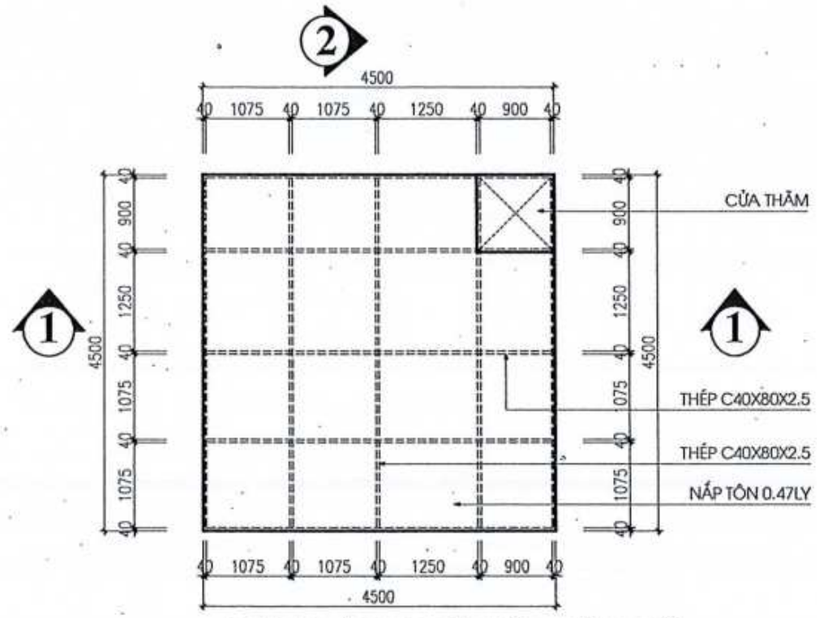
MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT BẰNG TÔN ÚP NÓC BỂ

- THÉP C40X80X2.5, TỔNG CHIỀU DÀI L= 49.24(M)
- SỬ DỤNG TÔN TẤM 0.47LY
- BẢN MÃ 200X200X6: 0.32 M2
- BULONG D16: 32 CÁI

Ghi chú:

- Bê tông M250, đá 1x2
- Chiều dày lớp bảo vệ là 3cm
- Cốt thép D<10, dùng AI Ra=2300Kg/cm2
- Cốt thép D>10, dùng AII Ra=2800Kg/cm2
- Cốt thép đo cắt theo thực tế
- Cốt thép uốn nối theo quy phạm
- Đơn vị ghi cao độ là m, ghi kích thước là mm
- Cần kết hợp xem cùng các bản vẽ liên quan khác

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
ĐÁY VÀ THÀNH BỂ Số lượng: 1	1	300 4820 300	12	5420	26	26	140.92	125.11
	2	4820	12	4820	26	26	125.32	111.26
	3	300 4820 300	12	5420	26	26	140.92	125.11
	4	4820	12	4820	26	26	125.32	111.26
	5	36 250 150 250 150	8	913.04	81	81	73.95624	29.18
	6	50 200 50	8	300	192	192	57.6	22.752
	7	4050 4050 350	12	16910	17	17	287.47	255.22
	7*	4450 4450 350	12	18510	17	17	314.67	279.37
	8	400 3500	12	3900	184	184	717.6	637.10
	A	350 880 350	12	1580	80	80	126.4	112.22

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		BỂ GOM SƠ LẮNG (XÂY MỚI)
CHỦ TRÌ	KTS. TRẦN THANH TÙNG		
THIẾT KẾ	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH		
THỂ HIỆN	KTS. PHẠM NGỌC ÁNH	TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC / KÍ HIỆU BV: BSL-01
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN		2020

CÔNG TY ĐIỆN MTV HÒNG ... SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024
Chỉ huy trưởng công trình | Tư vấn giám sát
SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
ĐÃ THẨM TRA
Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra
Họ tên: ..... Chữ ký
Sơn La ngày ..... tháng .....

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Ngô Văn Trang		Trần Ngọc Quân

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra kèm theo báo cáo thẩm tra số ...../BCTT

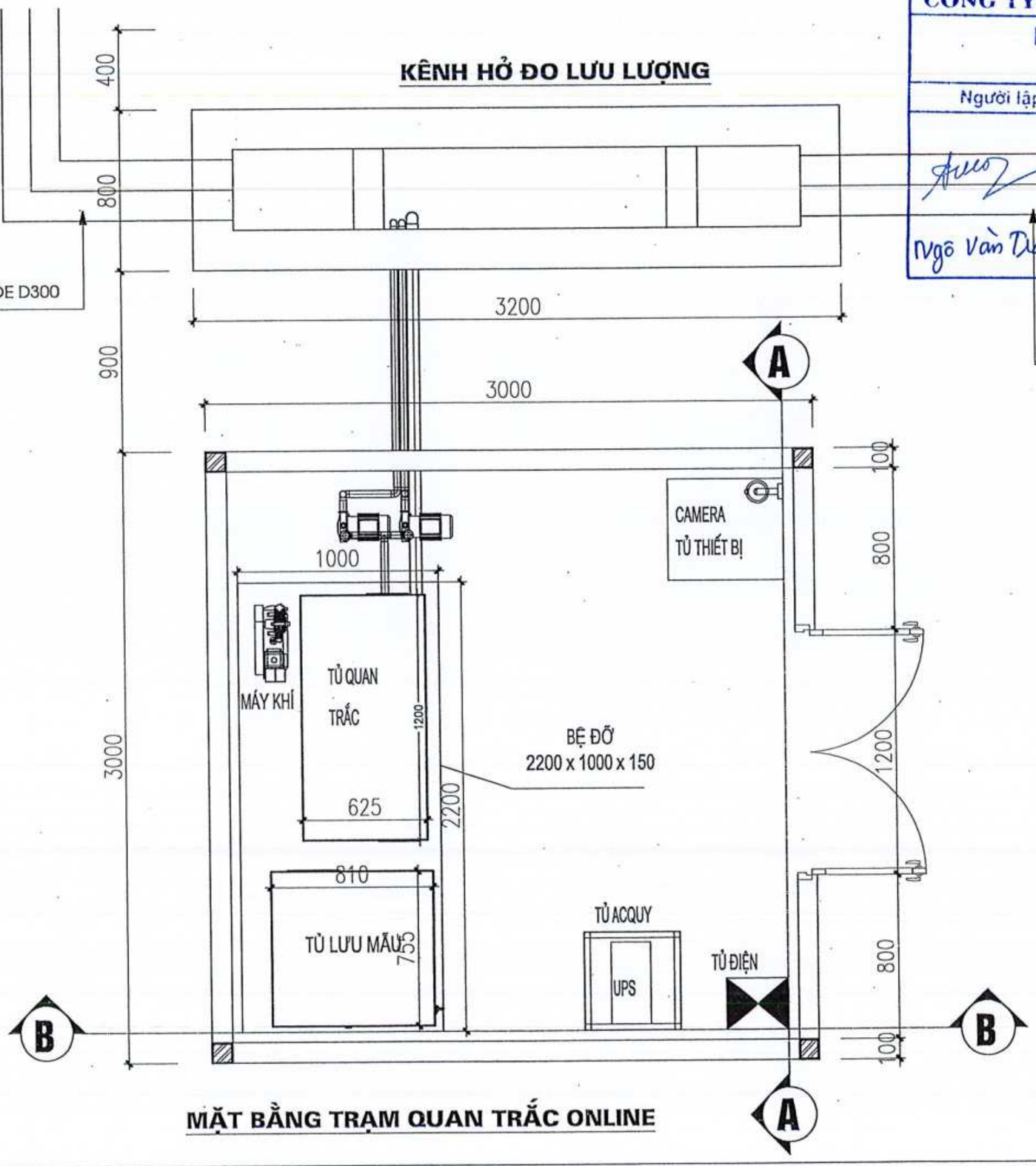
Họ tên:..... Chữ ký

Sơn La ngày..... tháng..... năm 20.....

PHẦN: TRẠM QUAN TRẮC ONLINE (XÂY MỚI)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC ĐBA

KÊNH HỞ ĐO LƯU LƯỢNG



MẶT BẰNG TRẠM QUAN TRẮC ONLINE

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưở...
Ngô Văn Duy		Trần Ngọc Quân

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra

Kèm theo báo cáo thẩm tra số:...../BCTT

Họ tên:.....Chữ ký

Sơn La, ngày.....tháng..... năm 20 ....

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY GỒM:

03 BÌNH MFZ4;

01 BÌNH MT3;

01 BỘ NỘI QUY PCCC

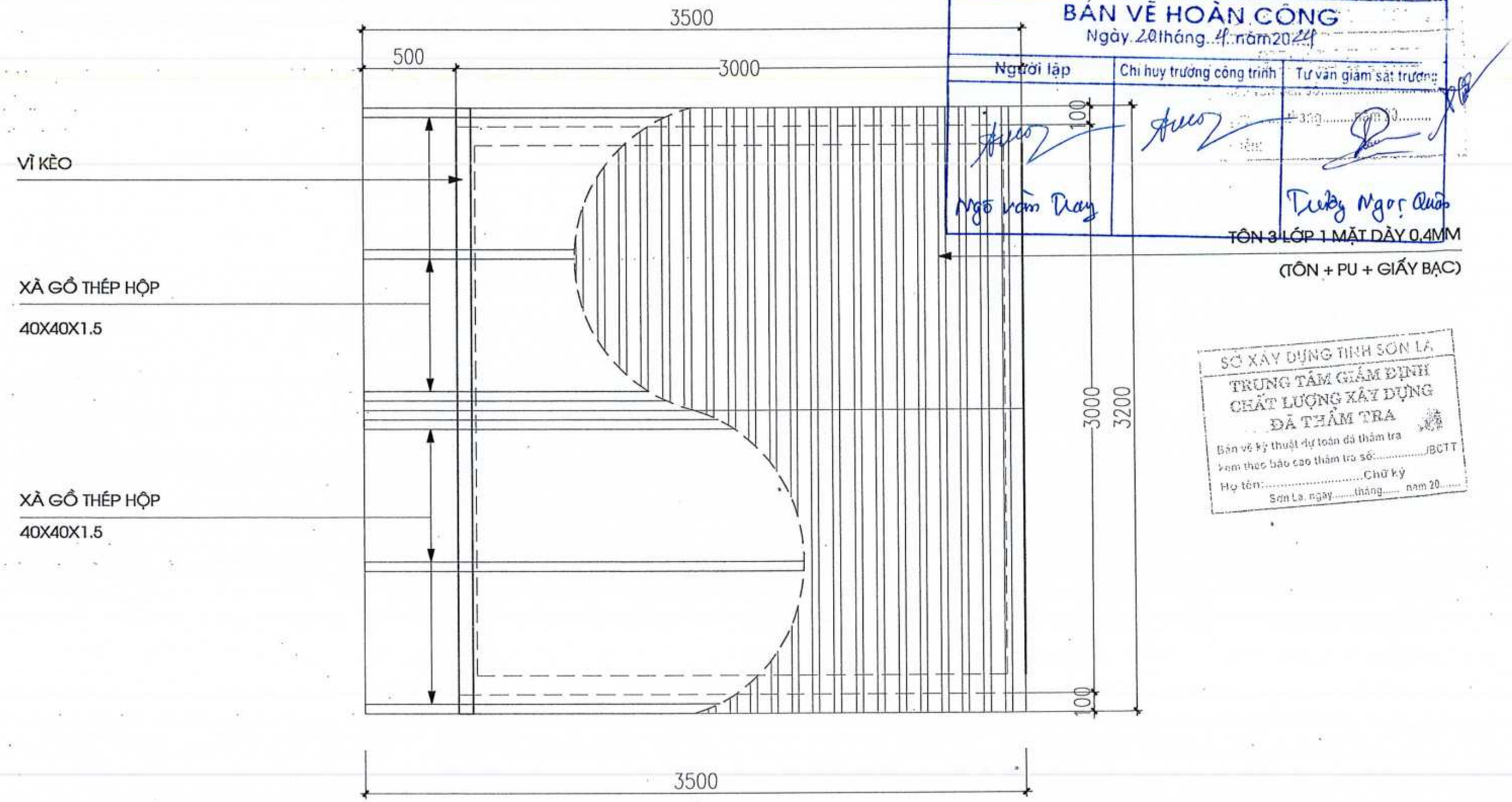
dpa Architects & Planners	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA	CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	MẶT BẰNG TRẠM QUAN TRẮC ONLINE
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG	
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH	TỶ LỆ / HỒ SƠ TKBVTC 2020 / KÍ HIỆU BV QT-01
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Ngô Văn Duy		Trần Ngọc Quý



SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra kèm theo báo cáo thẩm tra số:...../BCTT

Họ tên:.....Chữ ký

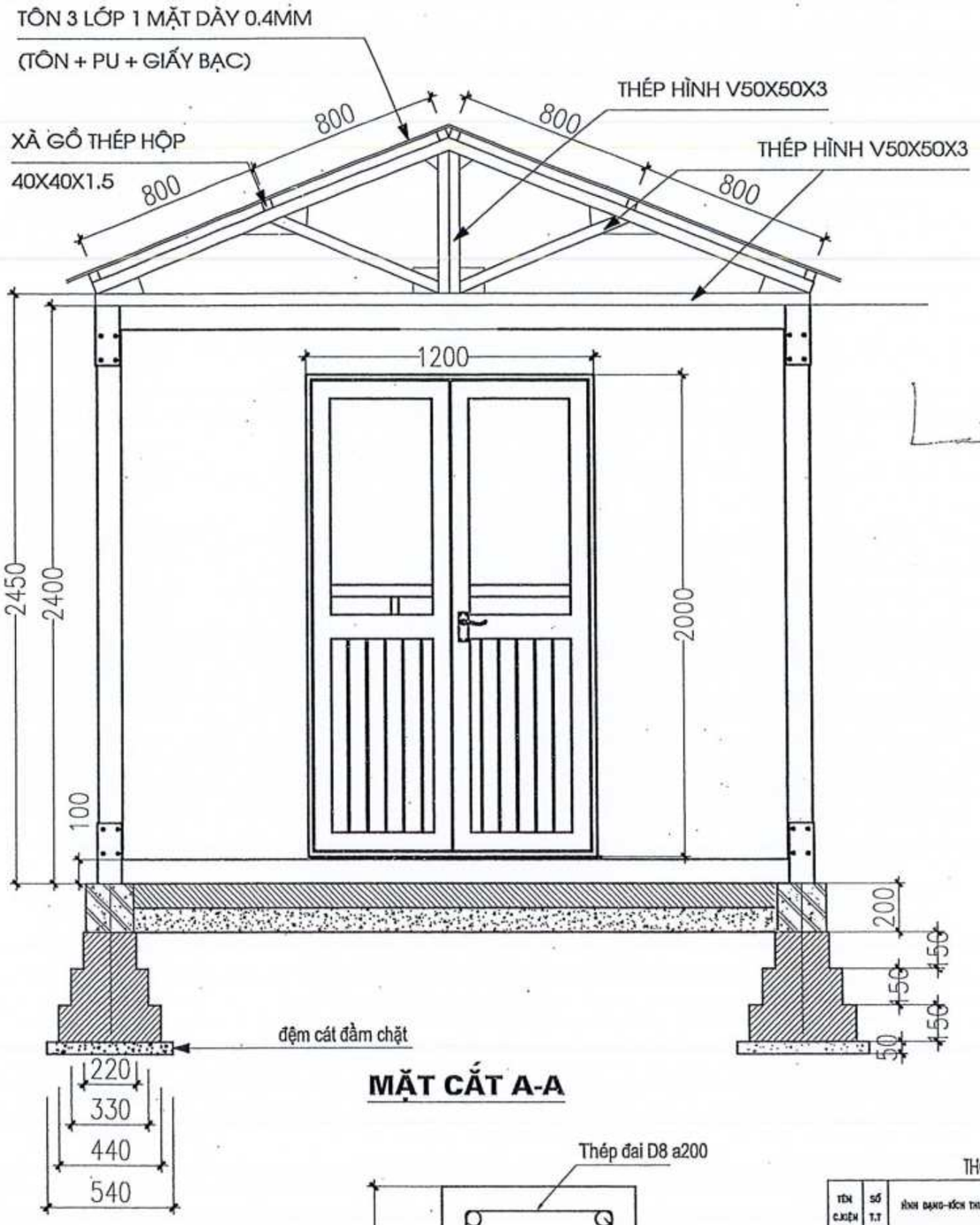
Sơn La, ngày.....tháng..... năm 20.....

MẶT BẰNG MÁI TRẠM QUAN TRẮC ONLINE

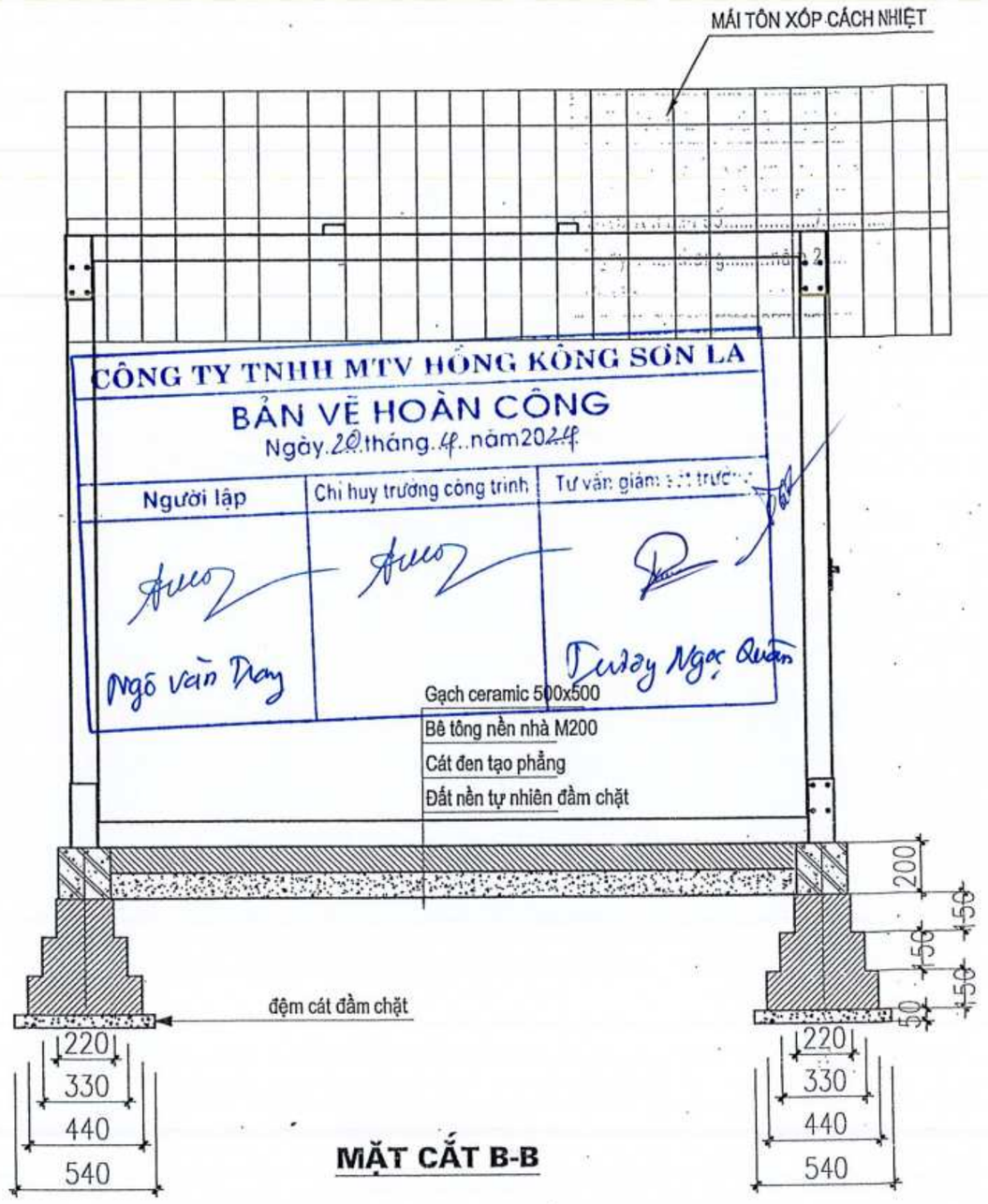
THỐNG KÊ THÉP:

XÀ GỒ THÉP HỘP 40X40X1.5: CHIỀU DÀI L= 21M
VÌ KÈO THÉP: SỐ LƯỢNG 02
THỐNG KÊ CHO 1 VÌ KÈO: THÉP HÌNH L50X50X3.0, CHIỀU DÀI L=8.7M
THÉP BẢN DÀY 6MM, DIỆN TÍCH: S=0.15M2

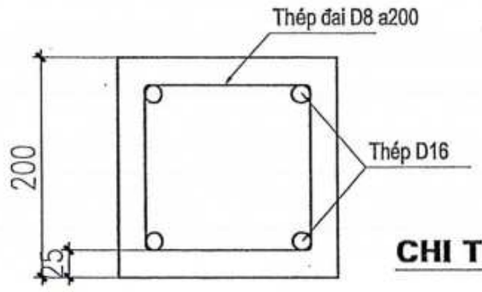
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG			
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		MẶT BẰNG MÁI TRẠM QUAN TRẮC ONLINE		
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG				
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH				
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			2020	QT-02



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHI TIẾT GIẰNG MÓNG

THỐNG KÊ THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DẠNG-KÍCH THƯỚC	Ø mm	CHIỀU DÀI 1 THANH mm	SỐ LƯỢNG C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.SỐ	TỔNG CHIỀU DÀI m	TỔNG T.LƯỢNG Kg <Ø10	TỔNG T.LƯỢNG Kg <Ø18	TỔNG T.LƯỢNG Kg >Ø18
GIẰNG BUỘC	1	12000	18	12000	4	4	48		75.76	
	2	50 170 170	8	780	60	60	46.8	18.47		
TỔNG								18.47	75.76	

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trực...
Ngô Văn Dung		Dương Ngọc Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC dpa		CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG	
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	MẶT CẮT TRẠM QUAN TRẮC ONLINE	
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG		
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH		
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH	TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN		2020
		KÍ HIỆU BV	QT-03

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 11 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Ngô V Tùng		Trần V Quân

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA

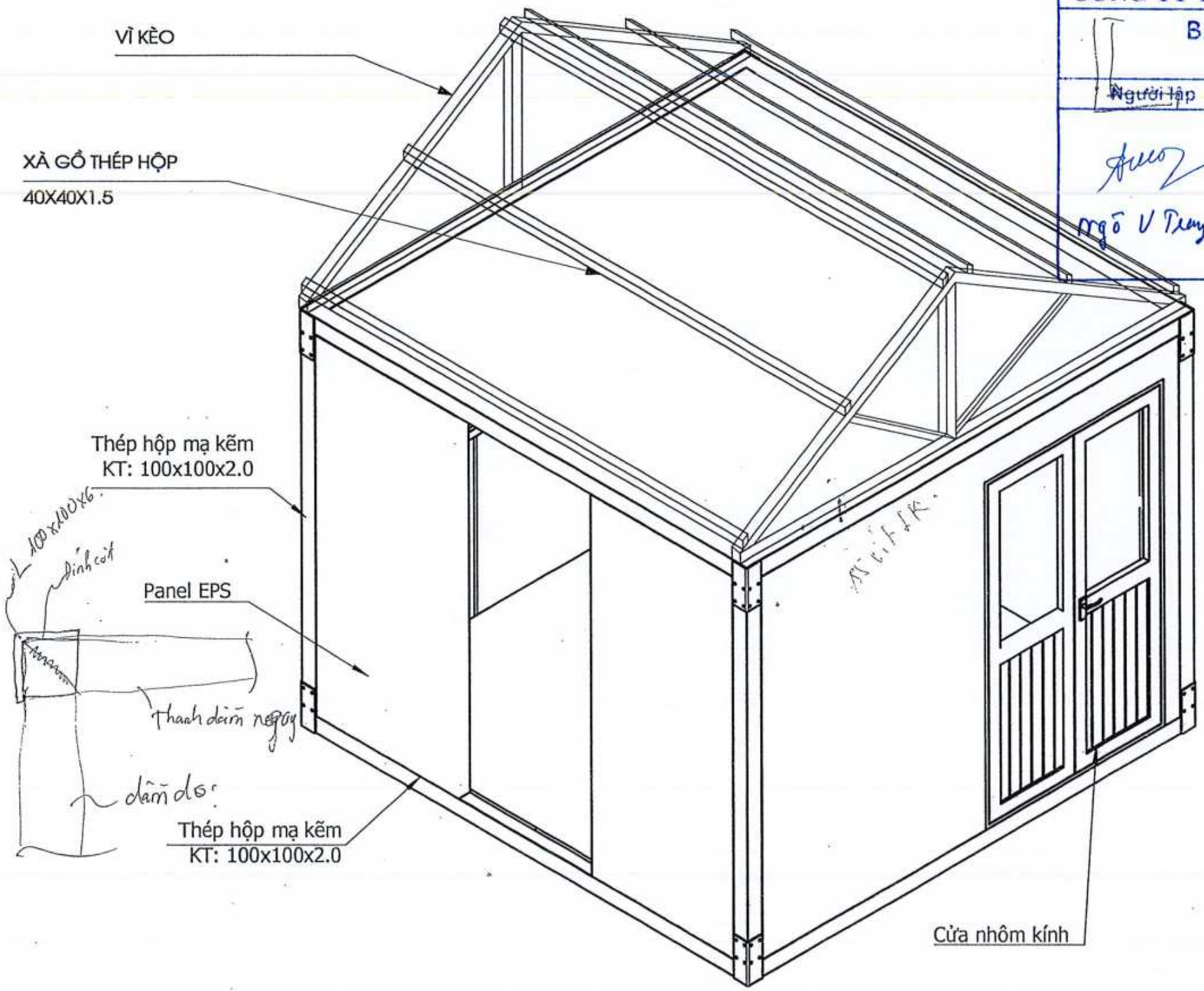
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐÃ THẨM TRA

Bản vẽ kỹ thuật dự toán đã thẩm tra

...ên theo báo cáo thẩm tra số: ..... /BCTT

Họ tên: ..... Chữ ký

Sơn La, ngày ..... tháng ..... năm 20...



THỐNG KÊ THÉP:

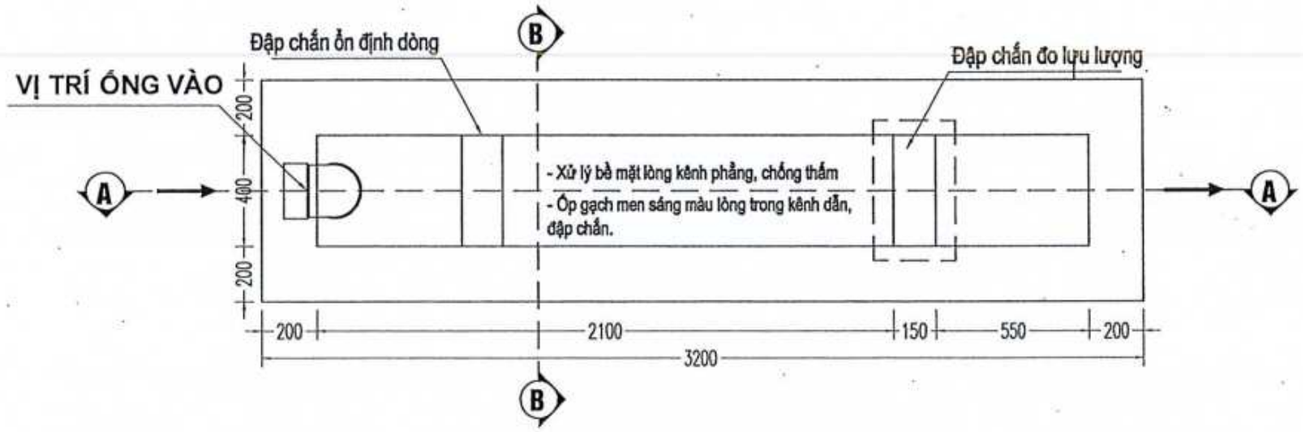
THÉP HỘP MẠ KẼM 100X100X2.0, CHIỀU DÀI L=33.6M
BẢN MÃ L100X100X250 DÀY 6MM, SỐ LƯỢNG: 8 CÁI

TỔNG THỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG			
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		CHI TIẾT TRẠM QUAN TRẮC ONLINE		
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG				
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH				
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			2020	QT-04

KÊNH HỞ ĐO LƯU LƯỢNG

MẶT BẰNG



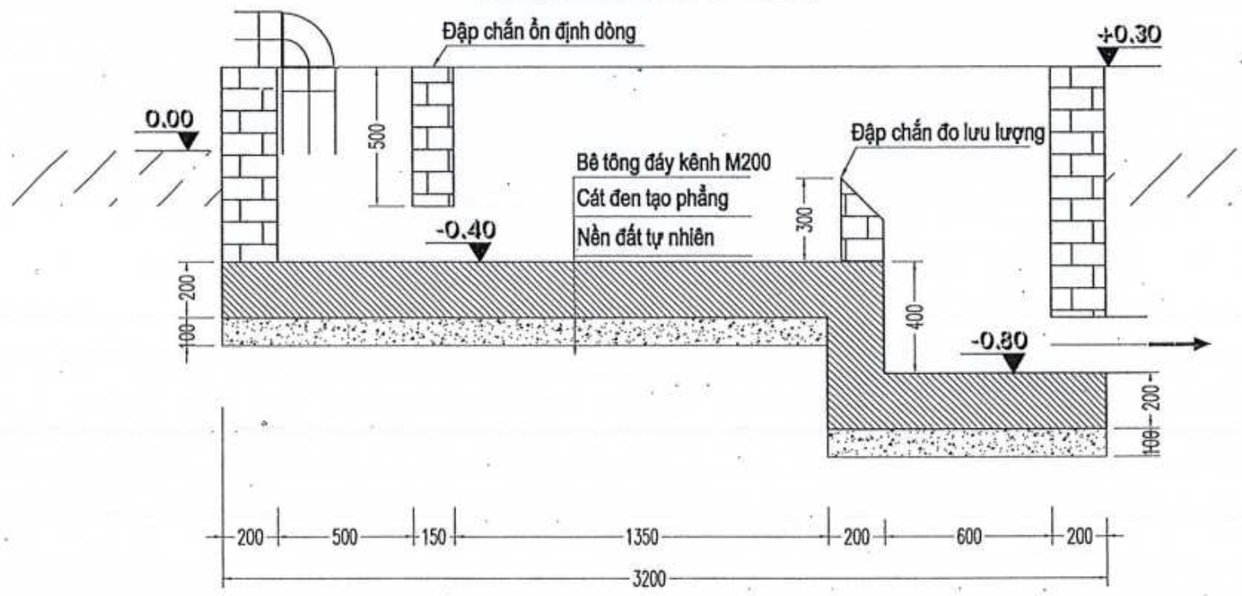
CHI TIẾT ĐẬP CHẮN CHỮ NHẬT



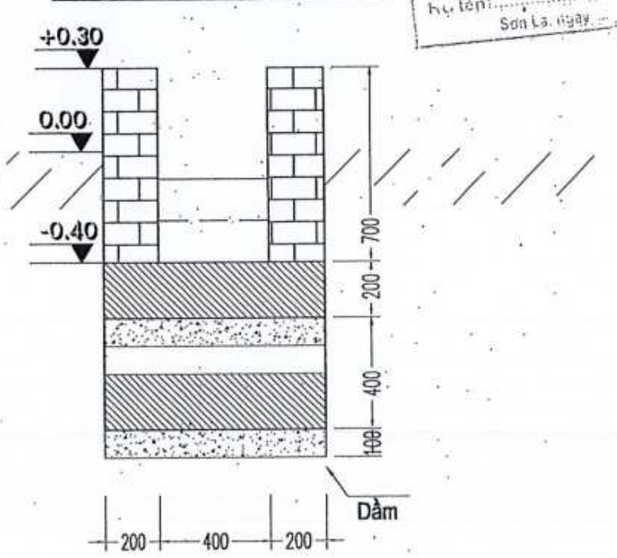
CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KONG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 11 năm 2024
Người lập | Chỉ huy trưởng công trình | Tư vấn giám sát trưởng
Ngô V Tùng
Trương N Quân

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG
ĐÃ THẨM TRA
Bản vẽ kỹ thuật đã hoàn đã thẩm tra
kèm theo báo cáo thẩm tra số ...../BCTT
Họ tên: ..... Chữ ký
Sơn La, ngày ... tháng ... năm 20...

MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT B - B

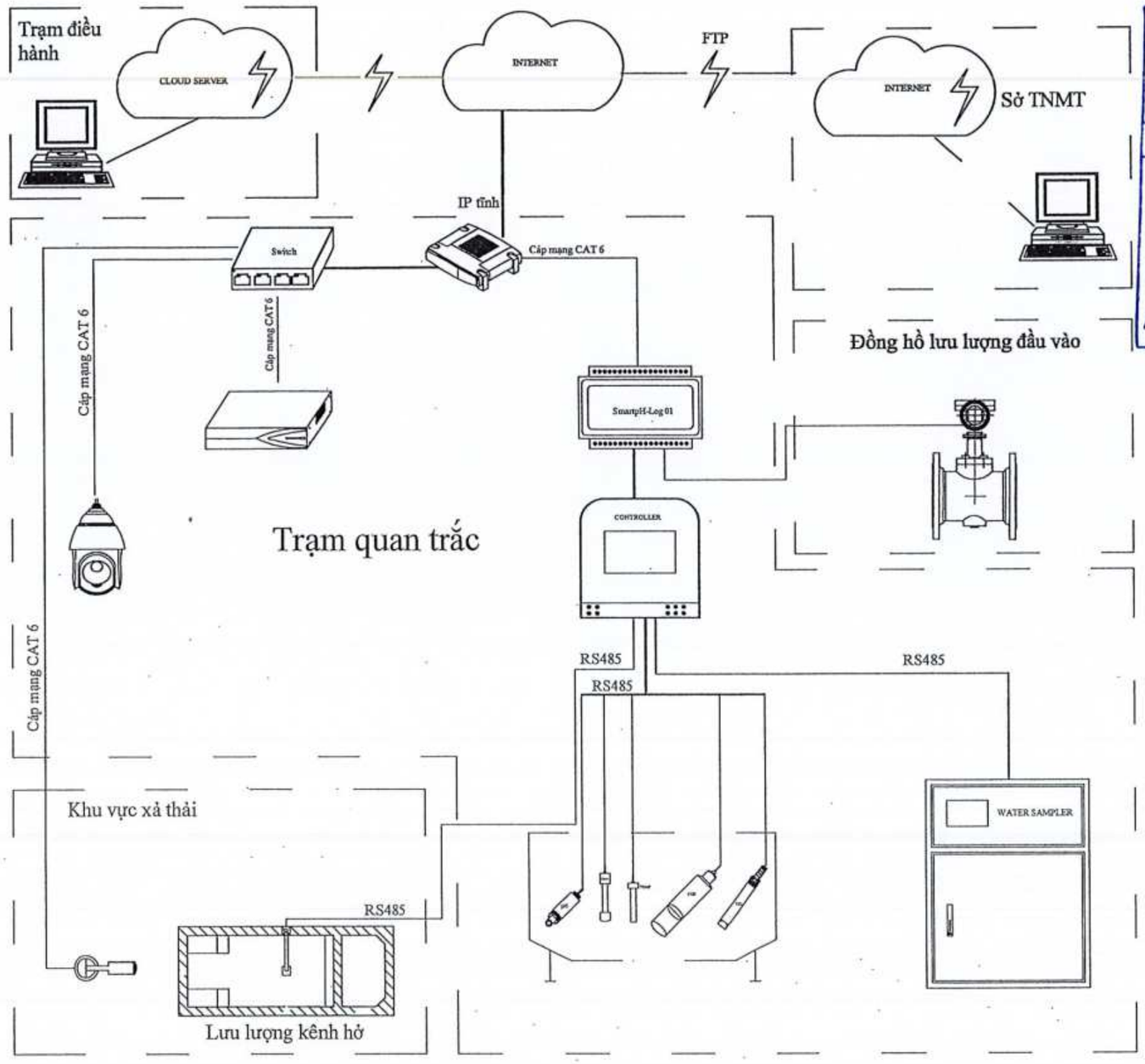


GHI CHÚ

Đập chữ nhật không thu dòng 400mm:
- Vật liệu (độ dày): gạch (150mm)
- Yêu cầu xây dựng kích thước chính xác bản vẽ, có chống thấm và xử lý phẳng bề mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG			
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		CHI TIẾT KÊNH HỞ ĐO LƯU LƯỢNG		
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG				
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH				
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			2020	QT-05

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ



SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TY TNHH MTV HONG KONG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám [illegible]
Ngô Văn Sang		

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG
ĐÃ THẨM TRA
Bản vẽ kỹ thuật thi công đã thẩm tra
Kèm theo báo cáo thẩm tra số:.....BCTT
Họ tên:.....Chữ ký
Sơn La, ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. HOÀNG VĂN QUANG	
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	QT-06

1 BỂ XỬ LÝ
2 PHÒNG PHA TRỘN HÓA CHẤT
3 PHÒNG MÁY THỔI KHÍ
4 NGĂN TIẾP NHẬN - MÁY ÉP BÙN
5 NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN
6 XƯỞNG CƠ KHÍ
7 BỂ CẤP NƯỚC
8 NHÀ ĐIỀU HÀNH bến chứng
9 BỂ GOM ~~SƠ LẮNG~~ (XÂY MỚI)
10 NHÀ TRẠM QUAN TRẮC (XÂY MỚI)
11 NHÀ ĐỂ XE (XÂY MỚI)

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. ĐAI KHỞI THỦY D160/50: 1 CÁI
2. ỐNG HDPE PN 10 D50: 120 M
3. CÚT NHỰA HDPE D50: 8 CÁI
4. TÊ NHỰA HDPE D50: 1 CÁI

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
Ngô Văn Dương		

B

CHÚ DẪN
- MỐC CAO ĐỘ
- NHÀ 2 TẦNG
- NHÀ 1 TẦNG
- NHÀ TẠM, NHÀ DÂN
- ĐÁ MỒ CÔI
- RUỘNG LÚA
- RUỘNG MÀU
- CÂY ĐỘC LẬP
- LÙM CÂY
- TRẠM BIẾN ÁP
- ĐƯỜNG LIÊN XÃ
- ĐƯỜNG MÒN
- CỐNG QUA ĐƯỜNG
- TƯỜNG RÀO
- BỂ NƯỚC
- AO
- MỘ
- ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- CỘT ĐIỆN CAO THẾ
- CỘT ĐIỆN HẠ THẾ
- RANH GIỚI

Ngày ... tháng ... năm 2...
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. P. THỊ HƯƠNG LAN	
THIẾT KẾ	KS. NG.TRƯỜNG GIANG	
THỂ HIỆN	KS. NG.TRƯỜNG GIANG	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

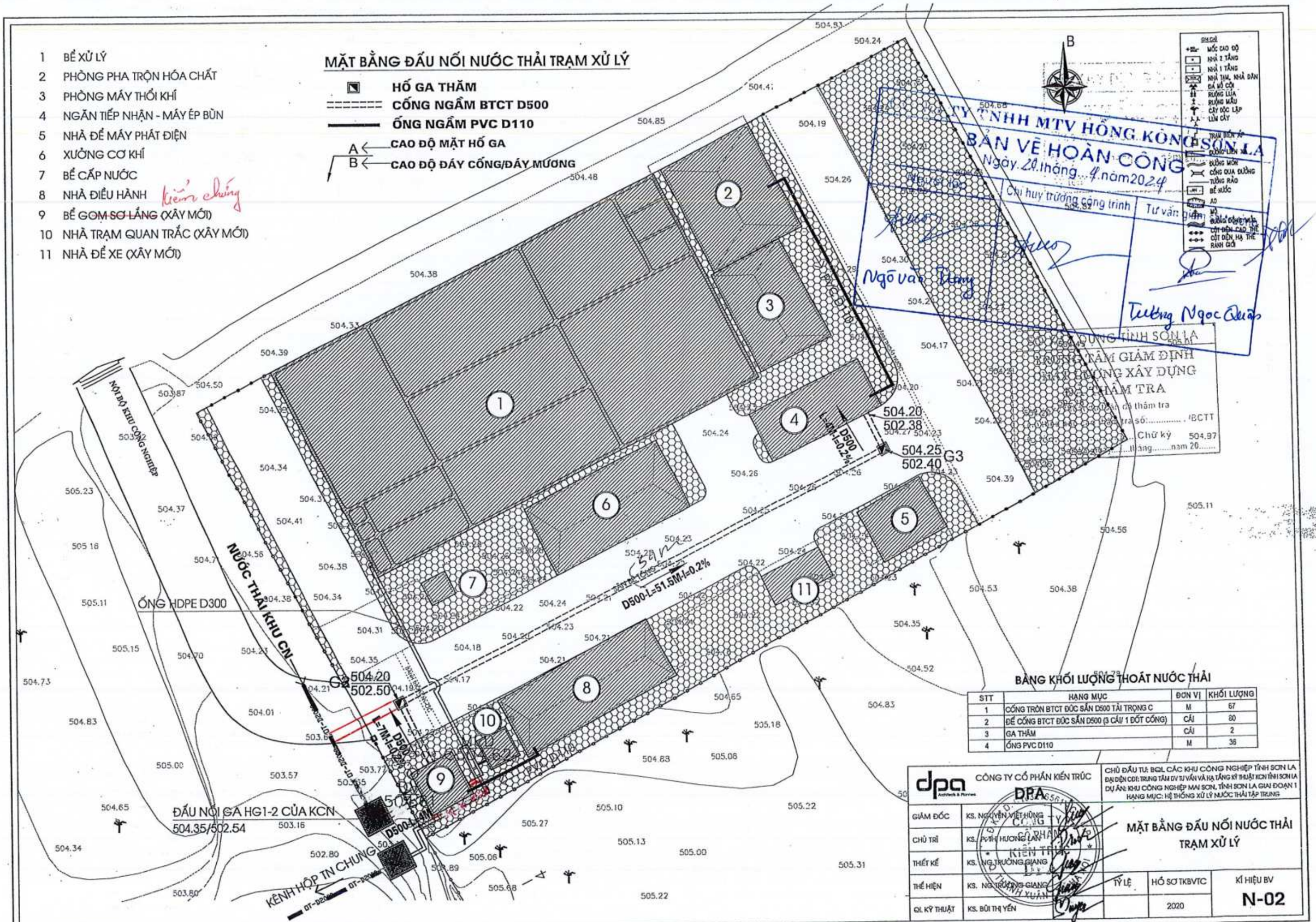
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	N-01

1 BỂ XỬ LÝ
2 PHÒNG PHA TRỘN HÓA CHẤT
3 PHÒNG MÁY THỔI KHÍ
4 NGĂN TIẾP NHẬN - MÁY ÉP BÙN
5 NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN
6 XƯỞNG CƠ KHÍ
7 BỂ CẤP NƯỚC
8 NHÀ ĐIỀU HÀNH
9 BỂ ~~GOM SƠ LẮNG~~ (XÂY MỚI)
10 NHÀ TRẠM QUAN TRẮC (XÂY MỚI)
11 NHÀ ĐỂ XE (XÂY MỚI)

MẶT BẰNG ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI TRẠM XỬ LÝ

HỐ GA THĂM
CỐNG NGẦM BTCT D500
ỐNG NGẦM PVC D110
A ← CAO ĐỘ MẶT HỐ GA
B ← CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG/ĐÁY MƯƠNG



CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024
Chỉ huy trưởng công trình
Ngô Văn Tùng
Tư vấn giám sát
Tường Ngọc Quang

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG
KẾT QUẢ THẨM TRA
Bản vẽ đã được thẩm tra
Thông báo kết quả thẩm tra số:...../BCTT
Ngày ... tháng ... năm 20...
Chữ ký

BẢNG KHỐI LƯỢNG THOÁT NƯỚC THẢI

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	CỐNG TRÒN BTCT ĐÚC SẴN D500 TẢI TRỌNG C	M	67
2	ĐẾ CỐNG BTCT ĐÚC SẴN D500 (3 CẤU 1 ĐỐT CỐNG)	CÁI	80
3	GA THĂM	CÁI	2
4	ỐNG PVC D110	M	36

dpa Architects & Partners
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. PHẠM HƯƠNG LAN	
THIẾT KẾ	KS. NG TRƯỜNG GIANG	
THỂ HIỆN	KS. NG TRƯỜNG GIANG	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

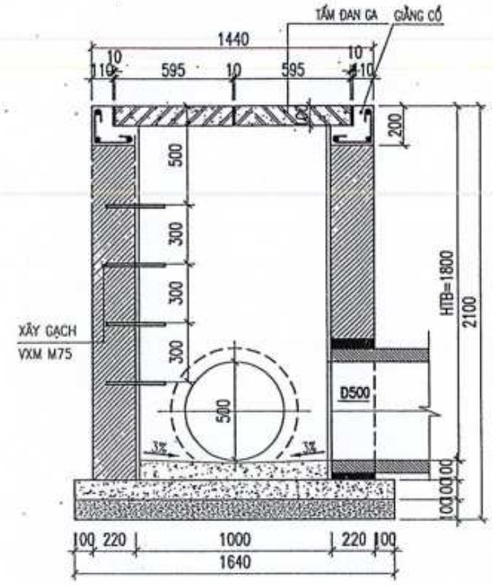
CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

MẶT BẰNG ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI TRẠM XỬ LÝ

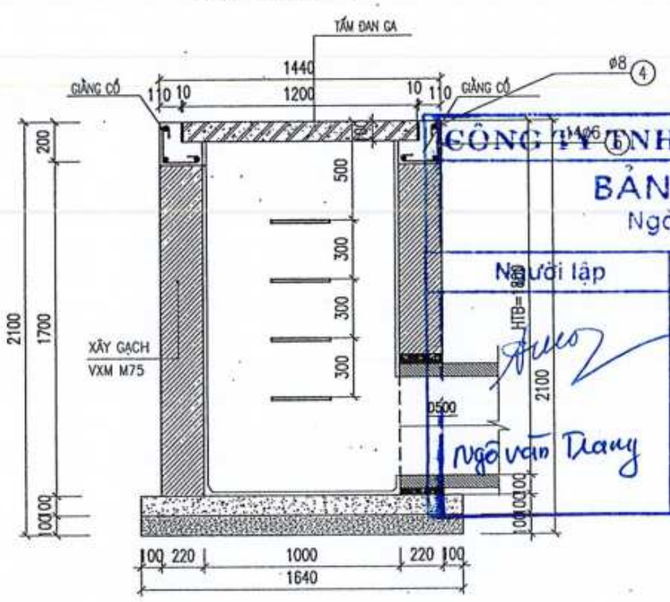
TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	N-02

CHI TIẾT GA THĂM NƯỚC THẢI: G2; G3 (2 HỐ)

MẶT CẮT: 2 - 2



MẶT CẮT: 1 - 1



CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA

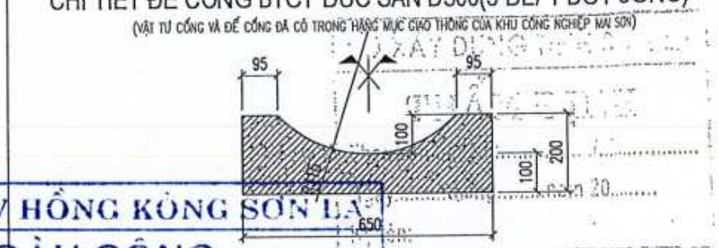
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20 tháng 4 năm 2024

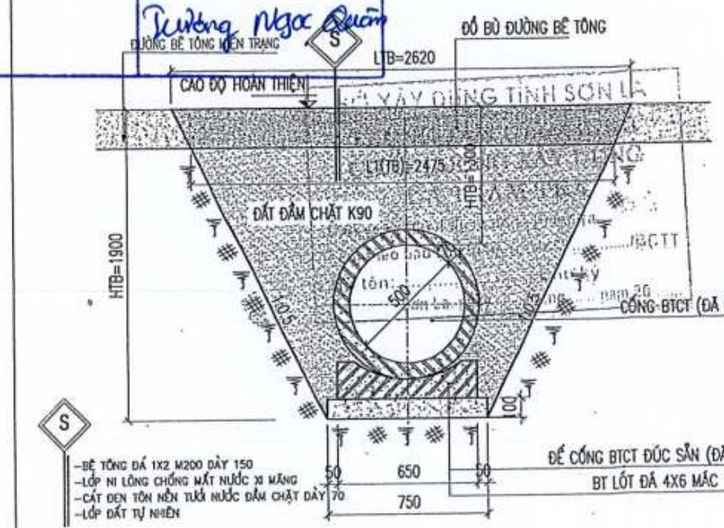
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Ngô Văn Thang		Trương Ngọc Quân

CHI TIẾT ĐẾ CỐNG BTCT ĐÚC SẴN D500(3 ĐẾ/ 1 ĐỐT CỐNG)

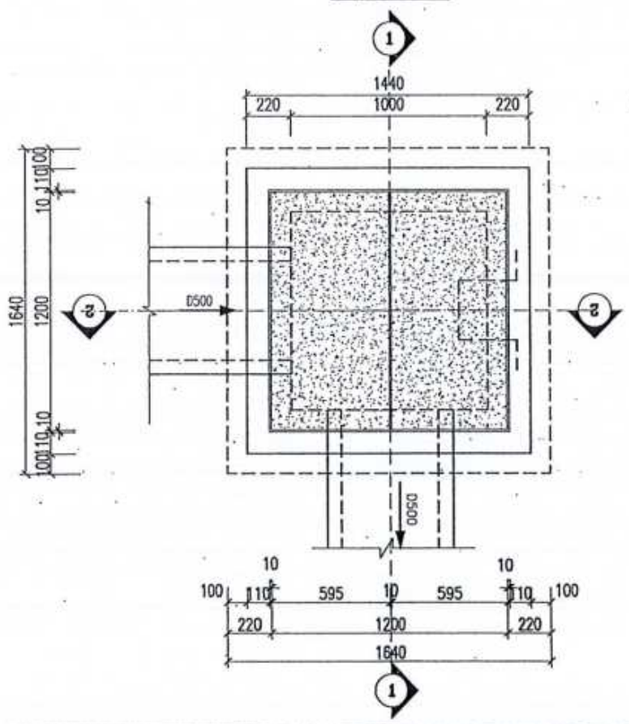
(VẬT TƯ CỐNG VÀ ĐẾ CỐNG ĐÃ CÓ TRONG HẠNG MỤC GIAO THÔNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN)



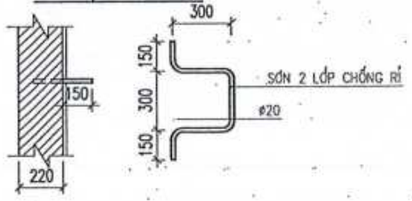
MẶT CẮT NGANG HỐ ĐÀO CỐNG D500



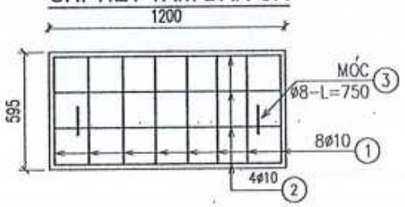
MẶT BẰNG



CT BẬC THANG



CHI TIẾT TẤM ĐAN GA



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP

TÊN C.K	SỐ TT	HÌNH DẠNG	ø (MM)	C.DÀI 1 THANH (MM)	S.L CHO 1 C.K	C.DÀI T.BỘ (M)	CHO 1 CẤU KIỆN THÉP (MM)	CHO 1 CẤU KIỆN C.DÀI (M)	CHO 1 CẤU KIỆN T.L (KG)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
TẤM ĐAN GA SL : 2	1	50 545 50	ø10	645	8	5.16	ø10	5.16	3.20	6.88X2 =13.78
	2	50 1150 50	ø10	1250	4	5.00	ø10	5.00	3.10	
	3	150 200 100	ø8	750	2	1.5	ø8	1.50	0.59	
GIẰNG CỐ SL : 2	4	50 1390 50	ø8	1390	12	16.68	ø8	16.68	6.56	12.67X2 =25.34
	5	150 150 150 50	ø6	400	14	5.6	ø6	15.48	6.11	
THANG THÉP SL : 2	6	300 300 150	ø20	1200	4	4.8	ø20	4.8	11.83	11.83X2 =23.66

GHI CHÚ:

- VẬT TƯ CỐNG VÀ ĐẾ CỐNG ĐÃ CÓ TRONG HẠNG MỤC GIAO THÔNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN
- NẮP ĐAN ĐỔ BTCT ĐÁ 1X2, M200, DÀY 150
- GIẰNG GA ĐỔ BTCT ĐÁ 1X2, M200.
- THÀNH GA XÂY GẠCH M75, TRÁT THÀNH VXM M75 DÀY 15.
- ĐÁY GA ĐỔ BÊ TÔNG M100, ĐÁ 4X6, DÀY 100
- CỐT THÉP NHÓM CI VỚI D<10MM, CII VỚI D>=10MM
- KHI THI CÔNG KẾT HỢP CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN
- ĐƠN VỊ BẢN VẼ LÀ MM.
- PHÁ DỠ MỘT PHẦN ĐƯỜNG BÊ TÔNG HIỆN TRẠNG, XÂY MỚI HỐ GA/CỐNG THOÁT NƯỚC SAU ĐÓ ĐỔ BÙ SÂN BT ĐÁ 1X2 MÁC 200# DÀY 150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC **DPA**

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA, GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. P. THỊ HƯƠNG LAN	
THIẾT KẾ	KS. NG.TRƯỜNG GIANG	
THỂ HIỆN	KS. NG.TRƯỜNG GIANG	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CHI TIẾT GA THĂM NƯỚC THẢI

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
1/30	2020	**N-3**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG KHÍ TRÊN MẶT BỂ

GHI CHÚ

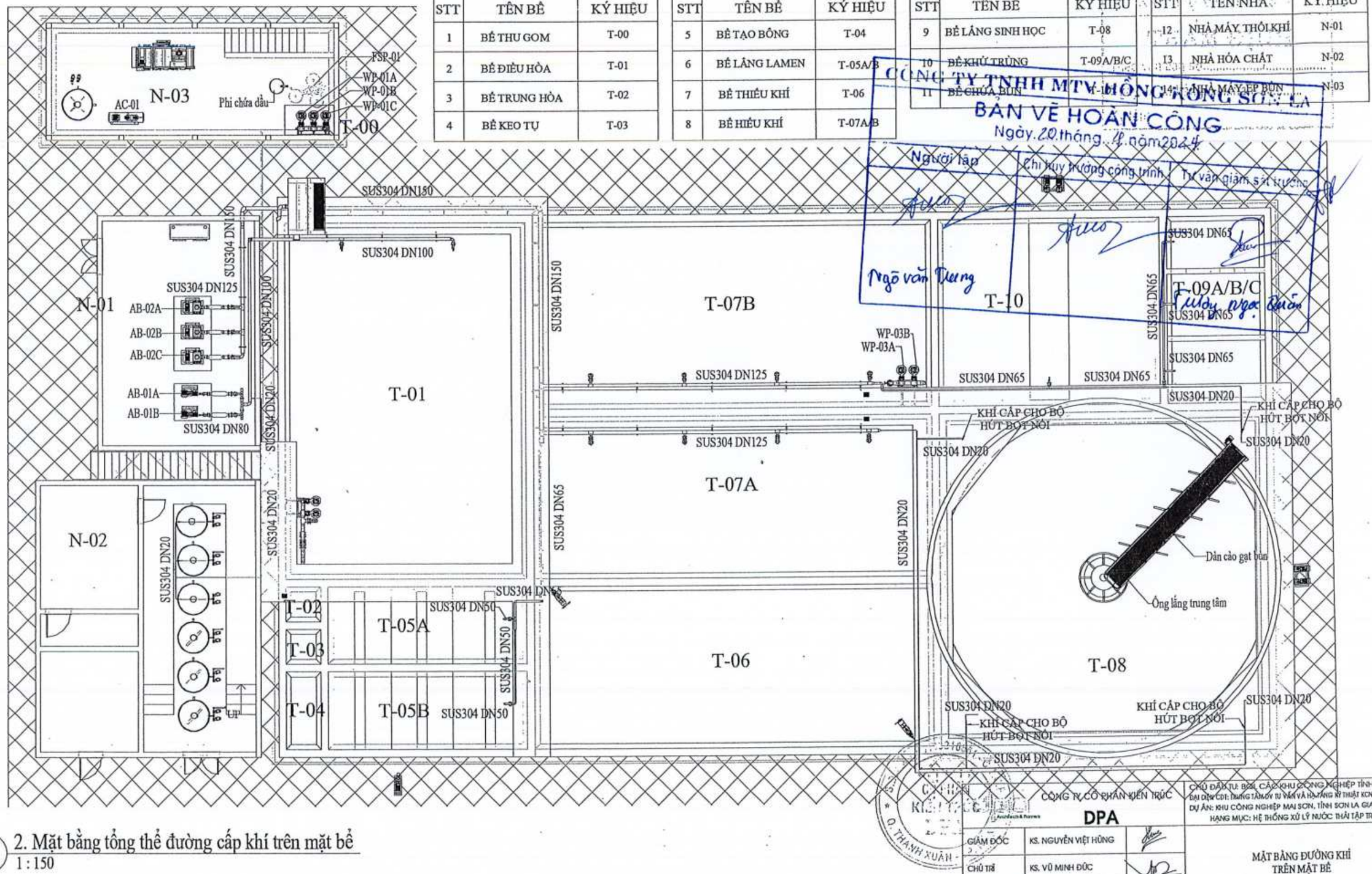
STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
1	BỂ THU GOM	T-00
2	BỂ ĐIỀU HÒA	T-01
3	BỂ TRUNG HÒA	T-02
4	BỂ KEO TỤ	T-03

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
5	BỂ TẠO BÔNG	T-04
6	BỂ LẮNG LAMEN	T-05A/B
7	BỂ THIẾU KHÍ	T-06
8	BỂ HIẾU KHÍ	T-07A/B

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
9	BỂ LẮNG SINH HỌC	T-08
10	BỂ KHỬ TRÙNG	T-09A/B/C
11	BỂ CHỨA BÙN	T-10

STT	TÊN NHÀ	KÝ HIỆU
12	NHÀ MÁY THỔI KHÍ	N-01
13	NHÀ HÓA CHẤT	N-02
14	NHÀ MÁY ÉP BÙN	N-03

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG HÒNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 11 năm 2024
Người lập | Chỉ huy trưởng công trình | Tư vấn giám sát trưởng
Ngô Văn Tường



1 — 2. Mặt bằng tổng thể đường cấp khí trên mặt bể
1 : 150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. VŨ MINH ĐỨC	
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

MẶT BẰNG ĐƯỜNG KHÍ TRÊN MẶT BỂ

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	WWTP-CN-102

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ

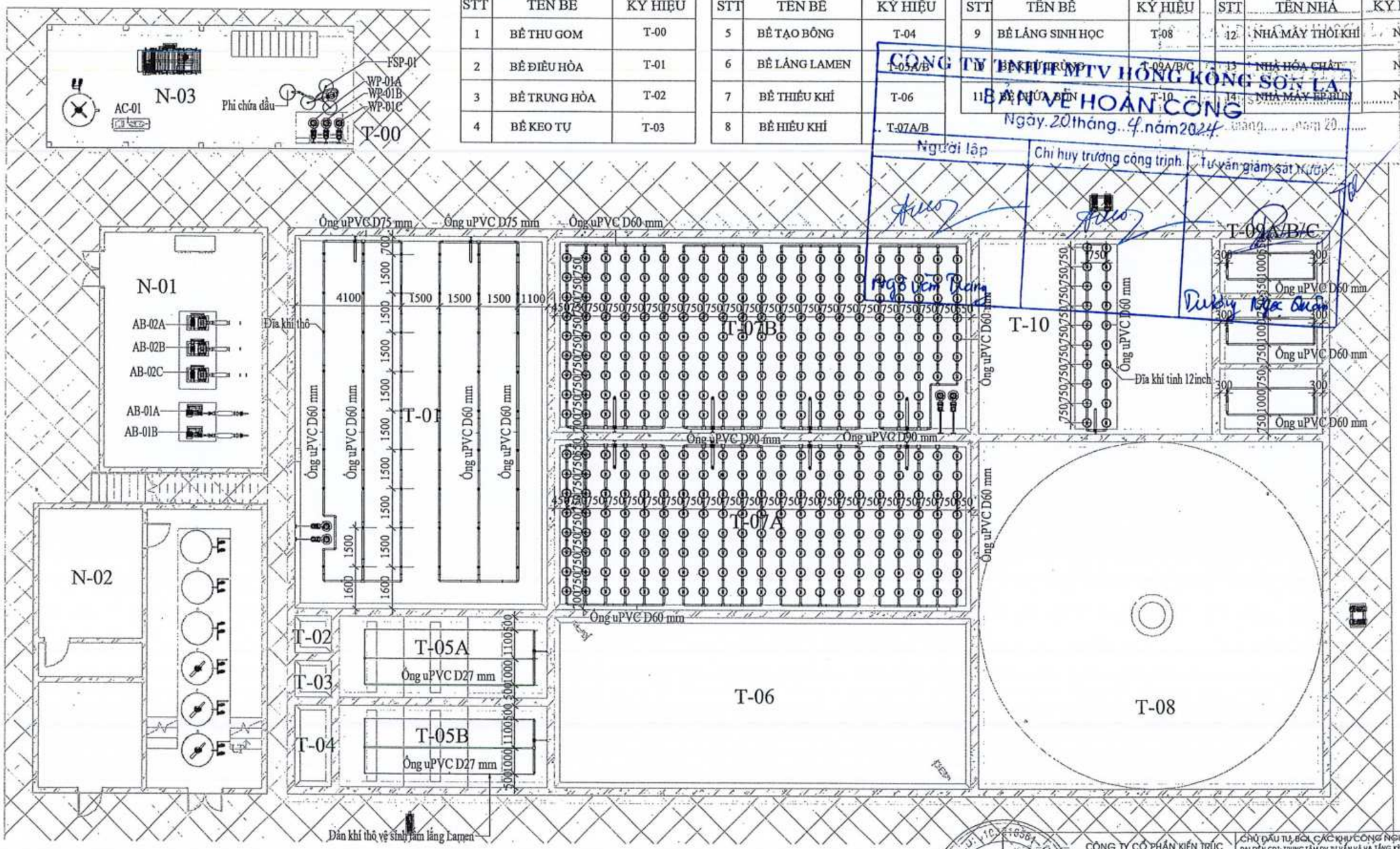
STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
1	BỂ THU GOM	T-00
2	BỂ ĐIỀU HÒA	T-01
3	BỂ TRUNG HÒA	T-02
4	BỂ KEO TỤ	T-03

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
5	BỂ TẠO BÔNG	T-04
6	BỂ LẮNG LAMEN	T-05A/B
7	BỂ THIẾU KHÍ	T-06
8	BỂ HIẾU KHÍ	T-07A/B

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
9	BỂ LẮNG SINH HỌC	T-08
10	BỂ KHỬ TRÙNG	T-09A/B/C
11	BỂ CHỨA BÙN	T-10

STT	TÊN NHÀ	KÝ HIỆU
12	NHÀ MÁY THỔI KHÍ	N-01
13	NHÀ HÓA CHẤT	N-02
14	NHÀ MÁY ÉP BÙN	N-03

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024
Người lập | Chỉ huy trưởng công trình | Tư vấn giám sát



1 **3. Mặt bằng tổng thể đường cấp khí đáy bể**
1 : 150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG		
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ ĐÁY BỂ		
CHỦ TRÌ	KS. VŨ MINH ĐỨC				
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH				
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV WWTP-CN-103
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			2020	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG HÓA CHẤT

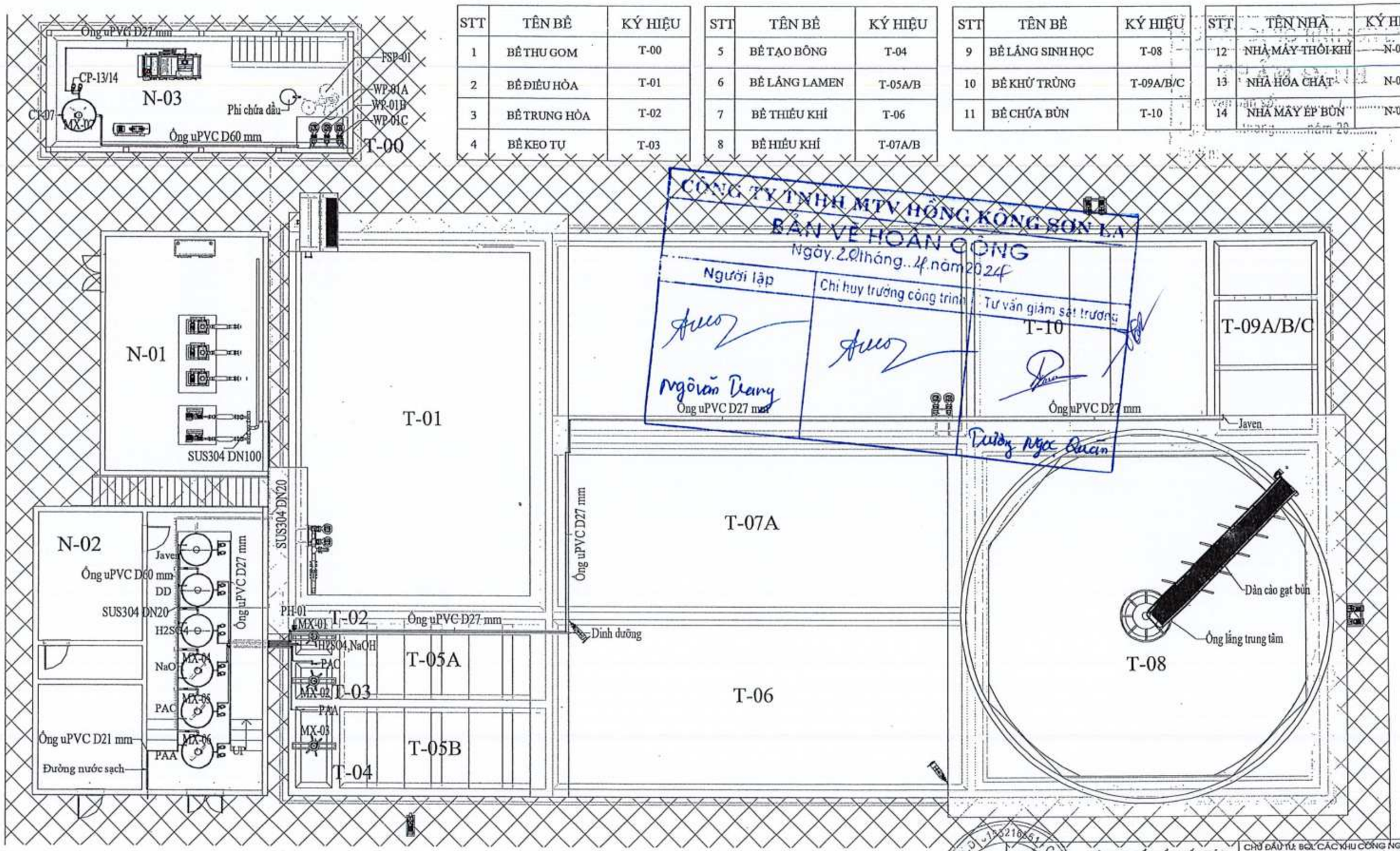
GHI CHÚ

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
1	BỂ THU GOM	T-00
2	BỂ ĐIỀU HÒA	T-01
3	BỂ TRUNG HÒA	T-02
4	BỂ KEO TỤ	T-03

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
5	BỂ TẠO BÔNG	T-04
6	BỂ LẮNG LAMEN	T-05A/B
7	BỂ THIẾU KHÍ	T-06
8	BỂ HIẾU KHÍ	T-07A/B

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
9	BỂ LẮNG SINH HỌC	T-08
10	BỂ KHỬ TRÙNG	T-09A/B/C
11	BỂ CHỨA BÙN	T-10

STT	TÊN NHÀ	KÝ HIỆU
12	NHÀ MÁY THỔI KHÍ	N-01
13	NHÀ HÓA CHẤT	N-02
14	NHÀ MÁY ÉP BÙN	N-03



CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 20 tháng 4 năm 2024

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Ngô Văn Trang		Trần Ngọc Quân

1 4. Mặt bằng tổng thể đường hóa chất
1 : 150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC **DPA**

GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG	
CHỦ TRÌ	KS. VŨ MINH ĐỨC	
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH	
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN	

CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT

TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC	KÍ HIỆU BV
	2020	WWTP-CN-104

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

GHI CHÚ

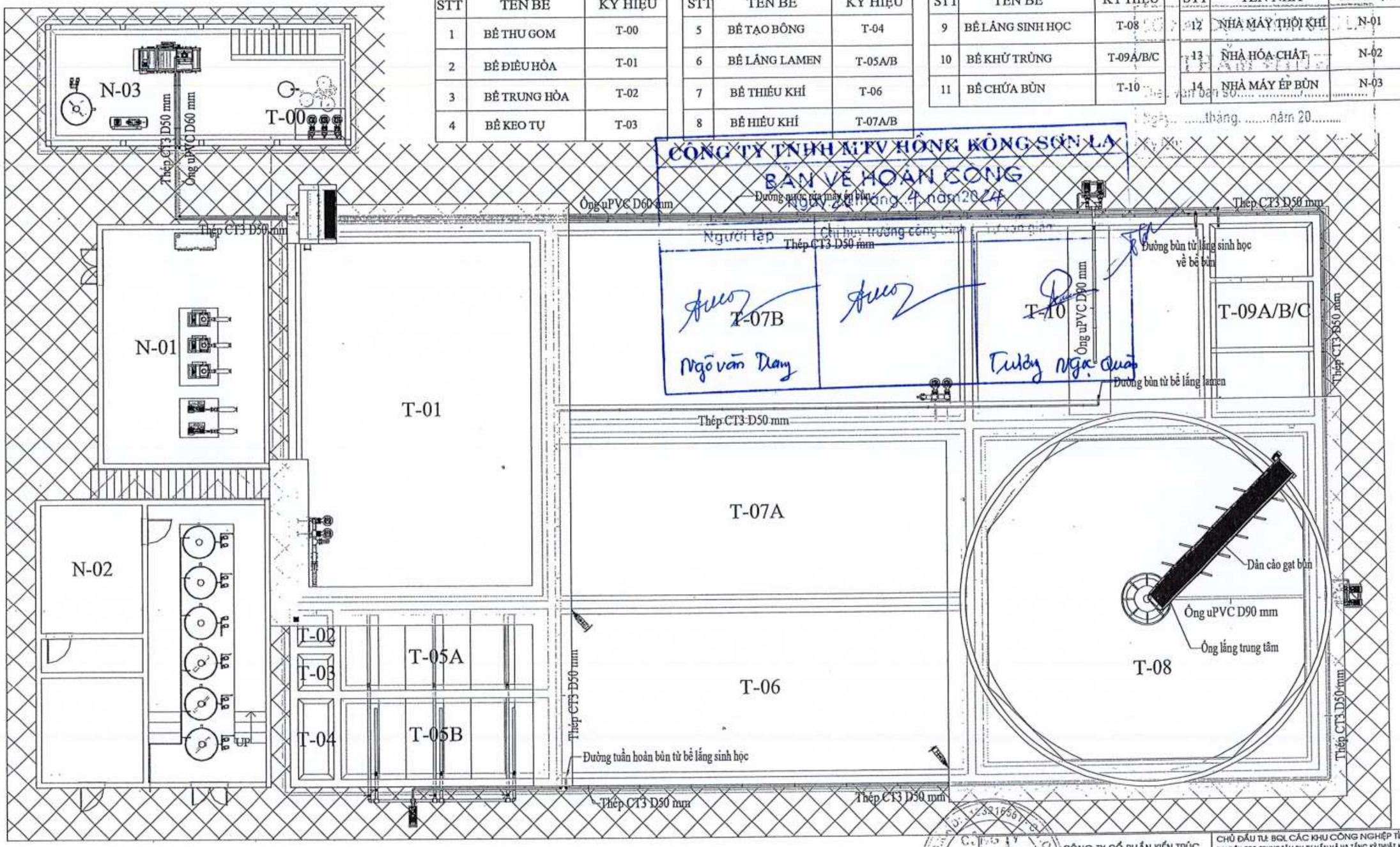
STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
1	BỂ THU GOM	T-00
2	BỂ ĐIỀU HÒA	T-01
3	BỂ TRUNG HÒA	T-02
4	BỂ KEO TỤ	T-03

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
5	BỂ TẠO BÔNG	T-04
6	BỂ LẮNG LAMEN	T-05A/B
7	BỂ THIẾU KHÍ	T-06
8	BỂ HIẾU KHÍ	T-07A/B

STT	TÊN BỂ	KÝ HIỆU
9	BỂ LẮNG SINH HỌC	T-08
10	BỂ KHỬ TRÙNG	T-09A/B/C
11	BỂ CHỨA BÙN	T-10

STT	TÊN NHÀ	KÝ HIỆU
12	NHÀ MÁY THỔI KHÍ	N-01
13	NHÀ HÓA CHẤT	N-02
14	NHÀ MÁY ÉP BÙN	N-03

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG KÔNG SƠN LA
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 26 tháng 4 năm 2024
Người lập — Chỉ huy trưởng công trình — Đại diện giám sát
Ngô Văn Dương — Trương Ngọc Quảng

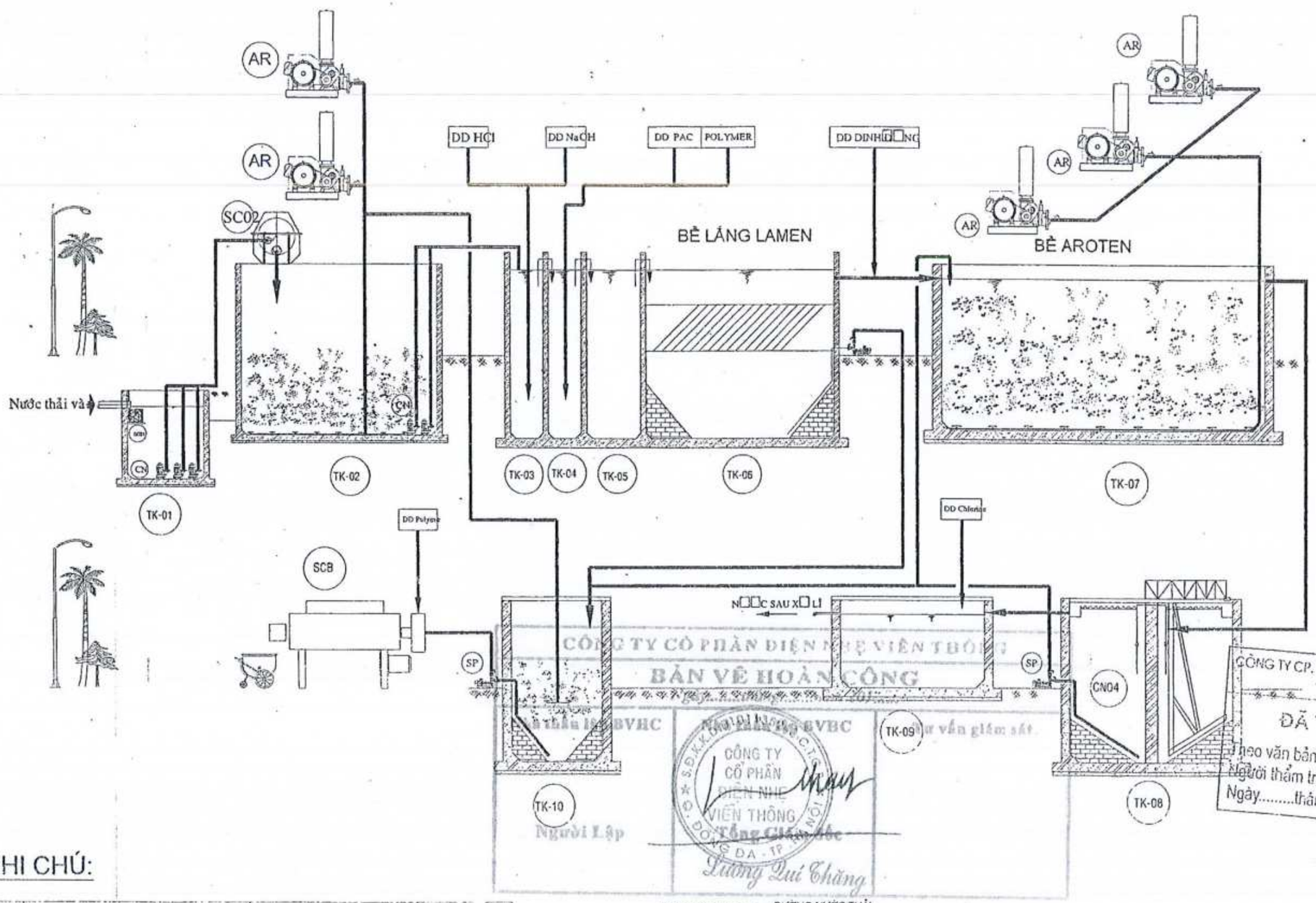


1 — 5. Mặt bằng tổng thể đường ống dẫn bùn
1 : 150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC DPA			CHỦ ĐẦU TƯ: BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA ĐẠI DIỆN CĐT: TRUNG TÂM DV TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KCN TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 1 HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG	
GIÁM ĐỐC	KS. NGUYỄN VIỆT HÙNG		MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN	
CHỦ TRÌ	KS. VŨ MINH ĐỨC			
THIẾT KẾ	KS. HOÀNG TUẤN ANH			
THỂ HIỆN	KS. HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ	HỒ SƠ TKBVTC / 2020 — KÍ HIỆU BV: WWTP-CN-105
QL KỸ THUẬT	KS. BÙI THỊ YẾN			

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TRẠM THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA

CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN I: 2500m3/NGÀY ĐÊM



GHI CHÚ:

KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC	KÍ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	Bể gom	TK05	Bể keo tụ - tạo bông	TK09	Bể khử trùng	CN	Bơm nước thải
TK02	Bể điều hòa	TK06	Bể lắng lamen	TK10	Bể nén bùn	SP	Bơm bùn
TK03	Bể phản ứng	TK07	Bể lắng Aroten	SC01	Thiết bị lược rác thô	AR	Máy thổi khí
TK04	Bể châm PAC	TK08	Bể lắng	SC02	Máy tách rác tự động	SC8	Máy ép bùn

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI

ĐƯỜNG BÙN

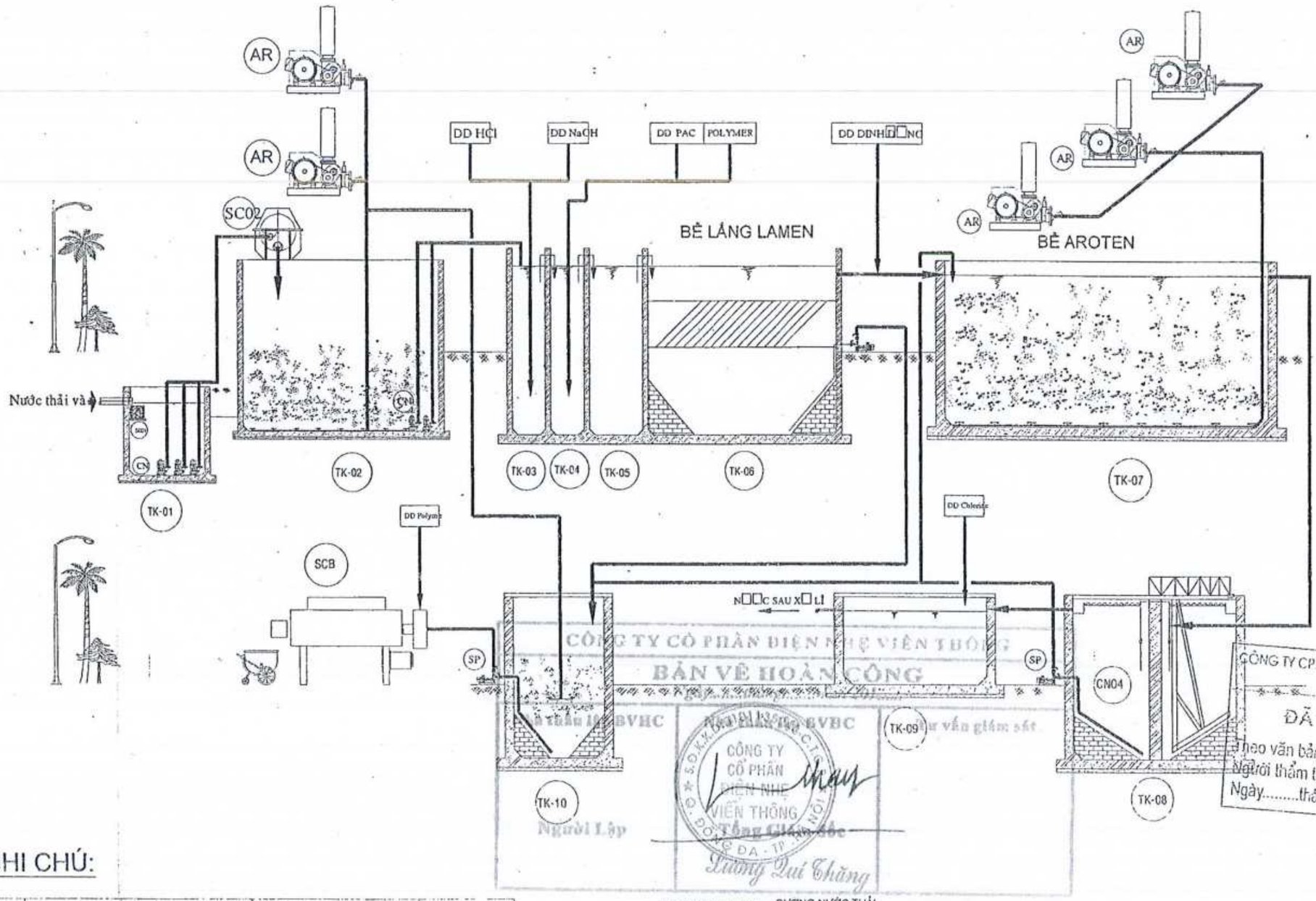
ĐƯỜNG KHÍ NÉN

ĐƯỜNG HOÁ CHẤT

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÍ HIỆU BẢN VẼ
				DCIN-TXL.CN-01

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TRẠM THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA

CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN I: 2500m3/NGÀY ĐÊM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Đã thẩm tra BVHC
Đã thẩm tra BVHC
Tư vấn giám sát

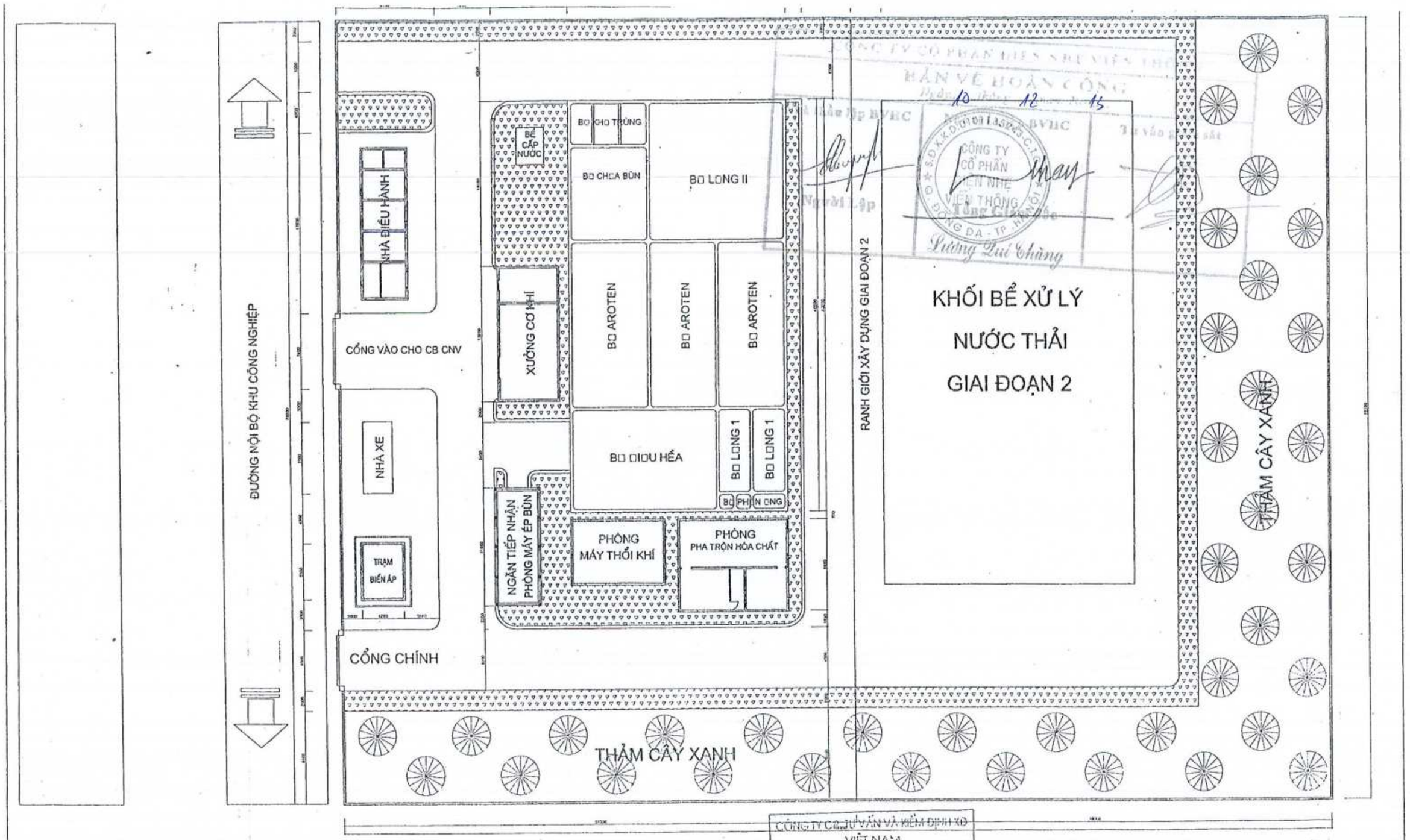
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

GHI CHÚ:

KÝ HIỆU	TÊN MỤC	KÝ HIỆU	TÊN MỤC	KÝ HIỆU	TÊN MỤC	KÝ HIỆU	TÊN MỤC
TK01	Bể gom	TK05	Bể keo tụ - tạo bông	TK09	Bể khử bông	CN	Bơm nước thải
TK02	Bể điều hòa	TK06	Bể lắng lamen	TK10	Bể nén bùn	SP	Bơm bùn
TK03	Bể phản ứng	TK07	Bể lắng Aroten	SC01	Thiết bị lược rác thô	AR	Máy thổi khí
TK04	Bể chứa PAC	TK08	Bể lắng	SC02	Máy sàn rác tự động	SCB	Máy ép bùn

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
ĐƯỜNG BÙN
ĐƯỜNG KHÍ NÉN
ĐƯỜNG HOÁ CHẤT

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				ĐCTN-02-CN-01



DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG CHO TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH
ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	1308 M2
ĐẤT CHO SÀN ĐƯỜNG NỘI BỘ	1240 M2
ĐẤT CHO CÂY XANH THẢM CỎ	1387 M2
ĐẤT SỬ DỤNG CHO GIAI ĐOẠN I	3935 M2
ĐẤT DỰ TRỮ GIAI ĐOẠN 2	3652 M2

GHI CHÚ:

PHÒNG MÁY ÉP BÙN ĐẶT TRÊN NGĂN TIẾP NHẬN

GIAI ĐOẠN 2 XÂY DỰNG THÊM MỘT NGUYÊN ĐƠN XỬ LÝ NƯỚC THẢI (MODUL)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr

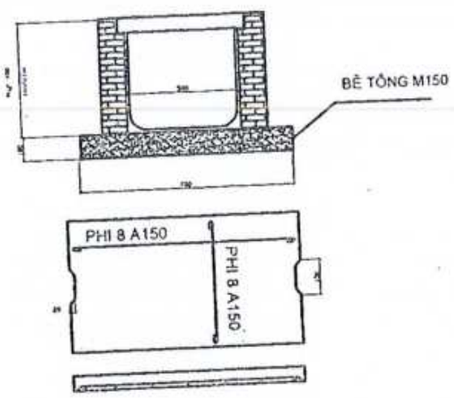
Ngày thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

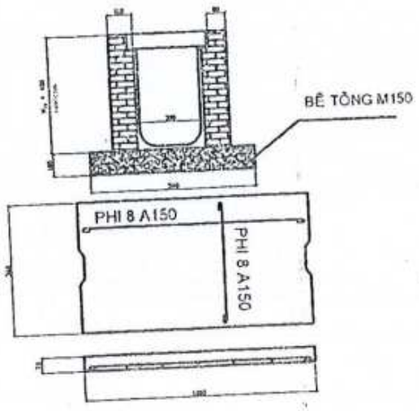
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2012
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG TỔNG THỂ	TỶ LỆ
THỨ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / KIỂM	KÍ HIỆU BẢN VẼ
		QCTN-TL-CN-02

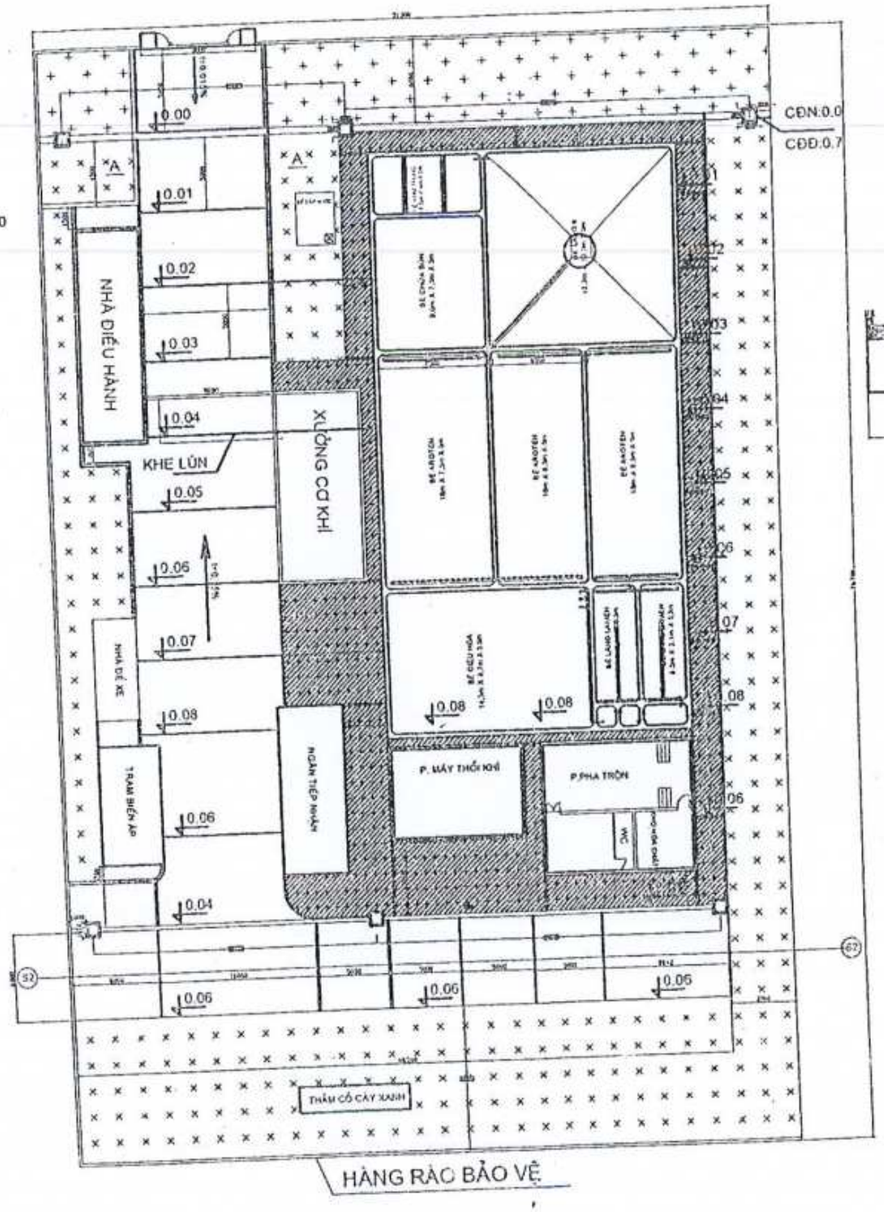
MẶT BẰNG SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN MAI SƠN - SƠN LA
(XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 1)

RÃNH THOÁT NƯỚC B500



RÃNH THOÁT NƯỚC B300



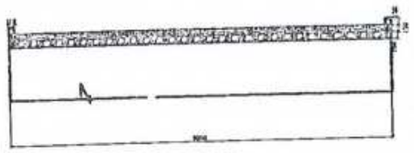


THẢM CỎ CÂY XANH

BÊ TÔNG M150#; DIỆN TÍCH=416.626 M2; KLBT: 41.6M3

BÊ TÔNG M200#; DIỆN TÍCH:865.475 M2 ; KLBT: 130M3

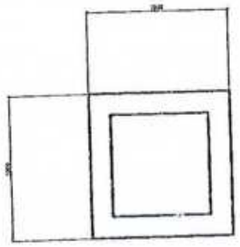
MẶT CẮT A-A



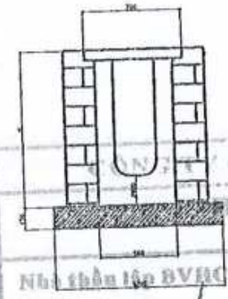
KẾT CẤU SÂN BT M200#

BT M200#, ĐÁ 1X2, XM PCB30, DÀY 150MM
CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, DÀY 160MM
ĐẤT TỰ NHIÊN ĐẦM CHẶT, K=0.9

KẾT CẤU SÂN BT M150#



BT M150#, ĐÁ 1X2, XM PCB30, DÀY 100MM
ĐỆM CÁT ĐEN, DÀY 50MM; ĐẦM CHẶT K= 0.9
ĐẤT TỰ NHIÊN ĐẦM CHẶT, K=0.9



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 10 tháng 12 năm 2013
Nhà thầu tập BVHC | Người lập | Tư vấn giám sát
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
Người Lập
Trần Minh Tùng
Giám đốc
Lương Quí Thăng

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	NGÀY HT
			14/06/2013

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NHÀ ÉP BÙN NGĂN TIẾP NHẬN

Bơm rửa máy ép bùn (Model :2CP25/140m)

MÁY Ép bùn

03 BƠM DỊCH Model:DRL1000/2/80

PHAO FLOAT

XƯỞNG CƠ KHÍ

BỂ CẤP NƯỚC

(Model :NGA 1A)
Bơm bùn vỗ máy ép bùn

PHÒNG MÁY THỔI KHÍ

TỦ ĐIỀU KHIỂN

02 MÁY THỔI KHÍ MODEL:SR1.50

02 MÁY THỔI KHÍ MODEL:SAR 150

PHCONTROLER

MÁY LƯỚC RÁC TĂNG TRỐNG

BỂ ĐIỀU HÒA
14,3m X 9,7m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 7,5m X 5m

BỂ CHỨA BÙN
9,0m X 7,5m X 5m

BỂ KHỬ TRÙNG
7,5m X 4m X 5m

ỐNG TIẾP XÚC KHỬ TRÙNG BẰNG HẠT

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

02 BƠM NƯỚC BỂ ĐIỀU HÒA MODEL:DVIN32/2/100

PHAO FLOAT FLOMAG

SÀN THAO TÁC THANH GẠT BÙN

TRỤ BTCT LÀM TÂM QUAY Ổ BI LIÊN KẾT

BỂ LẮNG II
13,3m X 13,3m X 5m

P. TRỰC

WC

KHO HÓA CHẤT

PHÒNG PHA TRỘN HÓA CHẤT

THÙNG MẠCH

THÙNG ĐỊNH LƯỢNG

THÙNG NGỌT

THÙNG PAC

THÙNG POLYMER

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

CƠ KHUẤY TRỘN TẢO BÔNG

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

Bơm bùn dư và hồi lưu (Model :NGA 1A)

Bơm bùn NGA1B

Người Lập

Tường Quí Thăng

10 12 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ... VIỄN THÔNG

Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KDXD-TTr

Người thẩm tra.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2013
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				DCTN-TL-NC01

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

NGĂN TIẾP NHẬN

02 BƠM CHÌM
Model:DRL1000/2/80

PHAO FLOAT

Ống PVC,Ø150

XƯỞNG CƠ KHÍ

BỂ CẤP NƯỚC

PHÒNG
MÁY THỔI KHÍ

MÁY LƯỚC RÁC
TĂNG TRỐNG

BỂ ĐIỀU HÒA
14,3m X 9,7m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 7,5m X 5m

BỂ CHỨA BÙN
9,0m X 7,5m X 5m

BỂ KHỬ TRÙNG
7,5m X 4m X 5m

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

BỂ LẮNG II
13,3m X 13,3m X 5m

P. TRỰC

P.PHA TRỘN

WC

KHO HÓA CHẤT

TẤM LẮNG LA MEN

02 BƠM NƯỚC BỂ ĐIỀU HÒA
MODEL:DRN550/2/100

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

Ống chờ PVC,Ø225, COP+3.00

Ống chờ PVC,Ø225, COP+3.10

Ống chờ PVC,Ø225, COP+2.30

Ống chờ PVC,Ø225, COP+2.70

Ống chờ PVC,Ø225, COP+2.50

Ống chờ PVC,Ø225, COP+1.50

LIÊN KẾT ĐỘ ỐNG

MĂNG THU NƯỚC KT300X300

1700 4230 4760 750 1400 8000 16000 13300 40200 51630

Chỉ dẫn:

- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe)
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe)
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe)
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

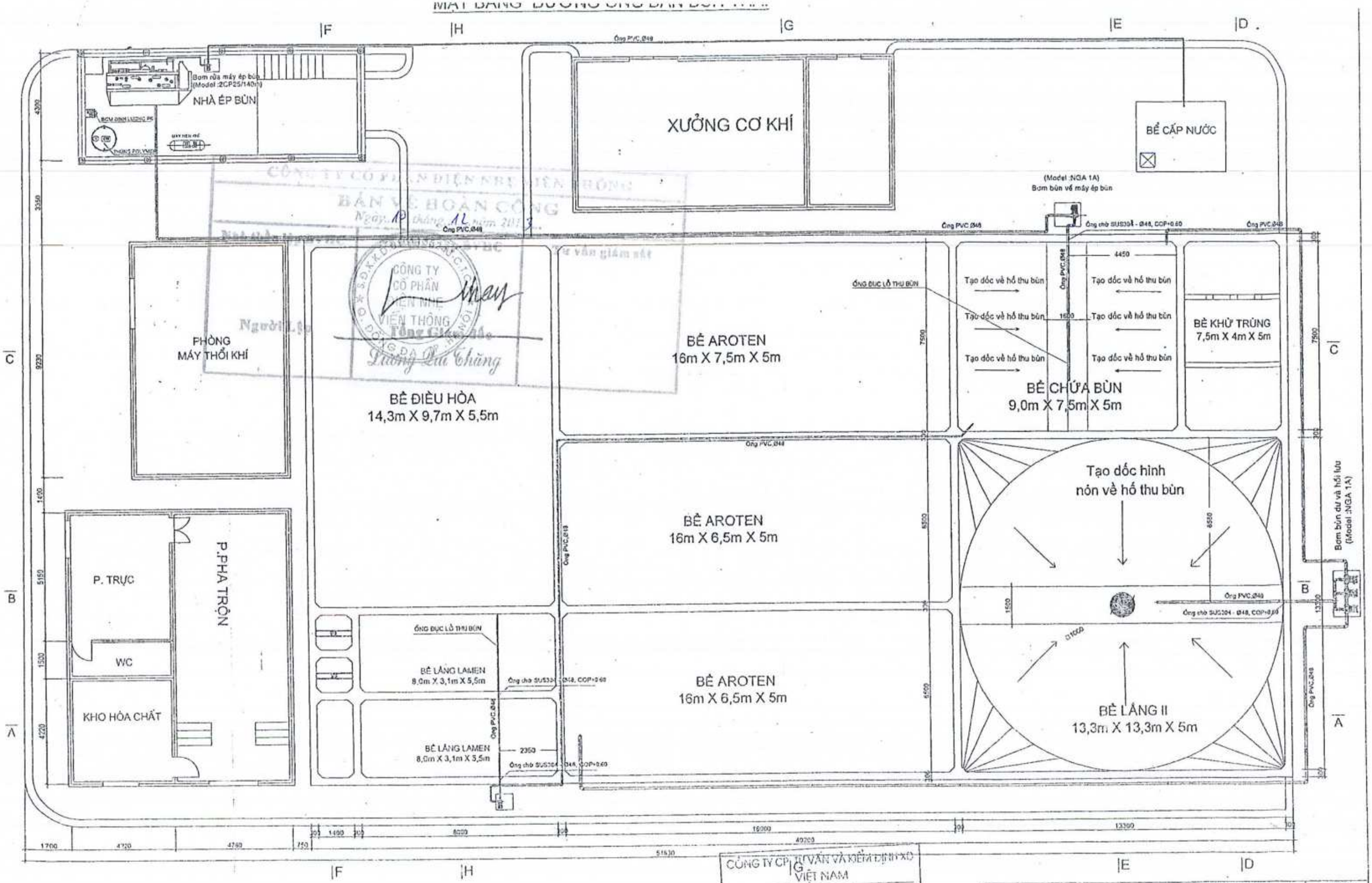
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI		TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM
			KÍ HIỆU BẢN VẼ: ECEN-TDL-CN-01

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHÍ VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 12 tháng 12 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHÍ VIỄN THÔNG
Tổng Giám đốc
Dương Đại Chăng

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày .....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CETC	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN	TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ / VẼ / KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
		D-STH-TC-CN05

Chỉ dẫn:

- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NHÀ ÉP BÙN
NGĂN TIẾP NHẬN
XƯỞNG CƠ KHÍ
BỂ CẤP NƯỚC
TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
02 MÁY THỔI KHÍ MODEL:SSR-80
DN150
PHÒNG MÁY THỔI KHÍ
DN200
03 MÁY THỔI KHÍ MODEL:SSR-150
P. TRỰC
WC
KHO HÓA CHẤT
đường kính DN100
Ống thép đen Ø48
Ống PVC,Ø42
Ống pvc,Ø34
DN150
DN125
DN140
BỂ CHỨA BÙN
9,0m X 7,5m X 5m
BỂ KHỬ TRÙNG
7,5m X 4m X 5m
BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m
BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m
BỂ LẮNG II
13,3m X 13,3m X 5m
Bơm bùn dư và hồi lưu (Model :NGA 1A)

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2013
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	NGUYỄN TIẾN SỸ	NGUYỄN TIẾN SỸ	NGUYỄN LÊ NAM	ĐCTH-TXL-CN-06

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

XƯỞNG CƠ KHÍ

BỂ CẤP NƯỚC

PHÒNG MÁY THỔI KHÍ

BỂ ĐIỀU HÒA
14,3m X 9,7m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 7,5m X 5m

BỂ CHỨA BÙN
9,0m X 7,5m X 5m

BỂ KHỬ TRÙNG
7,5m X 4m X 5m

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

P. TRỰC

WC

KHO HÓA CHẤT

PHÒNG PHA TRỘN HÓA CHẤT

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

BỂ LẮNG II
13,3m X 13,3m X 5m

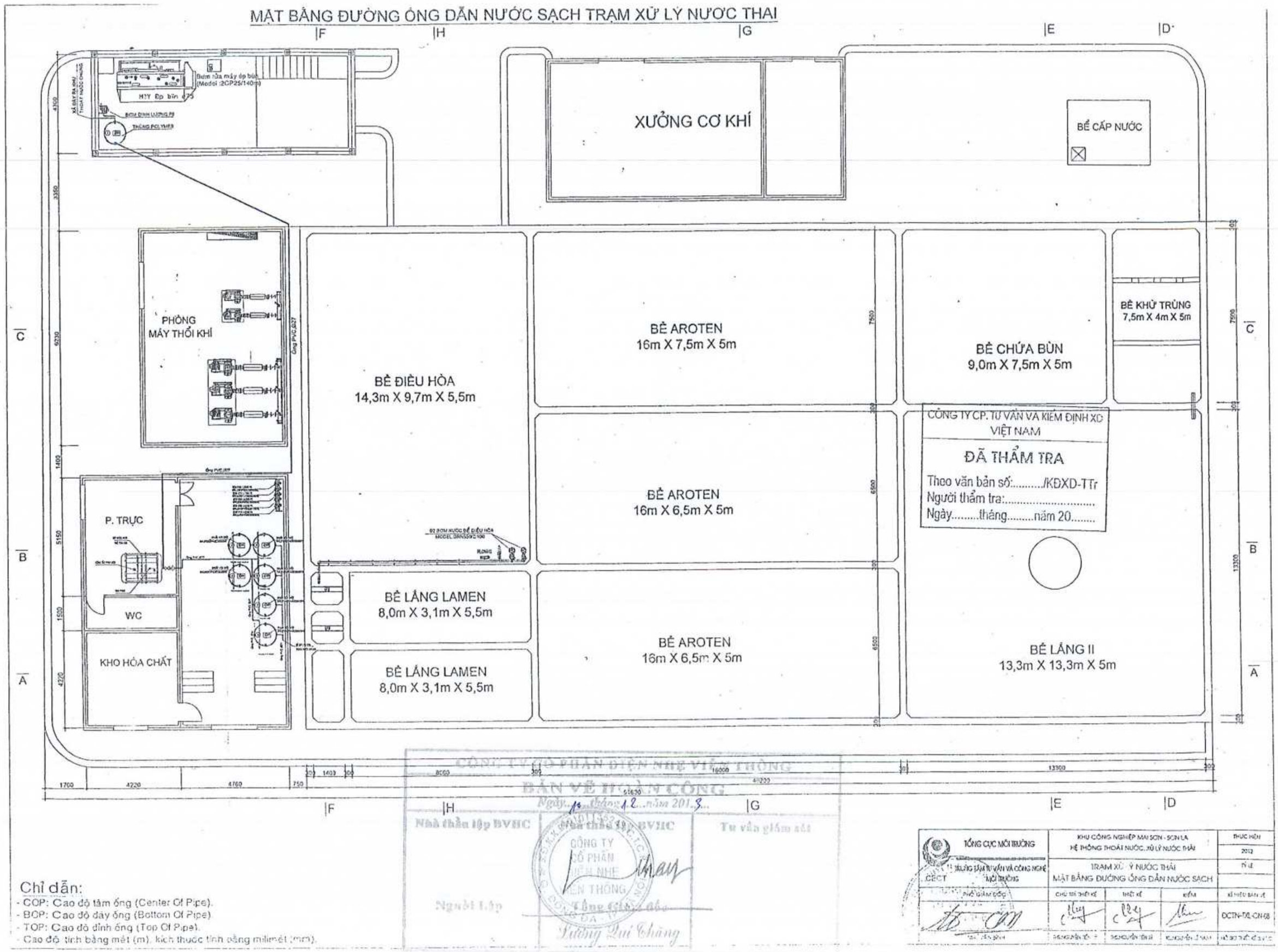
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
VIỆN TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT		TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÍ HIỆU BẢN VẼ ĐCTH-TXL-CN-07

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC SẠCH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Nhà thầu lập BVHC | Nhà thầu TC BVHC | Tư vấn giám sát

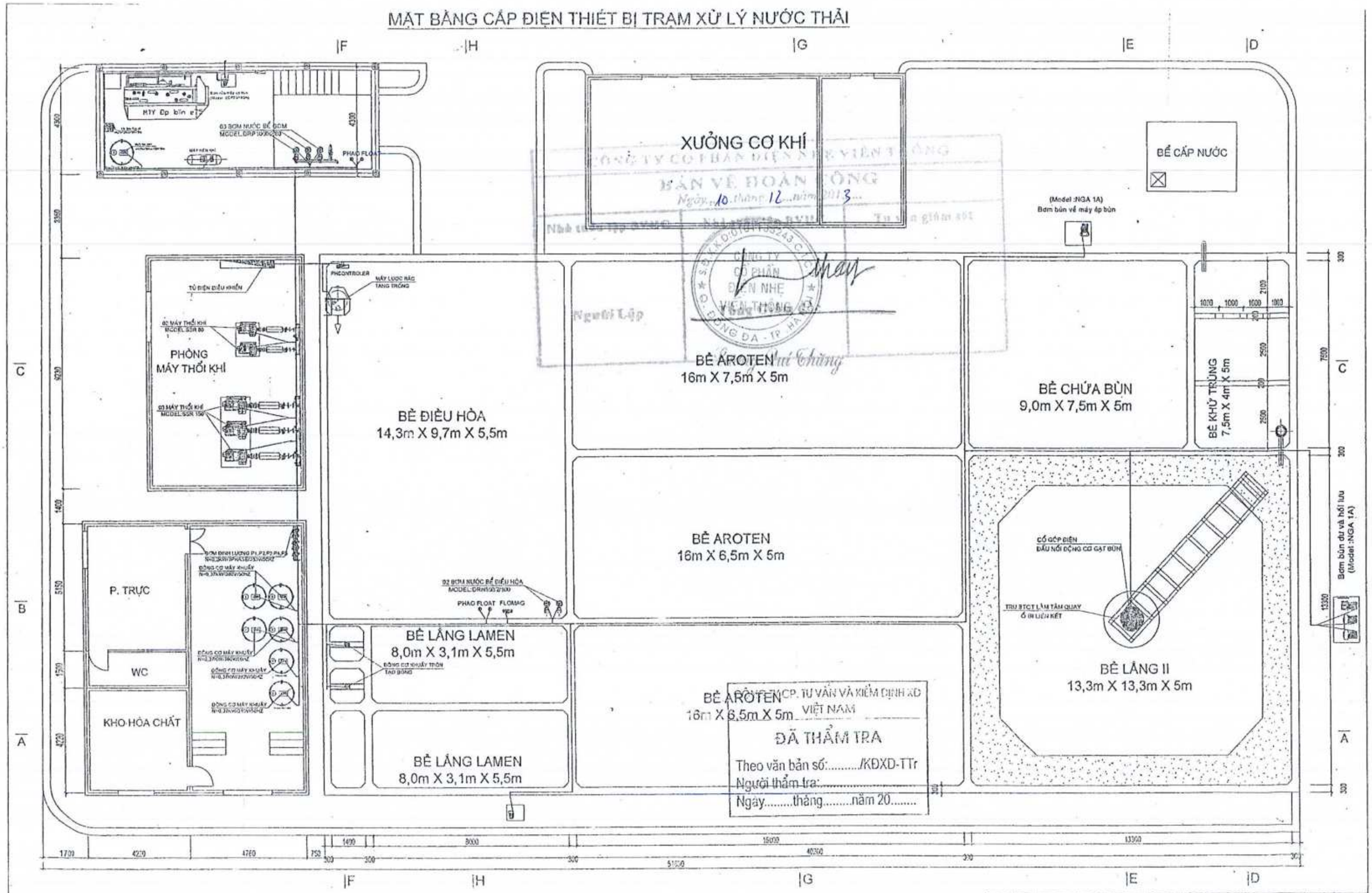
Người Lập

Lương Quí Chăng

Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe)
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC SẠCH			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				DCTN-TĐL-CN-08

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN THIẾT BỊ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

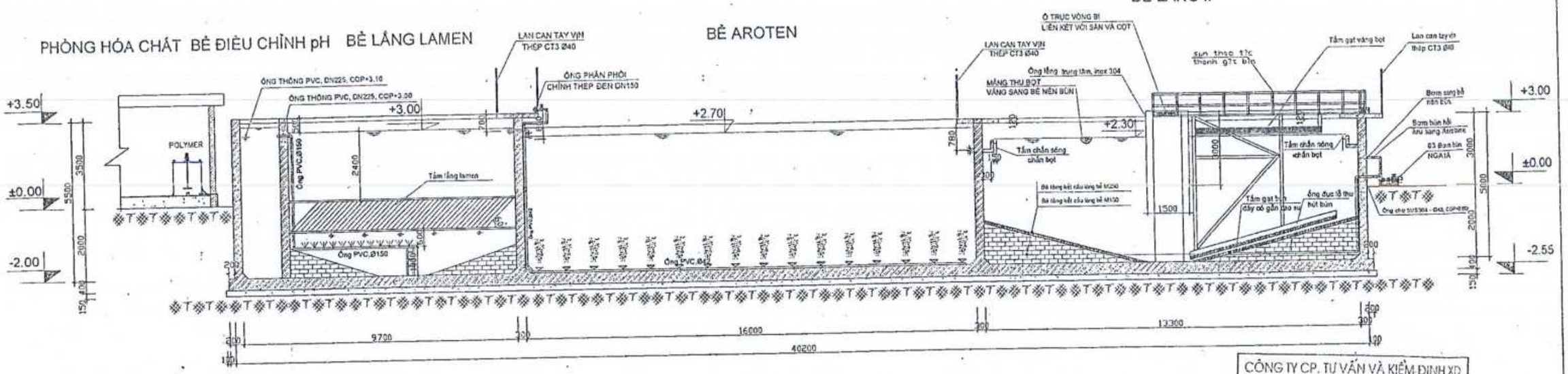


BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 10 tháng 12 năm 2013
Người Lập
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT THÔNG
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:
Ngày.....tháng.....năm 20.....

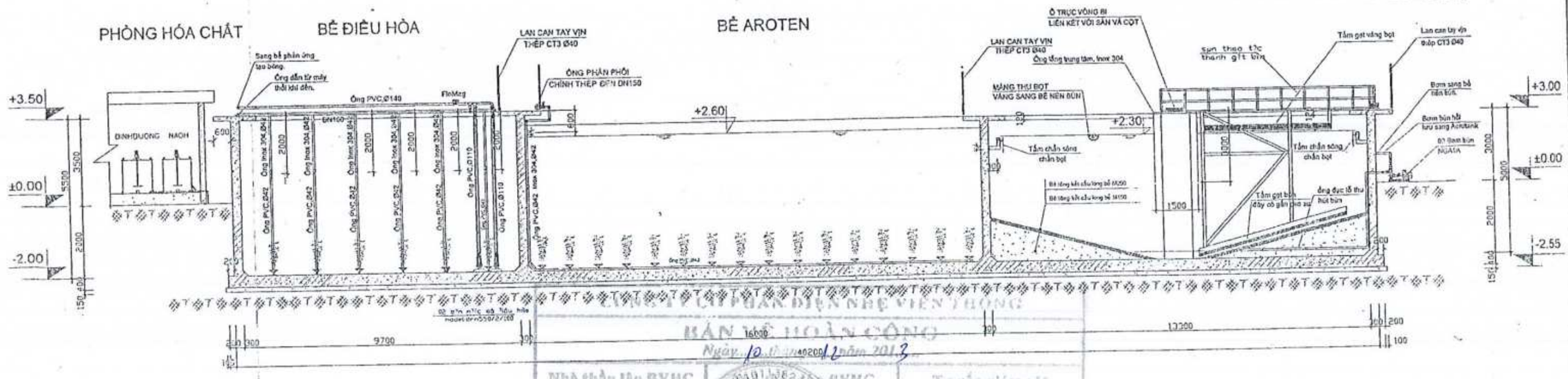
Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ thiết bị tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2012
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN THIẾT BỊ	TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
		ĐCTN-TKL-CN09

MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT B-B



CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN PHẢN BIỆN KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

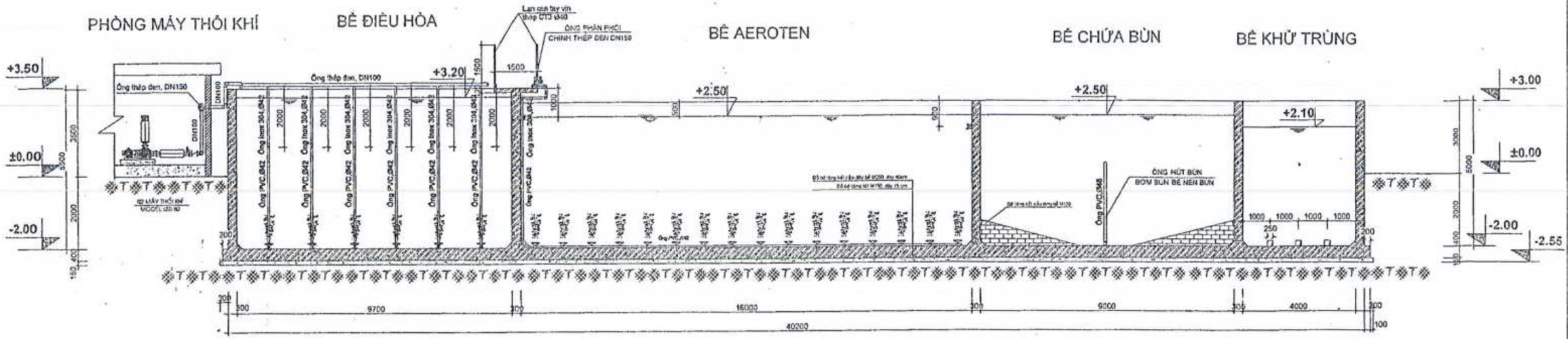
Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Nhà thầu lắp BVHC	Nhà thầu TC BVHC	Tư vấn giám sát
Người Lập	Tổng Giám đốc	Trương Quí Thắng

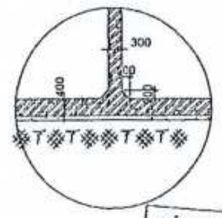
Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe)
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A-A,B-B		TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
			ĐCTN-TDL-CN-10

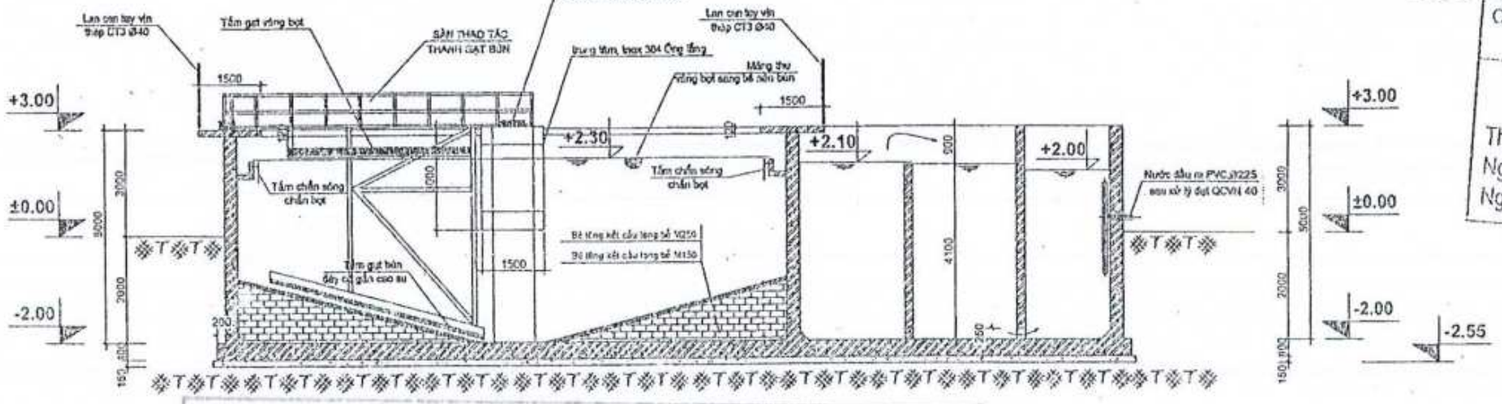
MẶT CẮT C-C



CHI TIẾT GÓC VÁT ĐÁY BỂ



MẶT CẮT D-D



CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số...../KDXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Nhà thầu lập BVHC	Nhà thầu TVTK BVHC	Tư vấn giám sát
Người Lập	Tổng Giám đốc	

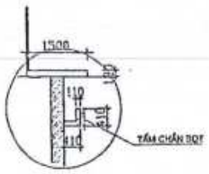
Chỉ dẫn:

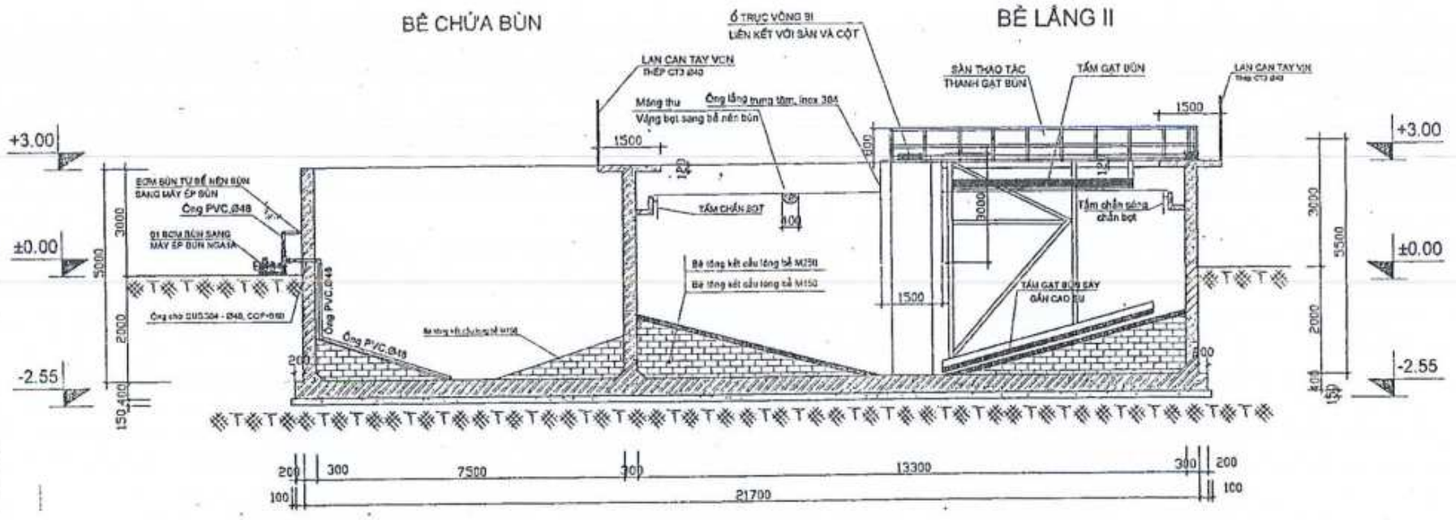
- CCP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BCP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước bản vẽ bằng milimet (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP NAM SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT CẮT CÔNG NGHỆ C-C,D-D			TỶ LỆ
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				CCTN-DL-CN-11

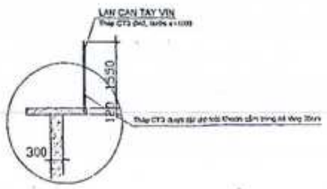
MẶT CẮT E-E

CHI TIẾT A

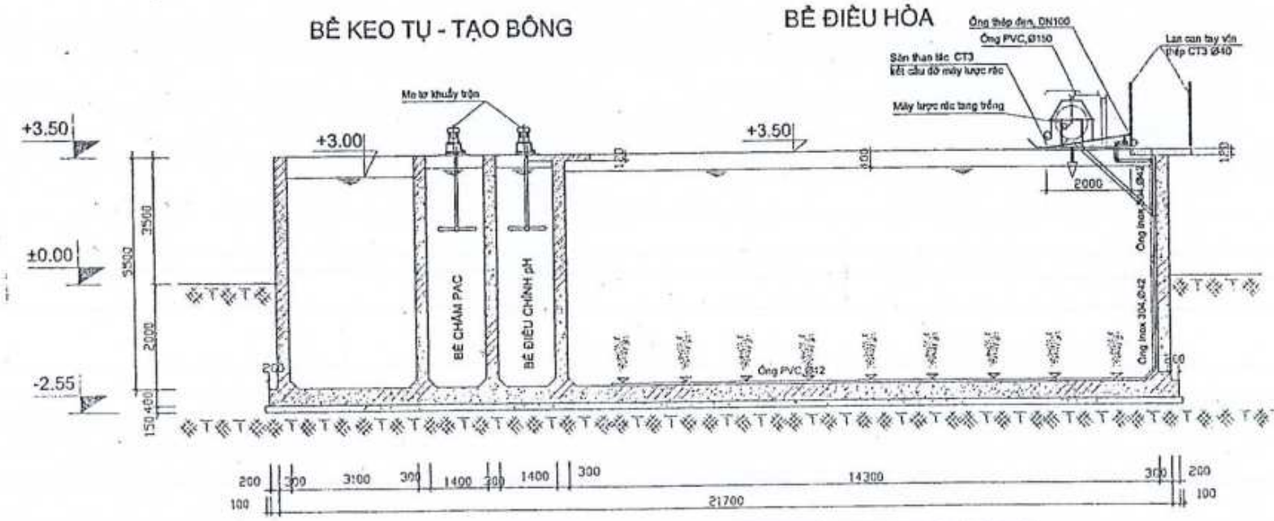




CHI TIẾT LAN CAN TAY VỊN



MẶT CẮT F-F



CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số...../KĐXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỄN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

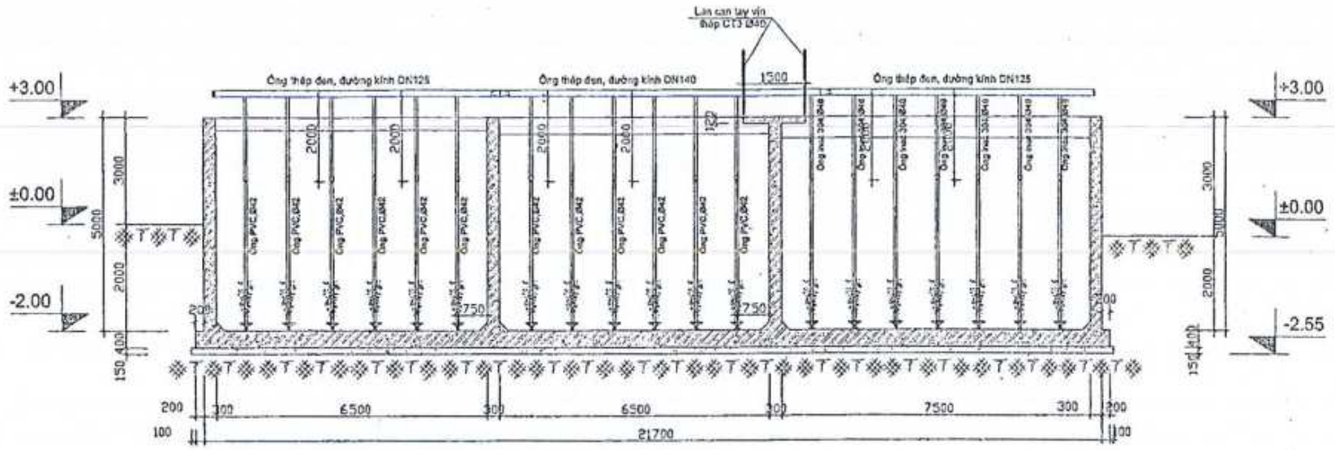
Nhà thầu lập BVBC	Nhà thầu TC BVBC	Tư vấn giám sát
Người Lập	Tổng Giám đốc	

Chỉ dẫn:

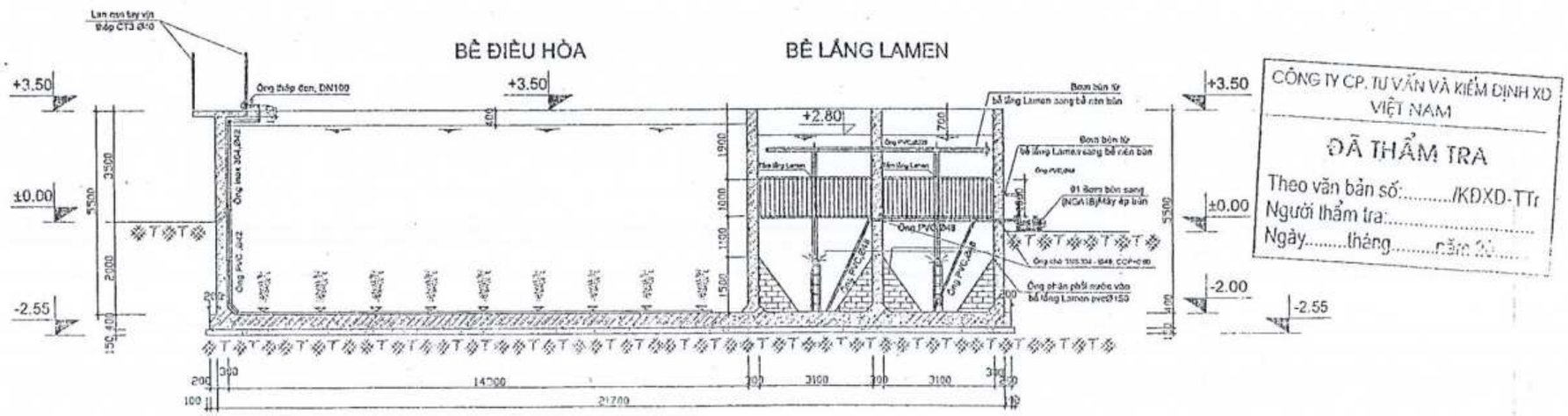
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe).
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimét (mm).

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT CẮT CÔNG NGHỆ E-E, F-F			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				SCNH-01-CN12

MẶT CẮT G-G



MẶT CẮT H-H



CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG

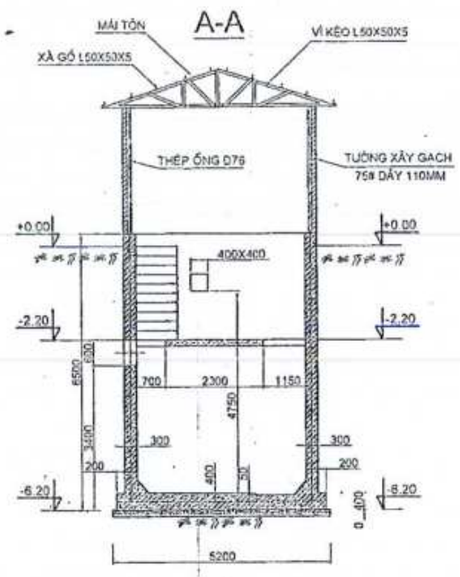
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

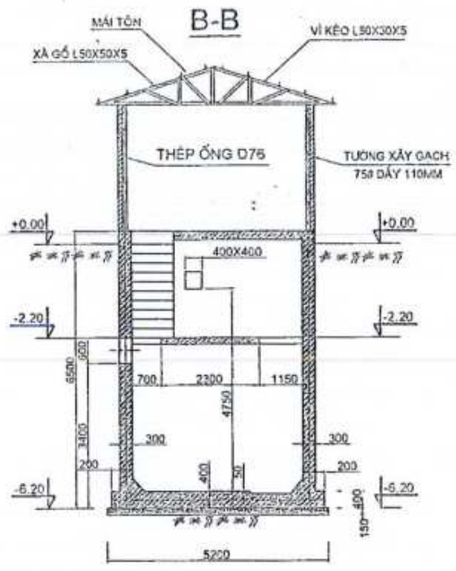
Ngày 10 tháng 12 năm 2013

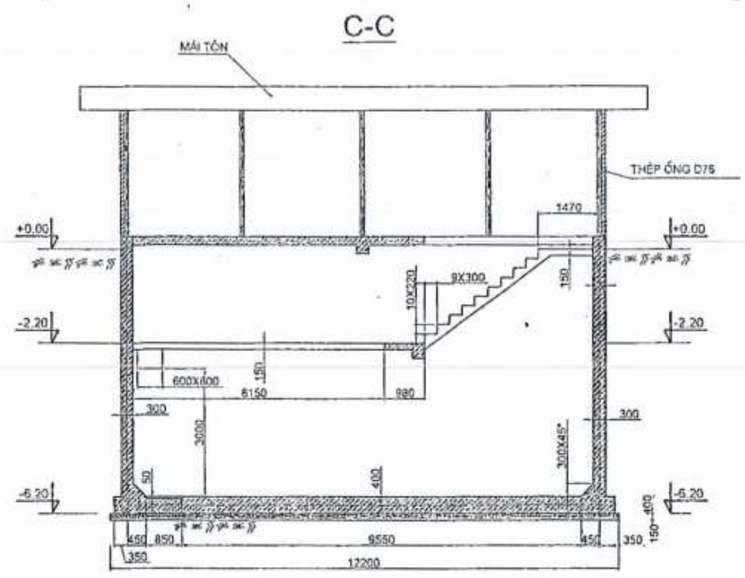
Nhà thầu lập BVHC	Nhà thầu TK BVHC	Tư vấn giám sát
Người Lập		Tổng Giám đốc
		Lương Quí Thắng

Chỉ dẫn:
- COP: Cao độ tâm ống (Center Of Pipe).
- BOP: Cao độ đáy ống (Bottom Of Pipe)
- TOP: Cao độ đỉnh ống (Top Of Pipe).
- Cao độ tính bằng mét (m), kích thước tính bằng milimet (mm)

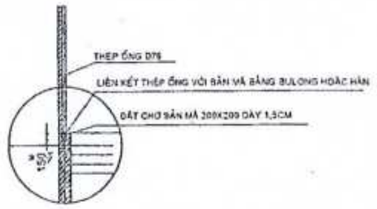
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẶT CẮT CÔNG NGHỆ G-G, H-H		TỶ LỆ
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				ĐCIN-TK-CN-12



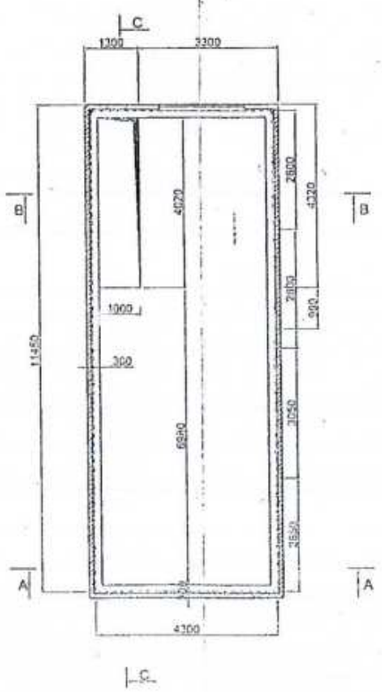




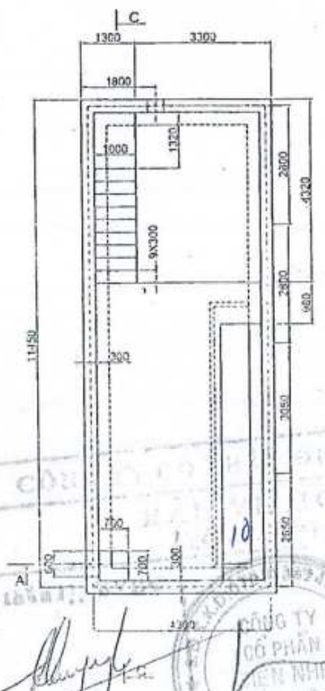
CHI TIẾT LIÊN KẾT GIỮA THÉP ỐNG VÀ TƯỜNG



MẶT BẰNG CỐT +0.30



MẶT BẰNG CỐT -2.20



GHI CHÚ:

- ĐÁY CÓ ĐỘ DỐC 1% VỀ PHÍA HỐ THU
- CẤU TẠO XEM CÁC BẢN VẼ KẾT CẤU
- TRONG NGĂN TIẾP NHẬN BỐ TRÍ :
  - + GIAI ĐOẠN 1: 2 BƠM NƯỚC THẢI CHÌM (1 BƠM DỰ PHÒNG)
  - + GIAI ĐOẠN 2: 3 BƠM NƯỚC THẢI CHÌM (1 BƠM DỰ PHÒNG
- TRONG PHÒNG MÁY ÉP BÙN BỐ TRÍ:
  - + MÁY ÉP BÙN BĂNG TẢI
  - + HỆ THỐNG CẤP HÓA CHẤT
  - + CÁC THIẾT BỊ HỖ TRỢ MÁY ÉP BÙN KHÁC

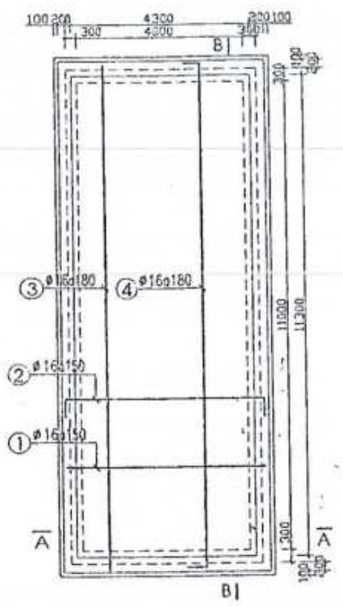
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

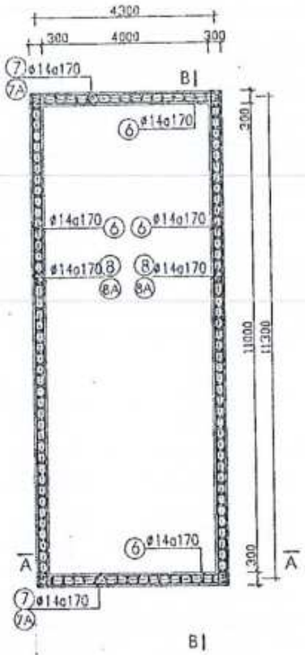
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CEGT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NGĂN TIẾP NHẬN - PHÒNG MÁY ÉP BÙN	TỶ LỆ
CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
		SCTN-TKL-CN.14
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC	KỸ SƯ THIẾT KẾ

MẶT BẰNG THÉP MÓNG



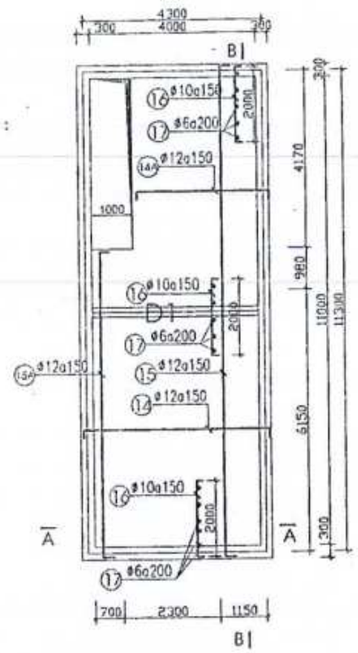
MẶT BẰNG THÉP THÀNH BỂ



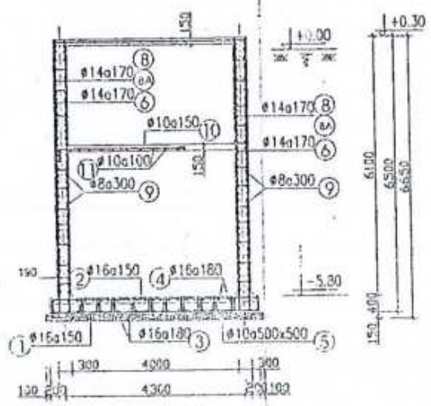
MẶT BẰNG THÉP SÀN CỐT -2.20



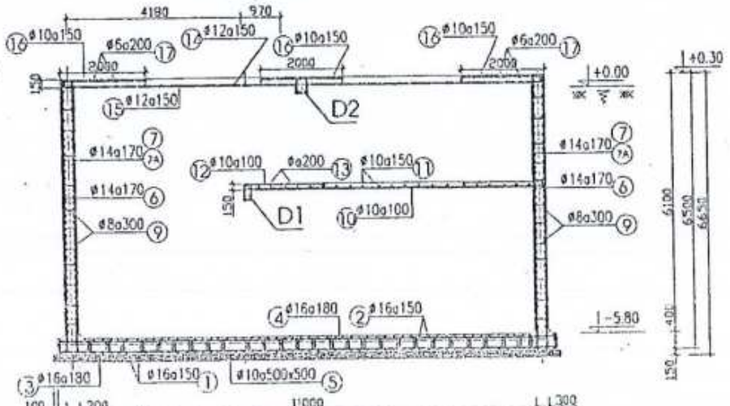
MẶT BẰNG THÉP SÀN CỐT +0.30



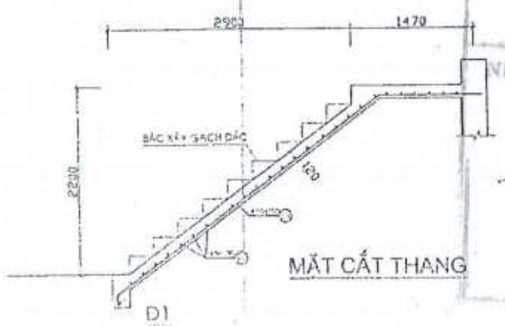
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



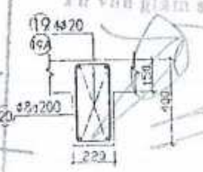
MẶT CẮT THANG



DẦM D1



DẦM D2



THONG KE COT THEP BE

TÊN C KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C KIỆN	SỐ LƯỢNG T BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T LƯỢNG (Kg)
Dày ngăn tiếp nhận Số lượng: 1	1	4900	16	4900	81	81	396.9	626.3
	2	300 4900 300	16	5500	81	81	445.5	702.99
	3	11900	16	12380	29	29	359.02	566.53
	4	300 11900 300	16	12980	29	29	376.42	593.99
	5	100 230 100 230 100	10	760	176	176	133.76	82.52
Thành bể tiếp nhận Số lượng: 1	6	300 8400	14	6700	370	370	2479	2995.56
	7	300 4300 300	14	5100	72	72	367.2	443.57
	7a	300 4200 300	14	4800	72	72	345.6	417.48
	8	300 11500 300	14	12520	72	72	901.44	1088.93
	8a	250 11700 250	14	11700	72	72	842.4	1017.61
	9	50 200 50	8	300	2270	2270	681	268.71
Sàn cốt -2.2 Số lượng: 1	10	300 3200	10	3500	48	48	168	103.58
	11	300 7000 300	10	7600	30	30	228	140.57
	12	150 2000 150	10	2300	60	60	138	85.08
	13	3000	6	3000	20	20	60	13.32
Dầm D1 Số lượng: 1	17	4300	20	4300	2	2	8.6	21.21
	17a	300 4300 300	20	4900	2	2	9.8	24.17
	18	150 350 50	8	1100	20	20	22	8.68
Sàn cốt +0.3 Số lượng: 1	14	300 4400 300	12	5000	48	48	240	213.08
	14a	300 3400 300	12	4000	28	28	112	99.44
	15	300 11400 300	12	12360	24	24	296.64	263.36
	15a	300 7000 300	12	7600	7	7	53.2	47.23
	16	300 2000 300	10	2600	86	86	223.6	137.86
	17	4000	6	4000	28	28	112	24.86
Dầm D2 Số lượng: 1	19	4400	20	4400	2	2	8.8	21.70
	19a	300 4400 300	20	5000	2	2	10	24.66
	20	150 250 50	8	1100	21	21	23.1	9.11
Thang NTN Số lượng: 1	21	220 3640 1470	10	5330	54	54	287.8	177.57
	22	50 900 50	8	1000	54	54	54	21.31

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày ... tháng.....năm 20.....

GHI CHÚ:

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M100#, ĐÁ 4X6 DÀY 100
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0.0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0.0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 200.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÀY 2.5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP LÀ 30MM (TÍNH TỪ THANH CỐT THÉP NGOÀI CÙNG TỚI MÉP BÊ TÔNG) KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP BÊ TÔNG ĐẾN ĐẦU CỐT THÉP LÀ 25MM.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NBE VIỄN THÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Nhà thầu lập BVHC

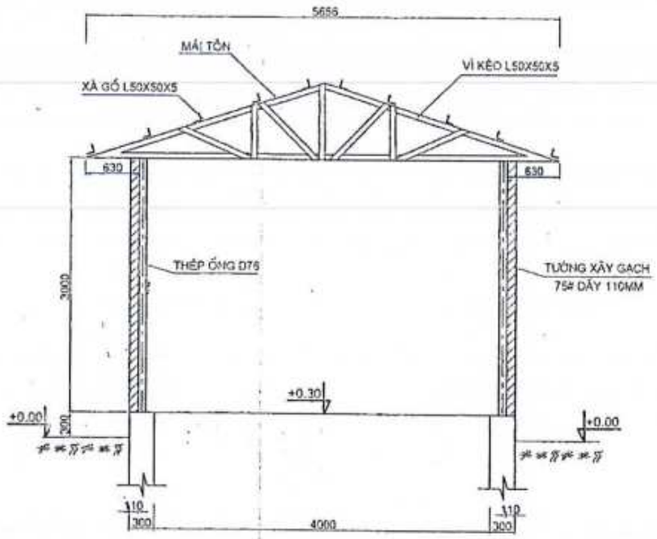
Người Lập

Tư vấn giám sát

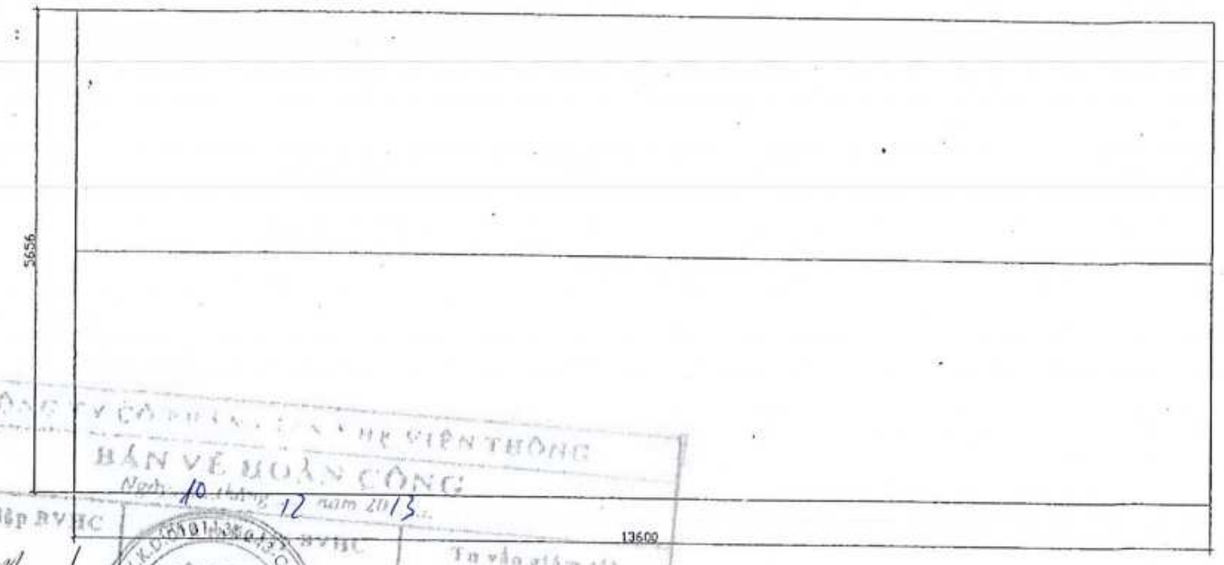
Người Duyệt

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NGĂN TIẾP NHẬN - PHÒNG MÁY ÉP BÙN		TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM
			KÝ HIỆU BẢN VẼ DCTN-TXLNT-01A
	KHÁNH HỒNG VĂN	CAO HỒNG KIÊN	GIÁP QUỐC QUẢNG

MẶT CẮT KẾT CẤU BAO CHE



MẶT BẰNG MÁI CHE



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 10 tháng 12 năm 2013
Nhà thầu thi công
Tư vấn giám sát
Người Lập
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
Tổng Giám đốc
Lương Quí Thăng

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

THỐNG KÊ MÁI CHE NGĂN TIẾP NHẬN

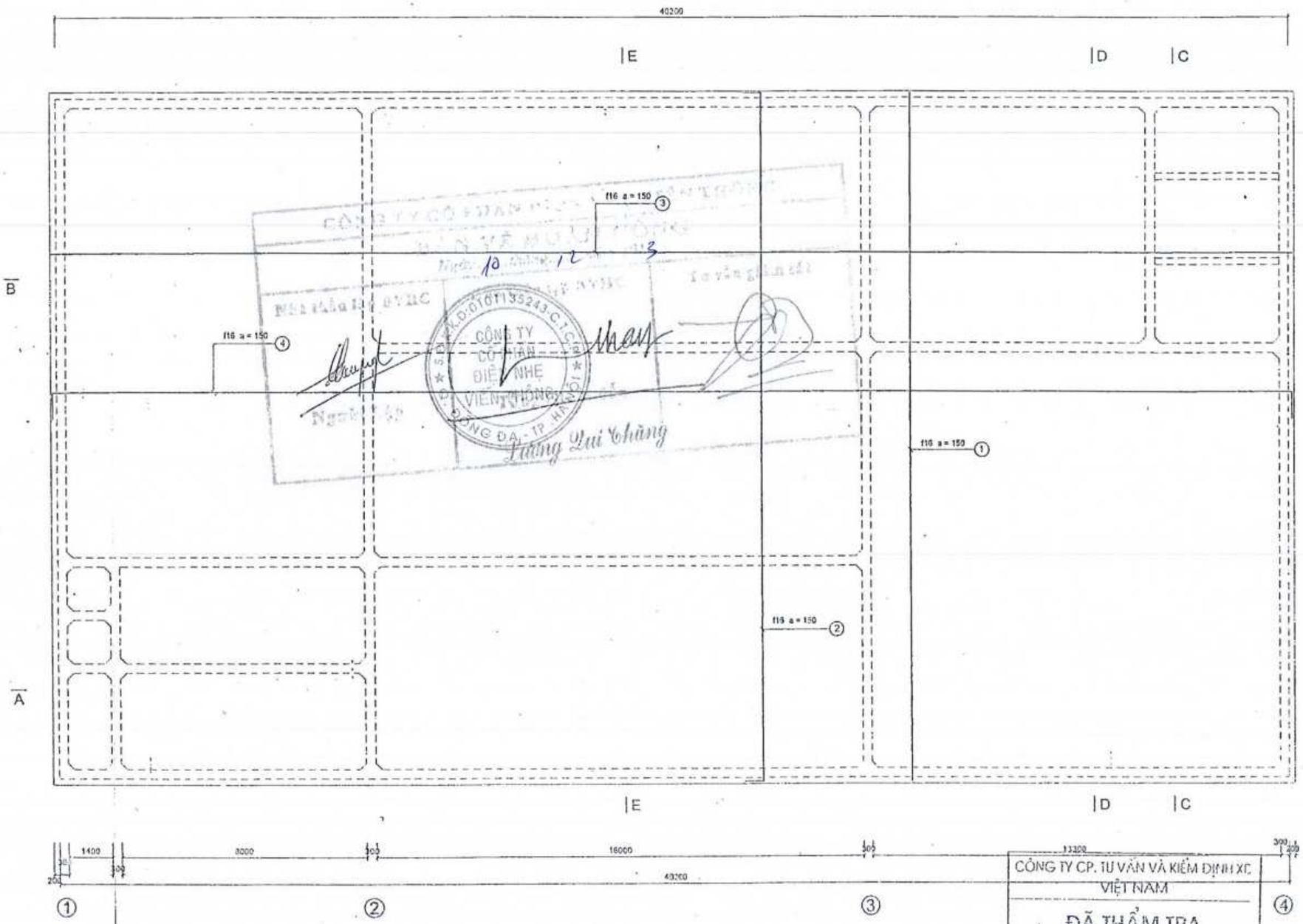
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	S.LƯỢNG/ 1 C.K.	S.LƯỢNG C.K.	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (Kg)
VÌ KÈO	1	L50X50X5		18000	5	1	90	351
XÀ GỒ	2	□80X40X3		13600	10	1	136	640.6
CỘT	3	D76		3000	10	1	30	168.6
BẢN MÃ	4	300X200X10			40	1		125.6
BULÔNG	5	M16			80	1	80	

GHI CHÚ:

- MÁI CHE BẰNG TÔN, KÈO, XÀ GỒ BẰNG THÉP HÌNH
- CỘT BẰNG THÉP TRÒN LIÊN KẾT VỚI THÀNH BỂ BẰNG BẢN MÃ+BU LÔNG
- TƯỜNG BAO CHE XÂY GẠCH ĐẶC 75# DÀY 110MM, TẠI VỊ TRÍ CỘT CÓ MÓC THÉP LIÊN KẾT

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG (CECT, ...)	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NGĂN TIẾP NHẬN - PHÒNG MÁY ÉP BÙN			THỰC HIỆN: 2012 TỶ LỆ:
THỦ GIÁM ĐỐC	CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	C.PHẠM HOÀNG VĂN	C.PHẠM HOÀNG VĂN	C.VŨ QUẢC DƯƠNG	ECTT-TTX-KC-03B

MẶT BẰNG THÉP MÓNG



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DẦY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRƠN DÀY 2MM, RỘNG 20CM

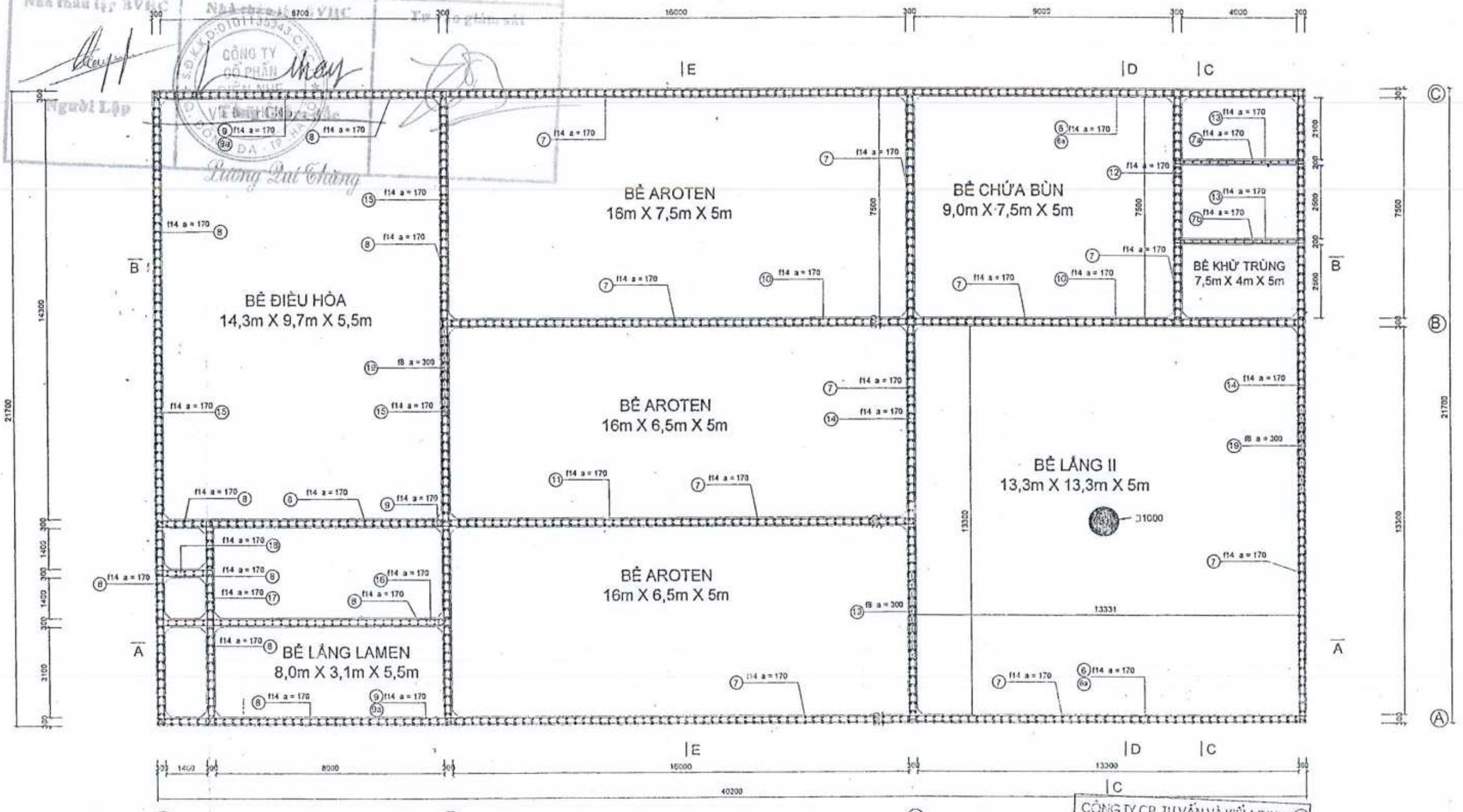
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI		THỰC HIỆN 2012
CECT TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT BẰNG THEP MÓNG BỂ		TỶ LỆ
CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				DCCN-TXL-KC-22A

MẶT BẰNG THÉP THÀNH BỂ



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DẦY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP LÀ 30MM (TÍNH TỪ THANH CỐT THÉP NGOÀI CÙNG TỚI MÉP BÊ TÔNG)
  KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP BÊ TÔNG ĐẾN ĐẦU CỐT THÉP LÀ 25MM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC VIỄN THÔNG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày tháng 10 12 năm 2013
Nhà thầu lắp: BVEC | Nhà thầu XL: VHC | Tư vấn giám sát
Người Lập
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC VIỄN THÔNG
Trương Đạt Thắng

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH X4 VIỆT NAM

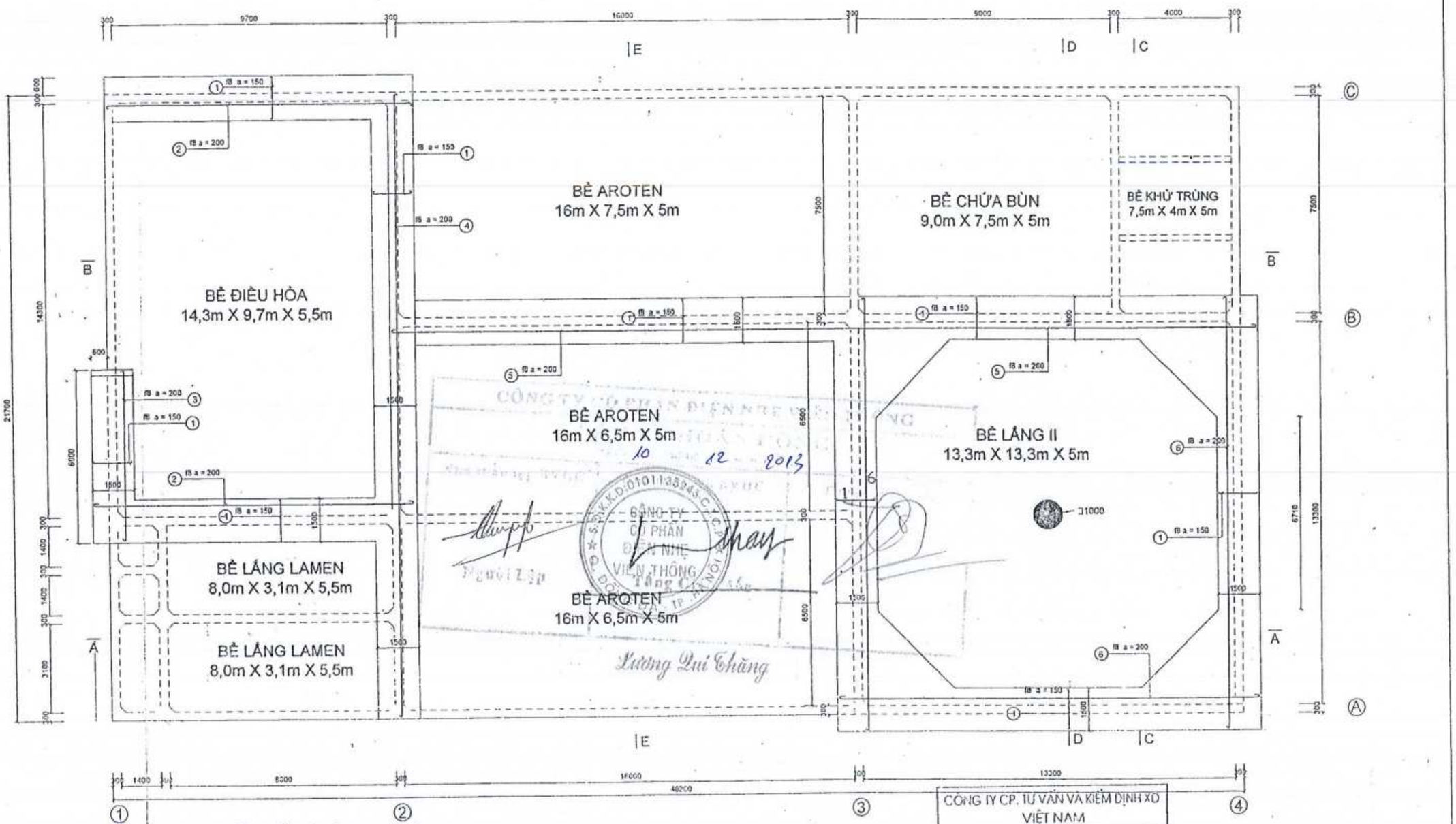
ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THAM KHẢO 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT BẰNG THÉP THÀNH BỂ			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				EXC-TXL-XC-02B

KS. PHẠM HỒNG VÂN, KS. VŨ QUỐC QUANG, KS. ĐỖ THẾ KỶ

MẶT BẰNG THÉP SÀN CÔNG TÁC



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÁY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP LÀ 30MM (TÍNH TỪ THANH CỐT THÉP NGOÀI CÙNG TỚI MÉP BÊ TÔNG)

KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP BÊ TÔNG ĐẾN ĐẦU CỐT THÉP LÀ 25MM

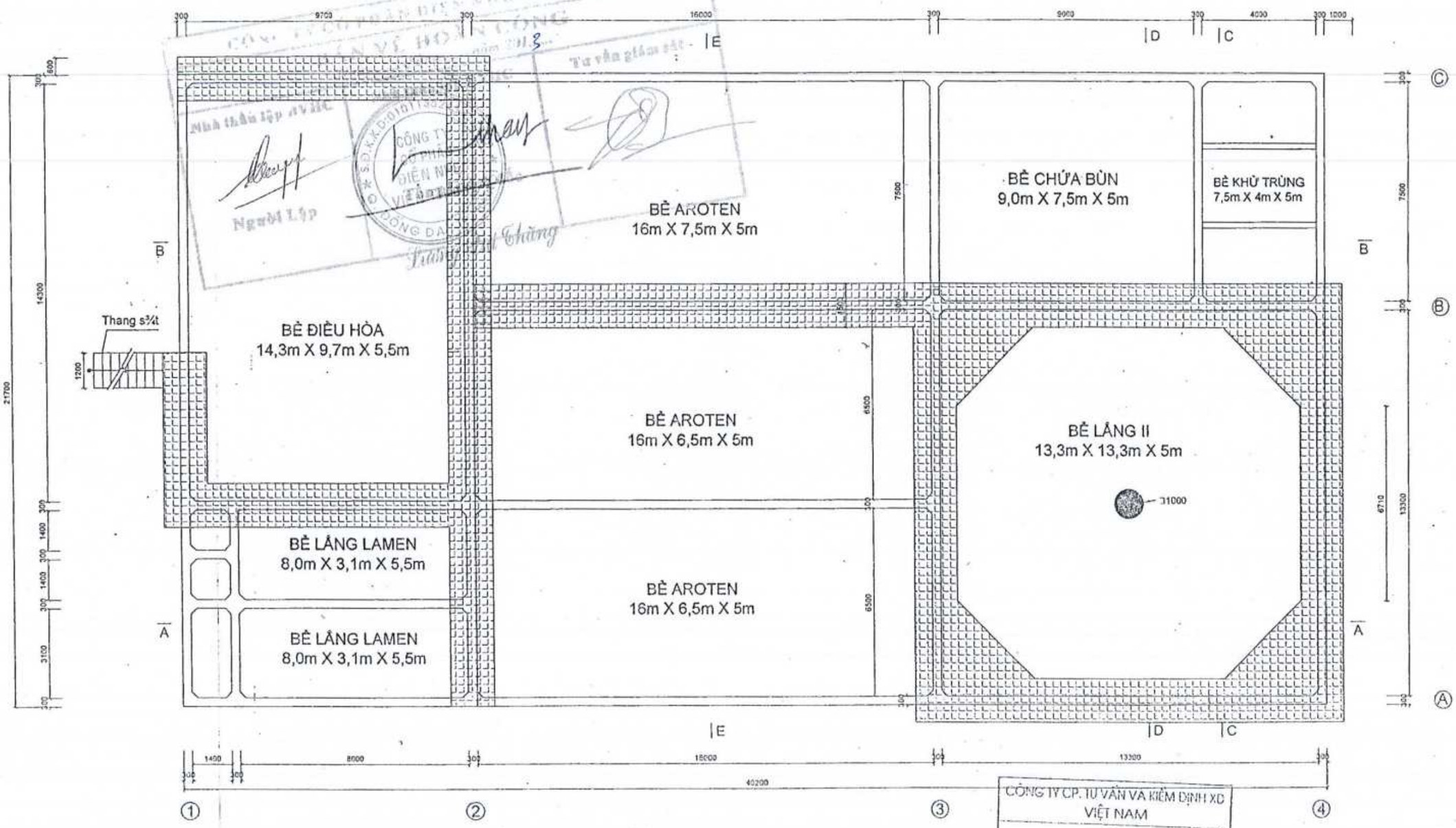
CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SCN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2013
CECT	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT BẰNG THÉP SÀN CÔNG TÁC	TỶ LỆ
CHỦ ĐẦU TƯ	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / KIỂM	KÍ HIỆU BẢN VẼ
		DCN-HSL-KC-05.C

MẶT BẰNG SÀN CÔNG TÁC



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT ĐỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÁY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG, SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECT	KHU CÔNG NGHIỆP TÀI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2012
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT BẰNG SÀN CÔNG TÁC			TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÍ HIỆU BẢN VẼ
				DCTN-D0.KC.02.D

MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VIỄN THÔNG
BẢN VẼ THAM KHẢO
Ngày 12 tháng 12 năm 2013
Nhà thầu lập BVHC | Nhà thầu lập BVHC | Tư vấn giám sát
Người Lập

BỂ ĐIỀU HÒA
14,3m X 9,7m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 7,5m X 5m

BỂ CHỨA BÙN
9,0m X 7,5m X 5m

BỂ KHỬ TRÙNG
7,5m X 4m X 5m

Tạo dốc về hố thu bùn

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

Tạo dốc hình nón về hố thu bùn

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ LẮNG LAMEN
8,0m X 3,1m X 5,5m

BỂ AROTEN
16m X 6,5m X 5m

BỂ LẮNG II
13,3m X 13,3m X 5m

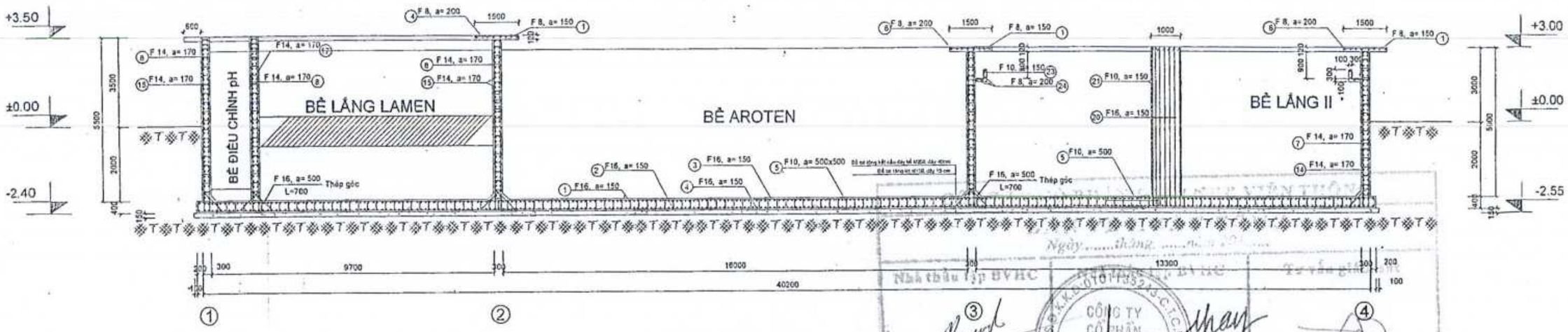
GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘNBẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0.0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0.0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÀY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM

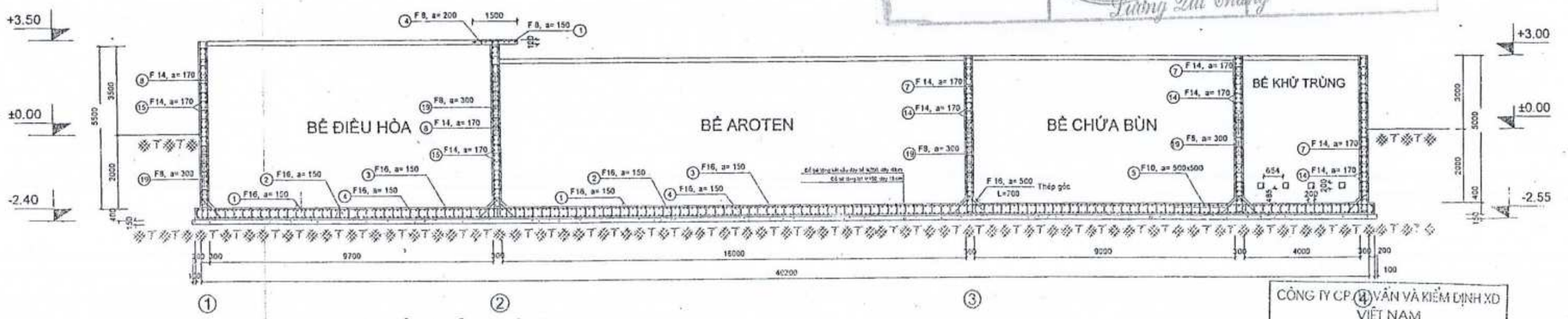
CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THÁNG 12/2013
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CECTA	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT BẰNG ĐÁY BỂ	TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ: DCTN-02-XC-02

MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT B - B



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÀY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DAY 2MM, RỘNG 20CM
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP LÀ 30MM (TÍNH TỪ THÀNH CỐT THÉP NGOÀI CÙNG TỚI MÉP BÊ TÔNG)

KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP BÊ TÔNG ĐẾN ĐẦU CỐT THEP LÀ 25MM

Nhà thầu lập BVHC — Ngày.....tháng.....năm.....
Người Lập
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG
Tổng Giám đốc
Lương Quí Thắng

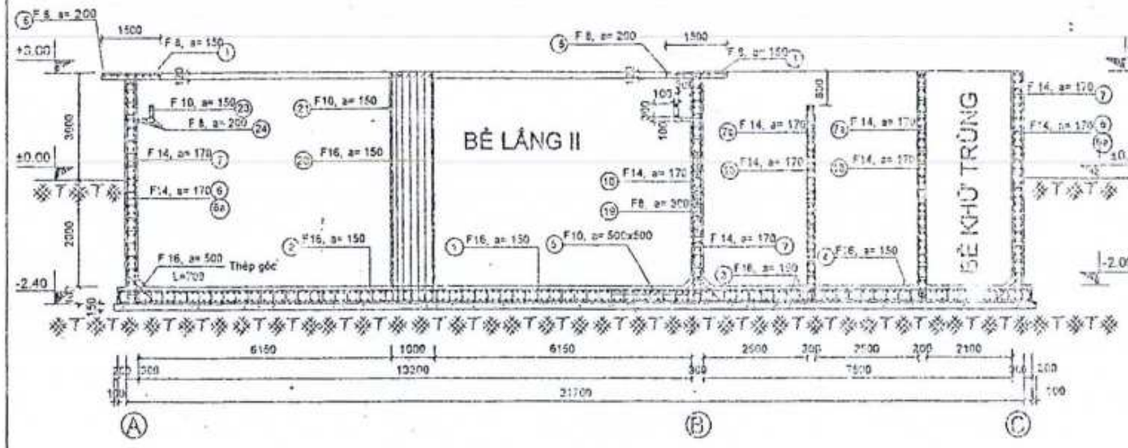
CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

ĐÃ THẨM TRA

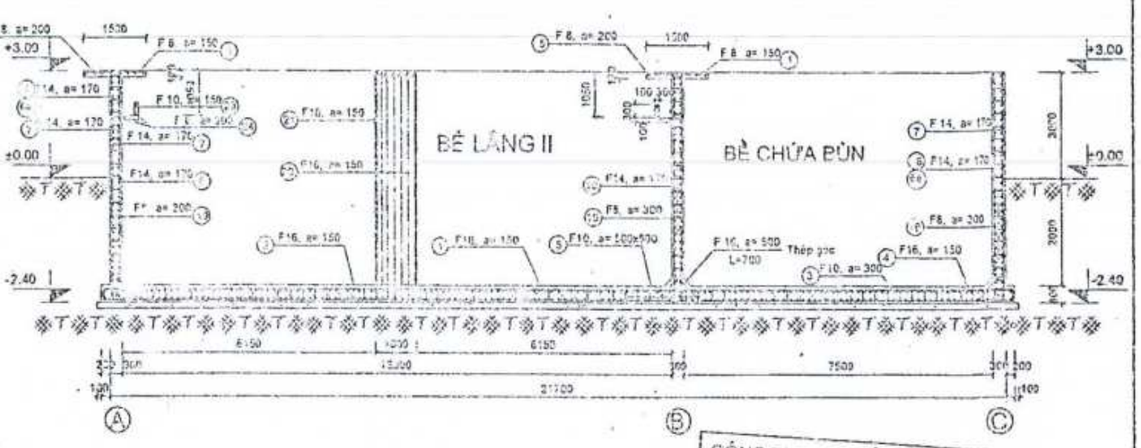
Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr
Người thẩm tra:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN - SƠN LA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	THỰC HIỆN 2012
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT CẮT A-A, B-B	TỶ LỆ
PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / THIẾT KẾ / VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ: ĐCTN-TAL-XC-C05

MẶT CẮT C - C



MẶT CẮT D - D



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT CHÂU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 12 năm 15

Nhà thầu lập BVHC	Nhà thầu TVGS	Chủ đầu tư
Người Lập	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẸ VIỄN THÔNG	Tường Quí Thăng

CÔNG TY CP. TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XD VIỆT NAM

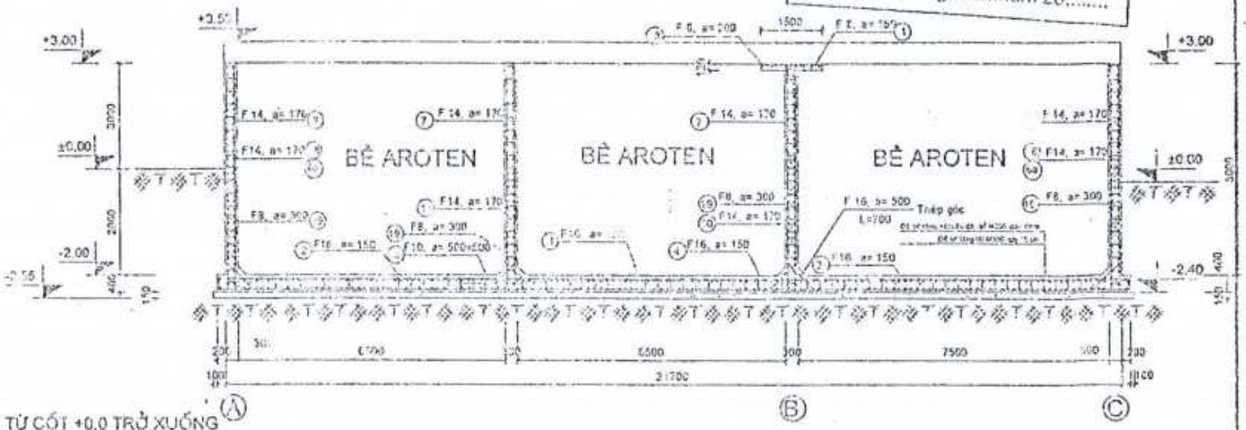
ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản số:...../KĐXD-TTr

Người thẩm tra:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT CẮT E - E



GHI CHÚ

- KHI THI CÔNG BỂ CHỪA LỖ THEO BẢN VẼ CN
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M150# ĐÁ 2X4
- BÊ TÔNG ĐÁY BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY400
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG TRỘN BẰNG MÁY TẠI CÔNG TRƯỜNG M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ XUỐNG
- BÊ TÔNG THÀNH BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 300, TỪ CỐT +0,0 TRỞ LÊN
- BÊ TÔNG TRẦN BỂ BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM M250#, ĐÁ 1X2 DÀY 120.
- TRÁT BỂ BẰNG VỮA XM MÁC 75, DÀY 2,5 CM
- CỐT THÉP AI CÓ CƯỜNG ĐỘ 2300KG/CM2
- CỐT THÉP AII CÓ CƯỜNG ĐỘ 2800KG/CM2
- TẠI VỊ TRÍ MẠCH NGỪNG THI CÔNG: SỬ DỤNG TÔN TRẮNG DÀY 2MM, RỘNG 20CM
- TƯỜNG NGĂN BỂ KHỬ TRÙNG XÂY GẠCH ĐẶC 110 ĐỖ TRỤ, VXM MÁC 75
- CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ CỐT THÉP LÀ 30MM (TÍNH TỪ THÀNH CỐT THÉP NGOÀI CÙNG TỚI MÉP BÊ TÔNG)
  KHOẢNG CÁCH TỪ MÉP BÊ TÔNG ĐẾN ĐẦU CỐT THÉP LÀ 20MM

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG	CÔNG TY: SƠN LA HỆ THỐNG THO... XỬ LÝ NƯỚC THẢI			THỰC HIỆN 2015
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI MODUL XỬ LÝ, MẶT CẮT C-C, D-D, E-E			TỶ LỆ
CỤC TRƯỞNG	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	KIỂM	KÝ HIỆU BẢN VẼ
				DCTN-DE-XC-02S

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DUONG

Địa chỉ: Số 01-LK01, Khu đô thị bản Buổn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La
Điện thoại: 0962.976.035 - Email: tvxdnamduong@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DUONG
MSDN: 5500463608 - C.T.C.P
TP. SƠN LA - T. SƠN LA

HỒ SƠ
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN : KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA (GIAI ĐOẠN I)
HẠNG MỤC ĐC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 543/QĐ-BQL
Ngày 13 tháng 6 năm 2025.
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 25/BCTĐ-QLĐTXD.MT
Ngày 10 tháng 6 năm 2025.
Ký tên:

Sơn La, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DUONG

Địa chỉ: Số 01-LK01, Khu đô thị bản Buổn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La
Điện thoại: 0982.976.035 - Email: tvxdnamduong@gmail.com

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 543/QĐ-BQL
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
Ký tên:

HỒ SƠ
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN : KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA (GIAI ĐOẠN I)
HẠNG MỤC ĐC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 25/BCTĐ-QLKCN, MT
Ngày 10 tháng 6 năm 2025
Ký tên:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Mạnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DUONG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Thìn

Sơn La, năm 2025

HỒ SỰ CỐ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG SUẤT: 1200M3/NGĐ

103.84

41.77 | 14.02 | 45.98 | 0.52

11.00

8.78

TƯỜNG RÀO XÂY GẠCH
L=27.02M

TƯỜNG RÀO PHÁ DỠ L=10M

16.02

HDPE.D110

HDPE.D110

HG1-3

KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG SUẤT: 2500M3/NGĐ

P.PHA TRỘN

P. MÁY THỔI KHÍ

NGĂN TIẾP NHẬN

TRẠM BIẾN ÁP

NHÀ ĐỂ XE

76.70

XƯỞNG CƠ KHÍ

NHÀ ĐIỀU HÀNH

OT-D500

HG1-1

G3-1

OT-D500

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 543/QĐ-BQL
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 25/BCTĐ-QLĐTXD, MT
Ngày 10 tháng 6 năm 2025.
Ký tên:

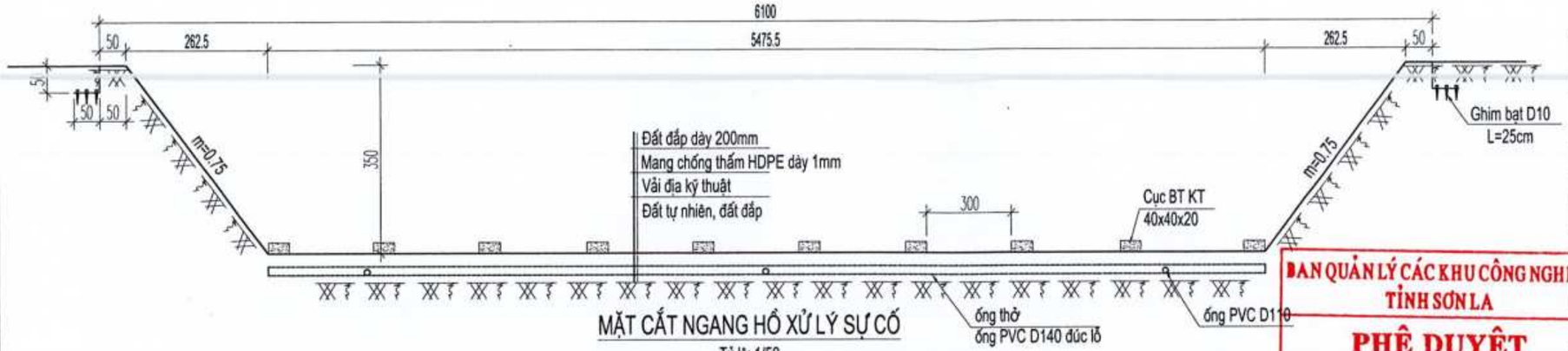
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: SỐ 01-LK01, KHU ĐÔ THỊ BẮN BUÔN, P. CHIỀNG CƠI, TP SƠN LA
Email: Tv.namduong@gmail.com.vn

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA (GIAI ĐOẠN I)
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

GIÁM ĐỐC		NGUYỄN XUÂN THÌN	MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỒ SỰ CỐ THOÁT NƯỚC THẢI		
CHỦ NHIỆM TK CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG			
THIẾT KẾ		BÙI ĐỨC THỊNH	HOÀN THÀNH	TỈ LỆ	BẢN VẼ
KIỂM TRA		NGUYỄN THÀNH TRUNG	NĂM 2025	1/200	01/01

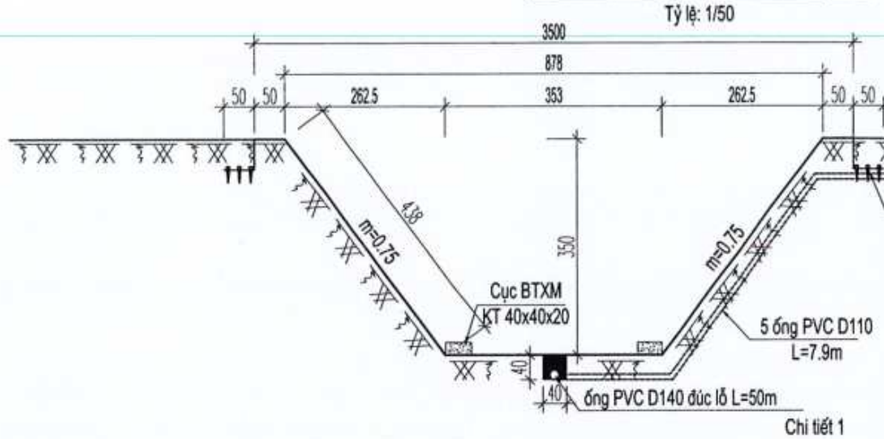
MẶT CẮT DỌC HỒ XỬ LÝ SỰ CỐ

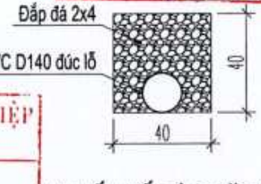
Tỷ lệ: 1/50



MẶT CẮT NGANG HỒ XỬ LÝ SỰ CỐ

Tỷ lệ: 1/50





BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 25/KCN-QLĐTXD,MT

Ngày 10 tháng 6 năm 2025

Ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 543/QĐ-BQL

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

Ký tên:

CHI TIẾT HỐ ĐÀO ĐẶT ỐNG

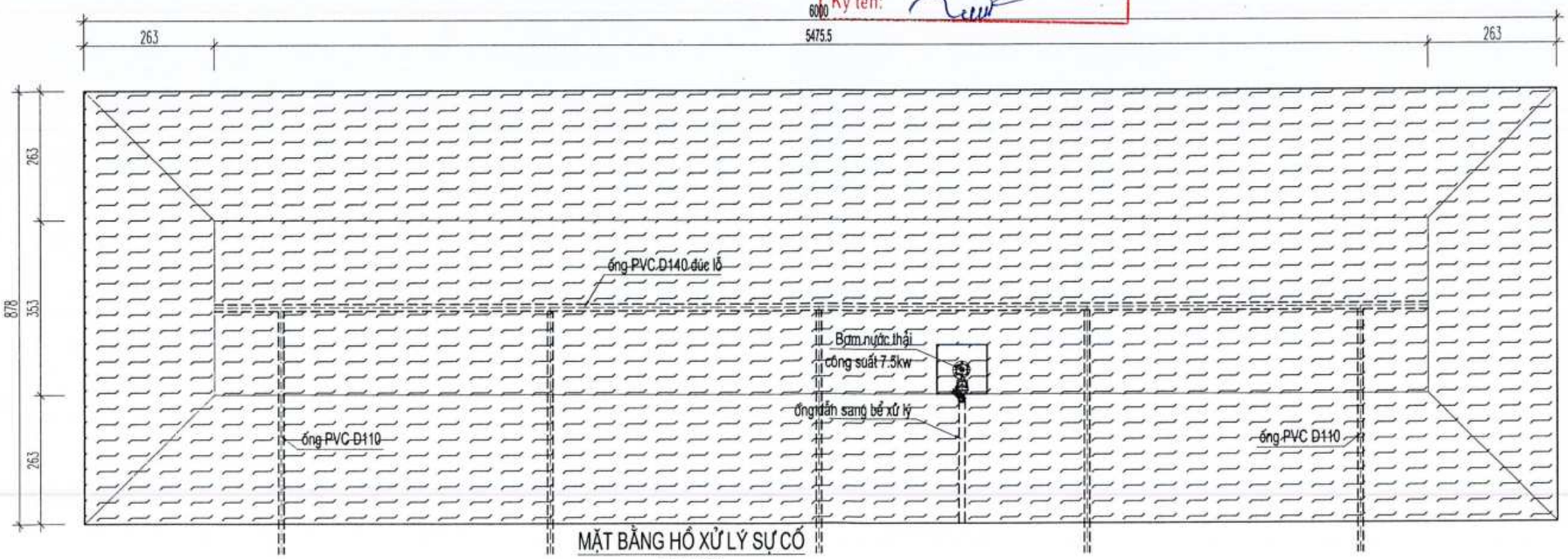
L=50m - Tỷ lệ: 1/25

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

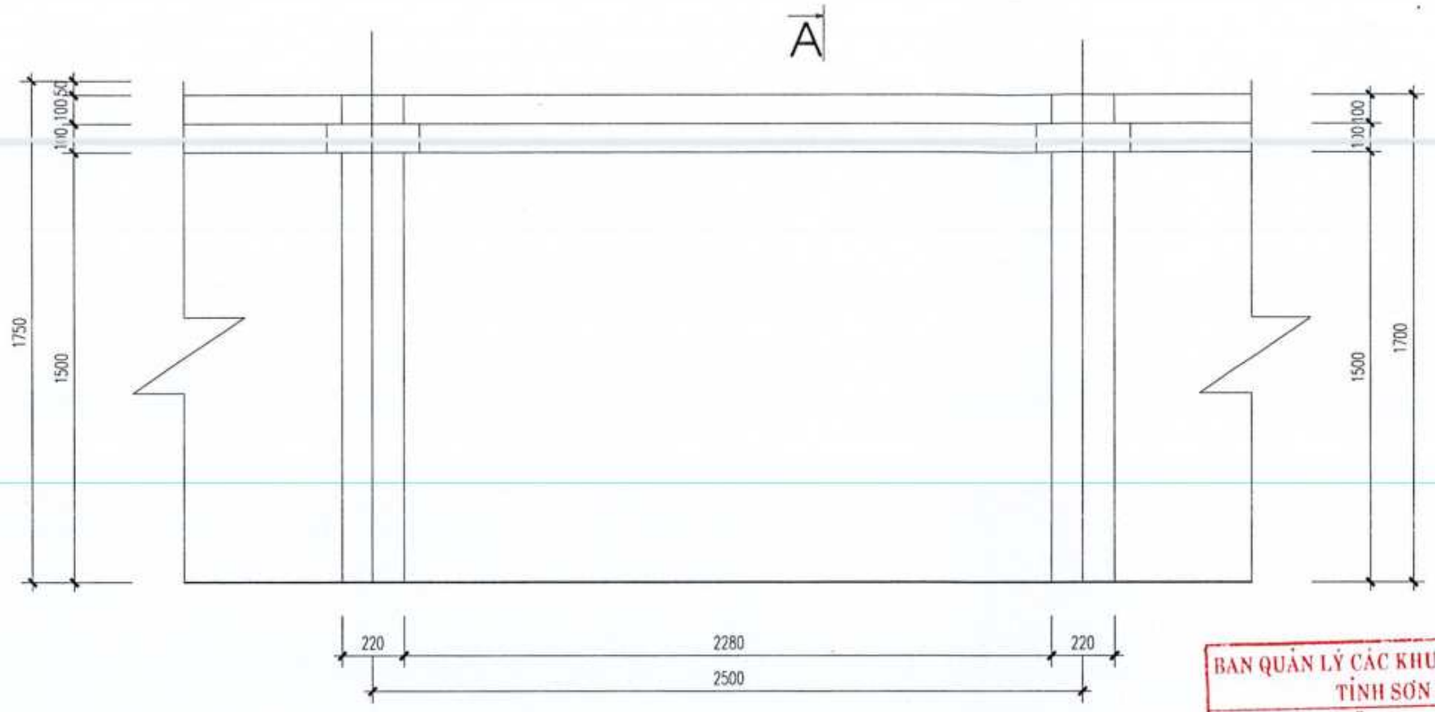
STT	Hạng mục vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	- Đào đất cấp 3 (hố sự cố)	m3	622.05
2	- Đào đất cấp 4 (hố sự cố)	m3	248.82
3	- Đào Đá cấp 3 (hố sự cố)	m3	372.23
4	- Đắp đất K85	m3	34.39
5	- Đắp Đá 2x4	m3	7.23
5	- Đắp đất ống thở	m3	5.94
6	- Đào đất cấp 3 (móng đặt ống thở)	m3	14.32
7	- Vải địa kỹ thuật	m2	956.2
8	- Màng chống thấm HDPE dày 1mm	m2	956.2
9	- Bê tông cục đè giữ bạt mác 200#	m3	1.152
10	- Số lượng cục BT đè giữ bạt	Cái	36
11	- ống nhựa PVC D140 đục lỗ	m	50
12	- ống nhựa PVC D110	m	39.5
13	- Tê thu PVC D140/110	Cái	5
14	- Chếch - cút PVC D110	Cái	15
15	- Bịt D140	cái	2
16	- Máy bơm nước thải 7.5kw	máy	1
17	- Tê HDPE D110 PN10	cái	1
18	- Van mặt bích D110	cái	1
19	- Bích nối hàn nhựa HDPE D110	cái	3
20	- Khớp nối mềm D110	cái	2

MẶT BẰNG HỒ XỬ LÝ SỰ CỐ

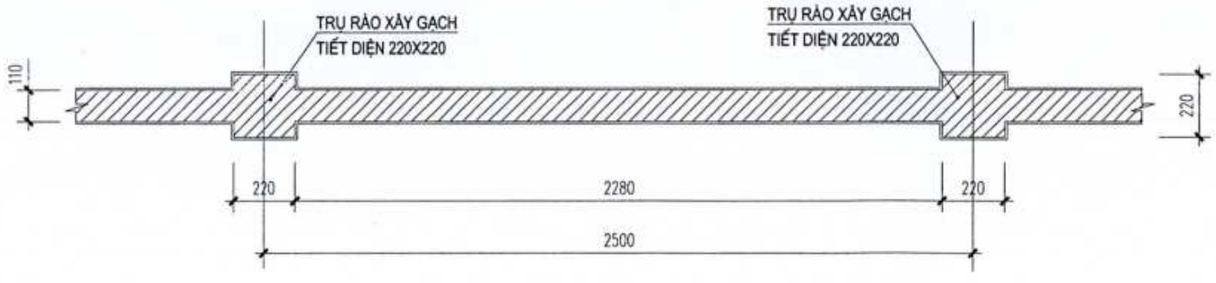
Tỷ lệ: 1/100



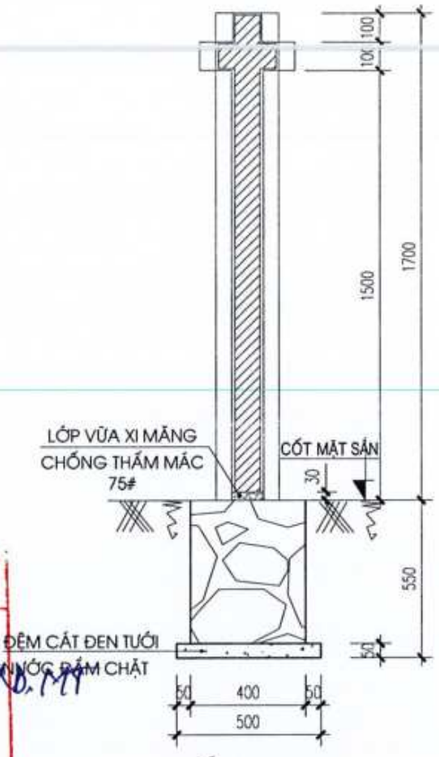
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DƯƠNG	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA - GIAI ĐOẠN I HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG		BẢN VẼ: TNT: 01
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN XUÂN THÌN	HỒ XỬ LÝ SỰ CỐ	TỈ LỆ	1/100; 1/50
CHỦ NHIỆM: NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG		HOÀN THÀNH	NĂM 2025
CHỦ TRÌ: NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG			
THIẾT KẾ: BÙI ĐỨC THỊNH			
KIỂM TRA: NGUYỄN THÀNH TRUNG			



MẶT ĐỨNG TƯỜNG RÀO XÂY GẠCH



MẶT BẰNG TƯỜNG RÀO XÂY GẠCH L=27.02M



CẮT A-A

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 25/BCTĐ-QLDTXD.MT
Ngày 10 tháng 6 năm 2025
Ký tên:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH SƠN LA
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 543/QĐ-BQL
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
Ký tên:

THUYẾT MINH

TƯỜNG RÀO ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO PHƯƠNG ÁN RÀO XÂY GẠCH CHỈ BỔ TRỤ. TƯỜNG RÀO XÂY GẠCH CHỈ VỮA XI MĂNG MÁC 75# , BỔ TRỤ KÍCH THƯỚC 220X220 VỚI KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC TRỤ 2,5M. MÓNG TƯỜNG RÀO XÂY ĐÁ HỘC VỮA XI MĂNG MÁC 75# , ĐÁY MÓNG ĐỆM CÁT ĐEN TƯỚI NƯỚC ĐẦM CHẶT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG NAM DƯƠNG ĐỊA CHỈ: SỐ 1, LÔ 01, KHU ĐÔ THỊ BẮC SƠN, PHƯỜNG CHIỀNG CỌI, THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA ĐT: 0225.3512.888 - 0948.739.888 EMAIL: TVXDNAMDUONG@GMAIL.COM			BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN, TỈNH SƠN LA - GIAI ĐOẠN I HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI		
GIÁM ĐỐC		NGUYỄN XUÂN THÌN	CHI TIẾT TƯỜNG RÀO XÂY MẶT CẮT SÂN BÊ TÔNG		
CHỦ NHIỆM		NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG			
CHỦ TRÌ		NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG			
THIẾT KẾ		BÙI ĐỨC THỊNH	HOÀN THÀNH	TỈ LỆ	BẢN VẼ:
KIỂM TRA		NGUYỄN THÀNH TRUNG	NĂM 2025	1/100; 1/50	TR: 01

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN-LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2247**/QĐ-UBND	*Sơn la, ngày 21 tháng 9 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết
Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 03/02/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-TTg, ngày 09/3/2006, của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Sơn La thời kỳ 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 4818/QĐ-UB, ngày 20/12/2004, của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và dự toán quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Tà Sa-Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ công văn số 999/BXD-KTQH ngày 08/6/2005 của Bộ xây dựng về quy hoạch chi tiết KCN Mai Sơn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại kết quả thẩm định số 425/TĐQH-XD ngày 17/9/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

Khu vực nghiên cứu: Thuộc địa bàn xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn là khu vực đất đai do Nông trường Tô Hiệu hiện đang quản lý và khai thác, tổng diện tích 150ha, có ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp điểm TĐC Co Trai, xã Mường Bằng.
+ Phía Nam giáp khu dân cư Tiến Xa, xã Mường Bon.
+ Phía Tây giáp đồi núi đá.
+ Phía Đông giáp dân cư và đất nông nghiệp đang canh tác.

(Có bản vẽ kèm theo).

2. Tính chất, chức năng:

Là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Mai Sơn nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung.

góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành có quy mô vừa thuộc các ngành công nghiệp điện tử, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, hàng tiêu dùng, công nghệ kỹ thuật cao.

3 Quy mô quy hoạch:

3.1. Quy mô dân số: Khoảng 10.000 - 11.000 lao động.

3.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích: 150,00 ha.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Hướng phát triển: Khu vực lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Mai Sơn bao gồm một phần đất của xã Mường Bằng. Hướng phát triển được mở rộng về hướng Bắc và hướng Đông.

Giai đoạn 1: 63,70 ha; Giai đoạn 2: 86,30 ha.

4.2. Cơ cấu sử dụng đất đai:

TT	Loại đất	Diện tích (Ha)	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	150,0	63,70	86,3	100
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	94,17	37,91	56,22	62,8
2	Đất XD trung tâm hành chính	4,11	4,11	0	2,7
3	Đất cây xanh	23,79	9,5	14,3	15,9
4	Đất XD công trình đầu mối	7,11	2,26	4,85	4,7
5	Đất giao thông	20,82	9,92	10,88	13,9

4.3. Phân khu chức năng:

Khu công nghiệp Mai Sơn bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu trung tâm điều hành và dịch vụ.
- Khu xây dựng nhà máy.
- Khu cây xanh cảnh quan và cây xanh cách ly.
- Khu các công trình đầu mối kỹ thuật

4.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Phân khu chức năng rõ ràng, phân bố mật độ xây dựng, tầng cao, cây xanh cảnh quan hợp lý hình thành điểm nhấn kiến trúc thông qua trục đường đối trung tâm xuyên suốt KCN, tạo trục không gian chính *(không gian KCN mở)* của KCN.

4.5. Quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền tiêu thuỷ:

* *San nền:* Giải pháp san nền tiêu thuỷ đảm bảo nguyên tắc: Không gây úng ngập; Tôn trọng địa hình tự nhiên, giữ gìn và bảo vệ cảnh quan hiện có; Hạn chế đào đắp lớn, cân bằng đào, đắp tại chỗ. Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi i ≥ 0,05%.

** Thoát nước:* Trên cơ sở tính toán cốt san nền, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, bố trí nằm trong hè các tuyến giao thông. Kết cấu chính hệ thống thoát nước mưa bằng ống BTCT đường kính từ D 600mm - D 1.500mm.

b. Hệ thống giao thông:

** Giao thông đối ngoại.*

- Quốc lộ 6 - KCN: Đường cấp IV.
- Thị trấn Hát lót - KCN: Đường cấp IV.

** HT Giao thông nội bộ.*

- Đường trục chính(CN1) : CGĐĐ = 36m ; CGXD = 56m.
  Bn = 36m; Bm = 8m x 2 = 16m; Hè = 6m x 2 = 12m; Phân cách = 8m
- Đường liên khu vực (CN2) : CGĐĐ = 21m ; CGXD = 41m.
  Bn = 21m; Bm = 11m; Hè = 5m x 2 = 10m;
- Đường khu vực (CN3...CN6) : CGĐĐ = 21m ; CGXD = 41m.
  Bn = 21m; Bm = 11m; Hè = 5m x 2 = 10m;

** Giao thông tĩnh:*

Hệ thống giao thông tĩnh được bố trí ở 2 đầu KCN ở phía Bắc và phía Nam diện tích khoảng 2,26 ha.

c. Hệ thống cấp nước:

** Giai đoạn I:* Sử dụng nước suối Nậm Pàn, theo hướng cải tạo nâng cấp đập đầu mối và trạm thuỷ luân hiện có để bơm cấp nước phục vụ KCN và cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân sở tại, dự kiến công suất: từ 2.000-2.500m3/ ngày đêm.

** Giai đoạn II:* Cấp nước từ hệ thống nước Nà Sản khoảng 8 km (sau khi hồ bản Mòng hoàn thành và hoàn chỉnh Nhà máy cấp nước Bản Mòng có công suất 20.000 m3/ng.đ) hoặc khảo sát thăm dò, khai thác hệ thống nước ngầm tại khu vực lân cận để cung cấp nước cho KCN và dân cư sở tại.

** Hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy:* Trên các tuyến cấp nước cho KCN chạy theo hệ thống đường giao thông, bố trí lắp đặt các họng cứu hỏa theo quy phạm quy định.

d. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, bố trí dọc theo hè của các tuyến giao thông.
- Nước thải CN của các xí nghiệp được xử lý cục bộ trong các nhà máy trước khi xả ra hệ thống thu gom chung và dẫn đến trạm xử lý; nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn loại B (TCVN - 5945- 1995)
- Vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn: Được phân loại tại các xí nghiệp và thu gom vận chuyển đến bãi rác chung theo quy hoạch.

Bãi xử lý chất thải và rác: Bãi rác chung của khu dân cư và KCN cách khu công nghiệp khoảng 10-15 Km (thuộc khu xử lý chất thải của thị xã Sơn La).

e. Hệ thống thông tin liên lạc:

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu phát triển của khu công nghiệp và vùng lân cận.

g. Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện Quốc gia đi qua Khu công nghiệp *(đã có quy hoạch trạm biến áp 220KV cách KCN khoảng 500m).*
- Lưới điện trung thế của cụm CN được thiết kế đi ngầm.
- Lưới 22KV sẽ được xây dựng tới hàng rào của các cơ sở công nghiệp thiết kế đi ngầm theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.
- Các trạm biến áp lưới có công suất từ 400 đến 2.000 KVA và lưới điện hạ thế trong các nhà máy sẽ do các nhà đầu tư tự đầu tư xây dựng.
- Lưới điện chiếu sáng: Đường trục chính được chiếu sáng ở dải phân cách giữa, các tuyến đường khác và hàng rào được chiếu sáng 1 phía.

h. Đánh giá tác động môi trường:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp Mai Sơn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Ban quản lý KCN Mai Sơn có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Mai Sơn, sở Xây dựng:

- Tổ chức công bố công khai hồ sơ quy hoạch được duyệt, cắm mốc giới quy hoạch và ban hành điều lệ quản lý quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.
- Dự thảo điều lệ quản lý quy hoạch trình thẩm định và phê duyệt.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và môi trường, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Nông nghiệp và PTNT; Điện lực Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý KCN Mai Sơn; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các đơn vị, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Quyết định này thay thế Quyết định số 3968/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Sơn La).

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, HĐND (b/c);
- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT- Châu 02. 20b.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Chí Thức

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: **3234**/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 30 tháng 11 năm 2009*

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 184
Ngày 30 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng v/v quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ quyết định số 2732/QĐ- UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn;

Căn cứ Thông báo số 1772-TB/TU ngày 24/11/2009 thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Căn cứ quyết định số 2376/QĐ- UBND ngày 31/8/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Ban quản lý Khu công nghiệp Mai Sơn tại tờ trình số 25/TTr-BQL ngày 26/8/2009, báo cáo kết qủa thẩm định số 663/BC-KHĐT ngày 20/8/2009 của sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I) với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng khu Công nghiệp Mai Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Mường Bon, Mường Bằng, huyện Mai Sơn

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý khu Công nghiệp Mai Sơn.

4. Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh dự án: Liên danh giữa Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông Sơn La và Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường Hà Nội.

5. Các dự án thành phần đã được phê duyệt trong giai đoạn I (nằm trong phạm vi quy hoạch 63,70ha theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La) gồm các hạng mục:

- San nền;

- Hệ thống đường giao thông trong KCN: Gồm các tuyến CN1 L=1590m; CN2 L=527,8m; CN3 L=7.467,0m.

- Hệ thống cấp điện;

- Hệ thống cấp nước;

- Hệ thống thoát nước;

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn và phòng cháy chữa cháy;

- Hệ thống thông tin liên lạc;

- Kiến trúc và xây dựng (trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng);

- Giao thông đối ngoại: Có 2 tuyến đường là: Tuyến đường từ QL6 - Khu công nghiệp L=5,75km (đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án và triển khai độc lập) và tuyến đường từ thị trấn Hát Lót - Khu công nghiệp L=8,0km (chưa đầu tư) không nằm trong phạm vi quy hoạch 150ha.

* Tổng mức đầu tư giai đoạn I: 153.883,0 triệu đồng.

* Tiến độ thực hiện: Mới triển khai thực hiện đường vào khu công nghiệp với khối lượng hoàn thành khoảng 80% và đền bù giải phóng mặt bằng trong khu công nghiệp được 42ha.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xin phê duyệt điều chỉnh (giai đoạn I):

6.1. Quy mô diện tích khu công nghiệp và cơ cấu sử dụng đất:

a) Quy mô diện tích khu công nghiệp: Tổng diện tích: 150ha.

Trong đó:

- Giai đoạn I: 68,56ha.

- Giai đoạn II: 81,44ha.

b) Cơ cấu sử dụng đất KCN: Theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

6.2. Các hạng mục xây dựng:

a) San nền cải tạo mặt bằng: Diện tích san nền giai đoạn 1: 68,56ha, tổng khối lượng đào: 483.646,94m3, diện tích đào: 244.767,34m2; tổng khối lượng đắp: 525.153,87m3, diện tích đắp: 253.250,76m2. Mặt bằng san nền được thiết kế làm 20 lô với cốt thiết kế san nền từ cốt +504,75m đến cốt +518,00m, độ dốc san nền từ 0,25% đến 1%.

b) Hệ thống đường giao thông trong khu công nghiệp: Gồm các tuyến từ CN2-CN8 (7 tuyến theo quy hoạch), cụ thể:

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 2 có chiều dài: 1450.64 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 3 có chiều dài: 1016,56 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 4 có chiều dài: 426,73 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 5 có chiều dài: 512,05 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 6 có chiều dài: 512,26 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 7 có chiều dài: 512,25 m

+ Đường nội bộ trong khu công nghiệp CN 8 có chiều dài: 170,52m.

Bề rộng nền đường theo quy hoạch có Bnền =21m, mặt đường Bmặt = 11m, hè phố rộng 2x5m.

- Cao độ thiết kế và bán kính mép bó vỉa tại vị trí nút giao (vị trí mốc quy hoạch) được thiết kế tuân thủ theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo khớp nối giữa phần đường nội bộ và các kết cấu hạ tầng khác (san nền, cấp thoát nước…).

- Tải trọng thiết kế H30-XB80.

- Mặt đường cấp cao A1, Eyc ≥ 1530daN/cm2 (22TCN 211-93), với kết cấu như sau:

+ Lớp mặt Bê tông nhựa hạt trung dày 7cm được tưới nhựa dính bám TCN 1,5kg/m2.

+ Lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm.

+ Lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 20cm.

- Hè phố chôn gạch bó vỉa mép hè: Gạch bó vỉa hè phố KT 23x26x100cm, gạch bó vỉa bằng bê tông xi măng mác 200#, lót vữa xi măng cát vàng mác 100# dày 2cm, dưới đệm BT nghèo mác 100#. Trên chiều dài tuyến bố trí 15 cống hộp kỹ thuật tại gần các nút giao khẩu độ BxH = 1,5x1,5m; hai bên hè phố lát gạch Bloock tự chèn.

c) Hệ thống cấp điện; Hệ thống thông tin liên lạc; Thu gom, xử lý chất thải và phòng cháy chữa cháy: Cơ bản giữ nguyên như đã duyệt tại Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La.

d) Hệ thống cấp nước: Hệ thống cấp nước (sơ đồ dây truyền công nghệ theo hồ sơ thiết kế cơ sở):

Công suất thiết kế của hệ thống cấp nước cho giai đoạn 1 là: 2500 m3/ng đêm. Đáp ứng nhu cầu nước sử dụng nước cho khu công nghiệp giai đoạn 1.

Xây dựng 1 trạm bơm cấp 1, một trạm xử lý nước:

- Trạm bơm cấp 1 gồm: 2 máy bơm làm việc, 1 máy bơm dự phòng với công suất mỗi máy là 70m3/h và tuyến ống thô cấp nước Ø200 từ trạm bơm về trạm sử lý nước.

- Trạm xử lý nước gồm: Bể lắng nghiêng lamen có công suất 2500m3/ngđ, bể lọc nhanh trọng lực có công suất lọc 2500m3/ngđ, bể phơi bùn, Trạm bơm cấp 2 (gồm có: 3 máy bơm cấp II với công suất mỗi máy là 82m3/h dùng 2 máy làm việc đồng thời và 1 máy dự phòng; 1 máy bơm rửa lọc có công suất 240m3/h; máy gió rửa lọc với công suất 9m3/ph), bể chứa nước sạch với dung tích bể 1000m3, nhà hoá chất, nhà clo, nhà hành chính, thiết bị khử trùng, các thiết bị phụ trợ, đường ống dẫn nước, phòng bảo vệ, nhà điều hành và điều khiển máy bơm (trạm bơm cấp 1), trạm biến áp, nhà để xe, bãi để vật liệu, với kết cấu cụ thể như sau:

+ Nhà điều hành và điều khiển máy bơm (trạm bơm cấp 1): Móng xây gạch đặc chịu lực vữa xi măng mác 75#, giằng móng BTCT mác 200#, tường bao xây gạch vữa xi măng mác 75#, mái BTCT mác 200#.

+ Bể chứa nước sạch: Có cột dờ dan sàn (KT cột 30cmx30cm) dùng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2 có Rn = 130 (kg/cm2), đáy bể dày 30(cm), đặt 2 lớp thép Ø 12 a200 kết hợp Ø 10 và Ø 14a200, thành bể dày 30(cm) đặt 2 lớp thép Ø 14 a200; nắp bể dày 20(cm) đặt 2 lớp thép Ø 12 a200. Bê tông bể có dùng phụ gia chống thấm, đáy bể lánh vữa XM dày 2cm, mác 100#, tường bên trong, ngoài trát vữa xi măng mác 50# có đánh màu bằng XM nguyên.

+ Bể lọc nhanh: Dùng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2, đáy bể dày 30(cm), đặt 2 lớp thép Ø 14 a200 kết hợp Ø 10 và Ø 12 a200, thành bể dày 30(cm) đặt 2 lớp thép Ø 14 a200, có hệ khung cột kết hợp với tường bể; nắp bể dày 12(cm) đặt 1 lớp thép Ø 10 a150 kết hợp Ø 8 a150 và a200. Bê tông bể có dùng phụ gia chống thấm, đáy bể lánh vữa XM dày 2cm, mác 100#, tường bên trong, ngoài trát vữa xi măng mác 50# có đánh màu bằng XM nguyên.

+ Bể lắng la men: Dùng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2, đáy bể dày 40(cm), đặt 2 lớp thép Ø 14 a200 và 2 lớp thép Ø 16 a200 , thành bể dày 30(cm) đặt 2 lớp thép Ø 16 a200, có hệ khung cột kết hợp với tường bể; nắp bể dày 10(cm) đặt 1 lớp thép Ø 8 a200. Bê tông bể có dùng phụ gia chống thấm, đáy bể lánh vữa XM dày 2cm, mác 100#, tường bên trong, ngoài trát vữa xi măng mác 50# có đánh màu bằng XM nguyên.

+ Bể thu, lắng nước xả rửa; Bể trộn - bể phản ứng: Dùng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2, đáy bể dày 25(cm), đặt 2 lớp thép Ø 10 a200 và kết hợp Ø 12 a150, thành bể dày 20(cm) đặt 2 lớp thép Ø 12 a150, có hệ khung cột kết hợp với tường bể. Bê tông bể có dùng phụ gia chống thấm, đáy bể lánh vữa XM dày 2cm, mác 100#, tường bên trong, ngoài trát vữa xi măng mác 50# có đánh màu bằng XM nguyên.

+ Sân, bể phơi bùn: Dùng bê tông cốt thép mác 250# đá 1x2, đáy bể dày 20(cm), đặt 2 lớp thép Ø 12 a200, thành bể dày 20(cm) đặt 2 lớp thép Ø 12 a200, có hệ khung cột bằng thép ống kết hợp với tường bể.

- Trạm bơm cấp 2: Hệ khung cột, kết hợp móng BTCT dày 25(cm) BT mác 250#, đáy dày 25(cm) đặt 2 lớp thép Ø 12 a200 và kết hợp Ø 14 a200, dan sàn BTCT dày 10cm, tường bên dưới bằng BTCT đặt 2 lớp thép Ø 12 a200, bên trên xây gạch bao che vữa XM mác 75#, tường trát vữa XM mác 50#.

+ Các khối nhà quản lý; nhà CLO khử trùng; nhà hóa chất,...Móng chịu lực xây gạch vữa XM mác 75# kết hợp giằng móng BTCT mác 200#, mái đổ bê tông cốt thép mác 200#, dày 10cm, Rn = 90 kg/cm2, tường chịu lực xây gạch vữa XM mác 75#, VXM 100#, tường trát vữa XM mác 75# .

e) Hệ thống thoát nước (thu gom) và xử lý nước thải:

Công suất của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cho giai đoạn 1 là: 2500 m3/ng đêm. Đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của toàn bộ khu công nghiệp thuộc giai đoạn 1, chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 5945 - 2005 theo các thông số chủ yếu quy định tại cột B, Bảng 1 trước khi thải xả vào môi trường.

- Trạm xử lý nước thải (sơ đồ dây truyền công nghệ theo hồ sơ thiết kế cơ sở) gồm: Ngăn tiếp nhận (gồm 2 bơm công tác, 1 bơm dự phòng với công suất mỗi máy là 145,8 m3/h), bể điều hoà có thể tích 521,2 m3 (bố trí tổ máy gồm 2 bơm công tác, 1 bơm dự phòng với công suất mỗi máy là 104,2 m3/h và hệ thống khuấy trộn), bể phản ứng có thể tích 78/15m3 có bố trí hệ thống khuấy trộn gồm 3 máy mới công suất mỗi máy P=1,5kw, bể lắng 1 có hệ thống cào bùn bằng cơ giới với công suất trên trục máy cào P=0,75 kw, bể thiếu khí có thể tích 384m3 gồm 2 bể, bể hiếu khí có thể tích 804m3, bể lắng 2 bố trí hệ thống cào bùn bằng cơ giới với công suất máy cào P=1,5kw, bể khử trùng có thể tích 72,9m3, bể sử lý bùn, trạm biến áp, nhà điều hành. Về kết cấu công trình: Bể dùng bê tông mác 250# đá 1x 2; đáy bể dày 50cm, đặt 2 lớp thép Ø 16 a150, thành bể dày 40cm và 30 cm đặt 2 lớp thép Ø 14 a150 bê tông có dùng phụ gia chống thấm.

- Hệ thống thoát nước (thu gom) nước thải gồm: Hệ thống ống dẫn tự chảy:

- Ống PVC Ø 300: 1721m
- Ống BTCT Ø 400: 1238m
- Ống BTCT Ø 500: 2983m
- Ống áp lực PVC Ø 200: 720,5m
- Hố ga: 140 cái.

Được đặt theo quy hoạch KCN, mạng lưới thu gom nước thải được thiết kế dọc theo các trục đường chính sau đó tự chảy về hệ thống thu gom nước thải, vị trí các tuyến ống thu gom nước thải nằm trên vỉa hè, phía bên trong cách khoảng cách vỉa hè 2- 2,5m.

f) Hệ thống thoát nước mưa (trong khu công nghiệp dấu nối với hệ thống tuyến mương hở tiêu thuỷ) gồm: Hệ thống ống bê tông đúc sẵn tự chảy:

- Ống BT Ø 600: 13m
- Ống BT Ø 800: 1350m
- Ống BT Ø 1500: 442m
- Ống BT Ø 1800: 734m
- Ống BT Ø 2000: 205m

Được thiết kế với hệ thống ống bê tông ly tâm đúc sẵn có cấu tạo mạng thu kiểu rãnh ngầm khi dấu 2 cống với nhau, bố trí các giếng thăm và hố ga thu nước. Liên kết giữa ống thoát nước bằng kiểu mối nối xăm khe ngàm.

g) Hệ thống thoát nước mưa (ngoài khu công nghiệp) tuyến mương hở tiêu thuỷ: Là hệ thống thoát nước tự chảy với chiều dài tuyến là 1.507,27m, được thiết kế đấu nối với hệ thống thoát nước mưa và sử lý nước thải chảy ra suối Nậm Pàn. Tuyến mương hở tiêu thuỷ chiều rộng đáy mương là 2m: Từ cọc C7: C11A +7.08m bố trí đoạn mương xây đá hộc vữa xi măng mác 100, bắt mạch + láng đáy vữa xi măng mác 100, đáy mương đệm cát đen gia cố. Từ cọc C1 đến C53 trừ đoạn cọc C7: C11A – 7.08 là đoạn mương đất.

h) Nhà điều hành khu công nghiệp:

Nhà 4 tầng cấp III, khung BTCT chịu lực, tổng diện tích sàn: 675 m2, diện tích xây dựng: 241m2.

- Giải pháp kiến trúc: Bước gian 3,6 x 5,7m, hành lang rộng 1,8m; chiều cao tầng 1: 3,6 m; chiều cao tầng 2,3: 3,6 m, chiều cao tầng áp mái: 2,2m, tổng chiều cao nhà 13,0 m tính từ cốt ±0,00 (cốt ±0,00 cao hơn cốt sân 0,75m). Giao thông theo chiều đứng bố trí 1 cầu thang.

- Giải pháp kết cấu: Móng băng bê tông cốt thép mác 200#. Khung Cột, dầm lanh tô, ô văng, giằng, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối mác 200#. Tường bao xây gạch chỉ mác 50# dày 220.

i) Các hạng mục khác: Theo như hồ sơ thiết kế cơ sở lập.

7. Môi trường: Thực hiện theo quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND.

8. Diện tích đất sử dụng cho dự án (giai đoạn I): 68,56ha (chưa kể diện tích đường giao thông ngoài KCN).

9. Phương án giải phóng mặt bằng: Lấy đất cho xây dựng công trình theo hình thức thu hồi và đền bù tài sản, hoa màu, vật kiến trúc. Việc đền bù áp dụng theo đơn giá hiện hành của UBND tỉnh Sơn La tại thời điểm thực hiện.

10. Tổng mức đầu tư đã duyệt : 296.925 triệu đồng. Trong đó:

Tổng mức đầu tư giai đoạn I : 153.883,0 triệu đồng

- Chi phí xây lắp : 119.837,0 triệu đồng
- Chi phí thiết bị : 2.600,0 triệu đồng
- Chi phí đền bù GPMB : 9.398,0 triệu đồng
- Chi phí QLDA, chi KTCB khác: 6.851,0 triệu đồng
- Rà phá bom mìn : 1.329,0 triệu đồng
- Dự phòng : 13.868,0 triệu đồng

Tổng mức đầu tư giai đoạn II : 143.042 triệu đồng. (Đầu tư các hạng mục công: Đường giao thông; san nền; hệ thống điện; bưu chính viễn thông; hệ thống cấp thoát nước; trung tâm hành chính và các hạng mục phụ trợ khác theo quy hoạch chi tiết khu công nghiệp).

11. Tổng mức đầu tư giai đoạn I (điều chỉnh): 285.504 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây lắp : 158.134,0 triệu đồng

- Chi phí thiết bị : 11.269,0 triệu đồng
- Chi phí đền bù GPMB : 14.565,0 triệu đồng
- Chi phí QLDA, TVĐT, chi khác : 13.090,0 triệu đồng
- Rà phá bom mìn : 1.329,0 triệu đồng
- Dự phòng : 18.249,0 triệu đồng
- Đường GT ngoài khu CN : 68.868,0 triệu đồng.

(Tổng mức đầu tư trên đã bao gồm tuyến đường giao thông đối ngoại từ QL.6 - khu công nghiệp).

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (theo Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg ngày 19/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ).
- Vốn ngân sách địa phương.
- Vốn vay của các tổ chức tín dụng.
- Vốn các nhà đầu tư dự kiến sẽ thuê lại đất trong khu công nghiệp.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án:

Giai đoạn I: Năm 2006 - 2012.

15. Phương thức thực hiện dự án: Theo quy định hiện hành.

16. Các bước thiết kế: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 2. Chủ đầu tư *(BQL Khu công nghiệp Mai Sơn)* có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, 99/2007/NĐ-CP, 03/2008/NĐ-CP và quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên môi trường, Công thương; Giám đốc KBNN tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Trưởng Ban quản lý Khu công nghiệp Mai Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- Đ/c Tráng Thị Xuân PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3.
- Phòng KTN- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. V.Hai(05), 35 bản.

CHỦ TỊCH

Hoàng Chí Thức

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 651/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I - Hạng mục hệ thống cấp nước

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Báo cáo số 2235/BC-BKHĐT ngày 29/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án nhóm B;

Căn cứ Công văn số 2426/HĐND ngày 20/5/2016 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Công văn số 372/TTHĐND ngày 07/02/2017 của Thường trực HĐND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư hạng mục Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La - Hạng mục hệ thống cấp nước;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Sơn La V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 218/BC-SKHĐT ngày 15/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Công trình Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với nội dung chính như sau:

1. Tên dự án điều chỉnh: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án điều chỉnh:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Dương. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần thương mại và công nghệ cao Hoàng Anh. Địa chỉ: Nhà số 10, dãy N2, tổ dân phố số 1, phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

4. Chủ nhiệm lập dự án điều chỉnh: Phạm Ngọc Nhu.

5. Mục tiêu đầu tư: Hình thành một khu công nghiệp đa ngành, có công nghệ sạch, không ô nhiễm môi trường nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La, tạo sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, sắp xếp bố trí lực lượng sản xuất phù hợp với điều kiện địa phương. Tạo ra các mẫu mô hình sản xuất kinh doanh công nghiệp tập trung để mở rộng và phát triển ra các vùng khác trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Nội dung và qui mô dự án đã duyệt: Các nội dung đã thực hiện theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 và Phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009.

6.2. Nội dung và qui mô điều chỉnh:

Điều chỉnh quy mô hệ thống cấp nước trong Khu công nghiệp Mai Sơn từ 2.500m^3/ngày đêm tăng lên 5.000m^3/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

8. Loại cấp công trình: Nhóm dự án: Dự án nhóm B. Công trình giao thông cấp III, HTKT cấp III.

9. Bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

10. Tổng mức đầu tư :

- Tổng mức đầu tư của dự án thực hiện theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009.

- Phần chi phí tăng thêm khi điều chỉnh được tính toán trong dự phòng của dự án theo đúng chủ trương đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua tại Công văn số 372/TTHDND ngày 07/02/2017.

11. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

13. Phân kỳ đầu tư như sau:

13.1. Giai đoạn năm 2017-2019: Đầu tư Hệ thống cấp nước, Hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục kỹ thuật và đường gom vào khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hoàn thành đầu tư hạng mục Hệ thống cấp nước trong năm 2017 - Tổng mức đầu tư hạng mục hệ thống cấp nước là 47 tỷ đồng.

13.2. Giai đoạn sau: Các hạng mục còn lại sẽ đầu tư sau khi cân đối được nguồn vốn đầu tư gồm:

- San nền, tiêu thủy (quy mô 30ha);

- Hạng mục đường giao thông trong khu công nghiệp;

- Hạng mục Hệ thống cấp điện;

- Hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng trong khu công nghiệp (19ha);

14. Các hạng mục khác của dự án: Theo hồ sơ thiết kế đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 17/SXD-KQTĐ ngày 23/02/2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy quyền cho Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo của Dự án điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và môi trường; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Sơn La; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Đ/c CVP; Đ/c Luận - PCVP;
- Đ/c Vũ Hải - Trưởng phòng TH;
- Lưu: VT, HS, Biên KT. 35 bản.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải

BẢN SAO

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2962 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 17 tháng 12 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005; Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 140/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về Quy định bảo vệ môi trường trong khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khu công nghiệp Mai Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 246/STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường **Dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn**, tỉnh Sơn La của Ban quản lý Khu Công nghiệp Mai Sơn (Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và các loại chất thải khác trong quá trình thi công xây dựng công trình đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường hiện hành.

- Có các giải pháp và quy định cụ thể nhằm bảo vệ môi trường Khu Công nghiệp Mai Sơn trong giai đoạn thi công và vận hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư theo đúng quy định hiện hành; phổ biến, thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành.

- Bố trí, thiết kế và vận hành các lán trại công nhân, kho tàng chứa nguyên vật liệu, bãi chứa và chôn lấp chất thải ở nơi phù hợp.

- Thực hiện các quy định về an toàn trong thi công và phòng chống cháy nổ, lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường trong thi công, vận hành công trình và đảm bảo ứng phó kịp thời các sự cố xảy ra.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và địa phương có liên quan thiết lập chế độ vận hành khu Công nghiệp nhằm vận hành an toàn và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến sinh thái, khí hậu của khu vực.

- Thực hiện việc quan trắc và giám sát môi trường như trong báo cáo đã đề cập, có báo cáo môi trường hàng năm theo quy định.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Chủ Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Trưởng ban Ban quản lý Khu Công nghiệp Mai Sơn (Chủ dự án); Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 2483 Quyển: 04
Ngày 23 tháng 7 năm 2018
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TT tỉnh Uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Thuận. 20bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cầm Văn Chính

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ XÂY DỰNG

Số: **200**/KQTĐ-SXD

V/v báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 20/7/2020, Sở Xây dựng nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình số 228/TTr-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

Căn cứ Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc bổ sung Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

Căn cứ công văn số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

Xét Kết quả thẩm tra số 50/2020/TTGĐ-KQTT ngày 10/6/2020 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng về việc báo cáo kết quả thẩm tra; văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)".

Sau khi xem xét và tổ chức thẩm định, Sở Xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án nêu trên như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La, giai đoạn I.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B. Công trình giao thông cấp III, HTKT cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: Theo Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh là 296,925 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I là 153,883 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác.

8. Thời gian thực hiện: 2009-2020.

9. Tiêu chuẩn quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 40-2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9361- 2012: Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574-2018: Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 2622-1995: Phòng chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu

chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan;

10. Nhà thầu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA. Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà HACINCO, số 79 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

11. Đơn vị tư vấn thẩm tra: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; địa chỉ: đường Bản Cọ, thành phố Sơn La.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn;

- Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I);

- Công văn số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I);

- Văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)";

- Quyết định số 165/QĐ-BQL ngày 03/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Quyết định số 166/QĐ-BQL ngày 03/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt bổ sung nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định để cùng thực hiện công tác tư vấn lập điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Quyết định số 183/QĐ-BQL ngày 13/4/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp về việc phê duyệt danh mục thiết bị sử dụng cho công trình: Nhà

máy xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Văn bản số 04/TGYK-PC07 ngày 05/5/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Sơn La về việc tham gia ý kiến với thiết kế cơ sở dự án: Nhà máy xử lý nước thải tập trung, thuộc Dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

- Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư số 226/BCGSĐGĐT-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp;

- Báo cáo số 227/BC-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định;

- Tờ trình số 228/TTr-BQL ngày 07/5/2020 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La về việc thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I;

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát thiết kế

- Đề cương nhiệm vụ khảo sát, lập điều chỉnh dự án;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở (điều chỉnh, bổ sung);

- Thuyết minh thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư;

- Biên bản khảo sát, đánh giá hiện trạng;

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong. Địa chỉ: Số 78, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 4 phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

- Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA. Địa chỉ: Tầng 18, tòa nhà HACINCO, số 79 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng; địa chỉ: đường Bản Cọ, thành phố Sơn La.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Nội dung, quy mô đầu tư: Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn; Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I); Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I).

2. Nội dung điều chỉnh: Theo văn bản số 841/UBND-KT ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I), cụ thể là:

Điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 từ đạt tiêu chuẩn cột B theo TCVN 5945:2005 sang đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT. Cải tạo các hạng mục đã có để đảm bảo hoạt động cho dây chuyền công nghệ được điều chỉnh:

a) Bể cấp nước: Trát lại toàn bộ bể bằng vữa xi măng mác 75, d=15mm, quét xi măng 2 nước chống thấm.

b) Bể tiếp nhận: Gia công, lắp dựng lan can thép hộp; cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại toàn bộ vì kèo, cột thép bằng sơn 3 lớp.

c) Bể xử lý: Khoan rút lõi bê tông để đặt đường ống; cắt bê tông mặt bể, đổ bù bê tông vát để phù hợp với công nghệ mới; bổ sung sơn chống thấm Epoxy chuyên dụng.

d) Bể thủy sinh (xây mới): Kích thước (4,5x4,5x3,55)m; đổ BTCT mác 250. Mặt bể lắp dựng lan can công tác bằng thép hộp, sơn chống gỉ 3 nước.

đ) Nhà điều hành: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; sơn lại hoa sắt cửa sổ; lắp đặt mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; ốp lại toàn bộ nền, tường nhà vệ sinh.

e) Xưởng cơ khí: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; láng nền vữa xi măng mác 75 dày 2cm; thay mới một cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; thay mới một số cửa đi bằng cửa khung sắt panô đặc, sơn sửa hoa sắt cửa đi, cửa sổ; lắp đặt mới thiết bị điện.

g) Phòng pha trộn hóa chất: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm, kính; sơn sửa hoa sắt cửa sổ, bổ sung khóa cửa; lắp đặt mới thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; ốp lại toàn bộ nền, tường nhà vệ sinh.

h) Nhà trạm biến áp: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; sơn chống gỉ cửa đi, bổ sung khóa cửa.

i) Phòng thổi khí: Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, sơn lại bằng sơn 3 lớp; sơn chống gỉ cửa đi, bổ sung khóa cửa.

k) Nhà để xe (xây mới): Móng cột đổ bê tông mác 200; khung thép hình; mái: xà gồ thép hộp, lợp tôn múi dày D=0,45; nền láng vữa xi măng mác 75, d=2cm.

l) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Bổ sung thiết bị phòng cháy chữa cháy cho các nhà: Nhà điều hành, phòng thổi khí, trạm biến áp, phòng pha trộn hóa chất, xưởng cơ khí.

m) Hệ thống chống sét: Bổ sung hệ thống chống sét tiền đạo R≥71m chống sét cho toàn khu trạm xử lý.

n) Hệ thống điện:

- Nguồn điện: Cung cấp đường dây 0.4KV đi ngầm CU/XLPE/DSTA/PVC 0.6/1KV (DSTA 3x120+1x70mm) cấp cho trạm xử lý.

- Điện chiếu sáng: Bổ sung 2 cột đèn chiếu sáng loại bát giác cho khu xử lý có hệ thống điều khiển chiếu sáng riêng biệt.

- Bổ sung bệ đỡ cho máy phát điện bằng bê tông mác 200.

o) Hệ thống cấp nước: Bổ sung đường ốp cấp nước vào trạm xử lý bằng ống HDPE D50.

p) Cổng, hàng rào: Sơn lại toàn bộ cổng, hàng rào; đắp thêm đất để trồng cây xanh.

q) Các chi tiết khác: Trong hồ sơ thiết kế cơ sở.

3. Lý do điều chỉnh: Việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ để đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn cột A theo QCVN 40-2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở

a) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến: Thiết kế cơ sở chủ yếu cải tạo, sử dụng các hạng mục xử lý nước thải đã được đầu tư của dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I).

b) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực: Vị trí, địa điểm xây dựng không thay đổi so với dự án đã được phê duyệt, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng của dự án.

c) Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ: Công trình đã được Sở KH&CN thẩm định công nghệ tại Văn bản số 804/KHCN-QLCN&ChN ngày 20/7/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc cho ý kiến đối với hồ sơ công nghệ Hệ thống XLNT giai đoạn quyết định đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)", trong đó kết luận: *"Nhất trí với phương án công nghệ xử lý nước thải trong Hồ sơ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải của dự án "Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn I)"*.

d) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Chủ đầu tư thực hiện theo hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án *(theo văn bản số 197/STNMT-MT ngày 31/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ khu công nghiệp tự quyết định nhưng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình)*; công trình đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Sơn La tham gia ý kiến với thiết kế cơ sở tại Văn bản số 04/TGYK-PC07 ngày 05/5/2020.

đ) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế: Các hạng mục công trình cải tạo, sửa chữa nâng cấp áp dụng các tiêu chuẩn hiện hành.

e) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Nam Duong và Công ty cổ phần công nghệ môi trường ENTECHVINA đủ điều kiện năng lực

theo quy định các cá nhân tư vấn lập thiết kế đủ điều kiện năng lực theo quy định.

g) Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở: Hạng mục công trình thực hiện năm 2020 phù hợp với yêu cầu thiết kế cơ sở.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:

a) Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng với đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của dự án: Phương pháp xác định tổng mức đầu tư trên cơ sở khối lượng từ thiết kế cơ sở.

b) Kiểm tra sự đầy đủ của các khối lượng sử dụng để xác định tổng mức đầu tư xây dựng; sự hợp lý, phù hợp với quy định, hướng dẫn của nhà nước đối với các chi phí sử dụng để tính toán, xác định các chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng; trên cơ sở áp dụng các định mức, đơn giá ban hành kèm theo các công bố, quyết định:

- Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

- Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La Công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Sơn La Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Công bố số 2808/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc công bố đơn giá vật liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La; Công bố số 600/BGVLXD-SXD ngày 30/3/2020 của Sở Xây dựng về việc công bố đơn giá vật liệu trên địa bàn tỉnh Sơn La;

c) Tổng mức đầu tư (điều chỉnh, bổ sung): **285.504.000.239 đồng**, trong đó:

c.1. Tổng hợp giá trị đề nghị và giá trị thẩm định (đồng):

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm định	Giá trị sau khi thẩm định	Tăng (giảm)
1	Chi phí xây dựng	192.702.653.685	192.731.103.516	28.449.831
2	Chi phí thiết bị	20.464.376.529	20.464.871.969	495.440
3	Chi phí QLDA	4.613.756.102	4.582.887.236	-30.868.866
4	Chi phí tư vấn	13.860.275.603	13.535.599.551	-324.676.052
5	Chi phí khác	7.099.442.432	6.995.541.830	-103.900.602
6	Chi phí dự phòng	4.444.214.488	4.874.714.737	430.500.249
7	Chi phí GPMB	41.395.281.400	41.395.281.400	0
8	Chi phí rà phá bom mìn	924.000.000	924.000.000	0
9	**Tổng cộng**	**285.504.000.239**	**285.504.000.239**	**0**

* Nguyên nhân tăng, giảm:

- Cập nhật định mức, đơn giá theo thời điểm;

- tính toán khối lượng dự toán theo hồ sơ thiết kế;

c.2. Tổng hợp giá trị đã phê duyệt và giá trị điều chỉnh (triệu đồng):

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đã phê duyệt tại QĐ 560/QĐ-BQL	Giá trị điều chỉnh	Tăng (giảm)
1	Chi phí xây dựng	198.901.889.232	192.731.103.516	-6.170.785.716
2	Chi phí thiết bị	16.812.688.281	20.464.871.969	3.652.183.688
3	Chi phí QLDA	4.585.661.181	4.582.887.236	-2.773.945
4	Chi phí tư vấn	14.011.681.208	13.535.599.551	-476.081.657
5	Chi phí khác	7.713.849.474	6.995.541.830	-718.307.644
6	Chi phí dự phòng	1.972.162.863	4.874.714.737	2.902.551.874
7	Chi phí GPMB	40.177.068.000	41.395.281.400	1.218.213.400
8	Chi phí rà phá BM	1.329.000.000	924.000.000	-405.000.000
8	**Tổng cộng**	**285.504.000.239**	**285.504.000.239**	**0**

* Nguyên nhân tăng, giảm:

- Cập nhật định mức, đơn giá theo thời điểm; tính toán khối lượng dự toán theo hồ sơ thiết kế;

- Tổng hợp giá trị các hạng mục theo giá trị trình của chủ đầu tư: Đường giao thông trong khu công nghiệp;đường gom vào khu công nghiệp; chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí rà phá bom mìn.

(Khối lượng chính có file mềm dự toán kèm theo).

3. Các nội dung khác:

3.1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng: Việc điều chỉnh dây chuyền công nghệ xử lý nước thải khu công nghiệp Mai Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 từ đạt tiêu chuẩn cột B theo TCVN 5945:2005 sang đạt tiêu chuẩn cột A theo quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT là cần thiết để đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo hoạt động của dự án.

3.2. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án: Cải tạo các hạng mục đã có để đảm bảo hoạt động cho dây chuyền công nghệ được điều chỉnh, tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

3.3. Đánh giá yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án: Dự án điều chỉnh sẽ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, góp phần thu hút đầu tư vào khu công nghiệp.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I được thẩm định đủ điều kiện trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt.

2. Một số kiến nghị đối với chủ đầu tư

- Yêu cầu đơn vị tư vấn: Hoàn thiện hồ sơ thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư theo thông báo kết quả thẩm định này;

- Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ trình thẩm định; an toàn chất lượng công trình xây dựng và giá trị các công việc đã thực hiện;

- Các hạng mục, chi phí: Đường giao thông trong khu công nghiệp; đường gom vào khu công nghiệp; chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí rà phá bom mìn, kết quả thẩm định tổng hợp trên cơ sở giá trị trình của chủ đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về việc thẩm định, phê duyệt giá trị của các hạng mục này.

- Chi phí thiết bị được tạm tính, đề nghị chủ đầu tư khảo sát, lựa chọn đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, tổ chức thẩm định giá và quyết định áp dụng, chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Trong quá trình triển khai bước tiếp theo đề nghị Chủ đầu tư tổ chức triển khai theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, đồng thời lưu ý một số nội dung sau: Chuẩn xác và quyết định việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; lựa chọn vật liệu, thiết bị phù hợp với thực tế, tiết kiệm, hiệu quả;

- Thực hiện quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I, Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- TT.PVHCC (Đ/c Kiều Anh);
- Lưu: VT, QLXD, Hiếu.05b.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH SƠN LA

Hà Ngọc Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh thông qua Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 239/TTr-SXD ngày 03/8/2023, Kết quả thẩm định số 154/KQTĐ-SXD ngày 02/8/2023, Báo cáo số 475/BC-SXD ngày 21/8/2023; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 472/TTr-BQL ngày 24/7/2022

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

3. Vị trí, địa điểm lập quy hoạch: Khu công nghiệp Mai Sơn nằm tại xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cách tuyến đường Quốc lộ 6 khoảng 5,7km, có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư bản Quỳnh Châu, bản Quỳnh Trai.

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp bản Tiến Xa, xã Mường Bon.

- Phía Đông giáp đất nông nghiệp.

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp, núi đá.

4. Quy mô quy hoạch

- Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 168,11 ha, trong đó:

+ Khu công nghiệp Mai Sơn: Khoảng 150,0 ha *(giữ nguyên theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ)*.

+ Khu nhà ở công nhân và tái định cư *(phục vụ giải phóng mặt bằng KCN)* gắn với khu công nghiệp: Khoảng 18,11ha.

+ Bổ sung một số hạng mục kết nối ngoài hàng rào khu công nghiệp.

- Quy mô lao động: Khoảng 2.000 - 3.000 lao động.

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 400 người *(100 hộ)*, dự báo đến năm 2030 khoảng 450 người *(dự kiến giai đoạn mở rộng khu công nghiệp Mai Sơn lên 312ha là 850 người)*.

5. Mục tiêu

- Bổ sung quy hoạch xây dựng khu nhà ở công nhân và khu tái định cư *(phục vụ giải phóng mặt bằng KCN)* gắn với Khu công nghiệp đảm bảo các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, quy định về quản lý khu công nghiệp; điều chỉnh tính chất ngành nghề trong khu công nghiệp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Làm cơ sở hoàn thành dứt điểm giai đoạn I và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn II; quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng theo quy hoạch được duyệt và theo quy định của pháp luật; xác định các hạng mục cần đầu tư, tổng nhu cầu vốn đầu tư cho khu công nghiệp; đồng thời là cơ sở kêu gọi thu hút các Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp.

6. Tính chất, chức năng

- Là trung tâm phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh, là nhân tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Mai Sơn nói riêng và tỉnh Sơn La nói chung, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thực hiện mục tiêu

công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

- Là khu công nghiệp tập trung đa ngành, có quy mô vừa và nhỏ, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thuận tiện. Định hướng thu hút đầu tư thuộc các lĩnh vực chính như: chế biến nông - lâm sản; thực phẩm; dược liệu; thức ăn chăn nuôi; phân bón; sản xuất vật liệu mới; công nghiệp phụ trợ, bao bì; năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics...

7. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp, quy mô tổng diện tích 150ha, gồm: Đất cơ quan hành chính, dịch vụ; Đất sản xuất công nghiệp (đất nhà máy, kho tàng,..); Đất cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly; Đất đường giao thông; Bãi đỗ xe; Đất hạ tầng kỹ thuật và đất khác.

Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất khu tái định cư, nhà ở công nhân, quy mô tổng diện tích18,11ha, gồm: Đất công cộng (trường mầm non, nhà văn hoá); Đất ở (đất ở hiện trạng cải tạo, đất ở tái định cư); đất nhà ở công nhân, đất thương mại dịch vụ, chợ, đất an ninh, đất cây xanh (cây xanh thể dục, thể thao, cây xanh cách ly); Đất đường giao thông; Bãi đỗ xe; đất hạ tầng kỹ thuật.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m^2)			Tỷ lệ (%)
		Giai đoạn I (m^2)	Giai đoạn II (m^2)	Tổng (m^2)	
Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch (A+B)				**1.681.100**	
A	**Khu công nghiệp**	**637.421**	**862.579**	**1.500.000**	**100,0**
1	Đất cơ quan hành chính, dịch vụ	8.374	-	8.374	0,6
2	Đất công trình sản xuất công nghiệp	489.860	512.627	1.002.487	66,8
3	Đất cây xanh chuyên dụng	5.007	100.383	105.390	7,0
4	Cây xanh hạn chế (cây xanh cách ly)	12.146	53.337	65.483	4,4
5	Đất đường giao thông	92.527	151.505	244.032	16,3
6	Đất bãi đỗ xe	4.438	27.941	32.379	2,2
7	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	25.069	15.387	40.456	2,7
8	Đất khác	-	1.399	1.399	0,1
B	**Khu tái định cư + Khu ở công nhân**	**-**	**181.100**	**181.100**	**100,0**
I	**Đất nhà ở**		**76.431**	**76.431**	**42,2**
1	Đất ở TĐC tại chỗ và đất ở mới	-	35.785	35.785	19,8
2	Đất ở công nhân (chung cư hỗn hợp)	-	19.180	19.180	10,6
3	Đất nhà ở nông thôn, nhà ở làng xóm	-	21.466	21.466	11,9

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m^2)			Tỷ lệ (%)
		Giai đoạn I (m^2)	Giai đoạn II (m^2)	Tổng (m^2)	
II	**Đất công trình hạ tầng xã hội**	**-**	**104.669**	**104.669**	**57,8**
4	Đất văn hoá	-	3.787	3.787	2,1
5	Đất giáo dục	-	6.669	6.669	3,7
6	Đất thể dục thể thao	-	10.250	10.250	5,7
7	Đất cây xanh công cộng	-	5.837	5.837	3,2
8	Đất thương mại dịch vụ + chợ	-	15.655	15.655	8,6
9	Đất cây xanh hạn chế (cây xanh cách ly)	-	9.976	9.976	5,5
10	Đất đường giao thông	-	33.029	33.029	18,24
11	Bãi đỗ xe	-	3.713	3.713	2,1
12	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	-	7.315	7.315	4,0
13	Đất an ninh (công an PCCC)	-	8.438	8.438	4,7

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Tuyến đường kết nối Khu công nghiệp với Quốc lộ 6 (ĐT.121), chiều dài khoảng 5,7Km thành đường giao thông cấp III miền núi *(kết nối với cảng hàng không sân bay Nà Sản và đường cao tốc Mộc Châu - Thành phố Sơn La).*

- Kết nối Khu công nghiệp với thị trấn Hát Lót và Quốc lộ 279D: Tuyến ĐT.118 *(QL.279D - Chiềng Xôm - Chiềng Ngần - Mường Bằng - Nà Bó).*

- Kết nối tuyến đường Khu công nghiệp Mai Sơn - xã Chiềng Sung chiều dài khoảng 7,2km theo tiêu chuẩn GTNT cấp B (TCVN 10380:2014)

b) Giao thông nội bộ

- Giao thông nội bộ Khu công nghiệp:

+ Đường giao thông, bề rộng nền đường $B_{nền}$= (14,5 - 30,0)m.

+ Bãi đỗ xe khu công nghiệp (BDX-01, BDX-02, BDX-03, BDX-04): Diện tích khoảng 32.379 m^2, ngoài ra khai thác bãi đỗ trong các công trình xây dựng nhà máy, nhà xưởng công nghiệp khi thiết kế xây dựng.

- Giao thông nội bộ thuộc khu ở tái định cư và khu ở công nhân: Bề rộng nền đường $B_{nền}$= 14,5m.

- Giao thông phục vụ quản lý vận hành hạ tầng cấp, thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp: Quy mô đường giao thông nông thôn.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật (san nền), thoát nước mưa

a) Chuẩn bị kỹ thuật (san nền):

- Dựa vào cao độ nền xây dựng hiện trạng và cao độ thiết kế đường giao thông, thiết kế giật cấp bám theo địa hình để giảm khối lượng, chi phí.

- Nguồn đất đắp: Sẽ tận dụng phần đất đào của khu vực để san lấp mặt bằng, còn thiếu khai thác tại các mỏ quy hoạch trên địa bàn huyện Mai Sơn.

b) Thoát nước mưa:

- Đối với khu công nghiệp: 03 tiểu lưu vực:

+ Tiểu lưu vực 1 - Phía Đông Nam khu quy hoạch: Hướng dốc chung Tây Bắc - Đông Nam. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra chi lưu suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

+ Tiểu lưu vực 2 - Phía Bắc: Hướng dốc chung Đông Bắc - Tây Nam. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung tại khu trạm xử lý nước thải *(mương thoát nước chung đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh)*.

+ Tiểu lưu vực 3 - Phía Đông Nam: Hướng dốc chung Đông Nam - Tây Bắc. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung.

c) Đối với khu tái định cư và nhà ở công nhân: Là tiểu lưu vực 4, hướng dốc chung Đông Nam - Tây Bắc. Nước mưa sẽ được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông sau đó thoát ra mương thoát nước chung khu vực.

d) Hướng thoát nước chung của toàn khu vực là thoát về suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

8.3. Cấp nước, PCCC:

- Nguồn nước cấp cho khu công nghiệp Mai Sơn và khu ở tái định cư, nhà ở công nhân được lấy từ nguồn nước suối Nậm Pàn, cách KCN khoảng 1,5 km.

- Nhà máy xử lý nước sạch: Nằm tại phía Tây Nam khu công nghiệp, công suất 5.000 m^3/ngày.đêm *(thuộc quy hoạch giai đoạn 1)*. Ngoài ra Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La đã đầu tư xây dựng hoàn thành Nhà máy cấp nước công suất 4.000 m^3/ngày.đêm, đảm bảo cung cấp đủ nước cho Nhà máy chế biến tinh bột sắn.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng, kết hợp mạng cụt. Bố trí các họng lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

8.4. Cấp điện và chiếu sáng đô thị

a) Cấp điện: Từ lộ 373, 379 của trạm biến áp 110kV Mai Sơn và lộ 376 của trạm biến áp 110kV Sơn La.

b) Chiếu sáng công cộng: Chiếu sáng giao thông, công trình công cộng, công viên cây xanh.

8.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thu gom, xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải: Đã đầu tư xây dựng giai đoạn 1 tại phía Tây Bắc khu công nghiệp với công suất 2.500 m^3/ngày.đêm đảm bảo xử lý được toàn bộ công suất nước thải tại khu quy hoạch.

- Xây dựng hồ sự cố với dung tích khoảng 10.000m^3, trong lô đất DHT-02, diện tích 8.902m^2 để dự phòng khi Trạm xử lý nước thải gặp sự cố.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế đường cống thu gom riêng biệt.

b) Thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp được tập kết, phân loại, xử lý theo quy định.

8.6. Thông tin liên lạc:

- Quy hoạch xây dựng 01 điểm cung cấp đa dịch vụ (dịch vụ bưu chính, chuyển phát, dịch vụ viễn thông) công cộng có người phục vụ tại khu vực đất dịch vụ thương mại (TMD-01).

- Mạng ngoại vi: Ngầm hóa các tuyến mạng ngoại vi dọc theo các tuy-nen kỹ thuật (hoặc hào kỹ thuật).

- Mạng thông tin di động: Quy hoạch xây dựng 02 trạm thu phát sóng thông tin di động tại các vị trí đất cây xanh (CX-01, CX-03).

9. Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư; đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

9.1. Dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư hoàn chỉnh quy hoạch: khoảng 1.987.084 triệu đồng, gồm:

a) Trong khu công nghiệp: Khoảng 1.418.691 triệu đồng, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp giai đoạn I: 343.008 triệu đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp giai đoạn II: 1.075.683 triệu đồng.

b) Ngoài hàng rào khu công nghiệp: Khoảng 294.216 triệu đồng, gồm:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư và khu ở công nhân: 200.855 triệu đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối ngoài hàng rào: 93.361 triệu đồng.

c) Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở công nhân: 274.177 triệu đồng.

9.2. Đề xuất giải pháp về nguồn vốn

a) Vốn ngân sách Nhà nước: Dự kiến khoảng 1.469.847 triệu đồng *(chiếm khoảng 74% tổng mức đầu tư)*.

b) Vốn khác *(vốn Nhà đầu tư)*: Dự kiến khoảng 517.237 triệu đồng *(chiếm khoảng 26% tổng mức đầu tư)*.

9.3. Đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Tổ chức triển khai hoàn thành dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn I.

- Các Ban quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tổ chức triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn II và các hạng mục kết nối hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp theo quy định.

- Nhà đầu tư: Tổ chức triển khai Dự án đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh trong phạm vi khu đất được cấp thẩm quyền giao và các dự án đầu tư bằng nguồn vốn khác.

10. Tiến độ triển khai thực hiện quy hoạch:

- Giai đoạn I, quy mô khu công nghiệp 63,7ha: Năm 2006 – 2024.

- Giai đoạn II, quy mô khu công nghiệp 86,3 ha, khu tái định cư và nhà ở công nhân 18,1ha, các hạng mục kết nối ngoài hàng rào: năm 2023 - 2028

- Nhà ở công nhân: Đầu tư theo tiến độ thu hút đầu tư và nhu cầu của công nhân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy định quản lý Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La được ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

2.1. Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch và bàn giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2.2. Phối hợp với UBND huyện Mai Sơn tổ chức công bố, công khai và cắm mốc giới quy hoạch theo đúng quy định.

2.3. Chịu trách nhiệm về chất lượng đồ án quy hoạch và tính chính xác về số liệu trong hồ sơ, đồ án; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung, số liệu trình thẩm định, phê duyệt.

3. UBND huyện Mai Sơn: Tiếp nhận hồ sơ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trong công tác công bố công khai, cắm mốc giới và quản lý quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Công thương, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; CVCK);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Giang26b.

Lê Hồng Minh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2882/GP-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Khu công nghiệp Mai Sơn)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 19/10/2021 của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 858/TTr-STNMT ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(địa chỉ: Số 9, đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)* xả nước thải sau khi xử lý của Khu công nghiệp Mai Sơn vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Pàn là phụ lưu của suối Nậm Bú thuộc lưu vực sông Đà.

2. Vị trí xả nước thải: Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tọa độ *(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^0, múi chiếu 3^0)*: X = 2352852; Y = 505736 *(từ hố ga sau bể khử trùng).*

3. Phương thức xả thải: Tự chảy qua đường ống D300.

4. Chế độ xả nước thải: 24 h/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng trung bình: 2.200 m^3/ngày đêm. tương đương 91,67 m^3/h.

- Lưu lượng lớn nhất: 2.500 m^3/ngày đêm. tương đương 104,2 m^3/h.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A *(Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).*

Bảng 1. Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A Giá trị Cmax (Kq=0,9; Kf=1,0)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Asen (As)	mg/l	0,045
6	Thuỷ ngân (Hg)	mg/l	0,0045
7	Chì (Pb)	mg/l	0,09
8	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045
9	Crom (VI)	mg/l	0,045
10	Đồng (Cu)	mg/l	1,8
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,9
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
13	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
14	Tổng nitơ	mg/l	18
15	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6
16	Coliform	MPN/100ml	3000

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm *(năm năm)* tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc tự động, liên tục lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau khi xử lý tại vị trí hố ga với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, CD, TSS, Amoni và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo tần suất 03 tháng/lần tại vị trí hố ga sau xử lý với các thông số như quy định tại Bảng 1 khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải, trừ các thông số đã quan trắc tự động, liên tục quy định tại điểm a Khoản này.

Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào vận hành thiết bị quan trắc tự động theo quy định, có thiết bị lấy mẫu tự động và lắp camera giám sát trong vòng 03 tháng kể từ khi hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động.

c) Nguồn nước tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Nậm Pàn sau vị trí tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp; tần suất 02 lần/năm, kết quả phân tích so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A_2; quan trắc các thông số: pH, BOD_5 (20^0C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+ tính theo N), nitrat (NO_3^- tính theo N), Asen, Cd, Cr(VI), Pb, Cu, Fe, phosphat (PO_4^{3-} tính theo P), tổng dầu mỡ, Coliform.

d) Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận *(Thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm).*

3. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép. Thu gom, xử lý nước thải của toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong Khu công nghiệp theo đúng thiết kế, quy trình vận hành trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn nằm trong giới hạn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La; chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị và các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sang ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở

Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước và môi trường do hoạt động xả nước thải của mình gây ra.

5. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực.

6. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, thông số, tần suất quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

7. Hằng năm *(trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo)*, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La *(qua Sở Tài nguyên và Môi trường)* về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định.

8. Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi *(90)* ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- BQL các khu công nghiệp tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- TT dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2883/GP-UBND	*Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Khu công nghiệp Mai Sơn)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 01-1-2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 859/TTr-STNMT ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp *(địa chỉ: Số 9 đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La)* khai thác, sử dụng nước mặt với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Hệ thống cấp nước thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Khai thác nước để cấp nước sạch cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Mai Sơn, cấp nước sạch cho các hộ dân lân cận vùng dự án *(gồm các bản: Quỳnh Châu 541 người, bản Giàn Bon 115 người, bản Bằng Thịnh 130 người thuộc xã Mường Bằng; bản Tiến Xa 510 người, bản Tà Xa 904 người thuộc xã Mường Bon)* và tạo nguồn tưới ẩm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp khu vực dự án.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Nậm Pàn là phụ lưu cấp 1 của suối Nậm Bú, phụ lưu cấp 2 của sông Đà.

4. Vị trí công trình khai thác: Đầu mối công trình tại xã Mường Bon, huyện Mai Sơn. Tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trục 104^0, múi chiếu 3^0: X = 2350597; Y = 506130.

5. Lượng nước khai thác, sử dụng: 5.000 m^3/ngày đêm. Trong đó:

- Cấp cho sản xuất: 3.812 m^3/ngày đêm.

- Cấp cho sinh hoạt: 345 m^3/ngày đêm *(bao gồm: cấp cho sinh hoạt trong khu công nghiệp 125 m^3/ngày đêm và cấp cho sinh hoạt cho các hộ dân lân cận vùng dự án 220 m^3/ngày đêm).*

- Tạo nguồn cấp nước tưới ẩm cho diện tích sản xuất nông nghiệp trong vùng dự án: 843 m^3/ngày đêm.

6. Chế độ khai thác: 20 h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Bơm + Tự chảy.

- Các hạng mục chính gồm:

+ Đập đầu mối;

+ Kênh dẫn từ đập về trạm thủy luân;

+ Trạm bơm thủy luân + trạm bơm đầu mối;

+ Trạm xử lý nước sạch gồm: Trạm bơm cấp 1, bể trộn (3 m^3), bể lắng nghiêng lamella, bể lọc nhanh trọng lực.

+ Trạm bơm cấp 2 + bơm rửa lọc

+ Bể chứa nước sạch *(W = 1.000 m^3).*

+ Đường ống dẫn nước.

- Quy trình khai thác, xử lý nước: Nước thô từ đập dâng trên suối Nậm Pàn chảy vào kênh dẫn và bơm qua trạm bơm thủy luân, trạm bơm đầu mối về bể chứa → bể lắng lamella → bể lọc nhanh → bể chứa nước sạch → Bơm vào tuyến đường ống → Cấp nước sạch cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp Mai Sơn, các hộ dân lân cận vùng dự án *(lượng nước cho tưới ẩm sẽ được bơm lên và cấp trực tiếp không qua xử lý).*

8. Thời hạn khai thác: 07 năm *(bảy năm)* tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Quan trắc, giám sát định kỳ việc khai thác, sử dụng nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác.

- Chất lượng nước trong quá trình khai thác:

+ 01 điểm tại vị trí khai thác; tần suất: 02 lần/năm, giới hạn cho phép so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A_2; thông số: pH, COD, BOD_5, DO, TSS, Amoni *(tính theo N)*, NO^-_2 (tính theo N), NO^-_3 *(tính theo N)*, PO_4^{3-} *(tính theo P)*, Cd, Pb, Cr^{6+}, Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, tổng dầu mỡ, Coliform, Ecoli.

+ 01 điểm tại bể chứa nước sạch sau khi xử lý; tần suất, giới hạn cho phép theo QCVN 01-1-2018/BYT; quan trắc các thông số gồm: Màu sắc, mùi vị, độ đục, pH, clo dư tự do, độ cứng *(tính theo $CaCO_3$)*, TDS, Amoni *(NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*, Cd, Pb, chỉ số Pemanganat, nitrats *(NO^-_3 tính theo N)*, nitrit *(NO^-_2 tính theo N)*, sunphat, coliform, E.coli hoặc coliform chịu nhiệt.

Sau khi Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực thi áp dụng theo Quy chuẩn địa phương.

3. Tuân thủ phương án khai thác, xử lý nước tại hồ sơ cấp phép đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn hiện hành cho các mục đích sử dụng.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

5. Hằng năm *(trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo)*, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La *(qua Sở Tài nguyên và Môi trường)* về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chậm nhất chín mươi *(90)* ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

UBND TỈNH SƠN LA
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 25 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Công tác bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 848/QĐ-KSONMT ngày 20/10/2023 của Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La. Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, cụ thể như sau:

1. Các thông tin chung:

- Tên cơ sở: Khu công nghiệp Mai Sơn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Người đại diện: Ông Bùi Văn Mẫn; Chức vụ: Trưởng ban; Điện thoại: 0913.021.938.

- Cán bộ phụ trách môi trường: Nguyễn Quốc Minh; ĐTDĐ: 0857.668.989; Email: quocminhsla@gmail.com.

- Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ: Số 09, đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Số điện thoại: 02123.851.774; Fax: 02123.851.774.

2. Sơ lược về hoạt động của khu công nghiệp

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 08/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn; phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 30/11/2009; Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 24/3/2017; Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 04/8/2020.

- Quyết định thành lập KCN: số 473/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La; thông tin về diện tích quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng KCN: Diện tích quy hoạch 150ha *(Giai đoạn I: 63,7ha, Giai đoạn II: 86,3ha)*, kết cấu hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện *(gồm: Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung)*; diện tích đất đã cho thuê: 18,93ha, tỷ lệ diện tích lấp đầy: 38,6%; tỷ lệ đất trồng cây xanh: 10,5ha *(Giai đoạn I: 0,5ha, Giai đoạn II: 10,0ha)*.

- Loại hình được chấp thuận đầu tư vào KCN: Chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, dược liệu, thức ăn chăn nuôi, phân bón, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp phụ trợ, bao bì, năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics…; Số lượng dự án đã được cấp giấy phép đầu tư: 07; số lượng dự án đang triển khai xây dựng: 02; số lượng cơ sở

đang hoạt động: 04; Tình hình đấu nối nước thải của các cơ sở trong KCN: Chưa thực hiện.

- Tổng số lao động trong KCN: 186 người, lượng nước sử dụng: Không, tình hình khai thác nước dưới đất: Không.

- Tình hình thu gom và xử lý nước thải của các cơ sở trong KCN: Doanh nghiệp đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

- Nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường: 01

- Quy chế về bảo vệ môi trường KCN: Đã xây dựng.

- Bảng tổng hợp tình hình thực hiện công tác BVMT của các cơ sở trong KCN:

TT	Tên cơ sở	Thực hiện ĐTM/ĐKMT/GPMT (hoặc tương đương)	Nước thải (khối lượng, công trình xử lý)	Khí thải (nguồn gây ô nhiễm)	Quản lý chất thải rắn/Chất thải nguy hại	Nguồn ô nhiễm (nước thải/khí thải/chất thải rắn…)
1	Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La	ĐTM	3.750 m^3/ ngày, hệ thống xử lý nước thải	Mùi từ hệ thống XLNT	Thu gom theo đúng quy định và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý	Nước thải/mùi/ chất thải rắn
2	Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La	KHBVMT	0,56m^3/ngày, bể tự hoại 3 ngăn	-		Nước thải sinh hoạt/chất thải rắn
3	Nhà máy sản xuất gạch không nung		1,84m^3/ngày, bể tự hoại 3 ngăn	-		
4	Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung		1,6m^3/ngày, bể tự hoại 3 ngăn	-		
5	Xưởng chế biến lâm sản Đoàn Phát Hưng		-	-		
6	Nha máy sản xuất phân bón		-	-		

	hữu cơ BHL Sơn La					
7	Nhà máy sản xuất đường lỏng glucose BHL Sơn La		-	-		

3. Thông tin về công tác bảo vệ môi trường

- Công tác lập, thẩm định và phê duyệt, xác nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Đã thực hiện; Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Giấy phép môi trường (thành phần): Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2882/GP-UBND và Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2883/GP-UBND do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 24/11/2021.

- Các nội dung bảo vệ môi trường đã được triển khai, thực hiện theo yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp: Đang hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của dự án.

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải? (đã/chưa thực hiện; số phí đã nộp, đã nộp đến ngày ....?): Chưa thực hiện.

- Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường? (đã/chưa thực hiện, văn bản xác nhận; số tiền đã kỹ quỹ, đã nộp đến ngày ....?): Không.

- Công tác cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản? (đã hoàn thành; đang thực hiện; tiến độ thực hiện?): Không

- Về nước thải: Đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 2.500m^3/ngày đêm, sử dụng công nghệ *"Tiền xử lý hóa lý kết hợp với công nghệ xử lý sinh học A-O ứng dụng giá thể vi sinh chuyên dụng MBBR"*. Hiện nay đang lắp đặt máy móc, thiết bị, dự kiến đi vào hoạt động vận hành trong năm 2023. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Nậm Pàn; Quy chuẩn áp dụng: Tiếp nhận nước thải đầu vào Cột B và xử lý đạt Cột A (QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi xả thải ra môi trường.

- Về quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (CTNH): Được các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp thu gom, lưu trữ đúng nơi quy định đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Biện pháp ứng phó sự cố môi trường: Đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường nhằm xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố môi trường kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra trên thực tế.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo thời kỳ kiểm tra đến nay: Đã thực hiện.

4. Các biện pháp bảo vệ môi trường: Đang xây dựng và hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

5. Kiến nghị: Không

Nơi nhận:
- Đoàn kiểm tra;
- Lưu: VT, QLĐTXD,MT 02b.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trà Quyết Thắng

UBND TỈNH SƠN LA **BAN QUẢN LÝ CÁC KCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC-BQL	*Sơn La, ngày tháng 01 năm 2025*

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

Triển khai Công văn số 4781/STNMT-QLMT ngày 24/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024. Ban Quản lý các khu công nghiệp *(Ban Quản lý)* báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2024 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La

2. Địa chỉ liên hệ: Số 09, đường Khau Cả, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La.

3. Số điện thoại: 0212.3.851.774

4. Fax: 0212.3.851.774

5. Email: bqlckcnsonla@gmail.com

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường

a) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy; chất lượng môi trường không khí, đất, nước.

Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* diện tích 63,7ha, hiện đang xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng *(bao gồm các hạng mục: Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung...)*. Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của giai đoạn I là 48,99ha, diện tích đất cây xanh: 1,7ha. Diện tích đất công nghiệp đã cấp Chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 29,3ha. Tỷ lệ lấp đầy khoảng 60%.

* Chất lượng môi trường không khí: Các dự án hoạt động trong Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* thuộc các loại hình sản xuất ít ảnh hưởng đến môi trường không khí. Có một số dự án phát sinh bụi từ hoạt động của lò sấy hoặc phát sinh mùi tại hệ thống xử lý nước thải *(Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La)*. Trên cơ sở số liệu quan trắc môi trường không khí của Doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

Bảng 1.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại dự án Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/BTNMT (1 giờ)
			K1	K2	
1	Nhiệt độ	^oC	24,6	21,4	-
2	Tiếng ồn	dBA	57	66	70(2)
3	SO_2	µg/Nm^3	< 30	< 30	350
4	NO_2	µg/Nm^3	< 45	< 45	200
5	CO	µg/Nm^3	< 14.000	< 14.000	30.000
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	212	231	300

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường -11/2024)

Ghi chú:

- K1: Khu vực sản xuất tinh bột sắn

- K2: Khu vực sản xuất bã sắn

- (2) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6h - 21h)

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

* Chất lượng môi trường đất: Trong năm 2024, không có các dự án khởi công mới hoặc trong giai đoạn xây dựng. Các doanh nghiệp đang hoạt động đều đã hoàn thành các hạng mục xây dựng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật *(như sân, nền đổ bê tông, hệ thống thu gom, thoát nước đồng bộ...)*. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom phân loại và lưu giữ cơ bản đảm bảo yêu cầu. Vì vậy, trong quá quá trình hoạt động đã hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường đất.

Tham khảo kết quả phân tích mẫu đất tại dự án Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La trong khu công nghiệp Mai Sơn do Trung tâm kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất thực hiện tháng 4/2024 cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

Bảng 1.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03:2023/BTNMT
			R2256	R2257	R2258	R2259	Loại 3
1	Asen (As)	mg/kg	23,41	19,95	20,28	17,21	200

2	Cadimi (Cd)	mg/kg	<0,1	1,33	<0,1	0,88	60
3	Chì (Pb)	mg/kg	10,93	177,86	10,8	148,75	700
4	Đồng (Cu)	mg/kg	44,56	101,82	41,07	74,66	2000
5	Crom (Cr)	mg/kg	67,64	126,1	62,35	93,38	250

(Nguồn: Trung tâm kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất - tháng 4/2024)

Ghi chú:

- R2256: Mẫu đất phía Đông dự án

- R2257: Mẫu đất phía Tây dự án

- R2258: Mẫu đất phí Nam dự án

- R2259: Mẫu đất phía Bắc dự án

- Loại 3: Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

* Chất lượng môi trường nước: Nguồn tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp hiện nay là suối Nậm Pàn *(cách Khu công nghiệp Mai Sơn khoảng gần 1km).*

Bảng 1.3. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt suối Nậm Pàn

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT
1	TSS	mg/L	17	≤ 25
2	pH	-	7,4	6,5 - 8,5
3	DO	mg/L	6,9	≥ 6,0
4	BOD_5	mg/L	**6,5**	≤ 4
5	COD	mg/L	**12,8**	≤ 10
6	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	0,15	0,3
7	Fluoride (F^-)	mg/L	< 0,20	1
8	Cyanide (CN^-)	mg/L	< 0,01	0,01
9	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	< 0,06	0,1
10	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	< 0,10	0,5
11	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	< 0,30	0,5
12	Chromi (6+) (Cr^{6+})	mg/L	< 0,008	0,01
13	Mangan (Mn)	mg/L	< 0,10	0,1
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	700	≤ 1000
15	E.Coli	MPN/100mL	≤ 2	20
16	Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$)	µg/L	KPH	0,1
17	Lindane ($C_6H_6Cl_6$)	µg/L	KPH	0,02

18	Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$)	µg/L	KPH	0,1
19	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($C_{14}H_9Cl_5$)	µg/L	KPH	1,0
20	Heptachlor&Heptachlorepoxide ($C_{10}H_5Cl_7$ & $C_{10}H_5Cl_7O$)	µg/L	KPH	0,2

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường - tháng 12/2024)

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- KPH: Không phát hiện

Trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt tại Suối Nậm Pàn *(sau điểm tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp)* do Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường thực hiện tháng 12/2024 cho thấy, về cơ bản các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Tuy nhiên, hàm lượng BOD_5 và COD trong nước mặt đã vượt quá giới hạn cho phép *(hàm lượng BOD_5 vượt 1,6 lần; hàm lượng COD vượt 1,28 lần)* hàm lượng BOD_5 và COD cao làm giảm nồng độ DO (oxi hòa tan trong nước) có hại cho sinh vật và hệ sinh thái dưới nước, do Suối Nậm Pàn chảy qua nhiều địa phận, khu vực dân cư và tiếp nhận nhiều loại nước thải, chất thải từ các hoạt động khác ngoài nước thải của khu công nghiệp nên đã có dấu hiệu bị ô nhiễm.

b) Quy mô, tính chất của các nguồn ô nhiễm môi trường (số lượng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; số lượng và loại hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Số lượng khu công nghiệp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 Khu công nghiệp *(Khu công nghiệp Mai Sơn và Khu công nghiệp Vân Hồ)*. Trong đó, Khu công nghiệp Mai Sơn hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng *(Giai đoạn I)*; Khu công nghiệp Vân hồ đã được phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng 1/2.000 và đang kêu gọi, thu hút Nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

- Số lượng và loại hình các cơ sở sản xuất kinh doanh trong Khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)*:

TT	Tên doanh nghiệp	Dự án	Quy mô	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La	300 tấn/ngày đêm	11,4	Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh
2	Tổng công ty gas petrolimex – CTCP	Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La	90 bình/giờ	0,89	

3	Công ty TNHH Thanh Nhung	Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung	60.000 m^2/năm	1,07	Đang tạm dừng hoạt động
4	Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư thương mại Đoàn Phát Hưng	Xưởng chế biến lâm sản Đoàn Phát Hưng	90.000 m^2/năm	1,0	
5	Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	Nhà máy sản xuất đường glucose BHL Sơn La	9.600 tấn/năm	1,64	Đang hoàn thiện hồ sơ thuê đất
6	Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm BHL Sơn La	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính BHL Sơn La	90.000 tấn/năm	1,64	
7	Công ty cổ phần sản xuất thương mại đầu tư VFI	Nhà máy sản xuất ngũ cốc ăn liền và hoa quả sấy	- Ngũ cốc Granula: 720 tấn/năm - Ngũ cốc bột: 300 tấn/năm - Hoa quả, rau củ quả sấy: 2.800 tấn/năm - Dịch sệt làm nhân bánh: 300 tấn/năm.	0,49	
8	Công ty TNHH Mavin Mai Sơn	Tổ hợp Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến nông sản Mavin Mai Sơn.	- Sản xuất thức ăn chăn nuôi: 200.000 tấn/năm. - Chế biến nông sản: 300.000 tấn/năm.	11,14	Đang hoàn thiện thủ tục bảo đảm dự án đầu tư

c) Quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).

* Tổng lượng nước thải: Tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đang hoạt động trong khu công nghiệp Mai Sơn *(Giai đoạn I)* lượng nước thải sản xuất phát sinh lớn nhất từ Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La *(khoảng 3.738 m^3/ngày đêm)*, tuy nhiên Chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng và được UBND tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1147/GXN-UBND ngày 20/5/2019. Nước thải phát sinh sau khi xử lý đa phần được Nhà máy tuần hoàn tái sử dụng; Lượng nước thải ra môi trường khoảng 800 - 900 m^3/ngày đêm. Nước thải phát

sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trong khu công nghiệp đa phần là nước thải sinh hoạt, khối lượng không đáng kể *(thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là: BOD5, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Amoni...)* toàn bộ nước thải sinh hoạt đều được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả thải ra môi trường.

* Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng: Khối lượng nhỏ (31,41 tấn/năm); các đơn vị đang hoạt động có trách nhiệm thu gom, tập kết đúng quy định. Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La bố trí phương tiện, công nhân vào khu công nghiệp thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo đúng quy định *(tần suất thu gom, vận chuyển: 04 lần/tháng).*

* Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu công nghiệp khoảng 35.315 tấn/năm. Chủ yếu là chất thải rắn công nghiệp tại Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La (bao gồm: vỏ lụa sắn, bã sắn, bùn thải…), tuy nhiên lượng chất thải này chỉ phát sinh trong thời gian niên vụ sản xuất của nhà máy *(từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau)*, Công ty đã ký hợp đồng cung ứng cho các đơn vị khác làm nguyên liệu sản xuất. Tại các cơ sở khác, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất đa phần được tái sử dụng. Tỷ lệ thu gom đạt 98% và cơ bản được các doanh nghiệp thu gom, phân loại tại nguồn.

* Chất thải nguy hại: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 0,26 tấn/năm (gồm: dầu, nhớt thải, giẻ lau dầu mỡ, ắc quy thải...) các doanh nghiệp tự thu gom, lưu trữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Ban Quản lý thường xuyên hướng dẫn, nhắc nhở, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu trữ theo đúng quy định.

2. Tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường

a) Tổ chức bộ máy và nguồn lực:

- Số cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường làm công tác về bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý: 01 người.

- Số lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý: 01 lượt.

b) Tình hình thực hiện trách nhiệm quản bảo vệ môi trường theo quy định:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Ban Quản lý đã cụ thể hóa các chương trình, nghị quyết, kế hoạch, văn bản, tổ chức quán triệt, phổ biến và lồng ghép công tác bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình hoạt động nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình tham gia thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, chủ động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Tổ chức phát động phong trào và huy động sự tham gia của các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp đồng loạt ra quân thực hiện thu gom chất thải, dọn dẹp vệ sinh môi trường. Treo băng rôn, pano, áp phích, khẩu hiệu nhằm tuyên truyền, nhắc nhở, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia bảo vệ môi trường. Ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng mạng xã hội để truyền thông như: Hệ thống thông tin điều hành VNPT ioffice, Cổng thông tin điện tử, nhóm ZALO...

Hướng dẫn, khuyến khích các Doanh nghiệp trong khu công nghiệp hưởng ứng, tham gia các phong trào, cuộc vận động của các cấp, các ngành phát động như: Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Tháng hành động vì môi trường và Ngày môi trường thế giới 05/6, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn; hưởng ứng phong trào Phòng chống rác thải nhựa; triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn...

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở, dự án hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp thực hiện các quy định về đất đai, bảo vệ môi trường và quản lý chất thải... đặc biệt là dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có lưu lượng xả chất thải lớn và loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Qua các đợt giám sát, doanh nghiệp cơ bản đều tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; kết quả kiểm nghiệm, phân tích các mẫu nước thải đều đạt quy chuẩn cho phép; đồng thời, qua quá trình giám sát thường xuyên hướng dẫn và nhắc nhở, đôn đốc Doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật, nhằm tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

Cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp khi được đề nghị phối hợp; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại khu công nghiệp.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoàn thành các thủ tục về môi trường: 06.

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được kiểm tra về bảo vệ môi trường: 0.

- Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết: 0

c) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu công nghiệp.

- Tình hình thu gom, thoát nước mưa: Đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa được thu gom theo các tuyến cống, rãnh thoát nước của đường giao thông chủ yếu sử dụng loại cống tròn BTCT đường kính từ 800mm đến 2000mm, kết hợp với hệ thống rãnh hở BTCT tiết diện hình thang, hình chữ nhật bề rộng đáy B400 - B500mm nhằm tăng khả năng thoát nước cho khu vực sau đó thoát ra suối Nậm Pàn ở phía Đông Nam.

- Về tình hình thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 2.500m^3/ngày đêm, sử dụng công nghệ *"Tiền xử lý hóa lý kết hợp với công nghệ xử lý sinh học A-O ứng dụng giá thể vi sinh chuyên dụng MBBR"*, đã thi công cơ bản hoàn thiện các hạng mục xây dựng như: Khối bể xử lý, bể tiếp nhận, bể gom sơ lắng, nhà điều hành, nhà pha trộn hóa chất, phòng máy thổi khí, nhà để máy phát điện, xưởng cơ khí và cống thu gom nước thải; lắp đặt xong máy móc thiết bị và Hệ thống quan trắc tự động, khối lượng thi công hoàn thành và đã nghiệm thu thanh toán đạt khoảng 92% so với hợp đồng *(đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2882/GP-UBND ngày 24/11/2021)*. Tuy nhiên, do vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nên chưa thi công hoàn thiện hệ thống đường ống thu gom nước thải nên chưa đủ điều kiện trình hồ sơ cấp Giấy phép môi trường.

Hiện nay, Ban Quản lý đang phối hợp chặt chẽ với UBND huyện Mai Sơn và các đơn vị có liên quan tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo quy định để trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trước khi tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung. Phấn đấu hoàn thiện và đi vào vận hành chính thức Hệ thống trong Quý II/2025.

- Về quản lý chất thải rắn: Được các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp thu gom, lưu trữ đúng nơi quy định đồng thời hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Về kiểm soát khí thải: Tại các dự án, căn cứ vào nguyên liệu đầu vào và công nghệ sản xuất trong quá trình hoạt động đã bố trí hệ thống quạt thông gió trong nhà xưởng, điều hòa và làm mát không khí, ống khói có hệ thống lắng bụi và tiến hành quan trắc môi trường định kỳ để theo dõi, đánh giá chất lượng khí thải nhằm đảm bảo hạn chế gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I), nhằm xác định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố môi trường kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra trên thực tế. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được xây dựng phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc: Không

2. Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị các Sở, ngành liên quan tiếp tục có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý trong quá trình thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp.

IV. SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

(Có biểu số liệu kèm theo Báo cáo)

Trân trọng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh *(để b/c);*
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Đơn vị sự nghiệp;
- Lưu: VT, QLĐTXD,MT. 02b

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Trà Quyết Thắng

Bảng 1. Danh mục chỉ tiêu báo cáo về môi trường

1.2. Chỉ tiêu báo cáo về môi trường đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (viết tắt là KCN) không thuộc khu kinh tế

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích đã đầu tư/ Tổng diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m^3/ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m^3/ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số	Sinh hoạt (tấn/ năm)	Công nghiệp thông thường (tấn/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	KCN Mai Sơn	Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn	63,7/150	Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật (Đại diện chủ đầu tư)	08 (trong đó 02 cơ sở đang hoạt động)	60	Có	-	2.500	Đang hoàn thiện	31,41	35.315	265	-	2,69%

Bảng 2. Danh sách cơ sở hoạt động trong các khu công nghiệp (viết tắt là KCN)

TT	Tên KCN	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Nước thải			Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
					Tổng lượng nước thải phát sinh (m^3/ngày đêm)	Đấu nối vào HTX LNT	Tách đấu nối (ghi rõ hệ thống quan trắc tự động, nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m^3/giờ)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (tấn/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	KCN Mai Sơn	Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	2858/QĐ-UBND	Chế biến tinh bột sắn/300 tấn/ngày đêm	800	-	Tách đấu nối (Đã lắp đặt hệ thống QTTĐ)	-	-	31,19	35.315	238	13,6
		Công ty cổ phần - Tổng công ty Gas Petrolimex	3190/GXN-UBND	San triết gas/90 bình/giờ	2,0	-	-	-	-	0,22	-	27	9
		Công ty TNHH Thanh Nhung	1797/GXN-UBND	Chế biến gỗ/60.000 m^2/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư thương mại Đoàn Phát Hưng	2035/GXN-UBND	Chế biến gỗ/90.000m^2/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La	263/GXN-UBND	Chế biến đường lỏng Glucose/9.600 tấn/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Công ty cổ phần chế biến nguyên liệu thực phẩm	-	Chế biến tinh bột biến tính/90.000 tấn/năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-

		BHL Sơn La										
		Công ty cổ phần sản xuất thương mại đầu tư VFI	2291/GPMT-UBND	- Ngũ cốc Granula: 720 tấn/năm - Ngũ cốc bột: 300 tấn/năm - Hoa quả, rau củ quả sấy: 2.800 tấn/năm - Dịch sệt làm nhân bánh: 300 tấn/năm.	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Công ty TNHH Mavin Mai Sơn	-	- Sản xuất thức ăn chăn nuôi: 200.000 tấn/năm. - Chế biến nông sản: 300.000 tấn/năm.	-	-	-	-	-	-	-	-	-

xg: ue qc lap uy + k.tao Bans : Trưởng, K.trưởng tổ Chức./.

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 987 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 20 tháng 4 năm 2017*

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 121
Ngày 25 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 247/TTr-SNV ngày 14 tháng 3 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

1. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

2. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 9 Luật Viên chức; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

3. Trụ sở: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức

1. Nhiệm vụ, quyền hạn

Giao Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp theo quy định.

2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp gồm: Giám đốc; 01 Phó Giám đốc và các viên chức chuyên môn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch và các Phó UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, phòng KT;
- Lưu: VT, NC, D30b.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Cầm Ngọc Minh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2687/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 18 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất khu công nghiệp cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La tại dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Giai đoạn I)

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La tại Tờ trình số: 931/TTr-STNMT ngày 16/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và quản lý theo quy hoạch tại dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I.

1. Giao đất: Giao 98.611,9 m^2 đất cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (giai đoạn I). Trong đó:

- Diện tích xây dựng trụ sở là: 8.298,3 m^2.
- Diện tích nhà máy nước là: 8.303,9 m^2.
- Diện tích nhà máy nước, trạm xử lý nước thải là: 8.264,7 m^2.
- Diện tích đường giao thông là: 68.940,5 m^2.
- Diện tích trồng cây xanh là: 4.804,5 m^2.

- Địa chỉ khu đất: Bản Tiến Xa, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Nguồn gốc sử dụng đất: Khu đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại xã: Mường Bon, Mường Bằng, huyện Mai Sơn chuyển sang đất phi nông nghiệp giao cho Ban quản lý khu công nghiệp Mai Sơn để xây dựng khu công nghiệp tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2008.

- Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp (SKK) *(thực hiện dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I).*

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí, ranh giới giao đất được xác định theo các thửa đất số: 2, 4, 5, 12, 22, 26, 28, 29 thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La đo vẽ ngày 12/12/2024; được UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 12/12/2024; được Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên Môi trường Thành Công kiểm tra ngày 12/12/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La ký duyệt ngày 13/12/2024 *(Có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Giao quản lý: Giao 336.973,6 m^2 đất khu công nghiệp cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý theo quy hoạch.

Vị trí, ranh giới giao quản lý được xác định theo các thửa đất số: *(thửa số: 1, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 25, 27)* thuộc trích đo bản đồ địa chính số 09-2024 xã Mường Bằng do Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La xác nhận đo vẽ ngày 12/12/2024; UBND xã Mường Bằng xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng ngày 12/12/2024; Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên Môi trường Thành Công xác nhận ngày 12/12/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La ký duyệt ngày 13/12/2024 *(Có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trình UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trao cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La được giao tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bàn giao tại thực địa khu đất giao tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định này cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La. Hoàn thành **trước ngày 20/12/2024.**

c) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Mai Sơn chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. UBND huyện Mai Sơn: Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và tái định cư huyện Mai Sơn *(cơ quan thường*

trực Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư), UBND xã Mường Bằng phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan bàn giao đất tại thực địa cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La.

3. Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La: Quản lý và sử dụng phần diện tích đất được giao theo đúng quy định Luật Đất đai và đúng mục đích ghi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Sơn La./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c)*;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Các phòng: KT, TH - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 20 bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

Quyết định thành lập số: 987/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh Sơn La

Địa chỉ trụ sở chính: xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

DP 077517

II. Thửa đất, tài sản gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 2, 4, 5, 12, 22, 26, 28, 29 , mảnh trích đo địa chính số: TĐ 09-2024 xã Mường Bằng

b) Diện tích: 98.611,9 m²

c) Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK) (thực hiện dự án Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La giai đoạn I)

d) Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

đ) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e) Địa chỉ: Bản Tiến Xa, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

4. Ghi chú: -/-

III. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất



Sơn La, ngày 18 tháng 12 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

43

Số vào sổ cấp GCN: CT13

QĐ số: 2687/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La

XÃ MƯỜNG BẰNG

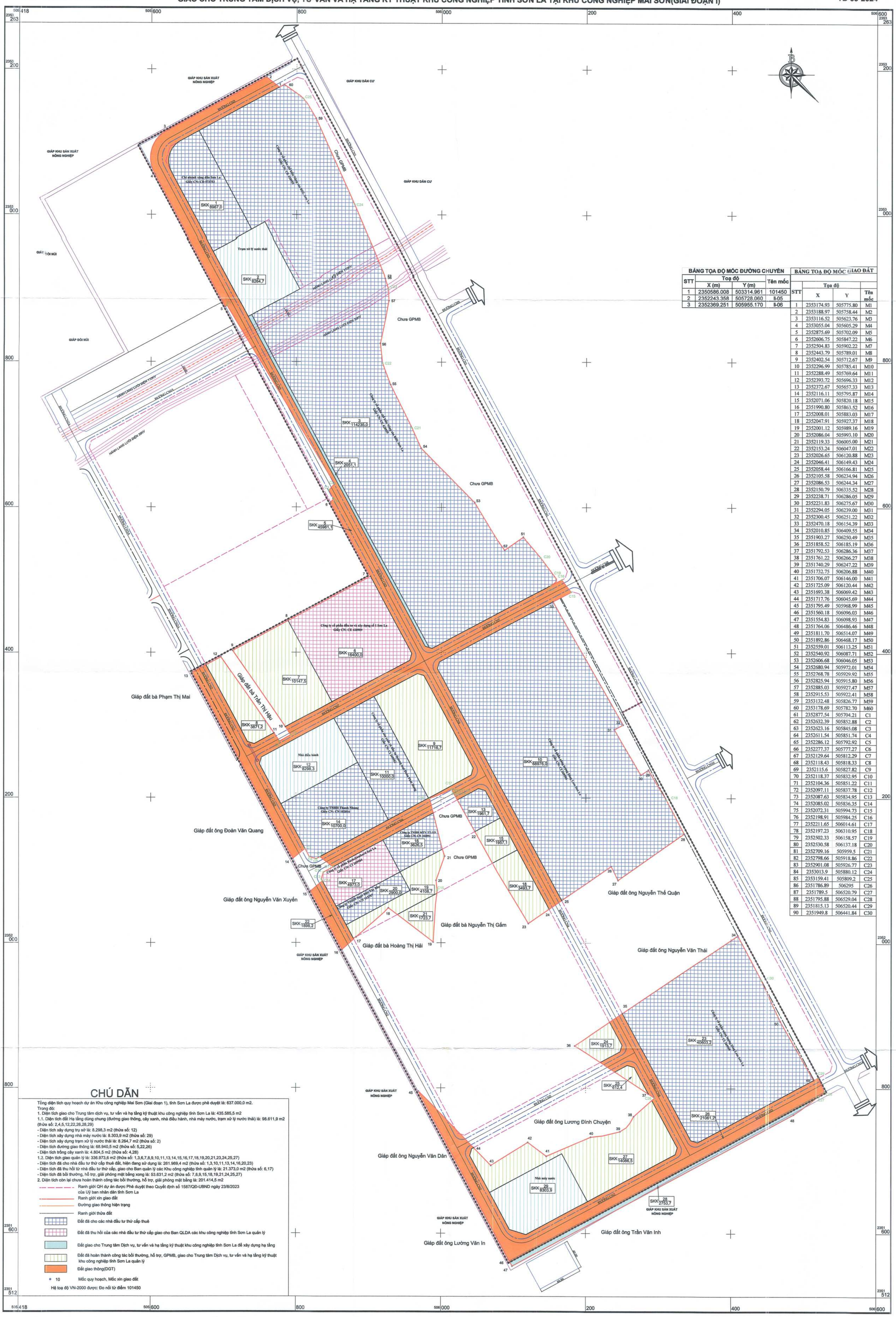
MẢNH TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH SỐ 09-2024

HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000, KHU VỰC BẢN TIẾN XA

TỈNH SƠN LA - HUYỆN MAI SƠN

GIAO CHO TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MAI SƠN(GIAI ĐOẠN I)

TĐ 09-2024



BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC ĐƯỜNG CHUYỀN

STT	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)	Tên mốc
1	2350586.008	503314.961	101450
2	2352243.358	505728.060	II-05
3	2352369.251	505955.170	II-06

BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC GIAO ĐẤT

STT	Tọa độ X	Tọa độ Y	Tên mốc
1	2353174.93	505775.80	M1
2	2353188.97	505758.44	M2
3	2353116.52	505623.76	M3
4	2353055.04	505605.29	M4
5	2352875.69	505702.09	M5
6	2352606.75	505847.22	M6
7	2352504.83	505902.22	M7
8	2352443.79	505789.01	M8
9	2352402.54	505712.67	M9
10	2352296.99	505785.41	M10
11	2352288.49	505769.64	M11
12	2352393.72	505696.33	M12
13	2352372.67	505657.33	M13
14	2352116.11	505795.87	M14
15	2352071.06	505820.18	M15
16	2351990.80	505863.52	M16
17	2352008.01	505883.03	M17
18	2352047.91	505927.37	M18
19	2352001.12	505989.16	M19
20	2352086.04	505993.10	M20
21	2352119.33	506005.00	M21
22	2352153.24	506047.01	M22
23	2352026.65	506120.88	M23
24	2352046.41	506149.43	M24
25	2352058.44	506166.81	M25
26	2352105.58	506234.94	M26
27	2352086.53	506244.34	M27
28	2352150.79	506335.52	M28
29	2352238.71	506286.05	M29
30	2352231.83	506275.67	M30
31	2352294.05	506239.00	M31
32	2352300.45	506251.22	M32
33	2352470.18	506154.39	M33
34	2352010.85	506409.55	M34
35	2351903.27	506250.49	M35
36	2351858.52	506185.19	M36
37	2351792.53	506286.36	M37
38	2351761.22	506266.27	M38
39	2351740.29	506247.22	M39
40	2351732.75	506206.88	M40
41	2351706.07	506146.00	M41
42	2351725.09	506120.44	M42
43	2351693.38	506069.42	M43
44	2351717.76	506045.69	M44
45	2351795.49	505968.99	M45
46	2351560.18	506096.03	M46
47	2351554.83	506098.93	M47
48	2351764.06	506486.46	M48
49	2351811.70	506514.07	M49
50	2351892.86	506468.17	M50
51	2352559.01	506113.25	M51
52	2352540.92	506087.71	M52
53	2352606.68	506046.05	M53
54	2352680.94	505972.01	M54
55	2352768.78	505929.92	M55
56	2352825.94	505915.80	M56
57	2352885.03	505927.47	M57
58	2352915.53	505922.41	M58
59	2353132.48	505826.77	M59
60	2353178.69	505782.70	M60
61	2352877.54	505704.21	C1
62	2352632.39	505852.88	C2
63	2352623.16	505845.08	C3
64	2352611.54	505851.74	C4
65	2352286.12	505792.92	C5
66	2352277.37	505777.27	C6
67	2352129.64	505812.29	C7
68	2352118.43	505818.33	C8
69	2352115.6	505827.82	C9
70	2352118.37	505832.95	C10
71	2352104.36	505851.22	C11
72	2352097.11	505837.78	C12
73	2352087.63	505834.95	C13
74	2352085.02	505836.35	C14
75	2352072.31	505994.73	C15
76	2352198.91	505984.25	C16
77	2352211.65	506014.61	C17
78	2352197.23	506310.95	C18
79	2352502.33	506158.57	C19
80	2352530.58	506137.18	C20
81	2352709.16	505959.5	C21
82	2352798.66	505918.86	C22
83	2352901.08	505926.77	C23
84	2353013.9	505880.12	C24
85	2353159.41	505809.2	C25
86	2351786.89	506295	C26
87	2351789.5	506520.79	C27
88	2351795.88	506529.04	C28
89	2351815.13	506520.44	C29
90	2351949.8	506441.84	C30

CHÚ DẪN

Tổng diện tích quy hoạch dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn 1), tỉnh Sơn La được phê duyệt là: 637.000,0 m2.

Trong đó:

1. Diện tích giao cho Trung tâm dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La là: 435.585,5 m2

1.1. Diện tích đất Hạ tầng dùng chung (đường giao thông, cây xanh, nhà điều hành, nhà máy nước, trạm xử lý nước thải) là: 98.611,9 m2 (thửa số: 2,4,5,12,22,26,28,29)

- Diện tích xây dựng trụ sở là: 8.298,3 m2 (thửa số: 12)
- Diện tích xây dựng nhà máy nước là: 8.303,9 m2 (thửa số: 29)
- Diện tích xây dựng trạm xử lý nước thải là: 8.264,7 m2 (thửa số: 2)
- Diện tích đường giao thông là: 68.940,5 m2 (thửa số: 5,22,26)
- Diện tích trồng cây xanh là: 4.804,5 m2 (thửa số: 4,28)

1.2. Diện tích giao quản lý là: 336.973,6 m2 (thửa số: 1,3,6,7,8,9,10,11,13,14,15,16,17,18,19,20,21,23,24,25,27)

- Diện tích đã cho nhà đầu tư thứ cấp thuê đất, hiện đang sử dụng là: 261.969,4 m2 (thửa số: 1,3,10,11,13,14,16,20,23)
- Diện tích đã thu hồi từ nhà đầu tư thứ cấp, giao cho Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh quản lý là: 21.373,0 m2 (thửa số: 6,17)
- Diện tích đã bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng xong là: 53.631,2 m2 (thửa số: 7,8,9,15,18,19,21,24,25,27)

2. Diện tích còn lại chưa hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là: 201.414,5 m2

- Ranh giới QH dự án được Phê duyệt theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La
- Ranh giới xin giao đất
- Đường giao thông hiện trạng
- Ranh giới thửa đất
- Đất đã cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê
- Đất đã thu hồi của các nhà đầu tư thứ cấp giao cho Ban QLDA các khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý
- Đất giao cho Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La để xây dựng hạ tầng
- Đất đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB, giao cho Trung tâm Dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La quản lý
- Đất giao thông(DGT)
- 10 Mốc quy hoạch, Mốc xin giao đất

Hệ toạ độ VN-2000 được: Đo nối từ điểm 101450

TỶ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

40m 20 0 40 80 120 160m

Ngày 12 tháng 12 năm 2024
Đơn vị đo đạc:
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH ĐOÀN GIA SƠN LA
Đoàn Xuân Thiêm

Ngày 12 tháng 12 năm 2024
Đơn vị kiểm tra:
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG THÀNH CÔNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thanh

Xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
UBND Xã Mường Bằng
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
CHỦ TỊCH
Lường Văn Dừi

Duyệt ngày 13 tháng 12 năm 2024
Sở Tài nguyên và Môi trường Sơn La
(Ký, ghi rõ họ và tên,đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 10./HĐKT
V/v vận chuyển rác thải sinh hoạt tại vị trí tập kết chất thải tại Khu công nghiệp Mai Sơn của đơn vị Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;

- Căn cứ vào nhu cầu khả năng giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31/12/2024 chúng tôi gồm có:

- Chủ đầu tư (Bên đặt hàng): Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La:

+ Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mai Sơn, Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

+ Điện thoại: (0212) 3851148 - Mã số thuế: 5500562408.

+ Số tài khoản: 4110.516.478 Tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Sơn La.

+ Do ông: Nguyễn Văn Mạnh

+ Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

- Nhà thầu (Đơn vị cung ứng các DVCI đô thị): Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La:

+ Địa chỉ: Số 07, đường Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

+ Điện thoại: 0212. 3857.186 - Mã số thuế: 5500217948.

+ Số tài khoản: 4110.388.686 Tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Sơn La.

+ Ông: Nguyễn Văn Quang - Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Khu công nghiệp Mai Sơn của đơn vị Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

Đặt hàng đơn vị vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Khu công nghiệp Mai Sơn của đơn vị Trung tâm Dịch vụ, Tư vấn và Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tỉnh Sơn La sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước năm 2025.

a. Số lượng, khối lượng đặt hàng

- Khối lượng theo thực tế nghiệm thu.

b. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

Đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và chất lượng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

c. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

d. Giá, đơn giá.

Giá dịch vụ: 4.818.000 đồng/tháng *(giá đã bao gồm VAT)*

e. Giá trị hợp đồng và hình thức hợp đồng.

Giá trị Hợp đồng: 12 tháng x 4.818.000đ/tháng = 57.816.000đ

Tổng cộng: = 57.816.000đ

Bằng chữ: (Năm mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)

- Hình thức hợp đồng: Thoả thuận công việc theo khối lượng thực tế.

f. Phương thức thanh toán, quyết toán.

- Thanh toán một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tháng 12 năm 2025. Bên A thanh toán cho Bên B ngay khi Bên B thực hiện xong khối lượng Hợp đồng, hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành theo tháng có xác nhận của 02 bên.

- Biên bản thanh lý hợp đồng.

- Hóa đơn cung ứng dịch vụ (Bộ Tài chính phát hành) theo quy định.

g. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

- Phương thức nghiệm thu: Có nhật ký vận chuyển do lái xe của nhà thầu và đại diện chủ đầu tư ký nhận từng chuyến.

- Bàn giao sản phẩm theo từng lần vận chuyển.

h. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu.

- Trong thời gian thực hiện công việc đến khi Chủ đầu tư không còn kinh phí để thanh toán cho Nhà thầu thì Nhà thầu có quyền dừng chở rác cho Chủ đầu tư và Chủ đầu tư không được khiếu kiện gì.

- Thực hiện đúng nội dung Chủ đầu tư yêu cầu tại khoản 1 điều 1 của hợp đồng này

- Đảm bảo công việc thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận.

- Cung cấp hóa đơn Tài chính cho bên A khi thực hiện thanh toán hợp đồng.

- Nhà thầu nhận vận chuyển và xử lý hết khối lượng rác trong thùng đựng rác đặt tại các điểm đặt (do hai bên cùng nhau thống nhất trước khi ký hợp đồng) bằng xe gom rác chuyên dùng, thời gian vận chuyển 07 xe gom/lần x 04 lần/tháng (52 lần/năm) vào các thứ 7 hàng tuần.

- Có nhật ký vận chuyển do lái xe của Nhà thầu và đại diện Chủ đầu tư ký nhận từng chuyến.

- Nhà thầu không có trách nhiệm lấy rác để ngoài thùng tại các điểm để thùng, các điểm đặt thùng không đúng quy định hoặc các điểm phát sinh không báo cho Nhà thầu.

i. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư (Bên đặt hàng).

- Tạo điều kiện thuận lợi để Đơn vị cung ứng các DVCI đô thị thực hiện công việc vận chuyển rác tại đơn vị được thuận lợi.

- Chủ đầu tư tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn bằng xe gom rác đẩy tay, tập kết thùng chứa rác về các vị trí do đơn vị quy định. Khi có các điểm phát sinh mới phải báo cho nhà thầu để tính khối lượng phát sinh mới.

- Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu không thực hiện đúng các nội dung đã ký trong bản hợp đồng này.

- Tiến hành nghiệm thu và ký xác nhận bằng văn bản khối lượng công việc Đơn vị cung ứng các DVCI đô thị đã hoàn thành tại đơn vị.

- Thực hiện thanh toán cho Đơn vị cung ứng các DVCI đô thị đúng thời hạn đã ký trong hợp đồng.

k. Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

<u>+ Trách nhiệm của bên A:</u>

- Chứa rác vào bao nilon hoặc bao tải cột kín miệng, thực hiện các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp, rác thải có thể gây cháy nổ.

- Nếu để xảy ra tình trạng rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt, bên B có quyền từ chối không thu gom rác thải ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc). Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom vận chuyển tương ứng với khối lượng một chuyến vận chuyển theo đơn giá hợp đồng.

- Địa điểm đặt thùng gom rác tại vị trí thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

- Thông báo cho bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh.

<u>+ Trách nhiệm của bên B:</u>

- Bố trí nhân sự, phương tiện đến thu gom rác thải sinh thải theo đúng thời gian đã thoả thuận và đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường vận chuyển rác về bãi chôn lấp rác thải của huyện.

- Bên B có thể từ chối thu gom hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát sinh loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và các loại rác không hợp pháp gây cháy,nổ, độc hại trộn lẫn trong thành phần rác sinh hoạt.

l. Phương thức giải quyết.

- Bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này bao gồm nhưng không hạn chế các vấn đề liên quan đến hình thức, thực hiện hợp đồng, vi phạm, hiệu lực hay bất kỳ nội dung của hợp đồng này sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng đàm phán giữa các bên trên tinh thần thiện chí, trung thực. Trong trường hợp, một bên không muốn hoặc các bên không thể giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp thương lượng, hoà giải trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên đồng ý đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền.

Điều 2: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng một trong hai bên cần thay đổi phải thông báo cho bên đối tác trước 05 ngày bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc thống nhất sửa đổi.

- Nếu có gì vướng mắc hai bên chủ động bàn bạc cùng giải quyết trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Trường hợp không giải quyết bằng thương lượng, hai bên đồng ý sự phân xử của tòa án kinh tế cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng lập thành 04 bản, Chủ đầu tư lưu 02, Nhà thầu lưu 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**
M.S.D.N: 5500217948 - CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ SƠN LA TP. SƠN LA T. SƠN LA	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA TRUNG TÂM DỊCH VỤ, TƯ VẤN VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SƠN LA
Nguyễn Văn Quang	**Nguyễn Văn Mạnh**